N° 170 Mars 1932

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

HỒN CỦA CHỦNG-TỘC (1)

Nhân bác-sĩ GUSTAVE LE BON (2) mới tạ-thế, tôi có đọc lại mấy quyển sách của nhà triết-học có đặc-sắc đó, là một người vừa có tư-tưởng mạnh, vừa có kiến-thức rộng. Ở một thời-đại đạo-đức suy-vi, trí-thức loạn-tạp như đời nay, cái bài học của một người biết tư-tưởng một cách mạnh-mẽ và đứng-đắn, thật là một phương thuốc hay và một cách phòng-bị tốt không gì bằng.

Bài học đó, đã lâu nay tôi vẫn được nhờ bác-sĩ ban cho, nhờ tác-giả sách « Tâm-lý quần-chúng » cùng vô-số những sách khác vừa thâm-trầm, vừa súc-tích, khiến cho phải suy-nghĩ đến những vấn-đề rất khó-khăn về sự tiến-hóa của các văn-minh cùng các dân-tộc. Mà bài học đó, tôi tiếp-nhận một cách ân-cần, vì khác nào như đem phép khoa-học mà chứng-giải cho mấy cái tư-tưởng tự tôi đã nghĩ đến từ trước, nay lại thấy diễn ra trong sách bằng một cách lý-luận mạnh-mẽ vô-cùng, hay tóm-tắt lại bằng những câu cách-ngôn rõ-ràng đích-xác.

Thấy những tư-tưởng của mình chất-chứa xưa nay, do một bậc đại-trí đã từng trải cả các môn học, xướng-lập thành phép-tắc khoa-học, thời đối với một kẻ vẫn muốn nhờ sự học-vấn cùng sự kinh-lịch để tìm lấy phương-pháp cư-xử ở đời, còn gì hưng-khởi và khoái-trá bằng !

Vậy tôi có đọc lại thứ nhất là quyển sách nhỏ của bác-sĩ đề là « Luật tâm-lý của sự tiến-hóa các dân-tộc » (*Lois psychologiques de l'évolution des peuples*), sách này cùng với sách « Tâm-lý quần-chúng » (*La Psychologie des foules*) đã từng dịch ra đến hơn mười thứ tiếng, tiếng Ả-rập, tiếng Thổ-nhĩ-kỳ, tiếng Ấn-độ, tiếng Nhật-bản, cũng như tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Ý, tiếng Thụy-điển. Coi đó thì biết quyển sách giáo-khoa về tâm-lý các chủng-tộc đó, đã có ảnh-hưởng trong khắp thế-giới biết bao nhiêu !

Ảnh-hưởng đó là chánh-đáng lắm, vì quyển sách nhỏ kia xuất-bản từ năm 1894 có nhiều điều hay, dân-tộc nào cũng có thể lợi-dụng cho mình được. Mà từ đấy đến nay, cái hứng-vị nó vẫn không giảm đi chút nào. Trái lại : những việc xảy ra về sau, nhất là cuộc đại-chiến Âu-châu, cùng những chủ-nghĩa xã-hội và cộng-sản truyền bá ra trong thế-giới, thật đã nhất-nhất in như lời dự-đoán của tác-giả vậy.

Vì những lời dự đoán đó là có căn-cứ cả, nhân tác-giả nhiều lần du-lịch ở những xứ đã kinh-qua mấy cuộc phế-hưng trong lịch-sử văn-minh, nghiên-cứu kỹ-càng và có phương-pháp, rồi mới phát-khởi ra.

Dân-tộc cũng như người ta, có sinh ra, có sống, rồi có chết, và sự tiến-hóa

(1) Xem pháp-văn ở phần Phụ-trương.

(2) Xem bài « Một nhà học-giả trứ-danh đời nay : Bác-sĩ GUSTAVE LE BON », N.-P. số 169.

đó là phải theo những nguyên-nhân về tâm lý, gồm lại có thể gọi là hồn của dân-tộc vậy. Những nguyên-nhân đó hành-động không khác gì những phép-tắc tuyệt-đối, cần phải biết, nếu không thì có phương-hại đến sự sinh-tồn của xã-hội.

Phát-minh những phép-tắc ấy ra, chứng-giải cho biết nó cần-thiết là đường nào, đó là cái mục-đích của bác-sĩ GUSTAVE LE BON đã chuyên-chủ trong sách này.

Ông nói rằng : « Sự sinh-hoạt của một dân-tộc cùng những biểu-tượng của văn-minh dân-tộc ấy, chẳng qua là sự phản-chiếu của cái hồn trong dân-tộc ấy, là cái dấu-hiệu rõ-ràng của một vật không trông thấy, mà nó có thực. Những việc xảy ra ở ngoài, chẳng qua là biểu-diện của cái giường-mối u-ẩn nó làm nguyên-nhân ở bên trong vậy. »

Vậy thời có một cái «hồn của chủng-tộc» (*âme des races*) nó làm gốc cho mọi sự sinh-hoạt của chủng-tộc về đạo-đức, trí-thức, xã-hội, chính-trị, làm cái cốt-cách tinh-thần cho chủng tộc, khiến cho đặc-biệt với các chủng-tộc khác, và chính là bởi cái thể-cách về tâm-lý của chủng-tộc mà thành ra. Thể-cách này là riêng cho từng chủng-tộc một, cũng như hình-thể người như màu da hay như tầm người vậy.

Nói một cách tuyệt-đối thì không có chủng-tộc nào là thuần-túy cả, trừ ở những giống còn mọi-rợ thì không kể. Phần nhiều những «giống văn-minh ngày nay là những giống huộc về lịch-sử» (*races historiques*), nghĩa là qua đời nọ sang đời kia, do các giống pha lộn với nhau mà thành ra, hoặc bởi xâm-lấn nhau, bởi di-dân hay bởi chinh-phục. Nhưng vì đã cùng nhau ở lâu đời, cùng theo cách-thức sinh-hoạt như nhau, nên tạo-thành ra tính-cách riêng, đời đời di-truyền tích-lũy, không di-dịch nữa, thành ra cái « mẫu dạng» (*type*) đặc-biệt của một dân-tộc.

Tác-giả nói : « Thể-cách tâm-lý của một giống, không những là gồm những người hiện còn sống của giống ấy, là nhất là gồm cả những tổ-tiên đã đã tạo ra giống ấy nữa. Trong cuộc sinh-tồn của một dân-tộc, không phải người sống, chính là người chết chiếm một địa-vị to vậy. Tạo ra luân-lý, là chủ-động cho sự hành-vi của người sống, chính là người chết đó. »

Vậy thời phàm đoàn-thể nào của loài người ta đã sinh-tồn được lâu cũng thành như một cái khối thuần nhiên, có một cuộc sinh-hoạt của những tính-cách riêng. Gây ra khối những bởi các lớp người hiện-tại, mà lại nhất là bởi biết bao nhiêu lớp người quá-khứ, nên cái nền gốc nó vững vàng, nó chắc-chắn, không có thể thay không sao mà sống cho bền được. Nền gốc ấy không thể tùy người ta hay tùy chế-độ mà thay đổi được. Nó là cái tính-cách như những phép-tắc nhất định về tâm-lý, nếu không biết mà lại trái lại thời trong cuộc sinh-hoạt của đoàn-thể tất sinh ra biến, có thể là cho suy-đồi lụn-bại vậy.

Tác-giả nói : « Vậy thời trong lịch sử một dân tộc, không phải là sự ngẫu nhiên, không phải là những cơ-hội bên ngoài, và nhất là không phải là chế-độ về chính-trị, chiếm cái địa-cốt-yếu. Chính là tính-cách của dân tộc đó. »

Tính-cách của dân-tộc là do sự di-truyền mà thành ra, cũng phải nhờ sự di-truyền mới đổi được. Đem những phong-tục, chế-độ, tư-tưởng, tín-ngưỡng của một dân-tộc nọ sang dân tộc kia mà mong biến đổi được tính của dân-tộc ấy đi, thì thật là mơ tưởng quá. Dù có thay đổi được, chỉ ngoài mặt mà thôi, chỉ đổi được phần phụ-thuộc trong tâm-tính mà thôi chứ không sao đổi được phần cốt-cách

Tỉ như sự học, chỉ có ảnh hưởng đến trí-tuệ, chứ ít có ảnh-hưởng đến tính-cách. Nay trong đời một dân-tộc, phần trí-tuệ chỉ là phần phụ-thuộc, phần tính-cách mới là phần cốt-yếu. Phàm tiến-bộ về trí-thức mà không có tiến-bộ về đạo-đức, về tính-cách, thì là hư-không hão-huyền cả. Mà tiến bộ về đạo-đức thì vẫn là châm-chạp lắm, vì muốn cho thực, phải đổi được tính-cách mới được ; phải có công-phu kiên-nhẫn, phải liên-tiếp luôn, thường thường chuyên-chủ về một mục-đích nhất-định, và lại phải nhờ đến sức di-truyền mới có thể vững bền được hẳn.

Tác-giả nói : « Một dân-tộc muốn bước cao lên trên cái thang văn-minh, phải thong-thả, lần lần từng bậc một. Muốn mượn cách dạy học cho giỏi để cho bước gấp được lên mau, thời chỉ đủ phá mất cái cơ-thể tinh-thần của dân-tộc ấy đi, mà rút cục lại hạ xuống một cái trình-độ thấp hơn là trình-độ trước đã tự mình bước tới vậy. »

Vì không có cái gì khổ-hại cho một dân một nước bằng để cho giải-tán mất cái cơ-thể tinh-thần (*structure mentale*) của mình, tức là cái hồn của mình vậy. Hồn đó phải mấy trăm năm mới đề-tạo ra được, mới nhận-chân mình được, nhưng chỉ trong một thời-gian rất ngắn có thể giải-tán ra được ngay. Đã giải-tán rồi thì là suy-đồi hẳn, không thể vãn-hồi được nữa

Những điều đó là lẽ thực hiển-nhiên, người ta thường quên không để ý đến, nhất là về chính-trị, hay thiên về những cái thuyết đồng-hóa, tưởng rằng những chế-độ về chính-trị có cái sức tuyệt-đối cải-hóa được các dân-tộc.

Tác-giả nói : « Có một cái ảo-tưởng nguy-hiểm, là tin rằng chính-thể cùng hiến-pháp có thể thay đổi được vận-mệnh một dân một nước. Vận-mệnh một dân-tộc là ở tự mình, không phải ở những cơ-hội bên ngoài. Công-việc của một chính-phủ chỉ là phải diễn-xuất những tính-ý của quốc-dân mình cai-trị mà thôi. Thường thường chính-phủ là hình-ảnh của quốc-dân. Không có chính-thể nào, không có chế-độ nào có thể nói là tuyệt-đối hay hay là tuyệt-đối dở được. Chính-phủ của vua nước *Dahomey*, đối với dân nước ấy, chắc là hay là tốt lắm, mà đem cái hiến-pháp rất hoàn-toàn của một nước Âu-châu thi-hành ở nước ấy thì có lẽ lại dở quá. Thế mà khốn thay, nhiều các nhà chính-trị vẫn không hiểu điều đó, tưởng chính-thể là một vật đem xuất-cảng được, tưởng các thuộc-địa có thể cai-trị bằng những chế-độ của mẫu-quốc được . . . »

Vậy thời phàm chủng-tộc, hoặc là bởi thiên-nhiên, hoặc là bởi lịch-sử mà thành ra, chính là những bản-vị tuyệt-đối (*unités irréductibles*), không thể đem cái nọ hóa theo cái kia được, không thể mượn phong-tục, tập-quán, văn-chương, chế-độ, tôn-giáo, mĩ-thuật của nhau được. Những phần-tử văn-minh đó chẳng qua là biểu-tượng của cái hồn chủng-tộc cả. Mà hồn của chủng-tộc thời là vững-vàng, bất-di bất-dịch ; có tiến-hóa là do sự phát-đạt ở bên trong, chứ không phải do những duyên-cớ ở bề ngoài. Nhưng hồn ấy, thành-lập thì lâu, mà giải-tán tiêu-một đi thì chóng lắm. Mà dân-tộc nào đã không biết duy-trì lấy cái quốc-hồn của mình thì dân-tộc ấy đến lụn-bại.

Nay cái quan-niệm về chủng-tộc như vậy, có phải hơi hẹp-hòi một chút không ? Chẳng hơi trái ngược với lịch-sử dư ? Vì xét lịch-sử chẳng thường thấy giống nọ pha lẫn với giống kia mà tạo-thành ra chủng-tộc mới đó dư? Nếu theo cái quan-niệm đó thì chẳng thành ra một cái «chủng-tộc chủ-nghĩa» (*racisme*) cứng-cỏi, khiến cho giống nọ phản-đối với giống kia, ngăn-trở cho các dân-tộc không đề-huề, không hiệp-tác với nhau được dư ? Theo cái quan-niệm đó, chẳng là kết án cái sự-

nghiệp khai thuộc-địa của các nước Âu-châu dư? Sự-nghiệp này không phải là không có phần lợi-ích, muốn nâng cao cái trình-độ của các thuộc-dân cho dần-dần được ngang bằng dân mẫu-quốc, vì trong việc khai thuộc-địa, muốn cho có lẽ chánh-đáng về đạo-đức, thì người khai-thác trước nhất phải là người giáo-dục vậy.

Tuy những lời bác-bẻ đó không phải là không có lý, nhưng những phép-tắc tâm-lý làm chủ cho sự tiến-hóa của các dân-tộc mà bác-sĩ Gustave Le Bon đã nghiên-cứu ở sự thực mà phát-biểu ra, cũng vẫn là có giá-trị tuyệt-đối vậy. Thế-giới cùng lịch-sử sở-dĩ từ xưa đến nay xảy ra biết bao nhiêu cái thảm-kịch đảo-điên lưu-huyết, cũng là chỉ vì không biết đến những phép-tắc đó thôi. Vẫn biết rằng đời nọ sang đời kia, thường thấy tạo-thành ra các chủng-tộc mới, nhưng mà gây-dựng ra được bao giờ cũng phải mấy mươi thế-kỷ, vì tạo ra một cái tính di-truyền mới để thay vào cái tính di-truyền cũ phải lâu đời lắm mới thành. Và mỗi lần phải nhiều điều-kiện đồng-thời hành-động về một phương diện như nhau, trong một thời-gian khá dài mới được : như người hai giống cùng ở với nhau trong một hoàn-cảnh, có cái di-truyền gần tương-tự với nhau mà số người cũng ngang bằng nhau,— đây là cái trường-hợp thường hơn cả, —hay là người thổ-dân còn mộc-mạc kém hèn không thể chống lại được, không thể thích-hợp được mà bị giống khác xâm-lược, hoặc tiêu-diệt, hoặc đồng-hóa đi mất...Nhưng bao giờ cũng phải lâu đời lắm mới gây ra được một cái tính di-truyền mới, tức là một cái hồn mới, thời chủng tộc mới bấy giờ mới là thành. Nếu không vậy thời chỉ gây ra một « giống lai-căn » *race de métis*), không có nghị-lực, không có ý-chí, không có đạo-đức, không có cơ-thể tinh-hồn nhất-định, không có tính-cách, không có hồn vậy. Một giống như vậy thời không thể sống được, chỉ là một cái quái-vật về tâm-lý (*monstruosité psychologique*).

Vậy thời hồn của chủng-tộc không phải là một tiếng nói hư-không ; chính là một bản-thể tuyệt-đối, là một cái thực thể có sinh-hoạt, làm chủ cho cả sự tiến-hóa của dân-tộc. Sự tiến-hóa này, muốn cho tuần-tự, cho hợp-cách, thời phải theo mệnh-lệnh của cái hồn đó mới được. Nếu mà sai, thì thành ra nguy-hiểm hỗn-độn ngay.

Khi đã biết rằng một dân một nước phải bao nhiêu công-phu khó-nhọc mới tạo-thành được một cái cơ-thể tinh-thần đủ cho đoàn-thể có sức kết-hợp mạnh để mà sống lâu giàu bền được, lại biết rằng cơ-thể ấy mà giải-tán, mà phá-hoại đi thì dễ thì mau biết dường nào, biết như vậy thì tất là cẩn-thận vô-cùng, không dám khinh-thường mà can-thiệp đến cái cuộc đời thâm-trầm mầu-nhiệm của dân-tộc đó.

Nói như vậy có phải là nói rằng các giống người từ nay tuyệt-nhiên không thể thông đồng với nhau được, tất-nhiên phải coi nhau như cừu-địch, không thể nào mà thấu-hiểu lẫn nhau, đem những cái hay cái tốt mà ảnh-hưởng lẫn nhau, tức là trao đổi tinh-thần cùng văn-hóa cho nhau được không ?

Không phải thế. Nước nào đã tới một trình-độ văn-minh khá cao, thời cũng có một hàng thượng-lưu, có thể thâu-nạp được những ảnh-hưởng tốt của ngoài.

Các giống người trao-đổi tinh-thần cho nhau là bằng hạng thượng-lưu đó, mà cũng chỉ trao-đổi trong cõi tri-thức mà thôi. Muốn cho những cái ảnh-hưởng ngoài đó vào được trong cõi tâm-hồn mà biến đổi được tính-cách của dân-tộc, thời phải nhờ đến cái công-dụng thâm-trầm của thời-gian, bao giờ cũng là lâu dài lắm.

Hồn của chủng-tộc chính là một cái hầm sâu, cái hang thẳm, một nơi thành-quách kiên-cố, phải lấy cái cảm-tình êm-ái, lấy sự khuyến-dụ ôn-hòa mới có thể lần-lần bước vào được, chứ quyết là không thể dùng võ-lực hay dùng bạo động mà vào được.

PHẠM QUỲNH

HỒN CỦA QUẦN-CHÚNG

Tôi đã tán-dương cái sự-nghiệp trước-tác của bác-sĩ GUSTAVE LE BON mà vừa nói về « Hồn của chủng-tộc » theo sách ông đề là « Luật tâm-lý của sự tiến-hóa các dân-tộc ». Nay lại muốn phát-huy thêm cái sự-nghiệp ấy ra mà bàn về « Hồn của quần-chúng » theo một quyển sách nữa của ông, cũng trứ-danh như quyển trên, đề là « Tâm-lý quần-chúng » (*Psychologie des foules*).

Nhà triết-học giả mới tạ-thế kia, có thể cho là người đại-biểu cuối cùng của phái « bách-khoa bác-học » (*encyclopédistes*) đời xưa. Trong cái sự-nghiệp trước-tác rất phong-phú của ông, hai quyển sách nhỏ vừa nói trên đó, thật đã làm cho ông nổi danh khắp thế-giới. Vì ông đã biết khéo tóm-tắt lại một cách giản-dị cho ai nấy dễ hiểu những điều ông suy-nghĩ về những sự quan-sát cùng sự du-lịch của ông trong bấy lâu, khác nào như tự mình làm « phổ-thông » (*vulgarisateur*) cho tư-tưởng của mình vậy. Bởi thế nên mấy quyển sách đó được ngoại-quốc hoan-nghênh lắm, cho đến những nước xa xôi ở cõi Đông-phương cũng vậy. Vì có một cách làm cho tư-tưởng phổ-thông mà không làm cho hẹp-hòi đi, không biến thành một bài học trường sơ-đẳng, lại khuếch-trương cho rộng-rãi ra, cai-quát cho gồm đủ cả, rồi biểu-dương cái phần cốt-yếu, khiến cho những người chủng-loại khác, tâm-lý khác cũng có thể hiểu được. Sách của bác-sĩ GUSTAVE LE BON thật là tiêu-biểu cho cái cách « phổ-thông » cao-thượng đó. Muốn cho người An-Nam biết tư-tưởng của Âu-Tây, phải nên truyền-bá bằng cách phổ-thông như vậy mới được.

Chủng-tộc có hồn của chủng-tộc, thì quần-chúng cũng có hồn của quần-chúng. Chủng-tộc chẳng qua là một đám quần-chúng đã cùng nhau ăn-ở lâu đời, di-truyền thành ra đặc-tính, khác hẳn với các chủng-tộc khác. Chủng-tộc lúc mới đầu là quần-chúng, đến lúc suy-đồi, là lúc cái cơ-thể tinh-thần giải-tán, lúc đã mất đặc-tính đi rồi, bấy giờ lại trở về quần-chúng. Nhưng chính quần-chúng cũng có một cách sinh-hoạt riêng, sinh-hoạt trong nhất-thời mà thôi, nhưng cũng hăng-hái mà nhiều khi cũng mãnh-liệt lắm. Chính quần-chúng làm ra các cuộc cách-mệnh, khởi ra các phong-trào bình-dân đánh đổ các chính-phủ và làm cho đảo-điên các dân-tộc. Quần-chúng là nguồn gốc những sức mạnh ngầm nó u-âm ở trong các chủng-tộc, gặp lúc khủng-hoảng thời phát ra, như phát ban phát nhiệt ở thân-thể người, làm cho thân-thể nóng sốt mà thành ra yếu mệt đi. Vậy thời quần-chúng là một cái nguyên-lực mạnh trong cuộc sinh-hoạt của các dân-tộc, đời nào cũng vậy, duy ở các xã-hội nghiêm-khắc đời xưa thời sức mạnh ấy dẫu nhiều khi vẫn kịch-liệt lắm, nhưng thường thường thì tiềm-tàng mà chỉ phát ra có lúc mà thôi, chứ ngày nay thì đứng dầu hết thảy, khiến cho có

thể nói rằng thời-đại này quả là thời-đại của quần-chúng cũng không phải là nói ngoa vậy.

Vả lại sự thực hiển-nhiên đó: quần-chúng ngày nay là chúa-tể hết thảy, thuộc về giới nào, trong phạm-vi nào, cũng thấy cái quyền chuyên-chế của số nhiều, đối với số nhiều thì dù người có giá-trị, có kỹ-năng, cho đến có thiên-tài lỗi-lạc nữa, cũng phải chịu thua vậy. Tình-cảnh ấy, hoặc có thể phàn-nàn cho là sự không hay, nhưng không thể không nhận là quả-nhiên như vậy, vì chính đó là một cái đặc-tính trong cuộc tiến-hóa của thời-đại này. Hết thảy các xã-hội ngày nay, cho đến những xã-hội rất chặt-chẽ, rất nghiêm-chỉnh, cũng xoay về mặt bình-dân cả, nghĩa là cho quần-chúng một cái địa-vị quan-trọng tự cổ lai chưa từng có bao giờ. Khổng phu-tử dạy rằng: « *Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi* », dân chỉ khiến cho theo, không khiến cho biết được, nghĩa là không thể hiểu biết mà chủ-trương cai-quản được; ngày nay thì thật khác với lời nói đó nhiều lắm. Ở khắp các nước văn-minh trong thế-giới bây giờ, đều là dân chủ-trương cai-quản cả, dân cho là toàn-trí toàn-năng, vì dân có quyền chúa-tể (*le peuple souverain*).

Tự quyền chúa-tể của bình-dân (*souveraineté du peuple*), rồi dần dần tiến đến quyền độc-tài của lao-động (*dictature du prolétariat*), nghĩa là quyền chuyên-chế của cái phần thấp nhất trong bình-dân, cái phần hèn nhất trong quần-chúng, ấy con đường tiến-hóa của các xã-hội đời nay như vậy. Nếu lời nói rằng phàm chủng-tộc suy-đồi mới quay về quần-chúng là lời nói phải, thì có lẽ nhân-loại ngày nay là suy-đồi chăng, cho nên những chủng-tộc lớn trong loài người đều thấy bày ra cái cảnh-tượng lìa-tan cả, càng ngày càng như xô-đẩy vào cái cõi hỗn-độn những quần-chúng đời cổ-sơ như vậy? Vì rằng trong xã-hội, trong chủng-tộc mà những phần cặn-bã những phần nặng-đục ở bên dưới xô lộn cả lên trên, làm cho tràn ngập mất cả cái phần khinh-thanh tốt-đẹp của mấy mươi đời đã gây dựng nên, như vậy không thể cho là khang-cường, là tiến-bộ được. Hay là hiện nay đương phôi-thai ra một cái nhân-loại mới chăng, cho nên bao nhiêu nền-tảng của các xã-hội cũ, như lung-lay mất cả, mà cái biểu giá-trị (*table des valeurs*) xưa cũng đảo-ngược cả, như trước lấy vững-vàng chắc-chắn, có trật-tự trên dưới, có liên-tiếp trước sau, có thống-hệ, có kỷ-luật làm hay, mà bây giờ cho những cái tư-tưởng đó là quá cũ mất cả rồi?

Dù thế nào mặc lòng, hiện nay là chúng ta phải phụng-sự cái số nhiều và làm tôi cho quần-chúng vậy.

Vậy thời cái ông chủ mới ta phải thờ, hiện ra chi-phối cho vận-mệnh ta, là quần-chúng đó, cách cư-xử hành-động như thế nào?

Đó là cái vấn-đề mà bác-sĩ Gustave Le Bon định nghiên-cứu trong sách «Tâm-lý quần-chúng». Trước kia ông phân-tích về hồn của chủng-tộc một cách đích-xác và có phương-pháp là đường nào, thời nay ông cũng khảo-sát về hồn của quần-chúng như vậy, ông bày tỏ những cơ-quan làm chủ-động cho quần-chúng, tả ra cái hồn đó nóng-nẩy thật-thà, sốc-nổi bạo-tợn, nhẹ dạ dễ tin mà ngoan-mê cố-chấp, không biết cảm lý-trí, không biết đường suy-luận, nhưng có thể nhiệt-thành hăng-hái, cổ-võ dũng-dược, gặp những cái ảo-tưởng nó mơn-man cái dục-tình yêu ghét trong một lúc, thời đến hi-sinh mình đi cũng chẳng từ vậy.

Cái ông chủ chúng ta phải thờ đó là một ông chủ tuyệt-vô ý-thức và rất dễ ngông-cuồng, không thể mưu-tính được những việc xa-xôi thâm-trầm, chỉ hành-động theo sự kích-thích nhất-thời, vậy mà lâm-thời cũng chuyên-

hoạnh, cũng áp-chế chẳng kém gì ông quân-chủ rất chuyên-chế vậy. Tuy-nhiên nếu biết cái tâm-lý riêng của hắn, thời cũng dễ hiểu những duyên-cớ hành động của hắn thế nào, bấy giờ thời làm ra mặt thuận theo hắn,— vì cưỡng lại hắn cũng vô-ích, — mà lâm-thời có thể sử-linh hắn cũng được vậy.

Cái tâm-lý đó ta đã biết nó cũng giản-dị, không khó hiểu gì. Hồn của quần chúng là cái hồn phất-phơ bất-định, nhưng khi hành-động thời có thể cực-kỳ kịch-liệt, càng vô-ý-thức lại càng kịch-liệt lắm, vì phàm sức mạnh chân-chính là ở chỗ vô-ý-thức hết cả.

Nay cứ theo bác-sĩ tả cái tính-cách chung của quần-chúng như sau này, vì quần-chúng của giống nào, ngoài tính-cách chung, lại có những tính-cách riêng thuộc về giống đó nữa.

Quần-chúng thường thời chỉ là một đám đông người mà thôi, không có quan-hệ gì, vì vốn nó rời-rạc, không thể cử-động được. Chỉ có quan-hệ là khi nào có hành-động hay có phản-động, khi đó thời là quần-chúng có tổ-chức (*foule organisée*), hay quần-chúng có tâm-lý (*foule psychologique*) vậy. Phàm quần-chúng có tâm-lý thì bao nhiêu ý-tưởng tâm-tình của cá-nhân khuynh-hướng cả về một đường, mà cái tính-cách đặc-biệt của cá-nhân tiêu-tán đi mất. Những cá-nhân ấy có lẽ là những người lỗi-lạc phi-thường, nhưng khi sáp-nhập vào quần-chúng thời mất hẳn cái nhân-cách đặc-biệt của mình đi, mà cũng hỗn-hợp vào trong cái hồn chung của quần-chúng, thành như những phần-tử vô-danh của quần-chúng vậy.

Quần-chúng bao giờ cũng bị cái vô-ý-thức nó chi-phối. Đặc-tính của quần-chúng là cái đời trí-não (*vie cérébrale*) biến đi hẳn, mà cái đời tủy-chất (*vie médullaire*) thắng-đoạt cả, nghĩa là không sống bằng óc nữa mà sống bằng tủy cả, trí-tuệ suy-sút hẳn, mà tình-cảm biến-hóa hết. Tình-cảm đã biến đi thời không giữ mực thường nữa, nhiều khi kích-động đến cực-điểm, tùy sự kích-thích nhất-thời hay sự xui-giục của kẻ chủ-động, mà có khi hay thời hay vô-hạn, có khi dở thời cũng dở đến vô-cùng, nghĩa là không còn có điều-độ gì nữa. Bởi thế nên quần-chúng có khi làm nên sự-nghiệp anh-hùng, cũng có khi làm nên đại-nghịch đại-ác, dung-dị như thường vậy. Vả lại khi nói rằng quần-chúng phạm tội ác, là chỉ phạm tội đối với pháp-luật mà thôi, đối với chế-độ cùng trật-tự đương-thời mà thôi, chứ tâm-lý thượng thời không cho là phạm tội được, vì quần-chúng dẫu những khi làm tệ làm quá, bao giờ cũng tưởng là mình vì một cái chủ-nghĩa cao mà làm, chứ không có lập-tâm làm ác bao giờ, bao giờ cũng là tận-tụy vì một cái ý riêng nhất-định của mình vậy.

Làm sao mà truyền cho quần-chúng một cái ý-tưởng nhất-định, rồi kết-tinh cả các cái sức mạnh của bản-năng vào quanh cái ý-tưởng đó, tập-hợp cả cái sức ngầm vô-ý-thức vào đó, ấy cái bí-thuật để sử-linh quần-chúng là ở đó. Nhưng ý-tưởng đó không thể là một ý-tưởng vô-hình được; ý-tưởng cao-xa cũng như lý-luận huyền-diệu, không thể cảm được quần-chúng Muốn cho ý-tưởng thành một cái động-cơ mạnh cho quần-chúng, thời phải giản-dị, rõ-ràng, và phải biến thành tình-cảm, hiệu-triệu được những cái sức mạnh của tâm-tình nó ngầm-ngầm ở trong bản-năng hay trong chủng-tộc, khêu gợi cái trí tưởng-tượng, cái lòng ham những chuyện huyền-hoặc hay cái gốc mê-tín tôn-giáo, — dù là phản-đối với tôn-giáo mặc lòng, — nó vẫn tiềm-tàng ở trong hồn mơ-màng của chủng-tộc vậy.

Vì quần-chúng bao giờ cũng cần phải thờ một vị thần nào. Vị thần ấy không tất-nhiên phải là một vị thần về tôn-giáo, và thời-đại ta này xem ra cũng không thể tạo được thần-thánh cho lâu bền; thần ấy có khi là một người, một cái ý-tưởng, một cái chủ-nghĩa về chính-trị hay về xã-hội. Xem như chủ nghĩa cộng-sản, — hồi Gustave Le Bon soạn quyển sách của ông thì ông chưa biết cái chủ-nghĩa này, nhưng ông xét chủ-nghĩa xã-hội là một cái trạng-thái ôn-hòa của chủ-nghĩa cộng-sản thời cũng đã dự biết cái mãnh-lực nó thế nào rồi, — xem gương cộng-sản thời biết một cái chủ-nghĩa kích-thích đến dục-tình của quần-chúng, thời đối với quần-chúng có cái sức cảm mạnh là dường nào, khiến được cho người ta mê-tín như mê-tín đạo vậy, xui-giục cho làm nên những cuộc cách-mệnh dữ-dội, đảo-điên cả nền-gốc của các xã-hội cùng các dân-tộc vậy.

Quần-chúng vẫn cấp-táo, hay đổi ý-kiến, hay dễ kích-động, hay quá tin và dễ cám-dỗ, lại ngoan-mê mà hay cố-chấp, thật-thà mà hay thủ-cựu, dù khi phát cuồng lên mà làm cách-mệnh cũng vậy, duy có điều này là không hề vị-lợi mà hành động bao giờ, chứ cá-nhân thì nhất-thiết vì tư-lợi hết cả. Quần-chúng hơn cá-nhân, là nhiều khi có cái đức đại hỉ-xả mà làm nên những việc đại-nghĩa. Bởi thế nên tuy trí-tuệ của quần-chúng có kém trí-tuệ của cá-nhân, nhưng đạo-đức của quần-chúng thời thường-thường là cao hơn, và dù khi phạm tội-ác nữa, thời như trên kia đã nói, chỉ phạm tội về pháp-luật-thượng, chứ không phải tâm-lý-thượng, vì bao giờ cũng là chủ một cái ý-tưởng hay một cái chủ-nghĩa gì, phải hay quấy, dở hay hay, lợi hay hại, cái đó không nói chi, chỉ biết là vì nghĩa chứ không vì lợi; vả lại nói chuyện mưu-tính lợi-hại thì quần-chúng vẫn là vụng-về vậy.

Tác-giả nói: «Nếu sự nhẫn-nhục hỉ-xả, tận-tụy thờ một cái chủ-nghĩa, bất-luận là chủ-nghĩa hư-huyền hay chân-chính, là những đức-tính tốt, thời có thể nói rằng những đức-tính ấy quần-chúng có khi giàu hơn là nhiều bậc hiền-triết rất đạo-đức đời xưa đời nay vậy. Vẫn biết rằng những đức-tính đó quần-chúng thi-hành một cách vô-ý thức, nhưng chẳng hề chi. Nếu quần-chúng cũng biết suy hơn tính thiệt, biết thiết-tha đến sự lợi-ích nhỡn tiền, thời có lẽ không có văn-minh nào phát-đạt được trên mặt địa-cầu này, mà nhân-loại sẽ không có lịch-sử vậy.»

Vậy thời quần-chúng tuy cũng có nhiều cái tính xấu, tuy vẫn phạm nhiều điều tệ lớn, nhưng không phải là bao giờ cũng đáng trách. Một cái sức mạnh thiên-nhiên, không có ai trách nó bao giờ; vẫn phải chịu nó, và tìm cách thu lấy nó để lợi-dụng. Nay quần-chúng vốn là vô-ý-thức và có sức mạnh, cũng là một cái mãnh-lực thiên-nhiên, xưa nay vẫn bị cái đê cổ những phép-tắc cùng kỷ-luật của xã-hội ngăn-cản lại, nhưng ngày nay nó muốn bành-trướng ra mà tràn ngập hết cả.

Nếu quần chúng đắc-thế là cái dấu-hiệu của xã-hội suy-đồi, hay là lấy con mắt lạc-quan mà xem xét, cho là cái dấu-hiệu của các dân-tộc sắp đến ngày đổi mới, thời đó cũng là một bước đường tất-nhiên trong cuộc tiến-hóa của loài người. Phàn-nàn mà chê-trách cũng vô-ích, vì là tình-trạng tất-nhiên, không thể tránh được. Phải nên công-nhận cũng như công-nhận một lẽ tiền-định của thiên-diễn vậy.

Vả lại, quần-chúng bao giờ cũng là uyên-nguyên tự chủng-tộc. Hồn của quần-chúng là lẫn với hồn của chủng-tộc, và thường là phát-biểu những mối hoài-vọng thâm-trầm, cùng những sự cần-thiết u-ám của chủng-tộc, mà phát-

biểu một cách mạnh-bạo, hỗn-độn vậy. Bởi thế nên quần-chúng có sức mạnh. Vì quần-chúng mà ô-hợp những người khác giống với nhau, thời chỉ là cái quần-chúng nhân-tạo, không có kết-hợp và không có mãnh lực. Chỉ khi nào là người cùng một giống thời mới là quần-chúng chân-chính, mới là quần-chúng có tâm-lý, có động-lực, mới quan-hệ cho ta mà thôi.

Thành ra cứu-cánh lại trở về cái quan-niệm cốt-yếu về chủng-tộc, là cái quan-niệm chủ-trương hết thảy, và có thể cùng GUSTAVE LE BON kết-luận một câu rằng: « Người ta, dù đơn-cử từng người hay họp thành quần-chúng, bao giờ cũng do cái hồn của chủng-tộc nó sai khiến, hồn ấy là gồm cả những di-tích của tổ-tiên để lại. Một là chủng-tộc, hai là lẽ tất-nhiên hằng ngày nó ràng-buộc ta, ấy đó là hai vị chủ-động u-âm chế-ngự cuộc vận-mệnh của ta vậy.»

Thế thì rút cục lại hồn quần-chúng cũng là gặp-gỡ với hồn chủng-tộc vậy.

PHẠM QUỲNH

TRÍCH-DỊCH VĂN CỦA GUSTAVE LE BON

Kỳ trước (N.-P. *169*) *đã dịch mấy đoạn văn trích ở sách «Phép-tắc tâm-lý của sự tiến-hóa các dân-tộc» của bác-sĩ* GUSTAVE LE BON. *Kỳ này lại trích dịch mấy đoạn trong sách «Tâm-lý quần-chúng». Hai bộ sách đó là hai bộ phổ-thông nhất trong sự-nghiệp trước-tác của bác-sĩ, có thể tiêu biểu cho cả tư-tưởng học-thuyết của bác-sĩ.*

. . .

L'action inconsciente des foules se substituant à l'activité consciente des individus représente une des principales caractéristiques de l'âge actuel.

Sự hành-động vô-ý-thức của quần-chúng thế vào cái sức hoạt-động có ý-thức của cá-nhân, đó là một cái đặc-sắc lớn của thời-đại nay.

. . .

La manie des grandes réformes est ce qu'il y a de plus funeste pour un peuple, si excellentes que ces réformes puissent théoriquement paraître.

Cái thói cứ muốn làm những sự cải-cách lớn là rất hại cho một dân-tộc, dù sự cải-cách đó cứ lý-thuyết hay thế nào mặc lòng.

. . .

Le philosophe décrivant les phénomènes sociaux doit se rappeler qu'à côté de leur valeur théorique ils possèdent une valeur pratique, la seule ayant quelque importance au point de vue de l'évolution des civilisations. Une telle constatation le rendra fort circonspect dans les conclusions que la logique rationnelle semble d'abord lui imposer.

Nhà triết-học tả về những hiện-tượng của xã-hội, phải nhớ rằng ngoài cái giá-trị về lý-thuyết, những hiện-tượng đó còn có một cái giá-trị về thực-tế, cái này mới là có quan-hệ về phương-diện tiến-hóa văn-minh. Nghiệm biết như vậy thời khi kết-luận chắc là phải cẩn-thận lắm, dù mới xét ra tưởng cứ phép lý-luận tất-nhiên phải thế nào mặc lòng.

∴

Ce n'est plus dans les conseils des princes, mais dans l'âme des foules que se préparent les destinées des nations.

∴

Jusqu'ici les grandes destructions de civilisations vieillies ont constitué le rôle le plus clair des foules. L'histoire enseigne qu'au moment où les forces morales, armature d'une société, ont perdu leur action, la dissolution finale est effectuée par ces multitudes inconscientes et brutales justement qualifiées de barbares. Les civilisations ont été jusqu'ici créées et guidées par une petite aristocratie intellectuelle, jamais par les foules. Ces dernières n'ont de puissaance que pour détruire. Leur domination représente toujours une phase de désordre. Une civilisation implique des règles fixes, une discipline, le passage de l'instinctif au rationnel, la prévoyance de l'avenir, un degré élevé de culture, conditions totalement inaccessibles aux foules abandonnées à elles-mêmes. Par leur puissance uniquement destructive, elles agissent comme ces microbes qui activent la dissolution des corps débilités ou des cadavres. Quand l'édifice d'une civilisation est vermoulu, les foules en amènent l'écroulement. C'est alors qu'apparait leur rôle. Pour un instant, la force aveugle du nombre devient la seule philosophie de l'histoire.

∴

L'histoire des révolutions populaires est presque incompréhensible si l'on méconnait les instincts profondément conservateurs des foules. Elles veulent bien changer les noms

∴

Vận mệnh các quốc-gia ngày nay không phải là định đặt ở nơi hội-nghị các vua chúa nữa, chính là ở trong tâm-hồn của quần-chúng vậy.

∴

Từ trước đến nay, quần-chúng chỉ có một việc rõ-ràng lắm, là ra tay phá-hoại những văn-minh đã già cỗi. Lịch-sử dạy rằng lúc những cái sức tinh-thần, làm then-chốt cho một xã-hội, đã suy yếu đi rồi, thời sự giải-tán sau cùng là do những quần-chúng tàn-bạo và vô-ý-thức kia, mệnh-danh cho là các rợ man thật đáng lắm. Phàm văn-minh từ xưa đến nay là do một thiểu-số thượng-lưu tri-thức dề-tạo ra cùng hướng-đạo cho, chứ không tự ở quần-chúng bao giờ. Quần-chúng chỉ có sức mạnh để phá-hoại mà thôi. Quần-chúng mà thắng thế thì bao giờ cũng là một thời-kỳ hỗn-độn. Phàm văn-minh phải có phép-tắc nhất-định, phải có kỷ-luật, phải biết bỏ nơi vật-dục mà lên cõi lý-trí, phải biết dự-liệu việc tương-lai, phải đã tới một trình-độ văn-hóa cao, bấy nhiêu điều thì quần-chúng để mặc một mình không bao giờ có thể có được. Quần-chúng chỉ có sức phá-hoại mà thôi, khác nào như giống vi-trùng kia, hễ thân-thể suy-nhược hay cái xác đã chết rồi, thời nó can-thiệp vào mà làm cho mau tiêu đi vậy. Khi cái lâu-đài một văn-minh nào đã mục nát, thời quần-chúng đến mà làm cho đổ sụp đi. Cái chức-vụ của quần-chúng bấy giờ mới xuất-hiện ra. Trong một lúc đó thời cái sức mạnh mờ-tối của số nhiều thành ra cái triết-lý độc-nhất của lịch-sử.

∴

Nếu không biết cái bản-năng bảo-thủ của quần-chúng thì không thể hiểu rõ được lịch-sử những cuộc cách-mệnh của bình-dân. Quần-chúng thường

de leurs institutions, et accomplissent parfois même de violentes révolutions pour obtenir ces changements, mais le fond de ces institutions est trop l'expression des besoins héréditaires de la race pour qu'elles n'y reviennent pas toujours. Leur mobilité incessante ne porte que sur les choses superficielles. En fait, elles ont des instincts conservateurs irréductibles et, comme tous les primitifs, un respect fétichiste pour les traditions, une horreur inconsciente des nouveautés capables de modifier leurs conditions réelles d'existence. Si la puissance actuelle des démocraties avait existé à l'époque où furent inventés les métiers mécaniques, la vapeur et les chemins de fer, la réalisation de ces inventions eût été impossible, ou seulement au prix de révolutions répétées. Heureusement pour les progrès de la civilisation, la suprématie des foules n'a pris naissance que lorsque les grandes découvertes de la science et de l'industrie étaient déjà accomplies.

.˙.

Connaître l'art d'impressionner l'imagination des foules, c'est connaître l'art de les gouverner.

.˙.

Un peuple est un organisme créé par le passé. Comme tout organisme, il ne peut se modifier que par de lentes accumulations héréditaires

Les vrais conducteurs des peuples sont ses traditions; et, comme je l'ai répété bien des fois, ils n'en changent facilement que les formes extérieures. Sans traditions, c'est à dire sans âme nationale, aucune civilisation n'est possible.

muốn đổi tên các chế-độ cũ đi, và có khi làm nên cách-mệnh dữ-dội để đổi cho được; nhưng gốc những chế-độ ấy thời vốn là tiêu-biểu cho những điều thiết-yếu di-truyền của chủng-tộc, cho nên đổi thì đổi rồi rút cục cũng lại trở lại như cũ vậy. Quần-chúng chuyển-động luôn, nên chỉ ảnh-hưởng đến cái phần biểu-diện bề ngoài mà thôi. Thực ra thì vẫn có cái bản tính bảo-thủ tuyệt-đối, và cũng giống như các dân mộc-mạc chưa khai-hóa, vẫn có lòng mê-tín sùng-bái những cổ-tục lưu-truyền, mà mơ-màng sợ-hãi những cái gì mới lạ, có thể đổi được cách sinh-hoạt hiển-nhiên của mình. Nếu hồi phát-minh ra các nghề máy, ra hơi nước, xe lửa, mà cái phong-trào dân-chủ cũng mạnh như ngày nay, thì những sự phát-minh đó có lẽ không thể làm được, hay có làm được thời cũng phải qua mấy mươi phen cách-mệnh mới thành. Cũng may cho sự tiến-bộ của văn-minh, mà những sự phát-minh lớn về khoa-học cùng về công-nghệ đó đã làm thành từ trước khi quần-chúng chiếm được chủ-quyền vậy.

.˙.

Biết cái thuật cảm-kích được trí tưởng-tượng của quần-chúng, ấy là biết cái thuật thống-ngự được quần-chúng đó.

.˙.

Một dân-tộc là một cái cơ-thể do cuộc dĩ-vãng tạo-thành ra, cũng như các cơ-thể khác; muốn thay đổi phải di-truyền tích-lũy lâu năm mới thành được.

Thực-tế chủ-trương cho dân-tộc, ấy là những cổ-lệ cổ-tục trong dân-tộc; mà những lệ-tục đó, như tôi đã nói đi nói lại nhiều lần, chỉ dễ đổi được cái bề ngoài mà thôi. Không có lề-tục, nghĩa là không có quốc-hồn, thời không sao có văn-minh được.

Aussi les deux grandes occupations de l'homme depuis qu'il existe ont-elles été de se créer un réseau de traditions, puis de les détruire lorsque leurs effets bienfaisants sont usés. Sans traditions stables, pas de civilisation ; sans la lente élimination de ces traditions, pas de progrès. La difficulté est de trouver un juste équilibre entre la stabilité et la variabilité. Cette difficulté est immense. Quand un peuple laisse ses coutumes se fixer trop solidement pendant de nombreuses générations, il ne peut plus évoluer et devient, comme la Chine, incapable de perfectionnement. Les révolutions violentes elles-mêmes deviennent impuissantes, car il arrive alors, ou que les fragments brisés de la chaîne se ressoudent, et alors le passé reprend sans changements son empire, ou que les fragments dispersés engendrent l'anarchie et bientôt la décadence.

Aussi la tâche fondamentale d'un peuple doit-elle être de garder les institutions du passé en les modifiant peu à peu. Tâche difficile. Les Romains dans les temps anciens, les Anglais dans les temps modernes, sont à peu près les seuls à l'avoir réalisée.

∴

Si cette éducation n'était qu'inutile, on pourrait se borner à plaindre les malheureux enfants auxquels, à la place de tant de choses nécessaires, on préfère enseigner la généalogie des fils de Clotaire, des luttes de la Neustrie et de l'Austrasie, ou des classifications zoologiques ; mais elle présente le danger beaucoup plus sérieux d'inspirer à celui qui l'a reçue un dégoût violent de la condition où il est né et l'intense désir d'en sortir. L'ouvrier ne veut plus rester

Bởi thế nên từ khi có loài người đến giờ, người ta chỉ có hai việc lớn, một là tạo-thành ra lề tục để theo, rồi đến khi nó không có hiệu-quả tốt nữa thì phá-hoại nó đi. Không có lề-tục vững-vàng, thì không có văn-minh được ; không biết đào-thải dần những lề-tục ấy đi thì không có tiến-bộ được. Cái khó là ở chỗ làm sao cho vừa vững-vàng, mà vừa thay đổi, cho hai đàng được thích-trung vậy. Cái khó đó nó lớn-lao vô-cùng. Một dân-tộc nào mà để cho tục-lệ của mình ngưng-trệ lại trong mấy mươi đời, thời không tiến-hóa được nữa, thành như nước Tàu, không thể tấn-tới hay hơn lên được. Khi ấy thời dầu cách-mệnh kịch-liệt cũng vô-bổ, vì một là cái giây quá-khứ nó đứt khúc ra rồi nó lại tiếp-tục lại, bấy giờ thời cái quá-khứ lại làm chủ như trước, không thay đổi gì, hai là nó đứt khúc ra rồi thời nó tan-tác đi, bây giờ thời sinh ra tán-loạn, rồi liền kế đến suy-đồi vậy.

Bởi thế nên công việc cốt-yếu của một dân-tộc là phải vừa giữ lấy những chế-độ xưa, lại vừa thay đổi đi dần dần. Việc khó-khăn thay ! Duy đời xưa có dân La-mã, đời nay có dân Anh-cát-lợi, là gọi là làm nên được mà thôi.

∴

Nếu cái cách giáo-dục đó chỉ là vô-ích mà thôi, thời chỉ nên phàn-nàn thay cho những đứa trẻ khốn-nạn kia, biết bao nhiêu cái cần thì chẳng được học, chỉ học nào là biểu thế-hệ các con vua Clotaire, nào là truyện chiến-tranh xứ *Neustrie* với xứ *Austrasie*, hay là những mục phân-loại các giống động-vật. Nhưng nó còn có cái hại này nguy-hiểm hơn nữa, là khiến cho kẻ nào đã tiếp được cái giáo-dục đó, thời sinh ra chán hẳn cái thân-phận nơi mình sinh-trưởng mà nóng-nảy muốn thoát ra cho được. Người thợ thì không

ouvrier, le paysan ne veut plus être paysan, et le dernier des bourgeois ne voit pour ses fils d'autre carrière possible que les fonctions salariées par l'Etat. Au lieu de préparer des hommes pour la vie, l'école ne les prépare qu'à des fonctions publiques où la réussite n'exige aucune lueur d'initiative. En bas de l'échelle sociale, elle crée ces armées de prolétaires mécontents de leur sort et toujours prêts à la révolte ; en haut, notre bourgeoisie frivole, à la fois sceptique et crédule, imprégnée d'une confiance superstitieuse dans l'Etat-providence que cependant elle fronde sans cesse, inculpant toujours le gouvernement de ses propres fautes et incapable de rien entreprendre sans l'intervention de l'autorité.

L'état qui fabrique à coups de manuels tous ces diplômés, ne peut en utiliser qu'un petit nombre et laisse forcément les autres sans emploi. Il lui faut donc se résigner à nourrir les premiers et à avoir pour ennemis les seconds.

. .

L'acquisition de connaissances inutilisables est un moyen sûr de transformer l'homme en révolté.

. .

L'enseignement donné à la jeunesse d'un pays permet de prévoir un peu les destinées de ce pays. L'éducation de la génération actuelle justifie les prévisions les plus sombres. C'est en partie avec l'instruction et l'éducation que s'améliore ou s'altère l'âme des foules. Il était donc nécessaire de montrer comment le système actuel l'a

muốn làm thợ nữa, người nhà-quê cũng không muốn làm nhà-quê nữa, còn người mạt-hạng ở kẻ-chợ cũng chỉ ước-ao cho con mình được làm công-việc gì có lương của Nhà-nước mà thôi. Nhà trường không có dạy cho người ta biết cách làm người ở đời, chỉ dạy cho làm việc Nhà-nước mà thôi, là những công việc không cần phải có một chút sáng-ý gì. Vào bậc dưới trong xã-hội thời tạo ra những đội quân lao-động kia, bao giờ cũng bất-bình về thân-phận mình và chỉ chực nổi lên làm loạn ; vào bậc trên thời tạo ra cái hạng trung-lưu phù-phiếm nọ, vừa hoài-nghi mà vừa dễ tin, dốc lòng mê-tín ở Nhà-nước, coi Nhà-nước như vị thần, vậy mà lại thường hay bài-xích Nhà-nước luôn, đem lỗi mình đổ tội cho Chính-phủ, mà tự mình thì không thể làm nên công-chuyện gì mà không có quan-quyền can-thiệp vào.

Nhà-nước thời cứ lấy sách giáo-khoa mà chế-tạo ra các hạng thầy khóa có bằng đó, chỉ dùng được một phần ít thôi, còn tất-nhiên phải bỏ không có việc cho làm. Vậy thời đành phải nuôi bọn trên, còn bọn dưới thì chịu họ phản-đối vậy.

. .

Học những điều không dùng được, ấy là cách diệu nhất để hóa người ta thành kẻ phản nghịch vậy.

. .

Cứ xem cách dạy học bọn thanh-niên trong một xứ, cũng có thể dự-đoán được một phần cái vận-mệnh của xứ ấy thế nào. Cách giáo-dục lớp tân-tiến hiện nay, khiến cho có thể dự-đoán một cách rất bi-quan vậy. Hồn của quần chúng hay ra hay dở đi, một phần là bởi cách dạy học cùng cách giáo-dục vậy. Vậy cần phải bày

façonnée, et comment la masse des indifférents et des neutres est devenue progressivement une immense armée de mécontents, prête à suivre toutes les suggestions des utopistes et des rhéteurs. L'école forme aujourd'hui des mécontents et des anarchistes et prépare pour les peuples les heures de décadence.

.·.

On ne se rend pas toujours suffisamment compte de ce que peut une volonté forte et continue. Rien ne lui résiste, ni la nature, ni les dieux, ni les hommes.

.·.

Pour se faire admirer des foules, il faut toujours les tenir à distance.

.·.

Les révolutions qui commencent sont en réalité des croyances qui finissent.

.·.

Si nous envisageons dans leurs grandes lignes la genèse de la grandeur et de la décadence des civilisations qui ont précédé la nôtre, que voyons-nous ?

A l'aurore de ces civilisations, une poussière d'hommes, d'origines variées, réunie par les hasards des migrations, des invasions et des conquêtes. De sangs divers, de langues et de croyances également diverses, ces hommes n'ont de lien commun que la loi à demi reconnue d'un chef. Dans leurs agglomérations confuses se retrouvent au plus haut degré les caractères psychologiques des foules. Elles en ont la cohésion momentanée, les héroïsmes, les faiblesses,

tỏ cho biết cái cách hiện-hành bây giờ đã tác-thành cho quần-chúng thế nào, đã làm thế nào mà phần nhiều người bình-thường không có tư-tưởng gì, dần dần trở nên như một đội quân lớn những kẻ bất bình, chỉ chực sẵn theo những phường mơ-tưởng khéo nói nó cám-dỗ vậy. Nhà trường ngày nay tạo thành ra kẻ bất-bình cùng kẻ tác-loạn, gây cho các dân-tộc cái thời-kỳ suy-đồi vậy.

.·.

Người ta thường không tưởng tượng được cái chỉ người mà mạnh và bền thì làm được những gì. Thật không gì địch nổi, sức thiên-nhiên, sức thần-thánh, hay sức người ta cũng vậy.

.·.

Muốn cho quần-chúng cảm-phục, bao giờ cũng phải đứng xa quần-chúng.

.·.

Thực ra, mỗi phen có cuộc cách-mệnh nổi lên, ấy là sự tín-ngưỡng suy-đồi đó.

.·.

Nếu ta cứ cai-quát cả nguyên-ủy cuộc thịnh-suy của các văn-minh trước văn-minh ta, thời thấy thế nào?

Hồi các văn-minh ấy mới nhóm lên, thời thấy một đám người tùng tạp, bởi sự di-dân, sự xâm-chiếm và sự chinh-phục mà ngẫu-nhiên ô-hợp lại một nơi. Khác máu, khác tiếng, khác đạo, chỉ có chung nhau là cái phép chung của một người tù-trưởng, cũng gọi là công-nhận mà phục-tòng mà thôi. Trong đám ô-hợp đó thời rõ-rệt hẳn cái tính-cách tâm-lý của quần-chúng. Cũng kết-hợp nhất-thời, cũng có lúc oanh-oanh liệt-liệt, cũng có lúc làm bậy làm xằng, cũng nóng-nẩy, cũng bạo-động như

les impulsions et les violences. Rien de stable en elles. Ce sont des barbares.

Puis le temps accomplit son œuvre. L'identité de milieux, la répétition des croisements, les nécessités d'une vie commune, agissent lentement. L'agglomération d'unités dissemblables commence à se fusionner et à former une race, c'est-à-dire un agrégat possédant des caractères et des sentiments communs, que l'hérédité fixera progressivement. La foule est devenue un peuple, et ce peuple va pouvoir sortir de la barbarie.

Il n'en sortira tout-à-fait pourtant que lorsqu'après de longs efforts, des luttes sans cesse répétées et d'innombrables recommencements, il aura acquis un idéal. Peu importe la nature de cet idéal. Que ce soit le culte de Rome, la puissance d'Athènes ou le triomphe d'Allah, il suffira pour doter tous les individus de la race en voie de formation d'une parfaite unité de sentiments et de pensées.

C'est alors que peut naître une civilisation nouvelle avec ses institutions, ses croyances et ses arts. Entraînée par son rêve, la race acquerra successivement tout ce qui donne l'éclat, la force et la grandeur. Elle sera foule encore sans doute à certaines heures, mais, derrière les caractères mobiles et changeants des foules, se trouvera ce substratum solide, l'âme de la race, qui limite étroitement les oscillations d'un peuple et règle le hasard.

Mais, après avoir exercé son action créatrice, le temps commence cette œuvre de

vậy. Không có gì là nhất-định cả. Đó là man-di các rợ vậy.

Rồi thì ngày qua tháng lại, cùng nhau sống trong một hoàn-cảnh, cùng nhau pha lộn giống nòi, cùng nhau sinh-hoạt một cách, tất có biến-hóa dần. Những phần-tử đặc-biệt đồng-hóa hỗn-hợp mà thành ra một chủng-tộc, nghĩa là một đoàn-thể, có cảm-tình, có tính-cách chung, rồi di-truyền dần-dần mà thành ra nhất-định. Thế là quần-chúng thành một dân-tộc và dân-tộc này sẽ thoát khỏi vòng dã-man vậy

Tuy-nhiên muốn cho thoát được hẳn, thời cũng phải công-phu lâu dài lắm, phải chiến-đấu lắm phen, phải quay đi trở lại nhiều lần, cho kỳ tạo được một cái lý-tưởng chung vậy. Lý-tưởng ấy thế nào, cũng chẳng hề chi. Dù là lý-tưởng phụng-sự La-mã, lý-tưởng khuếch-trương thế-lực cho thành Nhã-điển, hay lý-tưởng truyền-bá đạo Allah, hễ có một cái lý-tưởng chung thời trong một chủng-tộc đương thành-lập cũng đủ khiến cho mọi người đều có tư-tưởng cảm-tình như nhau vậy.

Bấy giờ mới có thể phát-sinh ra một cái văn-minh mới, có đủ chế-độ, tôn-giáo, mĩ-thuật. Có một cái mộng chung nó làm chủ-động mà xui-giục cho tiến lên, thời chủng-tộc dần-dần mới làm nên những sự-nghiệp rực-rỡ, vẻ-vang, mạnh-mẽ. Chắc cũng có một đôi lúc còn cái tư-cách là quần-chúng, nhưng cái tính-cách bất-nhất hay thay đổi của quần-chúng đó là bề ngoài mà thôi, bề trong đã có một cái nền gốc kiên-cố, tức là cái hồn chung của chủng-tộc, nó hạn-chế sự biến-dịch của dân-tộc, và qui-định được cả sự ngẫu-nhiên vậy.

Nhưng thời-giờ đã làm xong cái công-việc sáng-tạo đó rồi, thời bắt đầu

destruction à laquelle n'échappent ni les dieux ni les hommes. Arrivée à un certain niveau de puissance et de complexité, la civilisation cesse de grandir, et, dès qu'elle ne grandit plus, elle est condamnée à décliner rapidement. L'heure de la vieillesse va sonner bientôt.

Cette heure inévitable est toujours marquée par l'affaiblissement de l'idéal qui soutenait l'âme de la race. A mesure que cet idéal pâlit, tous les édifices religieux, politiques ou sociaux dont il était l'inspirateur commencent à s'ébranler.

Avec l'évanouissement progressif de son idéal, la race perd de plus en plus ce qui faisait sa cohésion, son unité et sa force. L'individu peut croître en personnalité et en intelligence, mais en même temps aussi l'égoïsme collectif de la race est remplacé par un développement excessif de l'égoïsme individuel accompagné de l'affaissement du caractère et de l'amoindrissement des aptitudes à l'action. Ce qui formait un peuple, une unité, un bloc, finit par devenir une agglomération d'individus sans cohésion et que maintiennent artificiellemet pour quelque temps encore les traditions et les institutions. C'est alors que divisés par leurs intérêts et leurs aspirations, ne sachant plus se gouverner, les hommes demandent à être dirigés dans leurs moindres actes et que l'Etat exerce son influence absorbante.

Avec la perte définitive de l'idéal ancien, la race finit par perdre aussi son âme. Elle n'est plus qu'une poussière d'individus isolés et redevient ce qu'elle était à son point de départ : une foule. Elle en présente tous les caractères transitoires sans consistance et sans lendemain. La civilisation n'a plus aucune fixité et tombe à la merci de tous les hasards. La plèbe est reine et les barbares

làm đến việc phá-hoại, dù thần thánh, dù người ta cũng không tránh khỏi cái công-lệ đó được. Văn-minh đã tới một trình-độ phiền-phức phú-cường, không tiến lên được nữa, thời tất suy dần đi mau lắm. Bấy giờ là sắp đến cái giờ già-cỗi rồi.

Hễ sắp đến cái giờ tất-nhiên đó thì bao giờ cũng thấy cái lý-tưởng làm gốc cho quốc-hồn ngày một suy yếu đi. Lý-tưởng đó càng phai-nhạt đi thời bao nhiêu những lâu-đài về tôn-giáo, chính-trị, xã-hội tựa vào lý-tưởng đó, đều thấy bắt đầu lay-chuyển cả.

Tinh-thần của chủng-tộc đã tiêu-ma dần đi như vậy, thời chủng-tộc cũng càng ngày càng giảm mất cái sức kết-hợp, cái tính duy-nhất, cùng cái sức mạnh đi. Nhân-cách cùng trí-tuệ của cá-nhân có thể tăng-tiến lên, nhưng đồng-thời cái lòng duy-kỷ chung của chủng-tộc kém đi mà cái lòng duy-kỷ riêng của cá-nhân thời lại tăng lên quá-độ, mà tính-cách thời nhu-nhược đi, cái sức hành-động thời suy kém mãi đi vậy. Trước kia là một dân-tộc, một đoàn-thể duy-nhất, sau lại thành ra một đám người ô-hợp, chỉ còn nhờ chế-độ cùng tập-tục mà còn miễn-cưỡng duy-trì được ít lâu nữa thôi. Bấy giờ thời người ta phân-lìa nhau vì quyền-lợi, vì lý-tưởng, không biết tự-chủ nữa, nhất-cử nhất-động phải có người chỉ-huy cho, quyền Nhà-nước mới càng ngày càng bành-trướng mãi ra.

Chủng-tộc đã mất cái lý-tưởng cố-hữu rồi, thời cái hồn chung của nòi giống rồi cũng đến mất. Chỉ là một đám người rời-rạc, lúc bắt đầu thế nào thời bấy giờ cũng lại thế, nghĩa là lại trở về quần-chúng vậy. Lại rõ ra cái tính-cách tạm-bợ, không có gì là vững-vàng, không có gì là bền-chặt cả. Văn-minh không có nhất-định nữa, sẽ phó mặc sự ngẫu-nhiên. Bọn hạ-lưu làm

avancent. La civilisation peut sembler brillante encore parce qu'elle conserve la façade extérieure créée par un long passé, mais c'est en réalité un édifice vermoulu que rien ne soutient plus et qui s'effondrera au premier orage.

Passer de la barbarie à la civilisation en poursuivant un rêve, puis décliner et mourir dès que ce rêve a perdu sa force, tel est le cycle de la vie d'un peuple.

chúa-tể, quân dã-man bước tiến lên. Có lẽ cái mặt ngoài văn-minh còn rực-rỡ, vì là cái công đời trước còn sót lại, nhưng thực thời là một cái lâu đài đã mục-nát rồi, không có gì chống-giữ cho nữa, hễ có cơn gió to thời đổ sụp ngay.

Bước tự dã-man đến văn-minh mà theo đuổi một cái mộng, rồi khi cái mộng đó tàn thì suy dần đi mà chết, ấy cái cuộc đời một dân-tộc thủy-chung như vậy.

TƯ-TƯỞNG VỀ QUỐC-GIA (1)

Khi loài người ta mới sinh ra, ở từng chòm từng xóm, phân ra từng bộ-lạc một, gọi là bộ-dân, chửa phải là quốc-dân. Tự bộ-dân rồi mới tiến dần lên bậc quốc-dân, bởi thế mới phân ra dã-man với văn-minh vậy. Bộ-dân với quốc-dân khác nhau như thế nào? Họp lại một đàn mà ở với nhau, tự thành ra một phong-tục riêng, gọi là bộ-dân. Bản nhân-dân nào mà đã có quốc-gia tư-tưởng, thì tự hay bày đặt ra chính-trị hẳn hoi, gọi là quốc-dân. Vậy nên trong thiên-hạ nước nào phải có quốc-dân nước ấy mới hay lập thành ra một nước được.

Quốc-gia tư-tưởng như thế nào? Một là đối với bản-thân mình mà biết có quốc-gia. Hai là đối với triều-đình mà biết có quốc-gia. Ba là đối với dân-tộc ngoài mà biết có quốc-gia. Bốn là đối với thế-giới mà biết có quốc-gia.

Đối với bản-thân mình mà mới biết có quốc-gia là nghĩa sao? Loài người ta sở-dĩ quí hơn loài vật, là vì hay biết họp đàn. Nếu chỉ lấy một thân mình đứng trơ-trọi một mình trên trái đất, bay đã không bằng muông chim, chạy đã không bằng muông thú, như thế thì loài người bị tuyệt-diệt đã lâu rồi. Vậy nên nói về nội-giới, đương khi thái-bình thì thay công đổi việc, phân ra chức-nghiệp cùng làm giúp đỡ lẫn nhau, chứ không phải lấy một thân mình mà làm cả mọi công việc được. Nói về ngoại-giới, thì gặp lúc cấp-nạn, kẻ bày mưu người hiến sức, ngăn cửa thành chống cự kẻ khinh nhờn, những lúc đó lại không phải chỉ lấy một thân mình mà hay giữ gìn cho mình được. Bởi thế mới phải lập ra quốc-gia. Lập ra quốc-gia cũng là bất-đắc-dĩ; vì mọi người ai cũng biết rằng chỉ cậy về một mình không đủ chắc được, phải lập ra một cách gì cùng đoàn-kết với nhau, cùng bổ-cứu lẫn nhau, cùng giúp đỡ làm lợi ích cho nhau. Nếu muốn cho những cách đoàn-kết mãi không tan, bổ-cứu mãi không thiếu, giúp đỡ làm ích-lợi cho nhau mãi không cùng, thì mọi người ai cũng nghĩ rằng ngoài cái thân ta ra tất còn có cái gì cốt-tử hơn, bề phát ra một niệm, nói ra một lời, hay định làm một việc gì, lúc nào cũng chú ý nghĩ về phần cốt-tử ở trên cái thân mình (2); nếu không cố-kết như thế thì đoàn-thể không thể vững bền được, mà nhân-đạo cũng cơ-hồ đến tuyệt-diệt mất. Đó là nghĩa thứ nhất về quốc-gia tư-tưởng.

Đối với triều-đình mà mới biết có quốc-gia là nghĩa sao? Quốc-gia như là một cái công-ti; triều-đình hay chính-phủ là một cái sở sự-vụ trong một công-ti; mà cầm quyền trong triều-đình tức là người quản-lý ở trong sở sự-vụ, quốc-gia lại vì như là một thành-phố, triều-đình là một nơi hội-quán của thành-phố; mà cầm quyền triều-đình tức là người trí-sự ở trong hội-quán vậy. Như thế thì sở sự-vụ vì công-ti mà lập ra chăng? Hay là công-ti vì sở sự-vụ mà lập ra chăng? Nơi hội-quán vì thành-phố mà lập ra chăng? Hay là thành-phố vì hội-quán mà lập ra chăng? Cái

(1) Trích lược văn của Lương Khải-Siêu.

(2) Tức là cái chủ-nghĩa kiêm-ái. Nhưng cho là chủ-nghĩa vị-ngã cũng phải, vì rằng không làm lợi cho dân, thì không thể làm lợi cho mình được, đó cũng là cái lệ chung cả vậy.

Cảnh sông Hương (gần chùa Thiên-mu, Huế)

Cliché Gouvernement général

Bến đò Suối vào chùa Hương (Hà-đông)

Cliché Gouvernement général

nghĩa đó thì ai cũng biết không cần phải biện-luận nữa. Hai đảng vốn là tính chất khác nhau, mà đảng nào lớn mà trọng hơn, đảng nào nhỏ mà khinh đã rành ra đó, không thể trái khác được. Vậy nên vua Lộ-dịch thứ mười bốn mà bảo rằng : « Trẫm tức là quốc-gia », lời nói ấy rất trái ngược. Không khác gì người quản-lý trong một công-ti mà bảo rằng ta tức là công-ti ; người tri-sự trong một thành-phố mà bảo rằng ta tức là thành-phố. Nếu như thế thì những người có cổ-phần trong công-ti, và những cư-dân trong thành-phố, có thuận chịu như thế không ? Trong một nước phải lập ra một triều-đình hay một chính-phủ đã đành là sự cần như thế. Vậy nên suy cái lòng yêu nước ra rồi yêu đến triều-đình, cũng tức như cái nghĩa yêu người chủ rồi yêu đến cả nóc nhà ; yêu nóc nhà rồi yêu đến cả con quạ ; nếu bảo con quạ tức là nóc nhà, nóc nhà tức là người chủ, rồi có khi yêu quạ mà quên mất nóc nhà, yêu nhà mà quên mất cả người chủ, thì chẳng đồ dại lắm dư ? Vậy nên đã có quốc-gia tư-tưởng thì vẫn phải yêu đến triều-đình ; mà yêu triều-đình không thì vi-tất đã có quốc-gia tư-tưởng. Một triều-đình nào đã bởi chính-thức mà thành lập : thì triều-đình ấy là đại-biểu cho quốc-gia, yêu triều-đình tức là yêu quốc-gia. Nếu triều-đình nào không bởi chính-thức mà thành-lập, thì triều-đình ấy là mâu-tặc của quốc-gia, chính triều-đình lại tức là yêu quốc-gia. Đó là nghĩa thứ hai về quốc-gia tư-tưởng.

Đối với dân-tộc ngoài mà mới biết có quốc-gia là nghĩa sao ? Quốc-gia là một cái danh - từ đối với bề ngoài. Nếu trên thế-giới mà chỉ có một nước, thì không phải lập cái danh-hiệu quốc-gia làm gì. Duy cái thân này so-sánh với cái thân nọ rồi mới biết có thân mình, nhà nọ giao-thiệp với nhà kia rồi mới có nhà mình ; nước nọ đối-trĩ với nước kia rồi mới biết có nước mình. Loài người ta từ nghìn muôn năm về trước, sinh-sôi nảy-nở ra khắp cả trên mặt đất, mỗi nơi đều tự phát-đạt riêng, đều có ngôn-ngữ phong-tục riêng ; đều có tư-tưởng pháp-chế riêng; hình-chất khác nhau, tinh-thần khác nhau, nên phải tự phân hoạch ra từng nước. Cứ theo cái công-lệ muôn vật đua tranh tự trời lựa chọn, thì người nọ đối với người kia thế-tất là sinh ra xung-đột, bởi thế mới lập ra cái danh-hiệu quốc-gia để đối-phó với một đàn khác ở ngoài. Vậy nên người nước nào đã có cái lòng chân-chính ái-quốc, thì chỉ biết có nước mình thôi, dẫu nước ngoài có bậc thần-thánh đến như thế nào, cũng không muốn luồn-lỗi khuất-phục, thà rằng người cả nước hi-sinh cái thân đi, chứ không chịu làm tôi-đòi người. Nếu không có cái tư-tưởng quốc-gia ấy thì cái tinh-thần lập-quốc đã mất hết đi rồi. Ví như trong một nhà, dẫu nhà ấy rỗng-tuếch như đít bụt, nhưng cũng không muốn cho người khác vào ở trọ ; vì là chỉ biết có mình ta, cho nên ta mới còn. Đó là nghĩa thứ ba về quốc-gia tư-tưởng.

Đối với thế-giới mới biết có quốc-gia là nghĩa sao ? Những nhà tôn-giáo xưa nay thường nói về nước thiên-quốc, về cuộc đại-đồng, bao nhiêu chúng-sinh đều sinh-hoạt ở trong cái chủ-nghĩa bác-ái, chủ-nghĩa thế giới, như thế há chẳng là nhân-đức lắm thay ! Tuy vậy, cái chủ-nghĩa ấy bao giờ mới thoát-ly cõi lý-tưởng mà thực-hiện ra được ? Cái việc ấy còn phải đợi đến nghìn vạn năm sau cũng không biết đâu là chừng, chứ như bây giờ thì khi nào đã được như thế. Cuộc cạnh tranh kia là mẹ đẻ ra cõi đời văn-minh đó, nếu một ngày kia mà không còn có cạnh-tranh nữa, thì văn-minh tiến-bộ cũng phải đứng dừng lại. Bởi thế cho nên trước còn một vài người cạnh-tranh với nhau, sau đến cả một nhà lại tự trong một nhà rồi đến cả một hương tộc, tự một hương-

tộc rồi đến cả một nước. Một nước là một đoàn-thể rất lớn mà lại có cái phong-trào cạnh-tranh rất to. Nếu bảo rằng phá cả quốc giới đi không còn có cạnh tranh nữa, thì sự ấy chưa chắc đã có được. Nếu có ra mà tuyệt hết cả cạnh-tranh, thì văn-minh chẳng cũng tuyệt hết đi ư? Huống chi tính người ta không thể nào không có cạnh-tranh được. Như thế thì nếu sau khi đại-đồng, chẳng bao lâu lại vì một chuyện khác mà lại sinh ra cạnh-tranh ở trong thiên-quốc, lúc bấy giờ thì lại là bọn bộ-dân cạnh-tranh với nhau, chứ không phải là quốc-dân cạnh-tranh nữa; như thế thì người trong thiên-hạ lại trở về cõi dã-man cả. Người học-giả đời nay vẫn biết rằng cái chủ-nghĩa đại-đồng là hay là đẹp, nhưng chỉ mơ-mảng ở trong tâm cho làm hay làm đẹp, chứ không khi nào có thực cái đẹp ở trên lịch-sử được. Vì thế nên phải lấy quốc-gia làm một đoàn-thể tối-cao, chứ không thể lấy thế-giới làm một đoàn-thể tối-cao được. Thế thì những người bàn về nghĩa bác-ái, bảo rằng bỏ phần riêng một thân mình đi để yêu lấy một nhà thì phải, hay là bỏ phần riêng một nhà mình đi để yêu lấy một hương-tộc cũng phải; hay là bỏ phần riêng một thân, một nhà, một hương-tộc đi để yêu lấy một nước cũng phải. Nước là một cái bản-vị của mình yêu riêng, suy cùng cái lòng bác-ái ra mà không kịp đến nước thì là dã-man, nếu yêu rộng quá ra cũng là dã-man, là lại cớ sao? Nghĩa là như thế thì là bộ-dân chứ không phải là quốc-dân vậy. Đó là nghĩa thứ tư về quốc-dân tư-tưởng.

Tiếc thay phần nhiều quốc dân không biết đến cái nghĩa quốc-gia tư-tưởng, kẻ kém hèn ra thì chỉ lo-tính về sự vinh-khô trong một thân một nhà; kẻ giỏi ra thì chỉ bàn hão về những cái triết-lý mà không có thiết-thực. Bởi thế cho nên chỉ biết có thiên-hạ, chứ không biết có quốc-gia, chỉ biết có một mình chứ không biết có quốc gia vậy. Như thế thì quốc-gia tư-tưởng bởi đâu mà sinh ra được?

Đ.-C. *dịch*

LỊCH-SỬ BẰNG QUẬN-CÔNG

Bằng quận-công tên là Nguyễn Hữu-Chỉnh người huyện Chân-phúc, làng Đông-hải (Nghệ-an). Nguyên trước tổ-tiên nhà ông hào-phú nhất trong một huyện ấy, đến đời cha ông là ông Nguyễn Mẫn (阮敏) lại giàu có thêm nhiều. Nguyên về đời Lê Hiển-tôn thiên-hạ mất mùa, chỉ có Nghệ-an và Sơn-nam hai xứ là phong-nẫm. Khi ấy ông Nguyễn Như-Châu làm quan trấn-thủ Nghệ-an, hạ lệnh mộ có ai bay dốc-vận lúa gạo đến kinh thì ông hậu-thưởng, chỉ có một mình ông Mẫn ứng mộ, cho nên ông nhân đấy phát-tài to, giàu có đến cự-vạn. Ông Mẫn rất tin phong-thủy (1), nghe tin ông Đỗ giám-sinh kia theo học Phạm chân-nhân-viên (ông tiên học được nghề thanh-năng thần-bí), bèn mời đến nhờ tìm cho một huyệt đất. Ông giám-sinh thấy ý ân-cần bèn cất giúp cho một ngôi âm-phần ở dưới Côn-bằng-sơn. Được ít lâu thì người vợ có thai, sinh ra ông Chỉnh. Khi lâm-sản, ông Đỗ giám-sinh

(1) Việc phong-thủy không đáng tin, nhưng cứ theo các sách xưa chép lại, cũng chép y ra đây.

thình-lình đến chơi nghe tiếng trẻ con khóc, lấy làm kinh-ngạc mà nói rằng: « Thằng bé này là một tay gian-hùng ở trong đời loạn đây, thật là tại mình mà làm cái họa cho thiên-hạ.»

Ông Chỉnh sinh ra phong-mạo đẹp-đẽ, lại có ý tinh khôn; lúc còn bé theo thầy đi học, đã thiệp-liệp khắp các kinh-sử, học rất thông-minh. Có một năm gặp ngày tết nguyên-đán, ông đến nhà thầy lễ mừng tuổi. Thầy cho ông một bánh pháo, nhân bảo ông vịnh bài thơ pháo, ông liền vịnh một câu rằng:

Xác không vốn những cậy tay người,
Khôn khéo làm sao bộp cũng rồi;
Kêu lắm lại càng tan-tác lắm,
Thế nào cũng một tiếng mà thôi.

Thầy học nghe rùng mình nói rằng: « Anh này tương-lai sự-nghiệp to-tát lắm, nhưng quấy loạn thiên-hạ cũng là anh vậy.» Liền bảo ông về tìm thầy giỏi mà học.

Đến năm ông Chỉnh mười-sáu tuổi, thi đỗ hương-cống (tức cử-nhân bây giờ), sau ông thấy cuộc đời rối loạn, có ý khẳng-khái chán nghiệp văn-mặc, bèn bỏ mà theo học nghề võ, thi võ mấy lần đều bị truất-lạc. Sau nhân ông thân ông là tay phú-thương, thường đi lại với Việp-công Hoàng Ngũ-Phúc, nhân dắt ông đến yết-kiến, ông Ngũ-Phúc trông thấy yêu lắm, cho làm gia-thần. Ông Chỉnh rất sở-trường quốc-âm, thường hâm-mộ huân-nghiệp của Quách Tử-Nghi, nhân làm bài phú Quách-lệnh công để tự-tỉ.

Ông Chỉnh có tính bảo-đãng, phóng-túng, giao-du khắp thiên-hạ, chỗ nào cũng quen biết, trong nhà lúc nào cũng có năm mười người khách, ngâm thơ, uống rượu, tiếp-đãi rất tử-tế, ả đào con hát nuôi đầy nhà, lại tự soạn ra các từ-điệu cho con hát hát, suốt ngày đêm như vậy, thật là một tay phong-lưu bậc nhất ở đất kinh-đô. Ông Chỉnh lại có thiên-tư mẫn-tiệp, giỏi nói khôi-hài. Khi ra coi đội quân Thiện-tiểu (善小隊) có người bảo ông rằng: « Sao ông làm chức nhỏ thế? » Ông nói: « Đừng thấy điều thiện nhỏ mà không làm. » Cả tọa đều vỗ tay cười.

Mùa hạ năm bính-ngọ (1786) ông Hoàng Ngũ-Phúc vào đánh Nam-hà (1), ông theo làm việc ở quân-thứ, am-hiểu được cách dùng binh. Ông Ngũ-Phúc thấy ông có tài để lòng yêu-dấu, thường sai ông vào dụ chúa Tây-sơn qui-thuận và dò xem tình-thế Tây-sơn thế nào. Ông Chỉnh nhân thế được quen biết với chúa Tây-sơn.

Lúc ông Ngũ-Phúc chết rồi, ông thuộc quyền về châu Ngũ-Phúc là Huy-quận-công Hoàng Tố-Lý. Khi ấy có người cáo ông Chỉnh ăn cắp một trăm vạn lạng vàng bạc của nhà nước, kiện lây đến cả Huy-quận-công. Ông Chỉnh phải giam ngục, khảo-tấn đến chết cũng không xưng, sau không phải tội, nên Huy-quận-công lại càng yêu qui, cho làm chức hữu-tham-quân, theo ra trấn-thủ xứ Nghệ-an. Huy-quận-công thường sai ông luyện-tập thủy-quân ra chống giặc bể. Ông đánh trận thủy không ai địch nổi, vì thế ngoài bể gọi ông là « Con chim cắt »; được ít lâu Huy-quận-công đổi đi trấn-thủ xứ Sơn-nam. Ông Chỉnh cũng đổi quản đội tiền-quân, đem quân đi tuần bể, rồi lại đổi đi quản cơ lính Tiền-ninh, thuộc huy-hạ của quan trấn-thủ Nghệ-an là Vũ Tá-Giao.

Ông Chỉnh vì có mả tổ ở núi Côn-bằng, nhân tự hiệu là Bằng-lĩnh-hầu. Ông có người thủ-hạ ở cùng làng tên là Hoàng Viết-Tuyển, sức khỏe lạ thường, lại có đảm-lược, thi võ đỗ biền-sinh. Khi trước ông Chỉnh tiến cử với Ngũ-Phúc, được quản đội

(1) Tức Thuận-hóa, Quảng-nam.

quân hậu-kiên-trung, thuộc về trấn Sơn-nam. Không bao lâu quân Kiêu-binh tam-phủ khởi-loạn ở kinh-thành, giết Huy-quận-công và những người đồ-đảng. Tuyền nghe được tin ấy liền buông thuyền, vượt bể vào Đông-hải, đem việc binh-biến ở kinh-thành nói với ông Chỉnh.

Ông Chỉnh nghe nói,hoảng-hốt rụng-rời, một lát rồi lại giả làm tự-nhiên, vững dạ như coi thường, dấu kín chuyện không cho ai biết, chỉ nói mật với vợ sự-tình thế nào mà thôi, rồi tự đến Vinh yết-kiến quan trấn thủ là Vũ Tá-Giao (Tá-Giao là em rể Huy-quận-Hoàng Tố-Lý), cùng Tá-Giao thương-nghị việc ấy. Tá-Giao nghe nói hoảng sợ hỏi ông Chỉnh làm kế thế nào. Ông Chỉnh nói: «Trấn này giáp-giới với trấn Thuận-hóa mà quan phó-tướng Thuận-hóa là Hoàng Đình-Thể, quan đốc-thủ Đông-hải là Khôi-thọ-hầu, toàn là môn-thuộc Tiên-công ta, tất hẳn cũng đồng-cừu với ta. Nay nên mật bảo ông Đình-Thể lừa kế giết quan trấn-thủ đại-tướng Phạm Ngô-Cầu mà giữ lấy tỉnh-thành, thì Khôi-thọ-hầu tất thế nào cũng đem quân đến giúp; bấy giờ ông giữ lấy bản-trấn,cùng với Hoàng Đình-Thể làm thần-xỉ, thu-dụng những tay hào-mục, điều-tập lấy quân thổ-binh, lấy con đường Hoàng-mai mà đóng binh ở huyện Quỳnh-lưu để làm kế cố giữ. Đến như sự phòng-ngữ ở ngoài bể, tôi xin tự-đương. Trấn này địa-lợi cũng nhiều nơi hiểm-yếu, nhân-tâm cũng tin cậy được, năm trước Siêu-quận mắc tội với đức Dụ-tổ (tức Trịnh Giang), cũng chiếm giữ lấy trấn Nghệ-an này, chống lại với triều-đình mà thoát nạn được; huống như bây giờ sự-thế dễ hơn Siêu-quận, nếu ông làm như thế được, là đã chiếm được một nửa đất rồi, triều-đình hẳn cũng khó làm gì nổi, ông sẽ giữ cõi yên dân, để chờ khi trong nước có biến, thì không những là thoát khỏi cái vạ ngay trước mắt, mà sau này tất có cái công vẻ-vang thêm nữa.» Tá-Giao đáp rằng: «Kế của ông thì giỏi thật, nhưng tôi tự-liệu không làm được. Vậy xin ông nghĩ cho một kế khác vừa vừa dễ theo.» Ông Chỉnh lại nói rằng: «Trừ kế ấy ra, thì chỉ có cách bỏ nước mà trốn đi thôi.» Tá-Giao nói rằng: «Đi thì biết đi đâu được!» Ông Chỉnh nói: «Khắp thiên-hạ kể bao nhiêu nước, lo gì không có chỗ dung thân.» Ông bèn mật bảo Tá-Giao như thế... như thế... Tá-Giao nghe nói vẫn hồ-đồ chưa quyết được lại nói với ông Chỉnh rằng: «Việc này là việc quan-hệ rất to, ông hãy để cho tôi còn nghĩ». Ông Chỉnh bèn nói: «Việc nguy-biến đã đến nơi rồi, đợi được đến lúc ông nghĩ chín-chắn, thì nó đã đem hèo đến bắt rồi, thôi!.. Xin ông cứ ngồi nghĩ, cho tôi tự-tiện lấy tôi.» Nói rồi bèn cáo từ ra về, nói toang lên rằng: «Quan trấn-thủ sai ra đi tuần ngoài bể». Rồi đem cả người nhà và gia-sản xuống thuyền, không ai hiểu ra sao cả.

Ông Chỉnh xuống thuyền, có bộ-hạ hơn ba trăm quân-sĩ, tiến đến bờ bể, ông Chỉnh cho mỗi người một ít tiền, bảo rõ sự-tình rồi bảo về. Khi đi ông bắn ba phát súng, buông thuyền ra bể, thuận buồm xuôi gió, thẳng chạy về Nam, đến thành Qui-nhơn vào xin qui-phụ với chúa Thái-đức nước Tây-sơn.

Chúa Thái-Đức thấy ông Chỉnh đến hàng-phụ, rất lấy làm mừng, nhưng trong bụng vẫn chửa tin. Ông Chỉnh bèn kể hết đầu đuôi sự-tình rồi gửi vợ con làm tin. Chúa Thái-đức bằng lòng, và đã thấy ông Chỉnh là người có tài, dần dần thân-tín lắm. Ông Chỉnh cũng hết lòng siêng-năng công-việc, vì chúa Thái-đức bày mưu-kế đi đánh các nước Chiêm-thành, Xiêm-la, Bồn-man, ông Chỉnh ra cầm quân làm tiền-khu xông-pha tên đạn. Các nước lần lần

yên-định được hết, từ đấy tình-phận vua tôi càng ngày lại càng thân-mật.

Ông Chỉnh ở triều Tây-sơn, ngày ngày nhớ muốn về nước, triều-đình ngoài Bắc-hà mất một ông Chỉnh cũng rất lấy làm lo, thường mộ có ai dụ ông Chỉnh về được sẽ có trọng-thưởng. Người em rể ông Chỉnh thấy vậy, xin đi. Chúa Trịnh cấp mật-chỉ cho ông ta vào dụ ông Chỉnh, khi đến chưa kịp nói câu gì, ông Chỉnh hỏi ngay lên rằng: « Mày chịu lặn-lội khốn-khổ đến đây để làm gì? Hẳn lại làm thuyết-khách cho họ Trịnh đó chăng? Mày thử trông mặt tao, xưa nay có ai phỉnh-phờ nổi, mà mày dám cả gan như thế? » Người em rể kia chỉ gục đầu nín lặng không dám nói gì. Ông Chỉnh lại nói luôn rằng: « Dẫu thế nhưng mày ở ngoài Bắc vào đây, tất biết sự-tình kinh-thành đoan-đích ra sao, mày hãy nói tao biết.» Người em rể thuật hết đầu đuôi, ông Chỉnh nghe rồi liền sai dọn cơm rượu thết đãi, người em rể ăn uống no say rồi hỏi ý hắn đến làm gì. Thưa rằng: « Đương-trung-hầu là Bùi Thế-Toại thấy ngài với tôi có tình thân tự hẳn nói với Trịnh-vương lĩnh chỉ sai tôi vào mời ngài về triều, cũng được quan sang chức trọng.» Ông Chỉnh cười nói rằng: « Mày ngu thật không đáng trách, tao chỉ ghét cái đứa sai mày, nó dám khinh thường tao. Nay tao chém mày cho xong cái đời mày, nếu mày có oan thì về âm-phủ sẽ kiện nó với chúa Diêm-vương.» Nói xong liền sai thủ-hạ lôi ra chém ngay, chúa Thái-đức nghe chém người thuyết-khách lại càng thân-tín ông lắm.

Năm Cảnh-hưng bốn-mươi-bảy (1776) quan trấn-thủ Thuận-hóa là Phạm Ngô-Cầu sai Dương-lĩnh-bá là Nguyễn Phu-Như sang sứ triều Tây-sơn, để thương-lượng về việc bờ-cõi hai nước. Phu-Như vẫn là người quen với ông Chỉnh, bèn thuật cái tình-hình trấn Thuận-hóa có thể lấy được và hai trấn Thanh, Nghệ, cùng bốn trấn cõi ngoài vì mất mùa đói khát, dân-tình oán-khổ, thế cũng chẳng giữ được lâu, nếu đã lấy được trấn Thuận-hóa thì lấy cả thiên-hạ cũng chẳng khó gì. Vì thế ông Chỉnh quyết-định trở về cõi Bắc, liền vào tâu với chúa Thái-đức bày mưu mẹo lấy trấn Thuận-hóa, liền xin điều-binh khiển-tướng, tiến thẳng ra đánh lấy thành Phú-xuân. Chúa Thái-đức nghe lời.

Tháng tư năm ấy chúa Thái-đức sai em là Thượng-Công Nguyễn Huệ làm tiết-chế cả quân thủy quân bộ, phò-mã Vũ Văn-Nhiệm làm tả-quân đô-đốc, ông Chỉnh làm hữu-quân đô-đốc, cùng thuộc quyền quan tiết-chế Nguyễn Huệ; đến ngày 28 tháng 4 năm ấy, suất quân ra đánh thành Phú-xuân.

Trong khi ông Chỉnh ở kinh-thành Qui-nhân vẫn biết đại-tướng trấn Thuận-hóa là Phạm Ngô-Cầu vốn người nhút-nhát và đa-nghi, dụ hàng vị-tất đã chịu nghe, ông Chỉnh bèn viết mật-thư, gửi cho phó-tướng Thuận-hóa là Hoàng Đình-Thể, trong thư nói thế quân Tây-sơn rất mạnh, không thể sao đương nổi, nếu đem tỉnh-thành đến hàng, thì sẽ vẫn được phú-quí; lại giặn người đem đi có ý giả-cách lầm, đưa vào dinh quan đại-tướng Phạm Ngô-Cầu.

Hoàng Đình-Thể với ông Chỉnh nguyên cùng là môn-hạ Hoàng Tố-Lý, cho nên Phạm Ngô-Cầu tiếp được thơ ấy có lòng ngờ, giấu kín không cho ai biết, trong bụng đã có ý ra đầu-hàng. Không bao lâu quân Tây-sơn kéo đến, thế rất dữ-dội, đại-tướng Phạm Ngô-Cầu bèn đốc quân-sĩ giữ thành mà sai phó-tướng là Hoàng Đình-Thể đem quân ra chống, chẳng may trận thua, phó-tướng Hoàng Đình-Thể tự-sát ở trên lưng ngựa. Đại-tướng Phạm Ngô-Cầu bèn nộp thành xin hàng.

Quân Tây-sơn lấy được thành Phú-xuân, thừa thế chia quân ra đánh dồn

Đồng-hải. Quan đồn-trưởng là Vệ-phái-hầu cùng quan hiệp-đồng là Ninh-Tốn đều nghe tin chạy trốn.

Tiết-chế Huệ đã lấy xong trấn Thuận-hóa, ông Chỉnh lại bày kế-sách đánh lấy Bắc-hà mà nói với Huệ rằng: « Minh-công vâng mệnh đi lấy trấn Thuận-hóa, chỉ một trận đánh lấy được xong, oai-danh vang dậy khắp thiên-hạ. Trong binh-pháp có ba điều: một là *thời*, hai là *thế*, ba là *cơ*, được ba điều ấy thì đánh đâu chả được. Nay ngoài Bắc-hà, tướng nhác, quân kiêu, triều-đình nhà Lê không còn có cương-kỷ, ta thừa-thế mà đánh lấy, thật là thu kẻ yếu, đánh kẻ dại, lấy nước loạn, khinh nước mất, cơ ấy, thời ấy không nên bỏ mất.» Ông Huệ đáp rằng: « Bắc-hà là một nước lớn, biết bao nhiêu nhân-tài, ông nói sao dung-dị như vậy.» Ông Chỉnh thưa rằng: « Nhân-tài Bắc-hà chỉ có một mình tôi, tôi đã đi rồi thì là một nước không có người, xin ông không ngại. » Ông Huệ bỡn trả lời rằng: « Chả ngại ai, chỉ ngại ông thôi.» Ông Chỉnh thất-sắc mà xin lỗi rằng: «Đó là tôi tự nói tôi ngu hèn, mà còn hơn người, tỏ ra trong nước không có nhân-tài đó thôi; ngoài Bắc-hà có để lại có vương, là một việc cực-biến nhất xưa nay vậy. Chúa Trịnh giả-danh tôn-phù nhà Lê, mà thực là hiếp-chế; nếu Minh-công xướng lên diệt Trịnh phù Lê, thì thiên-hạ không ai không hưởng-phục, đó thực là cái công trạng không đời nào có vậy » Nguyễn Huệ nghe lời bèn sai ông Chỉnh chọn lấy quân tiên-phong đi đường thủy vào cửa bể Đại-an, lấy kho lương ở Vị-hoàng trước, mình thì dẫn quân thủy đi sau, hẹn ông Chỉnh khi vào đến Vị-hoàng, trước hết đốt lửa lên làm hiệu. Xếp đặt xong rồi ông Chỉnh dẫn quân đi trước, đi qua các xứ Nghệ-an, Thanh-hóa đều cho vài trăm quân du-binh đi nói trương-đại thanh-thế, không chỗ nào dám ra chống cự nữa. Quan trấn-thủ Nghệ-an là Bùi Thế-Toại, quan trấn-thủ Thanh-hóa là Thùy-trung-hầu đều bỏ thành chạy cả.

Đến ngày mồng chín tháng sáu ông Chỉnh tiến đến Vị-hoàng, quân đồn nghe tin chạy trốn. Ông Chỉnh lấy cả thóc trong kho, lại đốt ngọn lửa để làm tín. Ông Huệ trông thấy hỏa-hiệu liền tự dẫn quân thuyền kéo ra; sĩ-dân xứ Thanh Nghệ lên núi trông ra ngoài bể, thấy thuyền-bè gươm-giáo rợp trời, than-thở rằng: « Cũng rắn cắn gà nhà, Chỉnh thực là người có tội, nhưng cũng là một việc hiếm có vậy ».

Ông Chỉnh đóng quân ở Vị-hoàng, họp cả quân ông Huệ, thanh-thế lại càng vang-động, bèn tiến thẳng đến thành Thăng-long, chúa Trịnh là Đoan-nam-vương đem quân ra đánh thua trận phải chạy lên Sơn-tây. Tiết-chế Huệ đem quân vào đóng ở phủ chúa Trịnh rồi hạ-lệnh chiêu-an.

Bấy giờ người ngoài Bắc phần nhiều oán ông Chỉnh gây nên cái vạ ấy. Ông Chỉnh cũng tự biết như vậy. Người tương-thức với ông Chỉnh là Đỗ Thế-Long giản bảo ông Chỉnh rằng: « Ông vì nghĩa mà làm, nhưng hình-tích thì thật là một tay tàn tặc, nay ông có cái thế hồi-sơn đảo-hải, thực là nhờ ơn quí-quốc, nhưng khi ông mới xuất thân được cầm quân phong hầu không phải là nhờ ơn nhà Trịnh sao? Ông làm việc này lấy danh là diệt Trịnh, thì thật là ông không phải. Nếu ông bảo nhà Trịnh là hiếp-chế thì sao không nghĩ đến công giúp nhà Lê, hai trăm năm nay, chỉ ưa mới mà bỏ cũ, thực là bất-nghĩa, bất-nhân, là một kẻ tàn-tặc. Đại-trượng-phu lập thân, lại đem thân ra làm đứa tàn-tặc sao? » Ông Chỉnh nghe nói mặt xám như đất, lần lần mới trả lời rằng: « Sự phong-thực cho người là chỉ ơn riêng của một mình mình, đến như cương-thường là đại-nghĩa của trời đất; tôi làm việc tôn-

phủ sao bảo là tàn tặc?» Long nói rằng: «Hoàng-đế vẫn tôn, việc gì phải mượn anh phủ, chẳng qua anh giả danh thế để thỏa cái bụng tư-tâm tranh cướp đó thôi.» Ông Chỉnh giận tím gan mà lại gượng cười bảo rằng: «Như vậy thì ông bày kế cho tôi nên như thế nào?» Long nói: «Bây giờ chỉ ông đã thỏa rồi, nếu biết nghĩ lại thì điều-đình với quí-quốc cho khéo để họ thỏa cái lòng tham muốn mà về; rồi ông chọn trong họ Trịnh, người nào có hiền-đức lại lập cho làm vương mà ông làm phụ-tá thì là cái công to bất-thế vậy.»

Ông Chỉnh gật đầu khen phải và nói để nghĩ xem đã.

Long trở ra, Chỉnh nói với thủ-hạ rằng: «Long nên tống xuống nước, không nên để ở trên cạn mà khi lừa thiên-hạ.» Liền sai ngay người đón ngang đường bắt trói Long ném xuống giữa dòng sông Nhị-hà.

Khi ông Chỉnh mới đến kinh-thành với Vũ Văn-Nhiệm thì cùng ở lầu Ngũ-long, Nhiệm ở phía trước, ông ở phía sau.

Chỉnh nguyên là người Bắc-hà nên quen biết nhiều người mà người ngoài Bắc-hà cũng chỉ biết ông Chỉnh. Phàm quan-lại sĩ-thứ có ai đến yết-kiến đều vào nhà ông Chỉnh; phía sau lầu thì người đông như chợ mà phía trước lầu thì không có một người, Nhiệm thấy vậy có ý không bằng lòng. Ông Chỉnh biết ý Nhiệm, bèn sai người đến ở trước lầu để mời khách cho Nhiệm mà khách cũng không vào. Ông Chỉnh bất-đắc-dĩ, phàm khách của mình đến chơi, tiếp-đãi xong, ông sai người mời khách và mang cả đồ lễ đưa đến nhà Nhiệm mà Nhiệm vẫn không bằng lòng. Ông Chỉnh thấy vậy bèn phải dời ra ở chùa Tiên-tích, Nhiệm bèn nói gièm Chỉnh với ông Huệ rằng: «Hắn là một kẻ bộ-thần đến theo mình, muốn mượn thế-lực của mình mà báo-thù cho thầy, cam-tâm với cố-quốc; mình giong-ruổi muôn dặm, vẽ mặt vẽ mày cho hắn, hắn đã đắc-chí, người trong nước xu-phụ với hắn lại càng nhiều; nay mình hãm mấy vạn người, ngồi ăn ở đây, bênh-vực hắn cho có thanh-thế, thì thật là khờ dại lắm. Vả tôi nghe người trong nước đều thâm-oán hắn, chưa dám khởi-sự, bởi còn có sợ mình đó thôi; nếu mình bỏ hắn mà về thì tất người nước này băm hắn ra mà ăn thịt. Vả hắn thường nói: Nhân-tài Bắc-hà chỉ có một hắn, hắn chết rồi mình lấy đất Bắc-hà lại càng dễ-dàng lắm.»

Nguyễn Huệ nghe Nhiệm nói lấy làm phải, nên bề ngoài đãi Chỉnh vẫn như thường, nhưng trong bụng có ý nghi-kỵ. Quân-sĩ trong Nam-hà cũng vì phải đi xa oán Chỉnh, ngày đêm mong ông Huệ giết đi, lại biết ông Huệ chắc để Chỉnh vào chỗ chết, nên khinh Chỉnh ra mặt. Có khi những đầy tớ Chỉnh cầm binh-phù của Chỉnh đi sang chỗ cấm-địa, quân Nam-hà hỏi, trả lời rằng: Tôi có dấu quan Hữu-quân đây. Quân Nam-hà cười mà rằng: «Quan Hữu-quân là ai? có phải là Nguyễn Chỉnh không? Độ nửa tháng nữa mày sẽ biết Hữu-quân ra thế nào!»

Ông Chỉnh nghe nói bèn nhị-tâm với ông Huệ và biết ông Huệ không ở mấy ngày nữa tất đi về, mình không thể một mình ở kinh-đô được, có chí muốn cát-cứ một trấn Nghệ-an, bèn nói mật với vua Lê rằng: «Tôi dắt hắn đến, chỉ vì việc tôn-phù, nay việc đã xong rồi tôi quyết không theo hắn nữa, liệu hắn thế nào cũng về; sau khi hắn về rồi, trấn Nghệ-an thực là một chỗ phên-bình che dấu sài-lang, xin bệ-hạ cho tôi vào làm Trấn-thủ Nghệ-an, một mặt Nam-hà, tôi xin tự đương cả.»

Không bao lâu Nguyễn Huệ định kế về Nam, các tướng chỉ có phò-mã Vũ

Văn-Nhiệm được biết ; Chỉnh không được nghe đến. Đến ngày mười bảy tháng tám, Nguyễn Huệ mật sai các quân thủy bộ đều sắp-sửa hành-trang, nhưng lại sợ Chỉnh ở ngoài thấy tình-hình sinh ngờ, bèn gọi Chỉnh vào hầu từ sáng đến tối ; người ngoài không được vào, tin ngoài không được đưa đến, Chỉnh lờ-mờ không hiểu ra sao. Đến hồi canh một mới được ra về ; khi về đến nhà có nghe người nhà nói việc ấy ; Chỉnh nửa tin nửa ngờ, nói rằng : « Ta ngồi đấy cả ngày cùng Tiết-chế nói chuyện vẫn thấy nhân hạ, lẽ đâu có sự vội-vàng như thế ! »

Đến hồi canh hai ông Huệ mật sai người gõ cửa điện, xin với vua Lê để từ-biệt ngày mai đem quân về. Chỉnh cũng không biết, vì binh-pháp Tây-sơn cấm đi đêm rất nghiêm, nên thám-tử của Chỉnh đêm không đi ra được ; đêm hôm ấy đã sang đầu canh năm, thám-tử của Chỉnh, mạo cấm đi trộm, qua mấy điểm canh, vừa đi vừa nghe, không thấy tiếng người ; đi đến phủ, trông khắp cả chẳng thấy ai, chỉ có một cái nồi đất vỡ bỏ bừa ở trên đường ; liền chạy vội ra đến bến sông thì chỉ thấy trời với nước, còn mấy vạn thuyền bè không biết đi đâu hết thảy.

Thám - tử về báo, ông Chỉnh liệu mình thất-thế, không dám ở lại kinh-đô, mà đi đường thủy thì không có thuyền, đường bộ thì không có quân, trốn cũng không chỗ nào dung, không biết đi đâu được ; người nhà đều hoảng sợ. Chỉnh đang lúc tử-sinh nguy-cụ, còn nói bỡn một câu rằng : « *Đi cùng bốn bể chín châu, trở về xó bếp chuột chù cắn chân.* Nhưng ta đây cũng không sợ, ta cứ ở đây xem đã làm sao chưa ? » Người nhà bấy giờ mới bớt sợ, Chỉnh bèn sai người đi gấp đến bến đò Cơ-xá tìm thuyền. Đến sáng ngày tìm được một chiếc thuyền buôn, Chỉnh cùng vài mươi người thủ-hạ đi đến cửa ô Tây-long ; nhân-dân bốn mặt đuổi đánh ; Chỉnh một mình rút gươm quay đánh lại, mọi người đều tan chạy, Chỉnh đi thẳng đến bến sông, buông thuyền chạy theo quân Nam-hà ra cửa bể ; những xe ngựa, khí-giới cùng những đồ tư-trang bỏ ở chùa Tiên-tích không biết bao nhiêu mà kể.

Bấy giờ Chỉnh ngồi chiếc thuyền, chạy theo quân Nam-hà, lúc ra đến bể, lại gặp cơn gió, thuyền không đi được, mãi đến hơn tuần-nhật mới đến cửa bể Hội-thống, đóng thuyền tại đấy thì vừa gặp quân Tây-sơn đi đường bộ vào đến thành Vinh.

Nguyễn Huệ nghe Chỉnh thoát thân về được, rất sợ-hãi nói rằng : « Thằng quái sống được thì giỏi thật, vì như mười-lăm thằng quỷ-sứ luân-hồi để làm hại, cắt không đứt, dứt không ra. » Lại lấy lời ngon-ngọt yên-ủi, Chỉnh xin theo về. Nguyễn Huệ bảo rằng : « Quận Thạc quận Nhưỡng chưa trừ xong, ngoài Bắc-hà không có ông không trị nổi, ông hãy tạm ở lại đây. » Ông Huệ lại chia những súng-ống và các đồ quân-khí cho Chỉnh, Chỉnh từ-chối không lấy, lại đưa cho Chỉnh 50 lạng vàng, 20 lạng bạc và để lại một trăm quân-sĩ giúp-đỡ. Ông Chỉnh tự biết lưu quân lại cũng là vô-dụng, bèn xin lấy vàng mà trả quân lại và nói với ông Huệ rằng : « Tôi xin tự điều-dụng lấy dân sở-tại, nếu sức không đủ sẽ có thư cáo-cấp, lúc ấy xin minh-công cho tướng ra giúp. » Ông Huệ nhận lời, bèn lưu Chiêu-viễn-hầu đóng quân ở Kỳ-hoa để sách-ứng với Chỉnh.

Lúc ấy Chỉnh ở trong thuyền chỉ có ba-mươi người thủ-hạ, không dám lên bờ, người trong ấy biết Chỉnh thế cùng, cùng mưu khởi-binh, hẹn ngày bắt Chỉnh. Chỉnh bèn vội mời người anh rể là Nguyễn Khuê đến bàn và bảo rằng : « Bây giờ thiên-hạ đại-loạn, tôi định cát-cứ trấn ta, để mưu việc

lớn, ý anh nghĩ sao, và lập kế thế nào ? » Khuê là người làng Đặng-điền, huyện Chân-phúc, đã từng làm chức tri-huyện, và là một người học rộng, có mưu-trí, bảo ông Chỉnh rằng : «Thanh-thế của ông, ai nghe cũng phải sợ, ông khởi-sự thì lấy trấn Nghệ-an dễ như trở bàn tay. Nay chúng chưa biết thực hay hư, các nơi truyền hịch, vẫn còn anh nọ thoái-thác cho anh kia, chưa người nào dám xuất đầu lộ diện, ông nên làm trước chúng đi, thì chúng trở tay không kịp. Nay ông có lấy một nghìn thủ-hạ thì ông hoành-hành cả thiên-hạ cũng được.»

Ông Chỉnh cười nói : «Anh nói thật hợp ý tôi.» Nói rồi bèn viết vũ-hịch lấy quân ; tờ hịch hạn trong một giờ, nếu chậm-trễ không theo sẽ chém.

Bấy giờ ở hai làng ven đấy có hai người quân-quan già, xưa nay vẫn võ-đoán trong làng, cấm ngăn không cho ai ra lính. Ông Chỉnh sai thủ-hạ đến cướp làng ấy và đâm chết hai người ấy đi, chém lấy đầu đem đi hiệu-lệnh các làng, vì thế cả huyện Chân-phúc không ai dám trái lệnh, chỉ trong mười ngày được hơn một nghìn quân-sĩ. Những kẻ hào-mục thấy Chỉnh khởi-binh, kịp mưu bắt Chỉnh, suy-phụng quan trấn-thủ trước là Đương-trung-hầu Bùi Thế-Toại lên đứng đầu, mà cùng khởi-binh để tiếp-ứng với Toại. Ông Chỉnh bốn mặt chịu đánh, tình-thế rất là nguy-ngập.

Khuê-phong-hầu là người xứ Nghệ-an, thường nghe người ta nói bắt Chỉnh không khó, bèn nói với chúa Trịnh xin cho mình lại làm trấn-thủ Nghệ-an, mà cho con mình làm đốc-thị và sai quan trấn-thủ Thanh-hóa là Mãn-trung-hầu làm chức tham-lĩnh, trước hết hiệu-triệu các quân ly-tán ở Thanh-hóa Nghệ-an cùng những hào-mục thổ-dân ở các nơi để đánh Chỉnh.

Khi Phan Huy-Ích đem quân ra, nói với người ta rằng : « Các người cứ chực mà xem, tôi vào Nghệ-an chém đầu Nguyễn Chỉnh, đem về lấy ấn quân-công.» Lại sai thủ-hạ làm cái trống quân-cổ, dặn rằng : «Phải làm thật to, có thể người vào trong trống được, để lúc ta bắt được Chỉnh dùi thủng trống bỏ hắn vào đem về quân-môn » Chúng nghe nói cũng chắc là thành-công ngay được.

Khi Chỉnh ở Nghệ-an, mới nghe tin Trịnh Phùng tự lại lập làm Ân-đô-vương, dỡn một câu rằng : «Ân-đô là đố an ; nghĩa là muốn yên mà đố sao yên được ! » Sau nghe tin các quân tàn-binh ở kinh-thành, lại họp cơ-ngũ lại như cũ, và chúa Trịnh lại sai người đến đánh mình, liền viết thư vào thành Phú-xuân nói quận Thạc quận Nhưỡng lại lập họ Trịnh, chiếm giữ lấy nước để mưu bảo-thủ, xin cho viện-binh ra để chống-cự. Ông Huệ tiếp được thư bèn sai quan Tả-quân đem quân ra. Ông Chỉnh lại đưa thư cho quận Nhưỡng kể chỗ tình-nghĩa thân-thiết với nhau và nói mình với Tây-sơn đã tuyệt tình rồi ; xứ Nghệ-an tiếp-giáp với trấn Thuận-hóa, quân Nam-hà bất-thời lại đến, xin để mình ở đây, để đương một mặt, đến khi trong nước yên rồi, nếu bảo-toàn cho cũng xin về triều ngay. Nhưỡng xem thư rồi bảo con rể Chỉnh là Siêu-Vũ rằng : « Nguyễn-huynh với chú đây cùng là môn-hạ tiên-công, tiên-công coi như con, ông anh hay bảo-thủ được cho tiên-công, mà chú đây không làm được chuyện gì, thực thẹn với ông anh lắm ! Nhưng Nguyễn-huynh nghĩa thì hết nghĩa, mà trung thì chưa trung, nay chú tôn-phù nhà vua, chỉnh-đốn lại cơ-đồ, Nguyễn-huynh nếu muốn ở lại trấn-thủ Nghệ-an, chú cũng xin vâng, nhưng Nguyễn-huynh cũng không nên lừa chú mà thình-lình kéo quân đến ; dẫu thế nữa, có chú ở đây, Nguyễn-huynh có đến, chú cũng không để Nguyễn-huynh về, cũng nên nói rõ như vậy.» Bởi thế

Nhưỡng cũng không để ý đến sự Chỉnh làm chi nữa.

Ông Chỉnh lại cho anh là Nguyễn Ban vào yết-kiến vua Lê, xin ban sắc-mệnh cho mình làm trấn-thủ Nghệ-an. Vua Lê mật hỏi quân-thế của Chỉnh thế nào. Ban trương-đại thanh-thế tâu cho vua Lê nghe; vua mừng rỡ bảo rằng: «Việc này Hữu-quân đã từng diện-thỉnh với trẫm, trẫm cũng đã diện-hứa cho rồi, để trẫm sai thảo-sắc, ngươi hãy ở lại đó chờ mà lĩnh.» Sau vì các quan tả hữu ngăn-trở vua Lê rằng: « Hữu-quân xa mà Trịnh-vương ở gần, chưa biết sau này bên nào thua được, nếu bây giờ ban sắc-mệnh như vậy mà việc Hữu-quân làm không xong, Trịnh-vương biết được, thì tất là sinh lòng oán-hận.

Vua Lê nghe lời chưa dám ban sắc. Nguyễn Ban trở về kiểu-xưng là có cáo-sắc của vua cho Chỉnh làm trấn-thủ Nghệ-an, mở dinh quân trung-hùng, và gia-phong tước là Bằng-lĩnh-hầu để đem quân vào kinh phù-vệ. Ông Chỉnh bái mệnh thảo hịch dụ thiên-hạ để hiệu-triệu hào-kiệt, thu-thập những quân tàn tốt.

Tờ hịch rằng:

Sinh dân phải nuôi dân làm trước, vậy hoàng-thiên dựng đấng quân-sư; gặp loạn đánh dẹp loạn mới xong, hóa vương-giả có phen binh-cách.

Hội ứng-thuận thế chẳng được chớ, việc chính-trù lòng há muốn ru?

Ta nay: cầu khí trời Nam; vốn dòng họ Nguyễn.

Nhờ lộc nước phải theo việc nước, rắp phen Trương Tử báo ơn Hán; ăn cơm vua thì trả nợ vua, chi để Tào-Man dòm vạc Hán.

Giận quốc-phó mống lòng bội-thượng; nên Tây-sơn xướng nghĩa cần-vương.

Trước là ngăn cột đá giữa dòng, kẻo nghịch đẳng đặt mưu ngấp-nghé; sau lại tưới mưa dầm khi hạn, cứu cùng-dân sa chốn lầm-than.

Vì lòng trời còn nền-nếp Phù-xuân; ắt dấu cũ lại cơ-đồ Hữu-Hạ

Nào biết tộ đời có bảy, giặc họ Trương mong phiến-biến mười tuần; đành xoay thế nước hóa ba, tôi nhà Hán phải thu do hai ấp.

Thế bạng-duật còn đương đối mặt; thói đường-lang sao khéo lẳng tai.

Ngoài mượn điều chẩn-cứu làm danh, dân tư-loạn kéo binh điếu-phạt; trong cứu dữ thừa-nguy để dạ, cõi thừa-bình bỗng nổi lưu-ly.

Cung-đài thành-quách phá lâng-lâng; súng-ống thuyền-bè thu thầy thầy.

Cơn gấp khúc chẳng thương lòng ngoại-tộc đã cùng rừng đuổi thú thì thôi; dẫu cỡi rồng cũng đội đức tiên-công, lại quét lỗ cây sân sao nỡ?

So chữ bạo, lửa nồng quá Hạng; khiến lòng người, nước chảy tới Lưu.

Chúng điểu-tàn trông cờ nghĩa về đầu, xui quân-số một ngày một thịnh; dân cơ-cận cảm lòng nhân ngóng cổ, khiến binh-oai càng tháng càng thêm.

Quảng-nam đã quét sạch bụi dơ; Thuận-hóa lại đem về đất cũ.

Nam một giải tăm kinh hẳn tắt, cơ thái-bình đứng đợi đã gần; bắc mấy thành đầm nhạn chưa yên, việc trừng-cứu ngồi xem sao tiện?

Tưởng công-đức vua Lê dám phụ; lộng quyền-hành họ Trịnh khó nghe.

Ngôi hoàng-đế đặt không cả nước hết nhung nhăng lấy chịch; tội trừ-cung chẳng có, cầm lòng riêng thêu-dệt vào hình.

Hiệu Đoan-Nam đã tỏ ý vô-quân mưu thoán-vị lại cưu lòng bội-phụ.

Trưởng-quân vốn xưa nay là phúc, việc cha trao, bội-bạc sao đành; Điện-Đô tuy thơ bé là anh, mệnh cha lập tranh dành sao phải?

Tai chẳng đoái đến lời cố-mệnh, mặt nào trông vào chốn tử-cung.

Để một đoàn con trẻ đàn bà, đem chữ hiếu nỡ giao xuống đất; biết mấy kẻ tôi ngay người thẳng, kêu tiếng oan đã động đến trời.

Vì tôn-phù ưng lập chẳng mưu mình; thì sắc-lệnh ngân-tiền sao đợi nó?

Gươm gãy cán, trên đem làm dưới, nghĩa-hạnh đâu trời đất nào dong; lưới đứt giường, quân đuổi được quan, chính-lệnh ấy, xưa nay cũng lạ!

Chuyện phế lập muốn mình cho mạnh, để khuynh-nguy làm nước phải lo.

Vốn từ xưa thần nịnh chủ hôn, mở binh-trị lòng trên ít có; lại gặp thủa binh kiêu-dân oán, sửa mối-giường tài cả phải ra.

Chước vạn-toàn đã tạc đá Hoành-sơn, binh tứ-khắc lại dương buồm Bắc-hải.

Qua sông Mạnh trỏ cờ Chu-Vũ, ra tay sửa chính dẹp loàn; vào đất Quan thét ngựa Hán-Hoàng, quyết chí lấy nhân đổi bạo.

Vớt-cứu vốn nguyền lòng thật; vỗ-về phải ngỏ lời ngay.

Chữ hướng-dương hầu mượn ai suy, Thương sĩ-nữ huyền-hoàng là thế; máy trợ-thuận hẳn nhiều người biết, Tần lại-dân ngưu-tửu nữa ta.

Tuy rằng uy dãng-định vốn nhơn-nhơn; song-le dạ tuy-hoài hằng đau-đau.

Ai ấy biết suy lẽ phải, hẳn một lòng Hạ chúng hễ tô; ta chỉ nỡ phụ dân lành, ắt bốn chữ thu hào vô phạm.

Đường bội-bạn chớ quen như cũ; phúc thái-bình đều hưởng từ nay.

Nước triều đông vì chẳng thuận dòng, còn cự cưỡng dấp giơ tay chấu; lửa cháy đá sợ mà mở ngọc, dẫu hiền-ngu khôn lọt lưới trời.

Uy với ân, lời phép hằng lẽ; thuận hay nghịch, lòng ai mặc quyết.

Bấy giờ những người hào-kiệt ở hai trấn Thanh Nghệ bảo nhau rằng: « Hắn thì thực đáng ghét, nhưng có vâng mệnh vua, nếu mình chống lại thì là kháng mệnh với triều-đình, tránh sao khỏi tội. » Bèn bỏ Bùi Thế-Toại mà đến theo Chỉnh, chỉ trong mười hôm, được hơn một vạn quân hùng-tráng. Chỉnh bèn cho Nguyễn Khuê làm thị-sử, đặt hiệu quân là Tứ-đột Tứ-thành, lấy tiếng vâng sắc-mệnh về bảo-vệ nhà vua, bộ-ngũ rất chỉnh-tề, hiệu-lệnh rất nghiêm-túc.

Khi đó vua Lê đang tức giận quân Nhưỡng, ngày ngày mong Chỉnh đến, mật hạ thủ-chiếu, giục Chỉnh đến ngay. Ông Chỉnh hội cả quân-sĩ lại mà tuyên-cáo rằng: « Bọn Đinh Tích-Nhưỡng và Dương Trọng-Tế đóng quân ở kinh-thành, âm-mưu bất-quĩ, ta vâng mật-chỉ về triều, để thanh tội kẻ giặc ở bên vua, các ngươi nên cùng lòng hết sức, để giúp đỡ vua trong lúc gian-nan này. »

Khi quân ra đến bến đò Hoàng-mai, huyện Quỳnh-lưu, gặp Mãn-trung-hầu và Phan Huy-Ích phụng-mệnh Trịnh-vương, mộ quân thổ-binh ở Thanh-hóa. Chỉnh suất quân thiết-kỵ thiết-đột cùng quân Mãn-Trung-Hầu đánh nhau ở núi Ngọc-sơn; Mãn-trung-hầu phải chết trận, Phan Huy-Ích bị Chỉnh bắt được; Chỉnh kể tội Ích về bè với Nhưỡng làm phản vua và bảo rằng: « Nghe ngươi làm cái trống to lắm, dùi thủng ra có thể để được người vào, có phải không? » Ích run sợ xin lỗi. Nguyễn Khuê với Ích có quen biết nhau, cố nói xin dỡ, Chỉnh cười mà bảo rằng: « Bọn thư-sinh nói khoác, giết cũng vô-ích ». Bèn tha mà bắt đi theo.

Chỉnh được thắng trận rồi, thanh thế lại càng lừng-lẫy lắm, báo tin về đến thành Thăng-long, chúa Trịnh Phùng gọi quân Nhưỡng đến cùng mưu. Bấy giờ vua Lê lại mật ban chiếu-chỉ, sai những người hào-mục ở xứ Hải-dương, đánh phá nhà họ Đinh ở làng Cam-giang. Đinh Tích-Nhưỡng

bất-đắc-dĩ phải xin với Trịnh-vương cho về trấn-thủ hai trấn Hải-dương Yên-quảng, suất quân bộ-binh về đông.

Ngày mồng hai tháng chạp, Chỉnh đem quân ra đến kinh-đô, chúa Trịnh Phùng đang đêm sang sông Nhị-hà chạy sang kinh-bắc, đóng ở làng Quế-ổ, phải quân Chỉnh đánh phá, chạy về Hải-dương.

Khi Chỉnh đem quân sang qua sông Thanh-khuyết, đã sai Lê Giác dâng biểu về tâu vua Lê trước, biểu nói rằng: « Thần khâm chỉ đem quân vào bảo-vệ, đã xuất-sư đi từ tháng trước, lúc đến núi Ngọc-sơn, Lê Trung-Nghĩa và Phan Huy-Ích dám ra chống đánh, thần suất quân thiết-kỵ đánh tan, chém được Trung-Nghĩa, bắt được Huy-Ích, xa nhờ oai trời, quân-khí lại càng thịnh lắm, từ Thanh-hóa ra bắc, đến đâu sĩ-dân cũng hoan-nghênh, kính vâng tuyên-thị oai-đức, để cho yên-ổn. Thần mình đang giáp-trụ, mơ-tưởng quân-thiều, chút tình luyến-khuyết không biết chừng nào.»

Vua Lê xem tờ biểu rất vui lòng, hỏi đến tình-trạng xứ Nghệ-an, Giác tâu rõ sự thực, vua khen rằng: Thật giỏi quyền-biến. Bèn cho Giác làm chức « Nội-hàn-lâm-viện cung-phụng thiêm-thự cơ-mật-viện-sự, quản-cơ lệnh tả-oai.»

Chỉnh vào đến làng Thịnh-liệt, vua sai các quan đình-thần ra ngoài giao đón, Chỉnh vào chầu, vua cho yết-kiến ở điện Trung-hòa. Chỉnh tâu rằng: « Mới rồi quân kiêu-binh gây biến, kẻ đại-thần mắc nạn, lúc ấy thần đang cầm quân ở ngoài, bị chúa Trịnh không dung tha, đến nỗi phải liều mình bỏ nước. Thần thiết nghĩ loạn-căn bởi tại cương-thường rối loạn, mũ dép lộn ngược, những năm canh-thân tân-dậu, những người trung-liệt trong nước, cũng vì thế mà căm-tức, kẻ thì đem hoàng-thân đi xướng-nghĩa, kẻ thì giữ quân-ấp để chiêu-binh, việc dẫu không thành, tiếng nghĩa-thanh đã dậy, người ta ai cũng bụng ấy, không phải thần chỉ vì thân mưu gây nên hấn-khích ấy, thần lấy nghĩa khuyên người, chỉnh-đốn lại cơ-đồ, là muốn rõ phận vua tôi, thuận lẽ trời đất, chớ với chúa Trịnh có thù-hiềm gì, trời như hối-họa, người biết đổi lỗi, há không phải là phúc cho nước nhà ru? Tiên-đế xét đến tấm lòng ấy, hạ lời ôn-dụ, thần rất lấy làm cảm-kích, người trong nước không biết cho thần, mưu theo nếp cũ, muốn cam-tâm với thần, để rối-loạn triều-chính lúc buổi đầu của bệ-hạ, thần không phải dám bôi xấu cho người, để che lỗi mình, biết tôi là vua, dám xin bệ-hạ soi xét.»

Vua Lê bảo rằng: « Trẫm đã biết rồi, nay giúp trẫm giẹp yên loạn-lạc cho được thái-bình, chỉ nhờ vào nhà ngươi cả ». Bèn cho Chỉnh làm Bình-chương-quân-quốc trọng-sự, phong tước là Bằng-trung-công, những người thân của Chỉnh là Nguyễn Khuê, con Chỉnh là Nguyễn Du, đều phong tước hầu cầm quân, cùng thuộc quyền về tướng-phủ, còn như tướng-sĩ bộ-khúc cũng được thăng chức cả.

Chỉnh lập dinh ở Lượng-phủ để ở, cứ năm ngày một lần vào chầu, thoái triều rồi, ra ngồi tòa chính-đường bàn việc, còn những ngày khác, thì phàm có việc quân-quốc gì, thì các quan đều đến nhà Chỉnh, xin Chỉnh quyết-đoán, quyền ngang với vua, thế khuynh thiên-hạ.

Khi ấy iền-tệ phần nhiều phải các nhà giàu thu-tích, nhân-dân khốn-khổ vì sự hiếm tiền, vật-giá cũng vì thế đắt-đỏ, Chỉnh tâu xin thu lấy hết cả các chuông đồng tượng đồng trong nước, thu đem về kinh, đắp lò đúc tiền, cho các đầy-tớ đi khắp các thôn-ấp cướp lấy, nơi nào dấu-diếm khảo hỏi cho ra, chỉ còn tượng thần ở đền Trấn-vũ

ở phía bắc kinh-thành là không lấy được thôi, nhân-dân ta-oán, có làm một câu đối dán ở ngoài cửa Đại-hưng rằng :

Thiên-hạ thất tự-chung, chung thất nhi đỉnh an tại ;
Hoàng-thượng phần vương phủ, phủ phần tức điện diệc không.

và một câu nôm rằng :

Thiên-hạ mất chuông kêu như vạc ;
Hoàng-thượng đốt phủ ắt không đền.

Ông Chỉnh nghe thấy ghét lắm, và cũng tự biết những việc mình làm, công-chúng không ưa, lại càng làm ra oai-thế để bưng miệng người ta lại.

Khi ấy có người quan võ là Hoàng Đình-Thước, đương lúc Chỉnh đi chạy, Thước vâng mệnh suất thủ-hạ canh giữ kinh-thành ; gặp tên người nhà Chỉnh cầm thanh gươm của Chỉnh chạy, bèn giữ lại hỏi, tên người nhà kia xin nộp thanh gươm, Thước lấy gươm mà tha cho đi. Đến khi Chỉnh được về triều làm tướng, bấy giờ Thước đương làm chức án-trấn ở xứ Kinh-bắc, vào yết-kiến Chỉnh mà nộp trả thanh gươm, Chỉnh liền sai bắt giam ngục ; sau nghe nhà Thước có nhiều đồ quí-báu, sách lấy kỳ hết mới tha cho. Những việc Chỉnh làm phần nhiều càn-dỡ không còn sợ ai cả.

Chỉnh lại tự đặt một hiệu quân, gọi là Võ-thành-đạo, chia làm năm dinh, quân nội-quân gọi là Thiết-kỵ Thiết-đột hai vệ, mỗi vệ có năm đội, phàm quân-pháp cho đến các đồ nhung-phục đều bắt-chước nhà Thanh, để khác hẳn với các quân khác. Nơi lượng-phủ mình ở, thì lâu-đài đề-đệ cho đến xe kiệu áo mũ, thứ gì cũng chế làm kiểu mới, để tiếm-nghĩ với vua. Trong giữ binh-cơ, ngoài lĩnh trấn-tiết, phàm những chỗ cơ-mật quan-yếu, đều dùng người đảng-vũ của mình, chia giữ mọi chức, việc gì cũng tự chuyên, làm rồi mới tâu vua, oai-quyền trọng quá, hình-tích lộ cả, cho nên vật-luận ồn-ào, ai cũng bảo thế nào Chỉnh cũng làm vương, sau này hiếp-chế nhà vua, lại tệ hơn chúa Trịnh.

Vua Lê thấy như vậy, cũng có ý ngờ, bèn mật bàn với quan nội-hàn là Ngô Vi-Quí và Lê Xuân-Hợp lập kế giết Chỉnh ; sau nhân có quan nội-hàn Vũ Trinh vào chầu, vua đem sự ấy mật nói với Trinh, Trinh bèn đem sự lợi-hại tâu can, vua mới dìm việc ấy đi.

Sau ông Chỉnh biết chuyện thế, rất oán vua yếm-bạc, từ đấy chỉ ở đề-đệ, không dám vào chầu, có việc quân-quốc trọng-sự gì, đều sai người vào tâu, vua có điều gì chuẩn hay không, lại sai quan đại-thần đến dinh Chỉnh bàn nói.

Khi ấy có kẻ bạn-thần là Dương Trọng-Tế khởi binh tại huyện Gia-lâm, truyền hịch đi cả các huyện, kể tội vua cậy nhờ Chỉnh đuổi Trịnh-vương, vua thấy tờ hịch giận lắm, liền sai Chỉnh phát-binh đi đánh, Chỉnh sai bộ-tướng là Nguyễn Như-Thái và Hoàng Viết-Tuyển đem quân đi đánh, bắt được Trọng-Tế, đem ra chém ở trước trường Đại-học. Triều-thần tâu tiến cho Chỉnh tước công một chữ, được mở phủ Võ-thành, đúc ấn Võ-thành, và coi cả viện cơ-mật.

Chỉnh lại mộ người Tàu làm người quân-binh, đặt hiệu quân là Thiết-kiện, nhân tâu xin cho con là Nguyễn Du làm chức doanh-tướng, thống-lĩnh cả các quân, vua chuẩn cho. Từ đấy phàm việc gì quan-hệ đến việc quân, đều thuộc quyền về Nguyễn Du cả.

Chỉnh mở phủ ở phía đông đề-đệ, lầu cao cửa rộng, xa-xỉ cùng-cực, để cho con là Du ở đấy, làm theo như cách thế-tử nhà vương ra ở phủ khi trước ; những kẻ bộ-khúc ỷ-thế làm càn, không cứ nhà nào hay việc gì, nhất-thiết văn-thư gì, hễ đóng dấu Võ-thành-quân vào, thì không ai dám trái lệnh, bởi vậy tình người chán nản

người thức-giả biết là thế nào cũng loạn, phần nhiều bỏ quan mà về.

Chỉnh cũng tự biết công-luận không ưa mình, muốn mượn đường khoa-cử, thu lấy nhân-tài, để mua chuộc lòng người, bèn xin mở chế-khoa để lấy người. Năm ấy điện-thí, phàm hơn hai trăm người vào đối-sách, ý Chỉnh muốn lấy tất cả để thủ lấy danh-sĩ, kịp lúc lô-truyền, chỉ có hai người hợp cách là Trần Bá-Lãm và Nguyễn Gia-Cát mà thôi, Chỉnh ý không bằng lòng, đến mùa đông năm ấy lại thi hội ở lầu Ngũ-long, lấy mười lăm người tiến-sĩ.

Bấy giờ Chỉnh là người vua đang ỷ-trọng, những người tôi thân tướng cũ, cũng không ai bằng; những người cầm quân ở ngoài đối-địch với Chỉnh, thì đàng tây có Thạc-quận là Hoàng Phùng-Cơ, đàng đông có Nhưỡng-quận là Đinh Tích-Nhưỡng, Chỉnh đều coi thường cả. Quận Thạc bèn đưa thư đi phủ Quảng phủ Quốc, kể tội ác của Chỉnh, cho là thằng giặc ở bên vua, kỳ thế nào cũng giết Chỉnh để thanh triều-đình. Chỉnh nghe bảo mình là giặc, giận lắm, liền sai bộ-tướng là Lê Duật đem quân đi đánh, mà mình tự đốc-quân đi sau đánh tiếp, đánh bắt được quận Thạc ở làng Đại-bằng, giải về kinh, cho uống thuốc độc chết.

Từ đó Chỉnh chuyên giữ quyền nước, việc gì cũng quyền tự mình; càng ngày càng cán-dỡ, các quan văn-vũ thần-liêu ai cũng chán-ngán, người giữ lòng công bằng thì thường phải quân-sĩ Võ-thành quấy-nhiễu, người khẳng-khái bàn việc, thường mắc tội oan, nên ai kiêng sợ mà không dám nói.

Khi trước ông Tiết-chế Huệ về Nam-hà, lưu một người tướng là Nguyễn Duệ ở lại Nghệ-an và quan đô-đốc là Chiêu-viễn-hầu đóng quân ở trấn-doanh Hà-trung, sau lại đổi Chiêu-viễn-hầu về đóng ở châu Bố-chính, phò-mã Vũ Văn-Nhiệm làm tướng Tả-quân đóng trọng-binh ở Đồng-hải để làm thế ỷ-giác cùng thanh-viện. Bấy giờ Chỉnh theo về, ông Huệ yên-ủi cho lưu ở Nghệ-an, làm việc với Duệ, ngoài mặt dẫu nói ngọt-ngào với Chỉnh, nhưng dặn riêng với Nguyễn Duệ rằng: «Chỉnh vốn là người Bắc-hà, vong mình về theo ta, ta xem là một người quyệt trá, không thể tin cậy được. Vả người Bắc-hà rất thâm-oán Chỉnh, ta muốn bỏ cho tự-nhiên chết đi, không ngờ lại thoát chết chạy theo về. Xứ Nghệ-an này là quê-hương nhà nó, nay ta để mày ở lại đây, phải dò xem nhân-tình hướng-bội thế nào, và cách Chỉnh động-tĩnh ra sao. Chiêu-viễn ở đây, hễ gọi thì đến ngay được, Tả-quân ở kia cũng không xa, hễ có việc gì, đem thư báo-cáo ngay, mà cùng nhau thương-lượng, đối với địch-quốc, mày phải để ý đề-phòng, chớ có kính-tín Nguyễn Chỉnh, tất mắc mưu nó, mày nên cẩn-thận lắm mới được.» Sau khi ông Huệ về Nam rồi, Chỉnh liền đem quân ra Bắc, lưu bộ-tướng là Lê Duật ở lại làm việc với Duệ, khi lâm-biệt dặn bảo đinh-ninh, cư-xử với Duệ cho tử-tế, Duệ cũng lấy ý tử-tế đãi lại. Lúc Chỉnh đã được đắc-chí, thường cùng Duệ thư đi thư lại, và biếu đãi rất hậu, lại sai người mật gọi Duật về kinh, dò hỏi quốc-tình triều Tây-sơn, và đo-dắn xem ý Duệ, biết trong triều Tây-sơn chúa Thái-đức và ông Huệ anh em đánh nhau, kế lại được thư của Duệ ước cùng nhau góp sức vào đánh Nam-hà, Chỉnh mừng lắm, lấy làm xứ Nghệ-an lấy được hẳn, bèn sắp mười lạng hoàng-kim và mười tấm vóc, sai Lê Duật vào yết-kiến Duệ, đối với Duệ, đem sự lợi-hại họa-phúc ra mà nói, vừa dọa vừa dỗ, để Duệ chiếm-giữ lấy xứ Nghệ-an, cự-tuyệt với Chiêu viễn-hầu, rồi sửa lại cái lũy cũ Hoành-sơn, lấy sông Đại-linh-giang làm giới-hạn, như việc cũ đời Lê.

Thám-tử của Vũ Văn-Nhiệm dò biết sự-tình như vậy, vội về báo với Nhiệm, Nhiệm liền cho đem binh-phủ đi với Duệ, Duệ cự bảo rằng: «Tướng ở ngoài, mệnh vua cũng có cái không theo, huống chi lúc quan Tiết-chế về, ủy tôi đóng ở đây, tôi không dám thiện-tiện bỏ đi được.» Nhiệm biết Duệ làm phản thật, liền đạt thư về thành Phú-xuân cáo-biến. Gặp lúc ấy Tiết-chế Huệ đang hiềm-khích với chúa Thái-đức, sự nội-biến ở Nam-hà, lại cần-thiết hơn sự ngoại-ưu ở ngoài Bắc, không thể đi được, ông Huệ bèn sai người bảo Nhiệm hãy viết thư hỏi tội Chỉnh sao dám thông-mưu với Duệ, xem Chỉnh trả lời ra sao; nếu Chỉnh còn biết sợ, thì hãy dễ đấy, nếu ra mặt cự mệnh, thì phải đem quân đến trị tội.

Nhiệm bèn đưa thư trách Chỉnh cái tội thông-mưu với Duệ. Chỉnh được thư cũng không cho vua biết, lại viết thư trần tạ đưa cho Nhiệm rằng: «Khi xưa tôi bỏ nước về theo, mông-ân cho vào mạc-phủ, theo đòi hầu-hạ trong bốn năm năm, đến mùa thu về, không cho tôi biết, chúa-công tưởng làm thế để xem tôi khứ-tựu ra sao; người ngoài lưu tôi, tôi dứt tình không ở, tấm lòng bất-nhị, lượng cao minh tưởng cũng giám-tri, theo về yết ở Vĩnh-doanh, tôi xin theo về với quân-sĩ, mong dụ rằng quân Thạc quân Nhưỡng còn quấy nhiễu chưa yên, không thể về được, hãy lưu lại đấy, tiễu-trừ cho xong, tôi dám chẳng vâng lời, đã đem thân về triều, nào dám tiếc gì, xông-pha tên đạn, để cùng Thạc Nhưỡng giao-phong, chỉ mong trừ xong hai tướng giặc rồi sẽ dan-kỵ về Nam; mới tháng trước đây, đánh ở Sơn-tây, mới bắt được quân Thạc, còn quân Nhưỡng còn tung-hoành ở xứ Hải-dương, phải ở lại tiễu-bộ, nên chưa về được triều-đình. Những người ghét tôi, thấy ở lâu ngoài Bắc, đem lời gièm-báng, sao chẳng xét cho. Sau khi chúa-công về Nam, tôi ở Nghệ-an có hơn mười ngày, lúc nào mưu toan được với Duệ, từ đấy kẻ nam người bắc, việc ai người ấy làm, hà-tằng đi lại với Duệ, giãi hết tâm-tình, không cần phải biện-bạch. Vả tôi ở với tướng-quân bấy lâu, nếu có bụng gì, dấu sao khỏi lộ, xin Tướng quân vì tôi tâu rõ với chúa-công cho, thì tôi được nhờ ơn lắm.»

Nhiệm tiếp được thư, biết Chỉnh có ý hãy còn e sợ, nên cũng lấy lời tử-tế mà ủy giải, để cho Chỉnh yên lòng, để mình được trông-nom đến việc xứ Nghệ-an, chỉ bảo Chỉnh mau mau dẹp xong quân Nhưỡng, đem quân về nam, để khỏi phụ ý triều-đình. Chỉnh không biết ý, ngỡ là đánh lừa được Nhiệm, tất khoan được sự lo ở phía nam. Bấy giờ trong triều ngoài quân, đồn nói tướng Tây-sơn là Vũ Văn-Nhiệm sẽ đem quân ra Nghệ-an, chọn lấy đinh tráng, khắc kỳ tiến ra, quân Tây-sơn bất-nhật lại đến, thành Thăng-long tất lại làm một nơi chiến-trường, kinh-đô ồn dậy lên, kẻ đình-thần nhiều người tâu nói với vua, vua gọi hỏi Chỉnh, Chỉnh tâu rằng: «Mọi người đồn ngoa, không có gì thực, tôi đã từng cho người đi dò, biết được hết sự thực, hiện nay anh em chúa Tây-sơn đang đánh nhau ở trong tiêu-tường, tệ hơn là thù địch, hẳn dám đâu đi khỏi núi Hoành-sơn một bước để tranh-hành với mình, mình cốt cứ tự-trị, tự-nhiên trong nước thái-bình; đến như một trấn Nghệ-an, chỉ sai một người đem quốc-thư vào nói với hắn một lời là xong, không cần phải lo gì lắm; vả Huệ dẫu cũng là một tay anh-hùng, nhân-tài Bắc-hà mình cũng không kém mấy, vạn-nhất có gây nên binh-hấn, tôi xin cùng hắn đối thủ. Còn như Vũ Văn-Nhiệm thì chẳng chấp chi, nay Nhiệm đã chiếm giữ trấn Nghệ-an, hãy cho hắn ở nhờ, không lâu sẽ cũng về mình cả.»

Vua bảo rằng: «Nhân-tình kinh-nghi, chỉ vì tin Nam-hà, là quan-hệ đến nước nhà nhất, ngươi nên mưu xa tính sẵn, cho yên lòng trẫm.» Chỉnh thưa rằng: « Đó là chức-phận của tôi, tôi dám chẳng hết lòng ».

Chỉnh lại nói mật với vua, sai ông Trần Công-Xán và ông Ngô Nho đem quốc-thư vào kinh-thành Phú-xuân (kinh-thành của Bắc-bình-vương là Nguyễn Huệ ở) nói việc địa-giới trấn Nghệ-an, lúc lâm-hành ông Xán bảo ông Chỉnh rằng: « Nay chỉ chắc có đi, chưa chắc có về, ông nên để ý về sự cương-trường, sửa đồ võ-bị, giữ nơi hiểm-yếu, quân ngoại-địch chưa biết lúc nào kéo đến. » Chỉnh vẫn dương-dương đắc-ý, ngỡ trấn Nghệ-an tất đòi lại được, ông Huệ tất không dám đến nữa.

Khi ấy chúa Trịnh Án-đô-vương đóng ở làng Quế-ổ xứ Kinh-bắc, có người quan võ là Nguyễn Đình-Toại phụng mật-chỉ của Trịnh-vương đến hạt phủ Từ phủ Thuận hiệu-triệu những người thổ-hào, chiêu-mộ lấy quân nghĩa-dũng, mưu đánh Chỉnh để thanh nội-nạn, lại đưa hịch cho các quan phiên-thần ở các xứ Lạng-sơn Cao-bằng, để cùng đem quân đến giúp.

Chỉnh nghe tin giận lắm, có xin vua cho đem quân đi đánh, vua bất-đắc-dĩ hứa cho, Chỉnh đốc quân sang sông Nhị-hà, thuyền-bè chật sông, thanh-thế lẫm-liệt, chúa Trịnh kíp sai Toại đem quân ra đầu làng Quế-ổ làm quân tiên-phong, thổ-hào huyện Yên-dũng là Nguyễn Trọng-Linh làm tả-cự, thổ-hào huyện Gia-bình là Trần Quang-Châu làm hữu-cự, bày trận để đợi, lúc quân Chỉnh đến nơi, hai bên xông đánh từ sáng đến trưa, không phân thắng-phụ, đều lưu quân về nghỉ. Chỉnh sai người đem chiếu-thư của vua đến dụ chúa Trịnh qui-thuận, chúa Trịnh cười bảo rằng: «Lần này Nguyễn Hữu-Chỉnh đến đây, bản-ý muốn bắt sống ta, nay lại nói ngọt-ngào dỗ ta, thằng nghịch-tặc này thật đáng ghét, dẫu thế nhưng có mệnh vua đến, ta không nên làm thinh không trả lời ». Bèn tự thảo tờ biểu trần-tình rằng: «Kể tội-ác của Chỉnh, thần-dân ai cũng chau mày nghiến răng, xin trước mưu giết Chỉnh, sau sẽ về triều. » Chỉnh thấy biểu của Trịnh-vương gọi mình là giặc, mặt giận hầm-hầm, tuốt gươm quát lên rằng: « Thằng mất nước sống xót, mà vẫn chưa biết sợ, còn dám múa mép khua lưỡi, để lừa dối người ta, hôm nay ta thề cùng Án-đô-vương thề nào cũng một đứa sống một đứa chết, tướng-sĩ các ngươi nên trông ngọn cờ nghe hiệu trống, gắng sức xông trận, chỉ tiến không lui, người nào không theo mệnh, sẽ xem thanh gươm này. » Bèn bận đồ nhung-phục nhảy lên mình voi, tay cầm lá cờ hồng, chỉ-huy các quân-sĩ xông vào; quân Trịnh-vương sức không chống nổi, vừa đánh vừa lùi, nhân lui quân vào trong lũy cố giữ, Chỉnh dàn quân khắp bốn mặt lũy vây đánh, đánh nửa ngày không tan, đến đêm vào hồi canh tư, Trịnh-vương dẫn quân chạy trốn về lối đông-lộ.

Bấy giờ Chỉnh thay quyền vua, để hiệu lệnh cả nước chuyên lộng oai-phúc, tự lấy làm cả nước không ai bằng được mình, trong bụng còn e sợ, chỉ sợ có Bắc-bình-vương là ông Nguyễn Huệ mà thôi, thường nói tư với người thân-tín rằng: « Bắc-bình-vương là một tay hùng-kiệt ở Nam-hà, ta đây cũng không kém, hắn thì quyệt hơn ta, ta thì khôn hơn hắn, lúc trước đã làm việc với hắn, ngày nay hãy chịu nhường hắn một chút, chờ khi trong nước yên-định rồi, sẽ chuyên ý về mặt phương nam, bấy giờ sẽ đại-hội binh-xa với hắn một chuyến, trừ một thằng ngạnh ấy đi, thì cả núi Hoành-sơn ở

vào nam, lại về cương-giới nước nhà; ông Trần Bình-Chương vào Nam-hà nói việc cương-giới, nếu bất-đắc-dĩ mà nhường cho hắn đất Nghệ-an, thì cũng là cái cách khôn, đem ngọc và ngựa cho nước Ngu, để Quan-trung cho Hạng Vũ đó thôi, nghĩa là mình sắp muốn lấy hãy tạm để cho người, cách ấy các người không thể biết được. Cho nên đối với việc trấn Nghệ-an, chỉ cầu cho được vô-sự. « Bắc-bình-vương chực bắt Chỉnh đã lâu, mà Chỉnh vẫn không biết, hễ có ai nói đến việc biên-cương cũng đều cho là hiếu-sự ức-đạc, tin đường-sá đồn ngoa mà không tin. Kịp đến sứ-bộ là ông Xán ông Nho chết ở bể, triều-sĩ nhiều người nói là Bắc-bình-vương sợ tiết-lộ việc binh-sự ở Nam-hà mà giết ngầm đi, nếu khi nội-biến đã yên định rồi, tất đến đánh mình, Chỉnh cũng không cho làm phải, công-ngôn ở triều rằng: « Tình-hình nhà Tây-sơn, như ở trong mắt, hắn đang mừng ta không khai-hấn, cho hắn được chuyên ý về việc trong nước, nay sự nội-biến còn đang bối-rối, bụng nào nghĩ đến việc xa-xôi; nghe Vũ Văn-Nhiệm có quân ở ngoài, còn lo mình không có viện-binh, thì cũng không làm gì được; Bắc-bình-vương thấy thư của mình đưa đến, tất cũng mừng mà phải chịu nghe theo, không can gì phải lo mặt nam-thùy nữa».

Bởi vậy phàm những lời khi ông Xán lâm-hành giặn bảo, Chỉnh đều không để ý đến.

Chỉnh lại tâu xin cho Lê Duật ra làm trấn-thủ Thanh-hóa, lúc Duật đi Chỉnh giặn rằng: « Chỉ nên giữ phong-cương cẩn-thận, đừng sinh sự làm gì, để chờ khi quan Trần Bình-Chương về, rồi sẽ dời sang trấn thủ Nghệ-an, sửa lại lũy cũ Hoành-sơn, cho bền cõi ven, làm kế trường-cửu ».

Tháng mười một năm đinh-mùi là năm đầu vua Chiêu-thống (1787) Bắc-bình-vương sai Ngô Văn-Sở, Phan Văn-Lân đem quân ra Nghệ-an, cho Vũ Văn-Nhiệm lĩnh ấn tiết-chế, suất các tướng ra đánh ngoài bắc, Nhiệm tiến quân đến núi Thổ-sơn, trấn-thủ Thanh-hóa là Lê Duật không dám chống đánh, lui quân về đóng ở sông Trinh-giang, phi ngựa về cáo cấp, một ngày chín lần, chốn kinh-thành rất tao-động; vua sai bách-quan đến hội-nghị tại nhà Chỉnh, để mưu cách đánh giữ. Chỉnh bèn tâu cho Nguyễn Như-Thái làm chức thống-lĩnh, Ninh Tốn làm tham-tán quân-vụ, suất quân vào với Duật chống đánh ở Thanh-hóa, không may quân thua, Duật phải quân nhà Tây-sơn giết, Như Thái cùng vài mươi người bộ-thuộc phi ngựa chạy về bắc, cũng phải quân nhà Tây-sơn đuổi bắn giết hết; còn Ninh-Tốn chạy trốn vào dân-gian được thoát.

Văn-Nhiệm đã được thắng trận rồi, liền dẫn quân tiến lên, Chỉnh đang ngồi ăn, nghe được tin ấy, vội-vàng ném đũa chạy vào nhà trong, kịp gọi con là Nguyễn Du ra mà bảo rằng: «Ta chỉ có bốn người chiến-tướng, Duật Thái bất hạnh chết rồi, còn Tuyển thì ở Sơn-nam, Lịch thì ở Kinh-bắc, gọi cũng không kịp, nay sự-thế nguy đến nơi rồi, ta thế nào cũng phải tự tướng ra đánh, mày nên sắp đủ binh-lương đi với ta, quân cha quân con, cùng một lòng thì mới được ». Du thưa rằng: « Trong sách có dạy thờ cha không tiếc sức, thờ vua không tiếc thân, con xin ra địch nhau với giặc một trận thật to, không dám thấy giặc mà nhẵng bỏ quân-phụ, xin cha hãy thong thả sẽ ra đốc chiến, xem con bắt Văn-Nhiệm đến đây dây ».

Lúc Chỉnh sắp ra đi, có hầu yêu của Chỉnh nắm lấy vạt áo mà nói rằng: « Thiếp nghe các quan đều giắt vợ giắt con chạy cả rồi, đài-sảnh vắng tanh, nay quan lớn lại ra đánh giặc, tướng-sĩ đi cả, thiếp ở một mình lại đây, ở

sao cho được, xin cho một cái võng võng đi theo». Chỉnh bảo rằng: « Trong chỗ tên đạn, không phải chỗ đàn bà đi được, đừng làm thêm rối ruột người ta. » Bèn vào tâu vua xin đem quân đi, vua trao cho Chỉnh tiết-việt mà dụ rằng: « Trẫm trông cậy ông như cái trường-thành, ông đi lần này rất quan-hệ đến cuộc an-nguy, chớ có khinh-địch đánh liều, phải liệu cơ mà ứng-biến, mau mau khải-hoàn cho yên lòng trẫm ». Chỉnh lạy từ ra đi, lúc quân đi đến Hoàng-mai, sai Nguyễn Du suất quân Ngũ-nhuệ đi trước, quân đi đến sông Thanh-khuyết, đắp lũy đất theo bờ bắc-ngạn sông, chia quân lập đồn để cố giữ.

Bấy giờ khí trời rét quá, quân-sĩ tụ năm tụ ba, đốt củi ngồi sưởi, quân nhà Tây-sơn trông thấy, cứ nhắm chỗ lửa làm đích, bắn chả phát nào sai, trong lũy hoảng sợ chạy tan. Du phải thu quân lui về giữ ở Châu-cầu, quân mười phần chỉ còn hai ba, không dám đón đánh, phải lui về để đợi quân sau. Chỉnh đi đến Bình-vọng, gặp quân Du lần tần chạy về, nói quân mình bị vỡ, quân Tây-sơn sắp đến, Chỉnh thần-sắc ngơ-ngác, tướng-sĩ cũng đều mất vía, tranh nhau nói thế giặc mạnh quá, không thể địch nổi, mà ở đây quân ít, cũng khó giữ nổi, không bằng đem quân về kinh, lấy sông Nhị-hà làm hiểm-trở, sau rồi sẽ nghĩ cách đánh giữ. Chỉnh nghe lời; một lát Du cũng đến đấy, liền lập-tức đem quân về kinh, sai quan tham-tri-chính-sự là Nguyễn Khuê vào tâu vua, xin ngay mai ngự-giá sang Kinh-bắc. Chỉnh về ngay Lượng-phủ, thu-xếp hành-trang, sai người đưa vợ con sang sông trước.

Vua hốt-hoảng trảy đến nhà Chỉnh, thấy Chỉnh đang chạy đi chạy lại ở sân, để giặn-dò các người đi, Chỉnh nhìn thấy vua hổ-then tạ rằng: « Bệ-hạ giao nước cho tôi, tôi làm không được xứng-chức, để hỏng việc nước, lỗi ấy tôi không dám chối-từ, nay hai mặt tây năm kinh-thành, không có chỗ nào chắc-chắn, vậy xin xa-giá dời sang Kinh-bắc, để mưu toan sự sau này, Quân giặc từ xa đến mỏi nhọc, lại ngăn trở con sông lớn, tất không dám tiến, trong khoảng mươi ngày mình được thư-nhàn, mưu sâu tính kỹ, há không có cơ-hội nào tốt để khôi-phục lại sao; xin bệ hạ hãy về cung, tâu với Hoàng-thái-hậu, xin từ-giá đi trước, tôi xin đem binh-tượng ra trục sẵn ở ngoài bến sông ». Nói xong lại nhìn ngược nhìn xuôi mà chạy.

Đến lúc Chỉnh đi với vua, sang đến Kinh-bắc, tướng đóng ở kinh-bắc là Lịch lại làm phản, cáo ốm không ra. Sau Chỉnh đến trách mắng, Lịch mới miễn-cưỡng ra, bấy giờ quân-sĩ đi đường trốn đi mất quá nửa, Chỉnh thấy vậy lấy làm lo, bèn tra hỏi cả số các quân, thì đạo quân Ưu-nhất chỉ còn được bốn trăm ba-mươi người, ngựa còn hơn sáu-mươi con, Chỉnh suất cả sang sông Như-nguyệt trước, sai Lịch hộ giá sang sau. Lúc Chỉnh đi khỏi rồi, Lịch làm phản, cướp của và lột áo ngự-bào của vua, vua rưng-rưng nước mắt đưa cho, liền chạy sang huyện Yên-dũng.

Chỉnh sang sông Như-nguyệt, đóng quân ở núi Tam-tầng, đang đốc quân đắp lũy. Nhiệm sai tướng là Nguyễn Văn-Hòa đem quân đến đánh, Du cầm quân ra đánh một tay chém giết được quân nhà Tây-sơn vài mươi người. Sau Nguyễn Văn-Hòa chia đội quân kỵ-binh đi quanh ra đàng sau núi đánh tập-hậu, quân Chỉnh tan vỡ, Du sức không chống nổi chết ở trận tiền, quan tham-chính là Nguyễn Khuê cũng bị quân nhà Tây sơn giết, Chỉnh vội-vàng phi ngựa chạy về phía bắc, đi đường thở dài mà than rằng: « Sông còn gấp khúc sông cùng, trời ơi! hãm kẻ anh-hùng làm chi ».

Quân nhà Tây-sơn đuổi gần đến nơi, tranh nhau đâm chết, Chỉnh gọi

bảo rằng: « Xin dừng đâm ta, để bắt sống mà đem nộp. » Quân nhà Tây-sơn liền xô nhau đến bắt được, đóng cũi giải về kinh.

Lúc đem về đến kinh-thành, Chỉnh xin cho vào hầu Nhiệm để xin nói một câu, Nhiệm không cho vào, sai người ra hỏi Chỉnh có sao phản-trắc như vậy. Chỉnh trả lời rằng: « Thế phải như vậy, can gì phải hỏi nữa. » Nhiệm liền giết, phân thây ra từng miếng, bỏ ở các cửa thành.

(Còn nữa)

SỞ-CUỒNG

TUỒNG HÁT

TRUNG HIẾU THẦN TIÊN (1)

(Truyện Hưng-đạo-vương 興道王傳)

Dẫn-tích

1.—Hưng-đạo vương họ Trần 陳, tên là Quốc-Tuấn 國峻, cha là Trần Liễu 陳 [illegible], mẹ là Nguyệt phu-nhân 月夫人. Lúc phu-nhân thụ-thai, mộng thấy một vị Thanh-tiên đồng-tử có kim-tinh ngọc-tướng dẫu-thai. Khi mới sinh ra, có một người đạo-sĩ vào xem tướng khen rằng: « Người đà về số, chắc là có công-nghiệp to lớn, mà làm vẻ-vang cho nước, ích-lợi cho dân. »

Trần Liễu lại có một người vợ nữa gọi là Thuận-thiên công-chúa, là con gái vua Lý Huệ-tôn, khi đương có mang phải chú là Trần Thủ-Độ cướp lấy đem dâng cho vua Trần Thái-tôn là em Trần Liễu.

Trần Liễu lấy cớ là anh mà không được làm vua, lại phải mất vợ, mới dấy loạn ra ở sông Phú-lương.

2. — Nhưng chẳng bao lâu biết thế làm không xong, mới lên đến thuyền vua Thái-tôn xin hàng, Trần Thủ-Độ nghe tin, đến nơi rút gươm toan chém, vua Thái-tôn ôm lấy Trần Liễu khóc mà xin can, Trần Thủ-Độ cũng tha. Từ đó hai anh em hòa-thuận với nhau, vua Thái-tôn mới lấy ruộng ở đất An sinh cho Trần Liễu, nên chi mới gọi là An-sinh-vương.

3. — Dù thế mặc lòng, Trần Liễu vốn lấy làm căm tức, nhân khuyên con phải tìm những người tài-trí để mà lập ra vây cánh cho to.

Hưng đạo-vương vốn là người thông-minh, mà lại ham học, tự thánh-kinh hiền-truyện cho đến chư-tử bách-gia, không sách nào là chẳng đọc, lại cho đến lục-thao tam-lược, kỵ-mã trương-cung, đều là giỏi cả, những sự học-hành của ngài chỉ cốt lấy trung-hiếu làm đầu. Khi đã vâng lời cha chiêu-dụng những kẻ tài-tướng trong lúc ấy như là người Yết - Kiêu, Dã-Tượng, Nguyễn Địa-Lô, Cao-Mang, Đại-Hành, đều là dùng làm gia tướng.

Trần Liễu khi gần mất gọi Hưng-đạo-vương mà dặn rằng: « Ngày sau con không làm được vua, thì ta chết không nhắm mắt. » Hưng-đạo-vương

(1) Tuồng cổ, lưu-hành ở Huế. Bản-chí mới sao-lục được, xin lần lượt đăng dần kỳ này đăng lược-tích trước.

tuy vâng lời, nhưng trong lòng vẫn không lấy thế làm phải.

4. — Khi ấy tiếp-giáp nước ta là nước Mông-cổ đã đánh nhà Tống mà lấy được nửa phần đất nước Tàu, mới sai người Ngột-Lương Hợp-Thai làm tướng cùng tì-tướng là Xích-Tu-Tư, Áo-Lỗ-Xích đi qua đất Vân-nam bắt đầu thông sang nước ta, nhưng cũng chỉ là đi sang để trương-hoàng thanh-thế cho ta phải sợ, nên chi cũng không có cướp phá đâu cả. Bởi thế trong buổi ấy người ta gọi là « giặc Phật. »

Khi quân Mông-cổ đã đến đất Qui-hóa, thì chủ trại là Hà-Khuất dâng thư cáo-cấp. Vua Thái-tôn mới sai Hưng-đạo-vương đi tiên-phong, còn vua Thái-tôn với Lê Chuyền và Trần Thời tiếp-ứng.

Khi quân Mông-cổ đã đến sông Thao-giang, Hưng-đạo-vương bị thua, mới sai Yết-Kiêu về phi-báo cho vua Thái-tôn. Vua Thái-tôn đem quân lên đánh bị thua, quân Mông-cổ đuổi theo, may nhờ được Lê Phụ-Trần lấy ván thuyền đỡ đạn cho vua, nên chi vua mới thoát được.

Vua Thái-tôn gặp thuyền Trần Thủ-Độ, hỏi bây giờ nên làm thế nào, Trần Thủ-Độ bảo rằng : « Bây giờ phải bỏ thành Thăng-long mà lui về sông Thiên-mạc 天 幕. » Bởi thế vua Thái-tôn cùng bà Hoàng - phi chạy xuống sông Thiên-mạc. Trần Thủ - Độ cũng cho người đưa vợ là Linh-huệ phu-nhân về đất Tức-mặc.

Từ khi quân ta đã thua, thì quân Mông-cổ chiếm được thành Thăng-long, lại đóng đồn Đông-bộ, lấy làm đắc-chí, không phòng-bị chi cả. Bởi thế Trần Thủ-Độ mới dâng chước cho vua Thái-tôn xin dùng cách đại-công mà đánh, quân Mông-cổ phải thua, lại phải Hưng-đạo-vương đón đường mà đánh, khi chạy qua trại Qui-hóa lại phải người Hà Bổng phục quân ở trong rừng bắn những tên thuốc-độc ra nhiều lắm, quân Mông-cổ mười phần chết đến năm phần.

5. — Khi quân Mông-cổ đã lui rồi, Trần Thủ-Độ rước vua Thái-tôn hồi thành, lại cho người về Tức-mặc mời Linh-huệ phu-nhân. Khi phu-nhân qua đền vua không chịu xuống xe, bị quân lính canh ngăn đón không cho đi, phu-nhân lấy làm giận, quay xe trở lại, vừa gặp Trần Thủ-Độ, phu-nhân thuật lại các chuyện. Thủ-Độ cho người bắt mấy tên lính canh lại hỏi, mấy tên lính lại thưa rằng : « Đền vua là nơi nghiêm-cấm, xưa nay phép nước không cho những người đi xe đi ngựa qua đó. » Trần Thủ-Độ khen mấy tên lính hay biết giữ phép, lại thưởng cho tiền mà an-ủi phu-nhân trở về tư-đệ.

Từ khi vua Thái-tôn đã về thành, thưởng cho các tướng-sĩ có công đánh giặc, phong cho Hà Bổng tước hầu, lại nhờ công Lê Phụ-Trần lấy ván đỡ đạn cho ngài, ngài đem bà Chiêu-thành (trước là vợ ngài) giáng làm công-chúa, rồi gả cho Lê Phụ-Trần.

6. — Vua Thái-tôn nghĩ rằng niên-kỷ đã cao, mới truyền ngôi cho thái-tử, gọi là vua Thánh-tôn, mà ngài làm Thái-thượng hoàng.

Kể công-việc dựng nên cơ-nghiệp nhà Trần, đều là bởi tay Trần Thủ-Độ cả, giúp vua Thái-tôn, đánh giặc Mông-cổ có công to như thế, nên chi đến khi đã chết, vua đãi lấy cách rất hậu.

Nước Mông-cổ bấy giờ phải thua mà về, nhưng vốn cậy thế mạnh mà ức-hiếp nước ta, có trách ta phải chịu sáu điều : 1°) vua phải thân vào chầu ; 2°) sai con hoặc em sang làm tin ; 3°) biên số dân nước ta sang nộp ; 4°) phải chịu việc binh-dịch ; 5°) phải nộp tô-thuế ; 6°) đặt quan giám-trị. Tiết-thứ ta sai sứ sang, Mông-cổ sai sứ lại, cũng đỡ nhiều lắm, chẳng qua là vì mấy việc quan-trọng đó mà thôi. Lúc ấy nước Mông-cổ sai sứ sang tên là

Hốt-Lung-Hai-Nha và Trương Đình-Trân làm chánh, phó là Đạt-Lỗ-Ba-Xích. Khi sứ đã đến nước ta, đi vào đền vua, vua Thánh-tôn ra tiếp, cùng sứ-thần ngồi ngang, sứ-thần ép vua phải lạy chiếu-thư, vua không chịu lạy, sứ-thần giận ra về, ta bất-đắc-dĩ phải sai Lê Đà, Đinh Củng-Viên sang sứ nước Mông-cổ, để mà biện-bạch lại

Đức Thượng-hoàng từ khi truyền ngôi cho con, thường hay lên chơi núi Yên-tử, nhân một ngày ở nhà ngự-đường, bỗng thấy con rết leo vào áo ngự-phục, vội-vàng lấy tay phủi cho rơi ra, lúc rơi xuống đất thì kêu một tiếng « canh », xem lại thời ra một cái đinh, người ta đoán rằng đến năm *đinh* thì mất.

Đức Thượng-hoàng lại có một người con gái tốt tên là Thiều-dương công-chúa, không chịu lấy chồng, chỉ chầu chực ở đền để hầu hạ đức Thượng-hoàng. Có một ngày nghe thấy chuông trên đền đánh liên-thanh, công-chúa vội-vàng chạy lên thì đức Thượng-hoàng đã mất rồi, công-chúa thương-xót khóc ngất đi rồi cũng chết. Thượng-hoàng mất năm ấy là năm đinh-sửu, vua Thánh-tôn làm lễ táng đức Thượng-hoàng rồi cũng táng công-chúa ở một bên.

7.— Từ khi ta đã sai sứ sang biện-bạch lại, nhưng vua nước Mông-cổ không nghe, lại sai Lễ-bộ thượng-thư là Sài-Thung sang nước ta ép vua ta phải vào chầu, vua Nhân-tôn sai quan Thượng-tướng là Trần Quang-Khải ra tiếp, nhưng Sài-Thung là người kiêu-ngạo không thèm nói chuyện với quan ta, Hưng-đạo-vương nghe tin như thế lấy làm giận lắm, ngài vốn có biết nói tiếng Tàu, mới giả làm hình hòa-thượng vào hầu, Sài-Thung tưởng là thực người Tàu, mới tiếp-đãi tử-tế, đương khi hai bên trò chuyện với nhau thì lính của Sài-Thung lấy mũi nhọn chọc lên đầu Hưng-đạo-vương mà chơi, nhưng ngài cứ ngồi yên, không có động mình, có hai người giữ-tướng của ngài là Dã-Tượng và Yết-Kiêu đứng ngoài cửa trông thấy như vậy, toan vào đánh nhau với lính Sài-Thung, nhưng Hưng-đạo-vương liếc mắt bảo đừng đánh, thì hai người phải thôi. Khi trò-chuyện đã xong rồi, thì Hưng-đạo-vương từ lui về, sau người ta nói chuyện với Sài-Thung rằng người ấy thực là Hưng-đạo-vương, Sài-Thung lấy làm giận. Đã mà vua Nhân-tôn ra tiếp Sài-Thung, Sài-Thung khuyên ngài phải vào chầu. vua Nhân-tôn nhất-định không chịu, Sài-Thung bỏ về.

8.— Hưng-đạo-vương có bốn người con trai là : Quốc-Nghiễn, Quốc-Oai, Quốc-Tảng và Quốc-Nghễ, hai người con gái là : Quận-chúa Thị-Trinh là con đẻ, Quận-chúa Thị-Nguyên là con nuôi. Có một ngày ngài gọi các con lại hỏi rằng : « Cha xem từ xưa làm vua, có thiên-hạ bốn bể, cũng chẳng qua để truyền cho con cháu về sau, như bây giờ cha làm việc ấy, nào có khó gì, hỏi ý các con thế nào cho nói. » Quốc-Nghiễn và Quốc-Oai thưa rằng : « Đạo vua tôi không nên làm như thế, » Quốc-Tảng thưa rằng : « Nay cho có thần có thế mà chẳng làm, chẳng là thiệt lắm thay ! » Hưng-đạo-vương lấy làm giận, toan tuốt gươm ra chém, nhờ có bà vợ là Thụy-Ngọc phu-nhân can giải mới thôi.

Có một đêm trời thanh trăng sáng, hai người con gái cùng nhau ra dạo vườn hoa, bỗng thấy trên trời có một đám mây ngũ-sắc, dần dần bay xuống vườn hoa, trong có một bà tiên-mẫu, hai bên có hai vị tiên-nương, Thị-Trinh và Thị-Nguyên thấy thế lấy làm sợ-hãi, bà tiên-mẫu nhân đưa ra một cái phi-thiên-thần-kiếm, bảo Thị-Trinh và Thị-Nguyên rằng : « Ta giao cái thần-kiếm này cho hai con đưa về cho vương-phụ để dành về sau mà trừ loài

yêu-quái. » Thị-Trinh và Thị-Nguyên lĩnh gươm rồi khấu đầu bái-tạ, lại hỏi về sau thân-phận hai chị em ra thế nào. Bà tiên-mẫu bảo rằng : «Chị thì lấy vua, em thì lấy tướng.» Nói xong thì bà tiên-mẫu và tiên-nương biến ngay, hai chị em mới đưa cái gươm về trình với Hưng-đạo-vương và thuật lại các chuyện trước sau như thế.

Đã mà vua Nhân-tôn nghe tiếng Hưng-đạo-vương có con gái đã lớn, cho sứ ra đòi, Hưng-đạo-vương mới đem Thị-Trinh vào tiến.

9. - Vua Thánh tôn cũng theo phép vua Thái-tôn đã đặt ra mà truyền ngôi cho con là Nhân-tôn, mà xưng là Thái-thượng-hoàng.

Từ khi Sài-Thang về Tàu, vua Mông-cổ lấy làm giận, lại đặt ra một tòa gọi là An-Nam phủ-sứ để sang cai-trị nước Nam, nhưng khi các quan Tàu đến nước ta, thì vua Nhân-tôn đuổi về không chịu nhận, từ đó hai nước mới gây sự đánh nhau.

Nước Mông-cổ từ khi đã lấy hết phần đất nước Tàu, đổi hiệu nước gọi là Đại-Nguyên, vua nhà Nguyên bấy giờ tên là Hốt-Tất-Liệt, mới phong cho thái-tử là Thoát-Hoan làm Trấn-nam-vương, cùng là tì-tướng là Lý Quán, Lý Hằng, A-Bát-Xích, Ô-Mã-Nhi, kéo 50 vạn quân do đường Tư-minh mà sang nước ta; lại sai Toa-Đô, Đường Nguyên-Ngại đi đường bể, vào Chiêm-thành, mượn tiếng rằng đánh Chiêm-thành mà bắt ta phải quân-lương cung-đốn, cũng là bắt-chước nhà Tấn thuở trước mượn đường nước Ngu mà đánh nước Quắc.

10. — Khi vua Nhân-tôn được tin, truyền hội vương-hầu tại Bình-than, những Hưng-đạo-vương, Trần Nhật-Duật, Trần Quang-Khải, Trần Nhật-Kiêu đều đi họp cả, lại có Hoài-văn-hầu là Quốc-Toản còn đương ít tuổi, nhưng nghe tin có hội cũng đi. Lại có Nhân-huệ-vương là Trần Khánh-Dư, trước vì phạm tội phải bỏ, rồi đi chặt củi đốt than làm ăn, nghe có hội Bình-than, cũng chèo cái thuyền con đi đón ngự-hạm, vua Nhân-tôn trông thấy thuyền Khánh-Dư, áo quần rách-rưới, đầu đội nón mê, vua mới cởi áo ngự-phục ra cho và tha tội cho mà vào đi hội.

Kể trong khi hội ấy chủ hòa thì ít, chủ chiến thì nhiều, vua Nhân-tôn lại theo ý vương-hầu đã cử mà phong cho Hưng-đạo chức nguyên-súy.

Trong khi hội ở Bình-than, Quốc-Toản cũng có vào hội, nhưng vì ít tuổi không được dự bàn, trong lòng lấy làm tức lắm, trong tay đương cầm quả cam bóp bẹp khi nào không biết, khi hội xong rồi, Quốc-Toản trở về nhà mộ được vài nghìn người, cất cờ lên đề sáu chữ rằng : « Phá cường-địch, báo hoàng-ân 破強敵報皇恩 », kéo riêng một toán quân đi đánh giặc.

11. — Hưng-đạo-vương từ khi đã nhận chức Nguyên-súy rồi, mới hỏi hầu-vương tướng-súy lại để chia quân đi đóng đồn các nơi, ngài lên đóng ở đồn Vạn-kiếp, có một ngày ngài ở đồn về Thăng-long, khi đi đến làng Phù-ủng, quân tiền-đạo thét dậy đường, có một người chỉ ngồi bên đường đan sọt, không chịu đứng dậy, quân lấy mác đâm vào đùi chảy máu ra mà không biết đau, Hưng-đạo-vương thấy thế xuống xe hỏi rằng : « Ngươi tên tuổi là gì, quê-quán nơi nào, sao ta qua đây mà không đứng dậy » ? Người kia thưa rằng : « Tôi là Phạm Ngũ-Lão ở làng Phù-ủng, có ngồi bên đường đan sọt, nghĩ đến thân-phận của tôi, bởi vậy dù ai qua lại cũng mặc, bây giờ mới biết Đại-vương đến đây, tôi xin chịu tội. » Hưng-đạo-vương hỏi sự học-hành ra thế nào. Ngũ-Lão thưa rằng : « Trước thánh-kinh hiền-truyện, sau thao-lược binh-thư, không sách gì là không xem đến. » Hưng-đạo-vương khen rằng có tài văn-vũ, mới truyền quân lấy thuốc dịt vào nơi

mác đâm, và đem tải tại xe sau đưa về. Khi Hưng-đạo-vương về nhà thì Thụy-ngọc phu-nhân cùng Thị-Nguyên ra đón, ngài mời thuật các việc gặp Phạm Ngũ-Lão cho phu-nhân nghe.

12. — Khi Hưng-đạo-vương mở trường Diễn-vũ để thi các người gia-tướng, ngài treo giải một tấm lụa; trong khi ấy gia-tướng ngài như là Yết-Kiêu, Dã-Tượng, Nguyễn Địa-Lô, Cao-Mang, Đại-Hành cùng Phạm Ngũ-Lão đều ra thi cả, nhưng chỉ có Phạm Ngũ-Lão bắn trúng được ba tên vào đích mà thôi. Dã-Tượng chưa chịu, lại xin đấu-kích, nhưng cũng phải thua Ngũ-Lão. Hưng-đạo-vương phát phần thưởng cho Phạm Ngũ-Lão một tấm lụa và 50 lạng bạc, còn chư-tướng cũng được mỗi người 30 lạng bạc. Từ đó ngài cho Phạm Ngũ-Lão làm đầu gia-tướng thì ai ai cũng đều phục.

Trong khi ở trường Diễn-vũ thì phu-nhân cùng Thị-Nguyên cũng có theo xem, trông thấy Ngũ-Lão bắn cung đấu kích có tài, Thị-Nguyên liếc mắt đã sinh lòng ao-ước; Ngũ-Lão cũng trông thấy Thị-Nguyên là người thiên-tài quốc-sắc, cũng đưa mắt mà sinh dạ ái-hoài, ấy là nhân-duyên hai người lấy nhau bắt đầu từ đó.

13. — Từ khi hội ở Bình-than, thì trên tự vương-hầu, dưới đến tướng-súy, ai ai cũng xin đánh, nhưng Hưng-đạo-vương lại tâu với vua Nhân-tôn phải hội đân lại mà ban, vua Nhân-tôn mời làm một tiệc ở đền Diên-hồng, mời các phụ-lão vào ăn yến, nhân hỏi nên hòa nên đánh thế nào, thì các phụ-lão ai nấy cũng đều xin đánh không có một người nào nói điều gì khác, bởi thế vua lại càng quyết dạ.

Đã mà quân báo rằng quân Thoát-Hoạn đã gần đến cửa ải, vua sai Hưng-đạo-vương đóng đồn Khưu-cấp, lại sai hai tướng đóng đồn Khả-ly. Nhưng lúc ấy thế Thoát-Hoan mạnh lắm, quân ta đánh trận nào cũng phải thua.

14.— Đến khi đồn Lộc-chân đồn Khả-ly mất rồi, thì Hưng-đạo-vương bỏ đồn Bình-cấp mà lui về Chi-lăng.

Thoát-Hoan lại cho quân theo đuổi, Hưng-đạo lại phải bỏ Chi-lăng, may lúc ấy có thuyền Yết-Kiêu chực ở bến sông, nên chi ngài xuống thuyền mà về Vạn-kiếp, giặc không đuổi theo kịp được.

Vua Nhân-tôn nghe tin quân ta phải thua luôn, mới cùng bà hoàng-phi đi thuyền xuống Hải-đông, trời đã quá trưa mà chưa ăn cơm sáng, nhân có một tên tiểu-tốt là Trần Cầu dâng bát cơm đỏ, ngài lấy làm khen. Rồi vua lại gặp Hưng-đạo-vương, hỏi rằng: « Giặc mạnh như thế, có thể chống được không? Nếu không đánh được thì trẫm xin chịu hàng cho khỏi nhục đến dân trăm họ. » Hưng-đạo-vương thưa rằng: « Đầu tôi chưa rơi xuống đất thì bệ-hạ không phải lo. Tuy nay quân ta phải thua làm vậy, cũng là cách dụ địch thâm-nhập rồi mới đánh, dẫu thế nào về sau cũng được, xin bệ-hạ cứ yên-tâm. » Vua Nhân-tôn lấy làm mừng, lại trở về Thăng-long.

15. — Hưng-đạo-vương cùng chư-tướng và bốn người con hội ở tại đồn Vạn-kiếp, quân-số được hai mươi vạn, có làm một tờ hịch thị-khuyến chư-tướng đánh giặc. Đã mà Thoát-Hoan kéo quân đến Vạn-kiếp, Hưng-đạo ra đánh lại bị thua, Thoát-Hoan lại theo đuổi.

Hưng-đạo-vương phải phò thượng-hoàng cùng Nhân-tôn chạy về Thiên-trường. Lại cho người đưa Thụy-Ngọc phu-nhân và Thị-Nguyên chạy về Tức-mặc.

16. — Thoát-Hoan khi đã chiếm được Thăng-long rồi, cho Ô-Mã-Nhi đi đường hải-đạo vào tiếp với Toa-

Đô. Lại sai Khoan-Triệt, Lý Hằng đuổi theo ngự-giá.

Hưng-đạo-vương mới bảo Trần Bình-Trọng ở lại cự nhau với giặc, mà đem Thượng-hoàng và vua Nhân-tôn bởi lối Hải-đông chạy vào Thanh-hóa.

Trần Bình-Trọng khi đã gặp giặc thì cố sức mà đánh, để cho vua thoát-nạn, nhưng bởi thế yếu chống không lại được, rồi phải giặc nó bắt, cho ăn cũng không ăn, hỏi gì cũng không nói. Giặc có dụ rằng : « Có việc gì cứ nói thực đi rồi sẽ cho làm vua đất Bắc.» Trần Bình-Trọng trả lời rằng : « Thà làm ma nước Nam, chứ không thèm làm vua đất Bắc». Giặc biết rằng thế không dụ được, mới đem giết đi. Khi Thượng-hoàng, vua Nhân-tôn và Hưng-đạo-vương nghe tin Trần Bình-Trọng đã chết rồi thì lấy làm thương tiếc lắm.

17. — Từ khi Thụy-Ngọc phu-nhân cùng Thị-Nguyên ở Thăng-long đi về Thiên-trường, thì Thị Nguyên phát bệnh đau, vì nghĩ rằng gặp buổi tao-loạn như vậy, thì cái nhân-duyên của mình không còn chắc-chắn gì nữa, bởi thế bệnh lại càng ngày càng nặng. Song khi ấy chỉ có con Kim-Cúc là đứa hầu riêng biết Thị-Nguyên mắc bệnh tương-tư, nhưng nó cũng không dám ngỏ lời ra cho ai biết. Thụy-Ngọc phu-nhân thì không hiểu cớ gì mà đau, lấy làm lo lắm, nhân mời thầy thuốc thầy bói, thì ai cũng đoán cho là bệnh tương-tư cả. Phu-nhân lại gạn con Kim-Cúc mà hỏi, con Kim-Cúc cũng phải nói thực, nhưng nó cũng không biết tương-tư người nào. Phu-nhân lại gạn hỏi, Thị-Nguyên mới thú-thực rằng: « Từ khi bà tiên-mẫu bảo rằng về sau được lấy người chồng làm tướng, hôm trước ra xem trường Diễn-vũ, trông thấy chàng Ngũ-Lão, trong lòng lấy làm ước-ao, nào ngờ đâu gặp buổi phong-trần làm vậy, thì về sau không biết thành duyên được hay không! Bởi thế mà sinh ra bệnh.» Bà phu-nhân lấy lời khuyên-giải bảo rằng : «Con đừng lo chi, mẹ sẽ trình với vương-phụ, thế nào việc con cũng xong. » Thị-Nguyên nghe lời, trong lòng vui-vẻ, bệnh cũng từ đó bớt dần. Có một đêm Thị-Nguyên đương nằm ngủ bỗng thấy chiêm-bao có một chàng thật là Ngũ-Lão bị giặc đâm chảy máu đầy mình, Thị-Nguyên thấy thế la khóc rồi chết ngất đi, người nhà chạy đến hô-hoán, kẻ thuốc người thang, lâu mới tỉnh lại, thời là một giấc chiêm-bao. Phu-nhân lại liệu lời khuyên giải, từ đó Thị-Nguyên mới yên tâm chờ đợi.

18. — Nói về Toa-Đô từ khi kéo quân vào lấy Chiêm-thành, nhân có Ô-Mã-Nhi kéo quân vào mới bàn với nhau kéo nhau họp với quân Thoát-Hoan. Khi đã đi ra đến đất Nghệ-an, thì lại bị Trần Quang-Khải, Phạm Ngũ-Lão đón đường cự lại rồi phải theo đường bể ra lối Hải-đông, trở miền Hàm-tử mà lại kéo ra Thăng-long. Kể trong sự Toa-Đô đi đường tự Chiêm-thành mà ra cho đến đất Bắc, đường-sá hiểm-trở, quân-sĩ bì-lao, không còn lấy gì làm sức mạnh được, vua Nhân-tôn nghe tin Toa-Đô kéo quân ra họp với Thoát-Hoan, mới hỏi Hưng-đạo-vương nên làm thế nào. Hưng-đạo-vương thưa rằng : « Bây giờ chính là cơ-hội đánh được, bởi vì Thoát-Hoan ở Thăng-long, thời không có phòng-bị, còn Toa-Đô kéo ra Hàm-tử, quân-sĩ thực là bì-lao, ta nhân cơ-hội này mà ra đánh thì chắc thế nào quân nó cũng phải thua, bây giờ xin sai Trần Nhật-Duật, Trần Quốc-Toản và Triệu Trung lên đồn Hàm-tử mà đón Toa-Đô cùng Ô-Mã-Nhi ; lại sai Trần Quang-Khải Phạm Ngũ-Lão lên đánh Chương-dương mà thu-phục Thăng-long. Còn về phần tôi thì xin đóng đồn Vạn-kiếp để đón đường Thoát-Hoan chạy ». Vua Nhân-tôn lấy làm phải.

19. — Toa-Đô khi kéo quân đi đến Hàm-tử thì gặp Trần Nhật-Duật, hai bên

đánh nhau, nhưng quân Toa-Đô vốn nhọc-mệt không chống lại được, Toa-Đô phải giết. Còn Ô-Mã-Nhi và Đường Ngật-Ngại thì chạy xuống Thiên-tràng bắt thuyền chài vượt bể mà chạy về Tàu.

Nói về Thoát-Hoan từ khi sai Ô-Mã-Nhi vào hội với Toa-Đô, mà chưa được tin-tức gì cả, vả nhân khi ấy khí trời viêm-nhiệt, quân-sĩ đau yếu, không thể ở được lâu. Lại nghe đồn Chương-dương phải thua, Toa-Đô đã bị chết, mới bỏ thành Thăng-long chạy về Vạn-kiếp, để mà kiếm lối về Tàu, bởi thế Trần Quang-Khải, Phạm Ngũ-Lão mới thu-phục được thành Thăng-long.

Khi Thoát-Hoan chạy đến Vạn-kiếp, thì gặp quân Hưng-đạo-vương theo đuổi, phục ở trong rừng mà bắn tên thuốc độc ra, Thoát-Hoan tùng thế mới chui vào cái ống đồng rồi để lên xe mà kéo chạy, bởi thế Thoát-Hoan thoát được, còn Lý Hằng Lý Quán thì bị chết và quân-sĩ cũng chết mất nhiều.

20.— Nói về Hưng-đạo-vương đuổi được Thoát-Hoan rồi thì kéo quân về rước ngự-giá. Lúc ấy Thượng-hoàng cùng Nhân-tôn đã ra ở Tràng-an, vừa có Hưng-đạo-vương về đón, mới cùng nhau từ sông Hoàng-hà kéo lên, khi đi đến sông Thiên-mạc, đương lúc trời thanh gió tạnh, bỗng đâu nổi lên một cơn dông-tố rất to, tục truyền bấy giờ thấy một người dâng một cái hộp vàng, vua mở ra xem thì thấy một cái thư của Đô-đốc Thủy-phủ là Đại-giao, trong thư đại-ý nói rằng: « Xin ban cho một người con gái thì sóng gió êm lặng, mà thuyền được vô-sự.» Vua mới hỏi Hưng-đạo-vương. Hưng-đạo thưa rằng: « Việc này cũng chẳng qua là một sự yêu-quái, tôi đã có phi-thiên-thần-kiếm, xin vua đừng có lo gì.» Ngài mới gọi Yết-Kiêu ban cho cái thần-kiếm bảo xuống nước đánh giặc. Yết-Kiêu lĩnh gươm nhảy xuống nước đánh nhau cùng Đại-giao, thì Đại-giao thua chui vào hang. Từ khi Yết-Kiêu xuống nước một chốc, thì sóng gió yên lặng, chỉ thấy máu đỏ đầy sông, ai cũng nghĩ rằng Yết-Kiêu chết rồi, được một chốc Yết-Kiêu nhô lên, mới thuật các công-việc đánh nhau, thì Thượng-hoàng cùng Nhân-tôn lấy làm mừng, mới cùng nhau đi thuyền về Thăng-long.

21.— Nói về Thụy-Ngọc phu-nhân cùng Thị-Nguyên từ khi lánh nạn ở Tức-mặc, cũng đã ở yên một nơi mong đợi tin-tức, khi Hưng-đạo-vương đã giẹp giặc xong rồi, cho Phạm Ngũ-Lão về rước phu-nhân cùng Thị-Nguyên. Khi Ngũ-Lão vào hầu thì Thị-Nguyên có ý thẹn thùng, còn gia-tướng như là Cao-Mang, Đại-Hành đều bưng miệng khúc-khích mà cười cả. Phạm Ngũ-Lão không hiểu cớ gì, mới hỏi riêng các gia-tướng. Các tướng mới thuật lại cái chuyện Thị-Nguyên tương tư. Phạm Ngũ-Lão lấy làm thẹn, nhưng trong vẫn lấy làm mừng. Khi đã về đến Thăng-long rồi, Thụy-Ngọc phu-nhân trình với Hưng-đạo-vương xin gả Thị-Nguyên cho Ngũ-Lão. Hưng-đạo-vương cũng lấy làm bằng lòng, nhưng còn đương thu-xếp việc nhà, bởi vậy chưa ngỏ ra cho Phạm Ngũ-Lão biết.

Phạm Ngũ-Lão từ khi thấy Thị-Nguyên có lòng với mình thì lại càng thêm tư-tưởng, từ sớm đến tối chỉ ngồi đợi tin Hưng-đạo-vương đòi, chắc thế nào việc ấy cũng xong. Có một hôm nghe Hưng-đạo-vương đòi, vội-vàng ra đi, khi đến hầu thì thấy Hưng-đạo-vương cùng Chiêu-văn-vương ngồi nói chuyện với nhau, chỉ nói những chuyện đâu đâu. Khi Chiêu-văn-vương đã về rồi, thì cũng không thấy Hưng-đạo-vương nói chi đến việc mình cả. Phạm Ngũ-Lão khi về, lấy làm buồn-bã, trong lòng như đốt, nằm không yên được. Trời mới vừa sáng, vội-vàng chạy đến hầu Hưng

đạo-vương thì thấy Hưng-đạo-vương đương ngủ mà Quận-chúa thì quay lưng mà bước lên lầu, lấy thế làm thẹn, trở về nhà nghĩ rằng người ta là nơi quyền-quí công-hầu, chắc là kén nơi vừa đôi phải lứa, như mình thì người ta có cần đâu, từ đó cũng nguôi nguôi dần, không còn mong tưởng gì nữa. Rồi mà lại thấy Hưng-đạo-vương cho người đến đòi, trong lòng không lấy làm chắc-chắn gì, nhưng ngài đã đòi thì cũng phải đi. Khi vào thì thấy Hưng-đạo-vương cùng phu-nhân đương ngồi, Hưng-đạo-vương hỏi rằng : « Ngươi đã có vợ chưa? » Ngũ-Lão thưa rằng : « Lúc trẻ ở nhà lo việc học-hành, chưa có vợ con gì cả. » Hưng-đạo-vương nói rằng : « Ta cùng phu-nhân đã hiệp-ý cho Thị-Nguyên sánh cùng ngươi. » Mời mời các vương-hầu đến làm lễ thành-hôn.

22. — Nguyễn Nhan tên chữ là Bá-Linh, cha là người Quảng-đông, sang buôn-bán nước ta, lấy vợ ở làng An-điềm thuộc huyện Đông-triều, sinh ra Bá Linh, khi nhỏ đưa về Tàu, lớn lên học-hành giỏi lắm, thi đỗ tiến-sĩ, lại tính nghề phù-thủy, có phép tàng-hình, nhưng tính lại hiếu-dâm, thường hay mượn nghề phù-thủy để mà ghẹo gái. Có một ngày trong đền nhà Nguyên các bà phi-tần, nhiều người đau yếu. Bá-Linh xin vào trị bệnh, nhân hóa làm một con dán để mà ra vào ghẹo gái trong đền, sau người ta biết ra mới lấy chỉ ngũ-sắc buộc lại, bởi thế tàng-hình không được. Khi đã bắt được rồi thì Nguyên-chúa giao cho tòa Pháp-tư định án.

Nói về Thoát-Hoan từ khi bại-trận mà về, cùng với Ô-Mã-Nhi, A-Bát-Xích vào trước đền rồng phục tội, thì Nguyên-chúa lấy làm giận, nhờ có quần-thần khuyên-giải mới thôi. Rồi Thoát-Hoan lại xin đái-tội lập-công Lúc ấy Nguyên-chúa đương sắp đem quân đi đánh Nhật-bản, nhưng vì cớ ấy lại thôi việc đánh Nhật-bản mà đem quân sang đánh An-Nam, mới phong Thoát-Hoan làm Đại-nguyên-súy, Ô-Mã-Nhi A-Bát-Xích làm tả-hữu-thừa, đem 30 vạn quân sang đánh nước ta. Quần-thần lại tâu rằng : « Nước Nam nhiều kẻ tiên-tài, ta đây có tên Bá-Linh vốn là cao tay pháp-thuật, xin tha cho nó đi theo để mà chuộc tội. » Nguyên-chúa cũng cho tên Bá-Linh theo Thoát-Hoan.

Vua Nhân-tôn nghe tin nhà Nguyên lại kéo quân sang đánh, trong lòng lấy làm lo. Hưng-đạo-vương thưa rằng : « Năm trước quân Nguyên sang đánh nước ta, thì quân lính ta chưa quen đánh giặc nên chi công-việc hãy còn có khó, đến như năm nay thì khí-giới đã sẵn mà quân-gia đã chỉnh-túc, tôi chắc rằng công-việc dễ hơn năm trước. » Vua Nhân-tôn tại phong cho Hưng-đạo-vương làm nguyên-súy.

23. — Nói về Thoát Hoan từ khi phụng mệnh đã sai Trương Nguyên-Hồ đem thuyền lương trữ tại châu Khâm và thân suất chư-tướng do đường lục-đạo kéo sang. Khi ấy Hưng-đạo-vương đóng ở Vạn-kiếp, Nguyễn Chế-Nghĩa, Phạm Ngũ-Lão thì đóng ở Từ-đồn-sa và đồn Trúc, hai bên gặp nhau, đánh luôn mấy trận, quân Nguyên thua cả. Thoát-Hoan lấy làm lo. Nguyễn Bá-Linh mới xin dùng phép phù-thủy. Rồi mà quân Nguyên cùng quân ta giáp-trận. Đương khi đánh nhau thì Bá-Linh bỏ tóc rũ đầu, miệng đọc lầm-nhầm mấy câu thần-chú, được một chốc nổi lên một cơn dông-tố, gió bụi dầy trời, ầm-ầm như là thiên-quân vạn-mã, lại có hiện ra những quân đầu trâu mặt ngựa, quân ta trông thấy thế kinh-khiếp, Nguyễn Chế-Nghĩa, Phạm Ngũ-Lão bỏ cả ba đồn mà chạy báo với Hưng-đạo-vương. Vừa nói dứt lời, thì quân Nguyên đã đuổi gần đến Vạn-kiếp. Bởi thế Hưng-đạo - vương cũng

phải bỏ Vạn-kiếp mà chạy về Thăng-long.

Hưng-đạo-vương từ khi lui về Thăng-long mới bày ra một trận gọi là cửu-cung bát-quái, là có ý muốn bắt người Bá-Linh. Trận ấy có tám góc, có tám cửa, ở trong có một toán gọi là trung quân, cửa nào theo cờ sắc ấy, đều có quân có tướng giữ cả. Khi đã bày xong rồi thì cho quân gọi Bá-Linh cùng Thoát-Hoan ra phá trận. Thoát-Hoan cùng Bá-Linh trèo lên cao mà trông thì thấy trận-pháp nghiêm-chỉnh. Thoát-Hoan hỏi Bá-Linh rằng: « Trận ấy gọi là trận gì? » Bá-Linh thưa rằng: « Trận ấy gọi là cửu-cung bát-quái, nhưng trong ấy có sát-khí, thái-tử không nên vào, để tôi xin vào đánh trận, nếu có sự gì nguy-cấp thì tôi đã có phép tàng-hình, giặc cũng không bắt được. » Bá-Linh mới lên ngựa cầm gươm từ cửa đông chạy vào mà đánh. Hưng-đạo-vương thấy Bá-Linh đã vào trận, lấy làm mừng lắm, mới giở thần-kiếm đọc thần-chú mấy câu, bỗng chốc nổi cơn đông-tố, trời đất mịt-mù, Bá-Linh thấy nguy-cấp, đọc thần-chú tàng-hình biến mất, khi đã tan rồi, thì bắt được quân Nguyên hết cả, còn Bá-Linh thì biến đi đường nào mất.

Thoát-Hoan từ khi bị quân ta đuổi cũng bỏ Thăng-long mà chạy về Vạn-kiếp, nhân lại sai Ô-Mã-Nhi và Bá-Linh đem quân lên tuần sông Phú-lương.

Hưng-đạo-vương từ khi không bắt được Bá-Linh lấy làm lo, có gia-tướng là Yết-Kiêu vốn là người có tài lội nước, nghe Bá-Linh đã lên sông Phú-lương mới xin với Hưng-đạo-vương giả làm người câu cá, để rình mà bắt Bá-Linh. Hưng-đạo-vương cũng cho, nhưng có dặn phải đem dây ngũ-sắc đi mà bắt, không thì sợ có khi bắt được nó lại biến mất.

Yết-Kiêu từ khi giả làm ngư-phủ, trông thấy thuyền Bá-Linh cũng đã rõ-ràng, nhưng thuyền nó đỗ hơn 20 chiếc liền nhau, không có thể một mình lên vào mà bắt được, bèn nhảy xuống sông lặn đến gần thuyền giặc mới nổi đầu lên lại chìm xuống, làm cho sóng gợn ba bốn lần. Ô-Mã-Nhi thấy sóng nổi thuyền nghiêng, mới nghi rằng có giặc dục thuyền, bắt các thuyền quân bỏ ra bốn mặt mà tìm. Yết-Kiêu ngóc đầu lên thấy thuyền Bá-Linh đỗ một mình, mới nhảy lên thuyền Bá-Linh lấy dây ngũ-sắc trói lại, bởi thế Bá-Linh không còn tàng-hình được nữa. Trong thuyền quân-sĩ đều kinh-khiếp cả. Mới chèo thuyền vào bờ nam sông Phú-lương nhảy lên bờ, vác Bá-Linh mà chạy. Ô-Mã-Nhi thấy Yết-Kiêu đã bắt Bá-Linh, cho quân đuổi theo, nhưng lại bị quân thủ-hạ của Yết Kiêu cự lại. Ô-Mã-Nhi thấy thế, lấy làm sợ, mới rút quân về Vạn-kiếp.

Nói về Yết-Kiêu từ khi đã bắt được Bá-Linh đem về giải nộp cho Hưng-đạo-vương, Hưng-đạo-vương lấy làm mừng lắm, mới hỏi Bá-Linh rằng: « Mày đã chịu phép tao chưa? » Bá-Linh xin phục tội, lại thưa rằng: « Còn có mẹ ở làng An-điềm, xin cho mẫu-tử tương-kiến. » Hưng-đạo-vương nghe nói cũng thương tình, mới cho người xuống làng An-điềm đòi mẹ Bá-Linh lên. Khi mẹ con đã gặp nhau rồi thì Hưng-đạo-vương mới giao cái thần-kiếm cho Dã-Tượng chém một nhát thì đầu Bá-Linh rơi xuống.

24. — Thoát-Hoan từ khi mất Bá-Linh, đã lấy làm lo, lại nghe thuyền Trương Đại-Hồ tải lương-thực sang, đi qua Vân-đồn, bị Trần Khánh-Dư cướp hết, bởi thế quân không có lương ăn, lại gặp khi trời viêm-nhiệt, có ý muốn rút quân về, mới sai Ô-Mã-Nhi và Phàn-Tiếp đem thuyền bởi sông Bạch-đằng về trước, còn Thoát-Hoan thì từ Vạn-kiếp đi đường bộ mà về Tàu.

Hưng-đạo-vương khi nghe tin ấy rồi bèn sai Phạm Ngũ-Lão cùng chư-tướng

lên đón các cửa ải, lại sai Nguyễn Khoái xuống hạ lưu sông Bạch-đằng cắm cừ giữa dòng sông, và bảo Nguyễn Khoái rằng : « Khi nào gặp thuyền Ô-Mã-Nhi đương buổi nước lên thì đánh, giả thua chạy, cho quân giặc nó đuổi, khi nước đã xuống thì quay lưng đánh lại, như thế thì chắc là thuyền giặc vướng lấy cừ, không thể nào mà chạy được. »

Khi công-việc đã xong rồi, Hưng-đạo-vương lại đem quân xuống mà tiếp-ứng cho Nguyễn Khoái, ngài thì cưỡi voi đi đến bến sông Hóa-giang, đương buổi nước xuống, con voi to lớn phải sa lầy, không đi được, dân ở gần đó đưa cả nam-phụ lão-ấu đề mà kéo voi lên, nhưng không thể kéo được, bất-đắc-dĩ ngài phải xuống voi mà đi bộ. Khi ngảnh lại thì thấy voi chảy hai hàng nước mắt, ngài khen rằng : « Loài vật mà có lòng trung-nghĩa như thế. »

Khi ngài đã đến sông Bạch-đằng thì thấy Nguyễn Khoái đương đánh với Ô-Mã-Nhi, ngài mới tiếp quân đến đánh, thì thuyền quân Nguyên trở lại đều mắc phải cừ không chạy được nữa, nên chi mới bắt được Ô-Mã-Nhi, cùng bốn trăm chiếc thuyền, và chém được quân nhà Nguyên không biết chừng nào mà kể, đến nỗi máu chảy đầy sông.

Khi đã thắng-trận rồi kéo quân về đi qua sông Hóa-giang thì con voi cũng đã chìm xuống dưới nước rồi, nên chi ngài bảo xây một con voi gạch để mà kỷ niệm.

Từ khi Thoát-Hoan ở Vạn-kiếp kéo quân về vừa nghe tin Ô-Mã-Nhi bại-trận, lại nghe các quan-ải nơi nào cũng có quân giữ cả, mới cố liều đánh để thoát thân. Đã mà gặp Ngũ-Lão ở Nội-bàng, thì A-Bát-Xích bị chết, còn Thoát-Hoan thì chạy được, nhưng quân nó mười phần bị chết năm phần.

Khi Hưng-đạo đã thắng-trận rồi trở về Thăng-long. Thượng-hoàng cùng Nhân-tôn ra đón, lấy làm vui mừng lắm, vua Nhân-tôn mới tiến phong cho ngài là Thượng-phụ Hưng-đạo-đại-vương, cùng thưởng cho các tướng-sủy có công đánh giặc.

Hưng-đạo-vương lại tâu với vua Nhân-tôn nên sai sứ sang tạ với nhà Nguyên, cùng đem trả những tì-tướng quân sĩ của Nguyên mà ta đã bắt được. Vua nghe lời, mới sai Đỗ Thiên-Thữ 觀 đi sứ sang Nguyên.

25 — Nói về Nguyên-chúa từ khi nghe Thoát-Hoan mới bại-trận, lại muốn cử binh phục-thù, quần-thần can xin, lại nhân có sứ ta sang tạ. Nguyên-chúa biết rằng không có thể lấy được nước Nam, mới mượn lấy cớ ấy để hưu-binh, cho ta lại cử cống-hiến như cũ.

Từ khi Đỗ Thiên-Thữ 觀 trở về phục mệnh, Hưng đạo-vương lấy làm mừng, chắc là từ nay không động đến sự binh-qua nữa, mới dâng sớ xin về nghỉ ở núi Vạn-kiếp. Bởi vì ở đó là vua đã cho làm tư-đệ của ngài. Ngài mất năm canh-tí, năm Hưng-long thứ tám (1300), thọ 75 tuổi. Bây giờ có đền thờ ở Kiếp-bạc rất là linh-ứng, đệ-niên cứ ngày 20 tháng tám là ngày kỷ-niệm ngài, người trong nước rủ nhau đến chiêm-bái, từ mồng mười đến hai-mươi, lũ-lượt kéo đi đông như nước chảy.

VIỆT-NAM TỔ-QUỐC TÚY-NGÔN

越南祖國粹言

II

23) *Nào con có thương mẹ đâu,*
Mà cho chàng rể nàng dâu thương cùng (1).

24) *Thương chồng phải khóc mụ gia,*
Nghĩ tôi với mụ có bà con chi. [(2).

25) *Thật-thà cũng thể lái trâu (3),*
Bẩn-hoi cũng thể nàng dâu mẹ chồng (4).

26) *Mẹ chồng già thì mẹ chồng chết,*
Nàng dâu có nết thì nàng dâu chừa (5.

27) *Trước làm nàng dâu, sau làm mẹ chồng (6).*

28) *Dâu hiền hơn con gái, rể hiền hơn con trai (7).*

1) Đây nói con trai con gái là hai thứ con thiên-tính, có biết thương cha mẹ để thì chàng rể là chồng con gái, nàng dâu là vợ con trai, hai thứ con nhân-hợp, mới cảm mà thương đến cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng được.

2) *Mụ gia* là bà nhân-gia 姻家. Song tiếng « mụ » có ý khinh. Đây là lời của người con dâu tệ-bạc. Đã nhận con của người ta là chồng, đã nói rằng : « thương chồng », mà lại gọi mẹ của chồng là « mụ gia », và nói rằng : « có bà con chi », thật là lời vô-luân-lý, đáng chê.

3) *Người lái buôn trâu* hay nói dối.

4) Vì bạc-tục nên nàng dâu mẹ chồng ít khi ở bẩn-hoi với nhau, cho nên thường thấy mẹ chồng với nàng dâu ngoài miệng nói bẩn-hoi với nhau, mà trong lòng thì ở không tốt, chẳng khác như cái thói dối-trá của lái trâu, không thể tin được. Đó là chê bạc-tục của cả nàng dâu và mẹ chồng vậy. Muốn bỏ cái bạc-tục ấy cho gia-đình, nàng dâu với mẹ chồng đều phải thực lòng ở với nhau như mẹ con ruột, chớ đừng dối-trá như lái trâu, thì xã-hội mới khỏi xảy ra những cái án mẹ chồng ngược-đãi nàng dâu, hoặc nàng dâu bạc-đãi mẹ chồng.

5, 6) Hai lời này đều khuyên người nàng dâu. Nhất là những nhà có nền-nếp, mẹ chồng thường vì gia-đạo về sau mà răn dạy nàng dâu. Song cũng nhiều khi vì thế mà thành ra quá-đáng, gia-đình hay có sự bất-bình. Có thuyết nói « nên cho ở riêng », nhưng gặp cảnh con một, con cả, hoặc cha mẹ già yếu thì ở riêng cũng không được. Cho nên cổ-nhân biết thế mà chỉ khuyên người nàng dâu là hơn cả. Ý nói : Nàng dâu nên tự xét mình có nết gì xấu thì chừa đi. Còn mẹ chồng mà có điều quá-đáng đi nữa, thì cũng chẳng bao lâu mà chết ; vả trước mình làm nàng dâu thì sau mình lại làm mẹ chồng, không phải là đến khi mình được làm mẹ chồng sẽ lại đem cái cách mẹ chồng, ngược-đãi mình mà đãi lại nàng dâu đâu. Thực thì mình có thờ mẹ chồng sau mình mới biết mà xử với nàng dâu thờ mình được. Nghĩ như thế mới là dâu hiếu, mà gia-đạo mới thường được hòa vui.

7) Đây là khen con dâu con rể, tuy là con nhân-hợp mà tử-tế thì lại hơn con thiên-tính mà ở bạc.

2 — *Đối với con*

(Con trai, con gái, con dâu, con rể và con chồng).

29) *Uốn cây từ thủa còn non,*
Dạy con từ thủa con còn thơ ngây (1).

30) *Yêu con cho roi cho vọt,*
Ghét con cho ngọt cho bùi (2).

31) *Bẻ không vin cả gẫy ngành,*

32) *Nuôi con chẳng dạy chẳng răn,*
Thả rằng nuôi lợn cho ăn lấy tiền (3).

Đây là nói về gia-đình giáo-dục phải chăm từ thủa còn đồng-ấu

1) Muốn uốn cho cây khỏi ngả-nghiêng thì uốn từ thủa cây còn non mới được. Nếu để lớn rồi mới uốn thì cây cứng rồi, uốn tất phải gẫy. Dạy con cũng thế, phải dạy từ thủa còn thơ-ấu cho quen. Nếu để lớn đã hư rồi mới dạy thì không được.

(2) *Roi, vọt* là những cái đồ hình-phạt nhỏ ngày xưa dùng để giúp sự giáo-hóa trẻ con. Ngày nay dùng lối giáo-dục tự-nhiên, không dùng roi vọt, nhưng đối với con trẻ có tính xấu thì sự quở trách kèm bắt không thể thôi đi được. Cho nên người nào chăm kèm bắt con cho thành tài-đức thì tất sau con được tử-tế, tựa như ghét mà thực là biết cách yêu con. Còn người nào nuông con, chỉ bù-trì về khẩu-thể cho ăn lấy nhiều miếng ngon, mà không chăm đến tài-đức cho con, tất sau con hư, thế là tuy yêu mà thực là ghét.

3) Sinh con để đóng góp với nòi-giống, với xã-hội. Nếu nuôi mà không răn dạy cho có tài-đức, để vô-ích hoặc hại cho đời, tức là thiệt cho danh-giá của mình. Nuôi như thế thả rằng nuôi lợn còn bón được tiền trông thấy ngay.

. . .

33) *Giận thì mắng, lặng thì thương* (1).

34) *Có hoa mừng hoa, có nụ mừng nụ* [(2).

35) *Trai mà chi gái mà chi,*
Qui-hồ có nghĩa có nghi thì hơn (3).

36) *Cũng thì con mẹ con cha,*
Cành cao vun xới, cành la bỏ liều (4).

37) *Cũng là con mẹ con cha,*
Con thì chín rưỡi con ba-mươi đồng (5).

1) *Lặng* là khi yên lặng không giận-dữ. Đây nói : Cha mẹ với con là chủ ở sự thương, không nên hờn giận con mà để bụng lâu.

2) Hoa với nụ đều là sự nẩy-nở và đáng mừng của cây, cũng như sinh trai với gái đều là sự nẩy-nở và đáng mừng của cha mẹ. Coi đó thì biết cổ-nhân ta cũng đã coi trai gái bình-quân rồi. Còn như nghe nói : đẻ con trai thì ai cũng mừng thay mà kêu « ô », nghe nói : đẻ con gái thì ai cũng không mừng mà nín lặng, đó là tệ-tục nên đổi.

3) Đây nói : Qui-hồ con nào có nghĩa có nghi với cha mẹ thì thôi, chứ trai với gái có làm gì, mà tục cứ chỉ cần sinh trai ra cho nhiều.

4) *Cành cao* ví như con khôn, (hoặc trỏ người con lớn), *cành la* (ngả thấp) ví như con dại (hoặc trỏ người con nhỏ).

Đây nói : con hay con dở đều là con của cha mẹ sinh ra. Vậy con dở mà bỏ liều lại càng dở thêm, thì không phải là công-bằng.

5) Tiền kẽm cổ của ta, sáu-mươi đồng là một « tiền qui », mười « tiền qui » là một « quan ». Vậy chín tiền qui rưỡi tức là gấp mười chín lần ba-mươi đồng. Đây nói đối với con, phải công-bằng, nếu xử đứa trọng đứa khinh như thế là không phải.

. . .

38) *Mẹ gà con vịt chít-chíu* (1),
Mấy đời đi ghẻ (2) *có yêu con chồng.*

39) *Mẹ ngoảnh đi con dại,*
Mẹ ngoảnh lại con khôn (3).

40) *Phúc-đức* (4) *tại mẫu* (5).

41) *Chớ nói : Cha mẹ sinh con, trời sinh tính* (6).

42) *Trồng cây chua ăn quả chua,*
Trồng cây ngọt ăn quả ngọt (7).

1) *Chít-chíu* là ra ý chăm-chút quấn-quýt.

2) *Dì* là em gái của mẹ, *ghẻ* là « kế » mà nói trạnh âm đi. Vậy dì ghẻ tức là «dì kế», vợ sau của cha. Cho nên chồng sau của mẹ cũng gọi là « dượng ghẻ ». Đây chê những trứng dì ghẻ không thương con chồng. Nói: Gà mái ấp vịt, nở ra vịt con mà gà mái cũng chăm-chút như con ruột mình. Thế mà dì ghẻ đã kế chân làm mẹ đứa con côi của chồng, mà ít có dì ghẻ thực lòng thương con chồng, thì thực không bằng gà mái là giống vật.

3) Đây nói: Con dại lại càng phải chăm nom dạy bảo. Cho nên con dại mà ngoảnh đi không nhìn đến nữa thì càng rõ cái dại ra; nếu ngoảnh lại mà chăm nom dạy bảo thì dại rồi cũng hóa khôn.

4, 5) *Phúc* 福 là điều nhân-lành, *đức* 德 là tính nết tốt. Chín tháng hoài-thai, ba năm bú mớm, con sở-đắc về phần của mẹ phú cho nhiều lắm. Điều hay truyền mà điều dở cũng truyền. Xem các đấng hiền-triết anh-hùng xưa nay đều là con của các đấng hiền-mẫu cả. Cho nên đây nói: « *Phúc-đức tại mẫu* » là thế. Vậy muốn cho xã-hội có nhiều người hay, trước phải tài-bồi giáo-dục cho nữ-lưu hoàn-bị.

6) Tục thường những kẻ có con hư thì nói: « Cha mẹ sinh con, trời sinh tính ». Nói thế là tỏ rằng mình chỉ sinh được cái thân-thể của con, còn đức-tính hay dở là bởi trời phú-bẩm. Tức là đổ lỗi cho trời. Nhưng không biết rằng sự truyền-chủng rất quan-hệ, không những khí-thể truyền lại mà đức-tính đều cũng truyền lại cả. Cho nên phải có hai chữ «chớ nói» lên trên mới phải. Vậy muốn có nòi-giống tốt phải tu-đức tự cha mẹ, chớ đừng có phóng-túng rồi đổ lỗi cho trời.

7) Đây là lấy sự trồng cây mà ví với sự sinh con. Con hay hay-là dở bởi truyền giống tự cha mẹ, cũng như quả ngọt hay là chua, là bởi truyền-thụ ở cái cây. Lẽ nhất-định không sai. Cho nên kẻ đã trồng cây nào thì phải ăn quả ấy, không có gì là rủi may. Vậy ai muốn có nòi giống tốt nên nhớ lấy.

3 — Đối với vợ chồng

43) *Thờ cha kính mẹ đã đành,*
Theo đôi theo lứa mới thành thất-gia (1).

44) *Chim khôn đỗ nóc tam-quan* (2),
Trai khôn tìm vợ gái ngoan tìm chồng (3).

45) *Vợ chồng là nghĩa « gia đời »* (4),
Ai ơi chớ nghĩ những lời thiệt hơn (5)!

1) *Thất* 室 là cái nhà ở, *gia* 家 là trong nhà, như vợ chồng cha con. Lại trai có vợ gọi là «hữu-thất 有室», gái có chồng gọi là «hữu-gia 有家». *Thất-gia* tức là vợ chồng cửa nhà. Cho nên vợ chồng gọi nhau là «*nhà*», xưng với người ngoài mà gọi là «*nhà tôi*», cũng do nghĩa ấy.

Đây là nói về phận-sự của vợ chồng phải rời cha mẹ mà theo nhau để biệt-lập cho thành thất-gia, bởi vì thất gia tức là cái mối tạo-đoan của gia-tộc, quốc-gia và xã-hội. Con cái có thành thất-gia thì cha mẹ mới yên lòng. Còn sự thờ cha kính mẹ thì chung-thân kẻ làm con, ở đâu cũng phải giữ đã đành.

2, 3) *Tam-quan* là ba cửa quan, cái cổng ba gian có gác treo chuông trống ở cửa đền chùa to. Đây nói: Muốn cho đạo vợ chồng thường được hưởng cái hạnh-phúc « tốt đôi » thì phải thực-hành lối tự-do tuyển-trạch. Nhưng có biết cách tìm cho được chồng hoặc vợ xứng đôi với mình thì trai

mới là trai khôn, gái mới là gái ngoan. Xem như con chim mà gọi là chim khôn tất là nó biết tìm đến chỗ nóc tam-quan là nơi thanh-cao mà đậu, vừa xa lưới dò, vừa được hưởng cái thú vui đẹp. Thế thì trai gái muốn kén chọn nhau phải cẩn-thận.

4, 5) *Già đời* là ở với nhau đến già trọn đời, tức kinh *Thi* chữ Tàu gọi là *giai lão* 偕老, đều đến già. Lời *thiệt hơn* là những lời so tị kẻ được phần ấy hơn, người chịu phần kia thiệt. Đây nói: Vợ chồng đã là cái nghĩa nguyện-ước ở với nhau đến già đời, thì hai người tức là một, như trong kinh Thiên-chúa nói: « Kết-hợp làm một » vậy. Vậy nếu có điều gì hơn thiệt cũng nên nhường-nhịn dung-thứ cho nhau, mà không nên nghĩ đến. Nếu còn lấy làm nghĩ thì tất xảy ra những nỗi bất-bình trong gia-đạo. Quá thì đến gây nên những tệ-phong cầu-li cầu-hợp, mà di-hại cho đời.

. .

46) Làm trai lấy được vợ khôn,
Như chĩnh (1) vàng cốm (2) mà chôn trong nhà.
Làm gái lấy được chồng khôn,
Xem bằng cá vượt Vũ-môn hóa rồng (3).

47) Anh đi em ở lại nhà,
Hai vai gánh vác mẹ già con thơ.
Lầm-than bao quản muôi dưa,
Anh đi anh liệu ganh đua với đời (4).

1) *Chĩnh* là cái lọ to bằng sành.

2) *Vàng cốm* là vàng thuần-kim từng vẩy nhỏ như hạt cốm, đời cổ dùng vàng cốm làm của chôn để dành.

3) Cổ-thư Tàu nói: Cá chép vượt qua cái thác gọi là Vũ-môn 禹門 (cửa của vua Vũ), thì hóa rồng. — Đây là khuyên những kẻ làm vợ làm chồng phải sao cho khôn-ngoan để cho nhau nhờ.

4) Đây là lời người vợ hiền nhà nghèo tiễn-biệt chồng lúc đi xa. Người chồng này tất hứa với vợ vì sự-nghiệp nam-nhi ganh tài đua sức mà đi. Nên lúc chồng ra đi, vợ đinh-ninh ma dặn-dò như thế. Nghĩa là gánh gia-đình thiếp đã đỡ cho chàng, thì nợ non sông chàng phải thay cho thiếp. Mỗi bên đều phải làm hết nghĩa-vụ mình. Vậy kẻ bốn phương hồ-thỉ, xin chớ quên lòng.

. .

48) Anh về rẫy vợ anh ra,
Công nợ em trả mẹ già em nuôi.
Anh về rẫy vợ anh rồi,
Công nợ anh trả anh nuôi mẹ già (1).

49) Chém cha (2) cái giặc chết hoang (3),
Làm cho thiếp phải gánh lương cho chồng,
Gánh ra xứ Bắc xứ Đông (4),
Đã gánh cho chồng lại gánh cho con.

1) Đây là thác ra lời của « gái » để mỉa-mai anh chàng bạc-tình hoang chơi đến công nợ, tin lời « gái » về bỏ vợ để chực ỷ-lại vào lưng « gái », nhưng mà bị lừa.

2) *Chém cha* là lời chửi rủa.

3) *Chết hoang* là chết toi, chết nhiều quá. Tiếng Thanh Nghệ.

Đời Hậu-Lê gọi mỗi tỉnh là một xứ. Xứ Bắc tức Bắc-ninh, xứ Đông tức Hải-dương bây giờ. Cứ hai cái tên địa-dư này thì bài này là lời người chinh-phụ ở đời Hậu-Lê. Bấy giờ hai xứ Đông Bắc có tướng Tuyền, tướng Hẻo làm cách-mệnh đánh chúa Trịnh lâu năm. Lính Thanh Nghệ là thân-binh của chúa Trịnh chuyên đi đánh dẹp, lương nước không đủ, nhà phải cấp thêm. Bà này hai lần phải gánh lương ra hai xứ Đông Bắc cho chồng cho con để đi đánh dẹp. Ôi! hòn đạn mũi tên, chồng con nợ nước; đồng tiền bát gạo, lòng mẹ thương nòi. Nghìn dặm nước non, hai phen gió bụi, người đàn bà có ích cho nhà cho nước là chừng nào!

50) *Vợ chồng là nghĩa tao-khang (1).*
Chồng hòa vợ thuận nhà thường yên-vui.
Sinh con mới ra thân người,
Làm ăn thịnh-vượng đời đời vinh-quang (2).

51) *Vì chàng thiếp phải bắt cua,*
Những như thân thiếp thiếp mua ba đồng.
Vì chàng thiếp phải long-đong,
Những như thân thiếp cũng xong một bề (3).

1) *Tao-khang* 糟糠 là tấm cám, nghĩa tao-khang là vợ chồng cùng nhau từ thủa hàn-vi ăn tấm ăn cám.

2) *Vinh-quang* 榮光 là vinh sáng. — Đây nói: Vợ chồng hòa-thuận không những nhà thường yên vui mà lại có cái ảnh-hưởng lớn về sự sinh con đẻ cái thành được giống tốt, làm vinh-quang cho đời đời. Đó là tinh-thần của cái học « tiền chủng » vậy.

3) Đây là lời người vợ vì chồng không xét công cho nên nói đay-đả để cho chồng biết rằng mình vì nghĩa-vụ, vì người yêu mới phải vất-vả như thế.

***

52) *Cậy em coi sóc gia-đường,*
Để anh buôn-bán trầy-trương thông-hành (1).
Mẹ già nuôi lấy cho anh.

53) *Nào khi anh bẩng anh beo,*
Ba tiền chén thuốc (2) lại đèo mùi chanh (3).
Bây giờ anh tốt anh lành,
Anh tham nhan-sắc (4) anh tình-phụ tôi.

1) *Trầy-trương thông-hành* là cất chuyến đi xa để làm ăn hoặc du-lịch. Vợ coi nhà nuôi mẹ, chồng buôn bán trầy-trương, người chồng này thực biết chia công việc, hết nghĩa-vụ.

2) Mỗi liều thuốc vừa sắc một ấm gọi là một chén thuốc.

3) Mùi chanh để làm thang giúp sức cho chén thuốc. Khi uống thuốc thì vắt chanh vào hoặc nuốt theo, do ông thầy dặn.

4) *Nhan* 顏 là nét mặt, *sắc* 色 là giáng vẻ đẹp. — Đây là lời người vợ trách người chồng tham sắc phụ nghĩa, không nhớ lúc hoạn-nạn tiều-tụy khi xưa, vì ai mới được tốt lành như ngày nay mà nỡ bạc.

***

54) *Vợ chồng hàng sáo (1) chúng ta,*
Bách-niên giai-lão độ ba bốn ngày.

55) *Chồng gì anh, vợ gì tôi,*
Chẳng qua là cái nợ đời nhau đây (2).

56) *Xưa kia ăn những của chồng,*
Kiếm được một đồng khủng-khỉnh ăn riêng (3).

57) *Vì chàng thiếp phải mua mâm,*
Những như thân thiếp bốc thầm cũng xong (4).

1) *Hàng sáo* là cách buôn bán sồi-thì, mua về lại bán ngay, không để lâu được. Đây là lời trào-phúng những đôi vợ chồng đã cầu hợp thì rồi tất cầu-ly.

2) Đây là lời chê cả hai vợ chồng ấy đều làm hại lẫn nhau.

3) Đây là lời chê người vợ bụng dạ nhỏ-nhen, đã không tề-gia được lại có ý tư-túi.

4) Đây là lời người vợ đảm-đang, sắm-sửa cho chồng được nhiều đồ lễ-vật lịch-sự, mà nói hoạt-kê để khoe mình. Lời nói có giọng chua. Vậy dẫn ra đây cũng là để chê.

***

58) *Ép dầu ép mỡ (1), ai nỡ ép duyên.*

59) *Thấy chồng yêu, xỏ chân lỗ mũi (2).*

60) *Thương chồng nên phải gắng công,*
Nào ai xương sắt da đồng chi đây (3).

61) *Sáng trăng giải chiếu hai hàng,*
Bên anh đọc sách bên nàng quay tơ.

62) *Một thuyền một lái đã xong,* [(4).
Một chĩnh (5) đôi gáo còn nong tay vào.

1) Ép hột lấy dầu, ép mỡ lấy mỡ nước. Đây nói về cái nghĩa cho tự-do thuận-tình về sự hôn-phối. Nói có thể ép mà lấy dầu lấy mỡ được, chớ không

có thể ép hai trai gái không thuận duyên nhau mà phải lấy nhau làm vợ chồng được. Nếu ép thì là tàn-nhẫn không nên.

2) Đây là chê người vợ không biết cái nghĩa « yêu lẫn kính chung » trong đạo vợ chồng, thấy chồng yêu mà sinh nhờn vô-lễ.

3) Đây là khen người vợ đã vì chồng mà xông-pha vào nơi hiểm-nghèo oanh-liệt. Nhất-thuyết nói là câu phong-dao tả lời đức bà Trưng-vương.

4) Đây là tả cảnh một đôi vợ chồng nhà học-trò ngày xưa, đối nhau cùng ngồi, mỗi người làm một nghĩa-vụ dưới bóng trăng.

5) *Chĩnh* là đồ đựng nước ăn mà nhỏ miệng, chỉ vừa nong (thò) một cái gáo vào để múc nước mà thôi. — Đây là nói cái nỗi khó xử của cái cảnh nhiều vợ. Nghĩa là một chồng có một vợ như cái thuyền có một lái là lẽ cố-nhiên đi rồi. Nay vì ái-tình của một chồng mà nhiều vợ thì như cái chĩnh nước nhỏ miệng mà đồng-thời nong hai cái gáo vào, làm sao cho được.

∴

63) *Em là con gái Phụng-thiên (1)*
Bán rau mua bút mua nghiên cho chồng.
Nữa mai chồng chiếm bảng rồng (2),
Bỏ công tằm-tưới vun trồng cho rau.

64) *Trai có vợ như rỏ có hom (3),*
Gái có chồng như rồng có mây (4).

65) *Trai có vợ như dợ buộc chân,*
Gái có chồng như gông (5) mang cổ.

1) *Phụng-thiên* là huyện phụ-cận với kinh-đô Thăng-long đời Lê (nay là phủ Hoài-đức). Dân ở gần kinh-đô hay trồng hoa-mầu để bán cho người thành-phố.

2) *Bảng* để tên tiến-sĩ lúc đỗ có vẽ rồng. — Đây là lời người vợ hiền lấy chồng học-trò nghèo ngày xưa. Cô đỏ con gái Phụng-thiên này chăm trồng rau để giúp cho chồng đi học. Cô chỉ mong cho chồng đỗ được đại-khoa là bỗ cái công những lúc cô tằm-tưới vun-trồng cho rau mà thôi, chứ không chực đòi những quyền-lợi gì ở chồng. Ngày xưa thường có nhiều người vợ hiền như thế. Khi chồng hàn-vi, hết sức giúp cho chồng thành chí lớn; lúc chồng hiển-đạt, không hề quấy-nhiễu, khiến cho chồng phải làm việc trái lương-tâm, phạm phép nước để cung-đốn sự xa-xỉ cho bà vợ.

3) *Hom* là những cái nan nhọn ngăn chung quanh miệng rổ, vật ngoài lọt vào được chứ trong không lách ra được. Rổ có hom thì vật đựng ở trong không rơi ra được. Trai có vợ thì kiếm được đồng nào có vợ giữ cho không hoang tiêu đi được.

4) Rồng có mây thì mới bay nhảy được. Có bản chép chữ « vây » là sai. Gái có chồng thì chồng sẽ giúp cho mà làm nên. — Đây là nói có vợ có chồng giỏi thì giúp đỡ lẫn nhau.

5) *Gông* là cái đồ hình-pháp cổ bằng tre hoặc bằng gỗ như cái thang con, lắp vào cổ kẻ tù-nhân để ra hiệu là có tội mà ngăn-trở sự hành-động.

Đây là nói bị vợ hư chồng nghiệt thì càng thêm thúc-phọc không cho mình được tự-do hành-động theo ý tốt của mình nữa

∴

66) *Làm gì những thói đưa-đong (1),*
Gái bất nạt chồng em chẳng có ngoan.

67 *Đói ta là nghĩa tao-khang,*
Xuống khe bẻ ốc lên ngàn hái rau (2).

68) *Đôi tay cầm đôi quả hồng,*
Quả chát phần chồng, quả ngọt phần trai (3).

70) *Đói no một vợ một chồng,*
Một niêu cơm tấm dầu lòng ăn chơi (4).

1) *Đưa-đong* cũng là đong-đưa, là một nết xấu hay nói chua-ngoa của con gái. Con gái đã có tính đong-đưa thì hay bất nạt chồng, nên đây răn đi.

2) Đây nói vợ chồng giữ trọn nghĩa tao-khang với nhau, thì dù sinh-nhai vất-vả cùng nhau cũng thú.

3) Đây là chê ả ở bất-lương với chồng.

4) Đây là lời người con gái không muốn lấy chồng làm lẽ mà nói cái cảnh một vợ một chồng, dẫu nghèo cũng vui.

∴

70) *Đã lòng đùm-bọc yêu-vì,*
Thì anh đắp điếm trăm bề dại khôn (1).

71) *Đàn ông cắp chả (2), đàn bà làm tổ (3).*

72) *Thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn (4).*

73) *Lẽ đâu «khôn làm cột cái dại làm cột quân (5)».*

74) *Mất thê tìm thê (6).*

1) Đây là lời người vợ hiền mà còn ở địa-vị làm dâu, nói với chồng đã yêu thì dù vợ có điều gì dại cũng nên đắp-điếm đi cho.

2) *Chả* là cành khô nhỏ — Đây là chia phận-sự của đôi vợ chồng cũng như đôi vợ chồng con chim. Người đàn ông đi ra ngoài mưu-sinh đem lợi-lộc về, tức là chim đực đi tha cắp những cành chả đem về. Người đàn bà giữ lấy lợi-lộc ấy mà lo toan việc gia-đình, tức là chim mái nhận lấy những cành chả mà làm thành tổ để có chỗ sinh nuôi con cái. Ý câu này nói vợ chồng người ta nên theo lệ của vợ chồng con chim, ai nấy đều làm hết phận-sự của mình, thì gia-đạo mới hưng-khởi mà giống-nòi mới thịnh-vượng.

4) Đây nói trong gia-đạo, việc gì mà hai vợ chồng đều thuận lòng cùng làm, thì việc to thế nào cũng phải xong, dù tát bể đông cũng phải cạn.

5) Nhà gỗ, cột cái to và cao hơn đứng giữa, cột quân bé và thấp hơn đứng bên (hoặc nói là cột con). — Á-đông ta đã chưa bỏ được cái tục « đa-thê », mà cái chế-độ vợ cả vợ bé lại không nhất-định. Cái ngôi-thứ vợ cả vợ bé thường bị quyền áp-chế của người chồng vì yêu ghét mà thay đổi. Vì thế mà trong gia-đạo có nhiều cái ăn bất-bình không xiết kể. Cho nên đây nói: Tục cho rằng vợ cả như cột cái, vợ bé như cột quân, nhưng khi nào vợ bé khôn thì làm cột cái tức là lên làm vợ cả, mà vợ cả dại thì phải làm cột quân tức là xuống làm vợ bé. Vậy lời tục như thế là không có lẽ.

Chế-độ đa-thê ở Á-đông tự cổ đặt ra, thứ dân chỉ được lấy có một thê (vợ cả) một thiếp (vợ bé). Còn từ quan-trưởng trở lên đến vua chúa được theo giai-cấp mà nhiều mãi ra. Lại phân ra nhiều hạng vợ là chánh-thất (vợ cả), thứ-thất (vợ bé) và thị-tì (nàng hầu). Nhưng ở Việt-Nam thì thông-thường các nhà dân đều lấy cái thứ-tự lấy trước lấy sau mà định ngôi-thứ của các vợ, như vợ cả, vợ hai, vợ ba, v. v., ai đi bước trước là chị, đi bước sau là em, chứ không có gọi ai là nàng hầu. Như thế cũng là biết trọng nhân-đạo một cách có thứ-tự tự-nhiên. Song lệ thường tuy như vậy, nhưng cũng nhiều khi vì người vợ cả dần-dại, hoặc vì người chồng thiên-ái người vợ bé mà bỏ xó người vợ cả một chỗ, để ở với người vợ bé. Bấy giờ vin vào việc nội-trợ mà nói: « Khôn làm cột cái, dại làm cột quân ».

Nay xét ra vì cớ gì mặc lòng, lời nói ấy cũng là bạc-tình, trái nghĩa tao-khang cả. Vì thiên-ái vợ bé mà bỏ xó vợ cả, người chồng cố-nhiên là có tội. Còn chỉ vì cớ dần-dại mà bỏ xó người vợ cả thì người chồng cũng là có lỗi. Bởi vì lúc mới có một vợ đã cùng nhau ước làm cái nghĩa *già đôi*, ngôi thứ đã định, thì dù dại dù khôn, kẻ trượng-phu cũng phải lấy tài-trí mà

đắp-điếm trăm bề cho trọn lời nguyền xưa mới phải. Chớ có lẽ đâu vì đại khôn mà thay ngôi đổi bậc được.

6) Đây là một câu « *lệ-ngôn* 例言 » do từ điều luật đời Lê mà ra. Luật nói : « Thê còn thì cưới thiếp, thê chết thì cưới thê 妻存娶妾, 妻沒娶妻 ». Nghĩa là đàn ông chỉ có một thê, thê còn sống mà cưới ai thì là thiếp ; chỉ có khi nào thê chết rồi mà cưới ai thì mới là thê, chứ không có thể thê còn sống mà lại cưới thê nữa về, cho cùng có quyền ngang nhau được. Câu « mất thê tìm thê » cũng do nghĩa trên mà ra : thê mất rồi thì tìm thê. Vậy nhà nhiều vợ, khi người thê chết thì người thiếp lên làm thê, còn có cưới ai nữa đều phải theo thứ-tự lấy sau mà định. Thế mới phải cái nghĩa của chữ *thê* 妻 là *tề* 齊 = bằng chồng; *thiếp* 妾 là tiếp 接 = kế-tiếp cho thê. Phàm đã sánh với người chồng được thì là vợ, không có lấy cái tư-cách sang hèn, xấu tốt gì mà ấn-định người thiếp chỉ là thiếp, mà không được thay vì người thê khi đã chết rồi.

Thế nhưng, những nhà nhiều vợ là nhà có tư-cơ. Khi vợ cả mất rồi lại muốn lấy người vợ có của hoặc có sắc nữa, nhưng thế-tất người ấy không ưng làm vợ bậc kém. Bấy giờ người chồng mới giải nghĩa sai câu luật đi mà nói cho có đoan-đích rằng : « Mất thê thì tìm thê để bù vào, còn những thiếp trước thì cứ là thiếp. » Cái quyền áp-chế trong gia-đình ngày xưa thực là vô-hạn. Chính người vợ cả mà bỏ xó hoặc bắt làm cột quân còn được, nữa là đối với người vợ hai vợ ba đã cam-phận kém từ trước rồi, thì nay bắt thế nào chả được. Bởi thế cho nên nhiều nhà khi vợ cả chết rồi, vợ thứ lên thừa-đương gia chính đã lâu, đã có con-cái lớn, bấy giờ người chồng lại cưới người vợ mới nữa về rồi viện câu « *Mất thê tìm thê* » mà đuổi người vợ thứ cũ xuống nhà dưới, giao gia-chính cho vợ thứ mới. Sau lại bắt con-cái đã lớn của người vợ thứ cũ phải gọi con-cái của người vợ mới là anh là chị. Như thế không những là làm trái cái thứ-tự trước sau của các vợ, mà lại làm trái cả cái thứ-tự thiên-nhiên của các con nữa. Dẫu luật có như thế cũng nên bỏ, nữa là không phải luật. Thật là một cái tệ-tục bất-bình cho gia-đạo, lại gây cái mối cốt-nhục cừu-thù cho con-cái về sau.

Vì cớ gì mà tục « đa-thê » còn thi-hành thì kẻ làm chồng chớ có nhân lầm nghĩa hai câu túy-ngôn 73, 74 trên ấy.

Còn như những người bảo rằng chưa kén được chính-thê mà lấy thiếp trước, là bắt-chước cái chế-độ của nhà vua đời cổ, cho rằng ngôi chủ-trương lục-cung còn để đợi người xứng-đáng, song đó cũng là tệ-tục không nên theo.

. . .

4 — Đối với anh em, chị em

75) *Anh em một khí-huyết này,*
Cũng như người có chân tay khác gì.
Ai ơi lấy đấy mà suy,
Có thơ Đường-lệ kinh Thi (1) *còn truyền.*

76) *Anh em cốt-nhục* (2) *đồng-bào* (3),
Kẻ trên người dưới phải hòa cùng vui.
Lọ là ăn thịt ăn xôi,
Qui-hồ ở nết « nhường-lại » bằng lòng (4).

1) — Thơ *Đường-lệ* ở thể *Tiểu-nhã* trong kinh *Thi*, là một tập thơ phong-dao và nhạc-phủ đời cổ Trung-quốc, mà Khổng phu-tử đã lựa chọn biên-tập để làm sách đọc. Thơ này là một khúc hát khi anh em ăn tiệc. Chương đầu lấy cây đường-lệ 棠棣 là thứ cây có nhiều hoa đẹp rực-rỡ nở đều một lượt như người có nhiều anh em hòa vui. Còn các chương sau thì nói anh em phải cứu nạn cho nhau, anh em dù có xẩy ra vật lôn ở trong nhà, nhưng có kẻ ngoài khinh-

nhờn thì phải đồng-tâm mà chống-cự ngay, v. v. — Đây nói anh em chị em ruột là một khí-huyết cha mẹ. Có anh em như có chân tay để giúp đỡ nhau. Vậy phải lấy đấy mà suy ra những nghĩa thơ *Đường-lệ* đã nói về đạo xử với anh em thì càng rõ.

2) *Cốt* 骨 là xương, *nhục* 肉 là thịt, anh em như cốt-nhục dính vào nhau, lại cốt-nhục là cùng một khí-huyết.

3) *Đồng-bào* 同胞 là chung một bào-thai của mẹ. — Đây nói anh em chị em chung một khí huyết, ở với nhau cốt tại chữ « hòa » và nghĩa « nhường lui », không cứ phải cho nhau ăn của ngon vật quí, chỉ trên dưới biết hòa và nhường lui nhau là vui-vẻ bằng lòng nhau hơn cả.

. . .

77) *Em ngã thì chị phải nâng (1).*
Đến khi chị ngã em bưng miệng cười (2).

78) *Người dưng có ngãi (3) thì đãi người dưng,*
Anh em vô-ngãi thì đừng anh em (4).

89) *Một trăm ông chú không lo (5),*
Lo về một nỗi mụ o (6) nỏ mồm.

80) *Giàu sang nhiều kẻ tới nhà,*
Khó-khăn nên nỗi ruột già xa nhau (7).

1, 2 *Ngã*, ý nói là thất-bại, *nâng* ý nói là phù-trì cho. Nhưng dưới nói bưng miệng cười thì lại cho là ngã xuống đất thật, và nâng dắt dậy thật, là ngụ cái ý hoạt-kê, khen chị thương em và chê em không biết thương chị.

3, 4) *Ngãi* tức nghĩa mà đọc trạnh âm đi.— Đây là lời nói tỏ ý chỉ trọng nghĩa mà giận anh em vô-nghĩa với mình, nhưng cũng là ý quá-đáng.

5) Ông chú là em trai chồng.

6) *Mụ o* tiếng Trung-kỳ là cô em gái chồng *Nỏ mồm* là mồm hay nói bài-bác. — Đây là chê em gái chồng hay chỉ-trích chị dâu, nhất là gặp cô em lắm mồm-miệng thì lại càng lo, không như em trai chồng biết kính chị dâu.

7) *Ruột già* cũng như nghĩa đồng bào-thai, tức là anh em chị em ruột.— Đây là chê bạc-tục của người đời chỉ vì lợi. Thấy người ngoài giàu sang thì tìm đến làm thân, mà anh em nghèo thì xa nhau không đoái-hoài đến nhau.

. . .

81 *Đắng cay cũng thế ruột già,*
Ngọt ngào cho mấy cũng là người dưng (1).

82) *Cùng một máu bác sinh ra,*
Khác một máu mẹ ai mà thương ai (2).

83) *Giặc bên Ngô (3) không bằng bà cô bên chồng.*

84) *Cốt-nhục tương tàn, cổ kim đại-ác (4).*

85) *Của anh như của chú, xẩy vai xuống cánh đi đâu mà thiệt (5).*

86) *Chị em hiền thậm là hiền,*
Vì một đồng tiền nên mất lòng nhau (6).

1) Đây nói dù thế nào thì anh em cũng hơn người dưng.

2) Đây là chê những anh em dị-bào không biết vì máu bố mà thương nhau như đồng-bào.

3) Giặc Ngô là giặc Tàu. — Đây là chê cái tệ tục em gái chồng hay ghét chị dâu.

4) Đây là chê anh em ruột mà tàn-hại lẫn nhau là cái đại-ác xưa nay.

5) Đây là lời người anh hiền nói với em. Của anh cũng như của em, nếu của ấy không ở anh mà nó sang em thì cũng như không ở vai thì xuống cánh tay, cũng vẫn ở trong một bộ-phận của thân-thể, đi đâu mà thiệt. Tệ-tục anh em chị em thường vì tài-sản mà li-biệt thù-ghét nhau. Thế mà người anh này cho em hưởng chung tài-sản của mình, thực là hậu tình cốt-nhục, đáng khen.

6) Đây là chê những anh em chị em chỉ vì có một đồng tiền mà đang « hiền thậm là hiền » bỗng đến mất lòng nhau. Thực là trọng tài mà khinh cốt-nhục, còn nói gì đến cái nghĩa chân tay giúp đỡ nhau nữa. Xem thế thì anh em chị em của người đời mà không hòa được với nhau, cũng chỉ vì đồng tiền. Vậy muốn được hòa vui trọn tình cốt-nhục, phải nhường lui nhau ngay từ đồng tiền, của anh như của chú, của chú như của anh. Chớ có sân-si hơn thiệt thì mới được.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU và ĐỖ-NAM

QUỐC-VĂN

Ý-kiến về vấn-đề quốc-văn (1)

II

1° Ý-kiến người nước ngoài

1 — Ông TIBARD có bàn sơ-lược về vấn-đề khác, vấn-đề truyền các tin-tức trong máy vô-tuyến-điện bằng các thứ tiếng thổ-dân và ngoại-quốc. Muốn cho nước Pháp được người ta biết đến và yêu đến, lẽ tất-nhiên là phải làm sao cho những kẻ không biết tiếng Pháp họ cũng hiểu được mình.

L'Opinion, 24-11-31.

2 — Theo nghị-định của bộ Học (nước *Turquie*, Thổ-nhĩ-kỳ), đã bãi việc dạy tiếng ngoại-quốc trong trường sơ-đẳng các dân thiểu-số (*minorités*).

Việc ấy thiệt-hại nhất cho tiếng Pháp, vì chỉ có tiếng Pháp được dạy khắp các trường dân Do-thái, dân Hi-lạp và dân *Arménie*.

L'Opinion, 21-1-32.

3 — Hội-nghị tài-binh *Lausanne* khởi họp buổi trưa này.

... Người ta sẽ chuyên dùng chữ Anh và chữ Pháp.

L'Opinion, 3-2-32.

4 — Lòng thương nước tôi, rất nồng-nàn rất thành thực, chăm lo nhất về việc truyền-bá tiếng Pháp, tôi được phép nói như thế chăng?

À! phải chi thuở nọ tổ-tiên ta giúp sức các kẻ đồng-bang có chí anh-hùng đã qua đất *Canada* và *Louisiane* khởi việc thực dân xứ *Amérique*! Thương hại thay! Các kẻ bạo-dạn ấy phải người Pháp bên tổ-quốc ruồng-bỏ, bởi thế nên hiện-thời, cả bắc-bộ châu Mĩ người ta dùng tiếng Anh cả nam-bộ và trung-bộ người ta dùng tiếng Y-pha-nho và Bồ-đào-nha.

Phải chi ta khuếch trương ở khắp bắc-bộ Phi-châu (*Afrique*) và tại bán-đảo Ấn-độ Chi-na (*Indochine*), thì bờ cõi tinh-thần của ta sẽ được rộng lớn thêm ra.

Giáo-sư đại-học CHARLES RICHET

Le Matin, 26 12-31.

5 — Xin nói liền rằng trong các việc sai-lầm chúng ta đã làm tại xứ này, thì việc sai-lầm lạ-lùng hơn hết, quả là cách ban-bố cái học sơ-đẳng (nghĩa là cái học quyết ban-bố khắp cả một dân-tộc, ban-bố cho mấy triệu trẻ con), bằng tiếng ngoại-quốc.

(1) Tiếp theo bài thứ I (*Nam-Phong* 168).

Tưởng rằng không xứ nào trên thế-gian lại được trông thấy việc ấy; và trái lại, việc được trông thấy là những sự phản-đối cả toàn-dân khi nước Đức muốn ép xứ *Alsace* và xứ *Pologne* theo một chế-độ giống in như trên, mà nhân-số hai xứ này lại kém nhân số nước Nam rất nhiều.

P. DUCLAUX

L'Echo Annamite, 9-11-22.

6 — Cũng nhiệt-thành với tiếng ngoại-quốc, nhưng tiếng nước mình phải săn-sóc nhắc-nhở tới luôn luôn.

(Ông Trần Bá-Hùng thuật lời một nhà cổ-triết Tây-phương.)

Đông-Pháp thời-báo, 20-9-26.

7 — Người ta bàn về một con bò mọng khốn-nạn mà rằng: Nếu con vật kia nó biết cái mãnh-lực của nó thì nó sẽ như thế nào? Còn tôi bàn về người thì tôi nói rằng: Nếu người ta biết cái mãnh-lực tiếng nói của mình thì sẽ như thế nào?

PESTALOZZI

(Bản dịch ông Vũ Công-Nghi)

Nam-Phong, số 59.

8 — Tiếng nói là món để liên-lạc người dân một nước được bền chặt hơn nhất; tiếng nói vừa là biểu-hiệu cho nước, vừa là cách diễn-xuất hồn nước được rõ-ràng hơn nhất.

... Thứ tiếng nào không tiến-hóa, tất phải tiêu-diệt.

... Một thứ tiếng dẫu trong sạch thế nào, cũng không thể toàn một cỗi-rễ được.

Gặp một tình-thế mới, một ý-kiến, một thể-cách mới, thì phải có một tiếng mới.

Sự dùng bằng ngày khiến sinh ra tiếng ấy và công-nhận nó, không hề xét xem cách lập tiếng ấy là đúng phép cùng là không đúng phép.

ROGER RÉGIS

Báo *Le petit journal illustré*, lối năm 1924

9 — Văn-hóa không phải là cái của riêng của một dân một nước nào, hay là của một thứ tiếng nào. Nó là cái hương-hỏa chung của cả loài người, cái hương-hỏa quí-báu, mỗi đời lại tăng thêm lên mà đời nọ truyền cho đời kia, xứ nọ truyền sang xứ kia mãi mãi. Các tiếng nói của người ta là những cái thuyền để chở cái văn-hóa, không có tiếng nào ngay tự đầu đã là tiếng riêng của văn-hóa, mà không có tiếng nào đến sau lại không trở nên một cái tiếng của văn-hóa được.

DAVID JAYNE HILL

Bản dịch *N.-P.*, 18

2. - Ý-kiến người trong nước

10 — Mỗi một nước có một văn-chương riêng, văn-chương của nước nào tức là quốc-hoa của nước ấy, mà chính là quốc-hồn của nước ấy.

DƯƠNG BÁ-TRẠC

Tựa sách *Văn-đàn bảo-giám*

11 — Bây giờ lấy quốc-ngữ làm sơ-học đồ-triệt, lấy quốc-văn liệt vào các giáo-khoa, khác nào một cây lão-thụ, lại hưởng-thụ được hơi dương đầm-ấm, mưa-móc dồi-dào, mà chả đâm chồi nẩy lộc, phát-dương sinh-sắc hơn trước dư? Vậy thì quốc-văn của ta lại càng phải bảo-tồn lắm, vì tinh-thần văn-chương của nước ta ký-ngụ ở đó; người có lòng sốt-sắng với quốc-văn mà lại đạm-bạc vô-tình dư?

TRẦN TRUNG-VIÊN

Văn-đàn bảo-giám

12 — Lý-ưng ra tất cả các khoa-học đều dạy bằng tiếng Pháp. Nhưng thực-hành ra, thì không thể sao được. Là

vì khó lòng mộ được ông giáo đủ tư-cách toàn dạy bằng tiếng Pháp cả. Vả chăng trẻ nhà-quê lại ở nhà quê, không theo-đuổi học cho đến bằng sơ-học, cho nên học chữ Pháp không có lợi là mấy.

Khoản 134 *trong Học luật (1925-1926)*
NGUYỄN VĂN-NGỌC *dịch*

13 — Văn-hóa là vẻ duy-nhất trong mọi việc hoạt-động về tinh-thần, mọi việc hoạt-động cần để sống của một dân-tộc.

... Trong bọn chúng ta có người nào dám nói rằng nước Nam hiện-thời, đã có một văn hóa không? Đối với người ấy, cái cảnh-vật bao quanh sẽ trả lời thay cho tôi.

... Xin ai hãy xem cho kỹ nội trong một khắc đồng-hồ một cuộc nói chuyện một ông cựu-học học chữ Hán và một ông tân-học có khoa-bằng xuất-thân ở các trường người Pháp. Xin ai cố nhận lấy sự bỡ-ngỡ, sự lúng-túng của hai ông đối với nhau. Ông này đối với ông kia thật xa lạ nhau biết ngần nào! Hai ông thật khác nhau biết ngần nào! Có điều không thể dự-tưởng được, là tưởng rằng hai ông ấy cùng một dân-tộc với nhau.

Trích bài *Une culture pour les Annamites* của
NGUYỄN AN-NINH 1923
La Tribune indigène (?)

14 — Chúng tôi nói rõ rằng sự học chữ Pháp mà trông được kết-quả thì chỉ có một số người An-Nam rất ít mà thôi.

L'Echo Annamite, 27-10-21

15 — Chữ « quốc ngữ » là một cơ-quan phổ-thông rất mầu-nhiệm, phổ-thông trong dân Việt-Nam và trong tiếng tổ-quốc dân ấy, cái khoa-học và cái tư-tưởng nước Pháp, hiện nay họ còn chưa biết.

NGUYỄN PHAN-LONG
L'Echo Annamite, 19-8-22

16 — Những tiếng An-Nam nói nghe cho phong-nhã, cho có đạo-nghĩa, cho người cảm-mến, cho chúng phục-tùng, thì phải có học chữ Tàu mới đặng.

Đ. P. T. B. 1923 (?)

17 — Các em trẻ Việt-Nam ơi! Ta nói thực cho các em mừng, ta cận với Tàu, ta thân với Pháp, ta quyết làm trung-gian mà xâu chữ Tàu chữ Pháp lại làm ra chữ quốc-ngữ cho các trẻ em đọc chơi. Ta hứa với các em rằng: Chừng mười năm nữa lại đây, ta sẽ có sách Thiên-văn, Địa-lý, Triết-học, Hóa-học, Cơ-khí-học, Kỹ-nghệ-học, Chính-trị-học, Kinh-tế-học, Thương mại-học, Trắc-độ-học, Đạo-đức-học, Luân-lý-học, các khoa học của Tàu của Pháp đều dịch hết ra chữ quốc-ngữ cho các em trẻ học-tập cho mau.

Đ. P. T. B. 1923 (?)

18 — Qui-báo đề-xướng hai việc lớn:

1º Phải dùng phương-pháp nào mà làm cho đồng-bang trong ba kỳ viết chữ quốc-ngữ giống nhau như một;

2º Phải dùng cách nào mà dạy văn An-Nam cho tiện.

Hai việc đó thật có quan-thiết đến tiền-đồ nước nhà.

LƯƠNG-ĐỨC
Đ. P. T. B., 21-9-1923

19 — Một thế-kỷ mà dân trong nước mới nhớ công ơn của một người (cụ Nguyễn Du) đã cho hậu-thế một bộ sách vô-giá, cho đến người ngoại-quốc cảm-phục, thời nghĩ cũng trễ thật, cũng đáng tủi thật, song trễ mà có làm, nghĩa là còn nhớ đến tiền-nhân còn khá hơn là quên luôn.

NGUYỄN MỤC-TIÊN
Đ. P. T. B., tháng 9, 1924

20 — Trừ phi những bọn mua danh bán lợi, coi mấy dẫy ruộng, vài gian

nhà, một tước quan-hàm là phỉ-nguyện bình-sinh, những người có lòng nhiệt-thành với quốc-văn không phải thiếu, ta cũng an lòng mà mong-mỏi về sau.

NGUYỄN MỤC-TIÊN
Đ. P. T. B., tháng 9, 1924

21 — Đồng bào ta ai người có lòng thương tiếng nước nhà, yêu văn nước nhà, gặp được cơ-hội này mà chả cổ-võ hoan-nghênh; trường học tiếng An-Nam có; khoa thi văn An-Nam có; học-sinh vì đó mà cố-gắng; quốc-văn vì đó mà phấn-phát; một ngày kia sẽ được thấy một đoàn thiếu-niên Nam-Việt nói tiếng An-Nam ròng, viết văn An-Nam ròng, người An-Nam ròng, hồn An-Nam ròng, theo thầy Đại-Pháp mà bay-nhảy trên võ-đài, la lên một tiếng lớn rằng:

Quốc-văn của ta!
Quốc-hồn của ta!

NAM-KIỀU
Đ.P.T.B., 7-1-1925

22 — Chúng tôi không ước-ao được trông thấy cả thảy dân nước Nam nói tiếng của VOLTAIRE được đúng, vì đó là cái mộng xa-xôi quá. Chỉ muốn cho dân nước Nam biết đọc biết viết chữ quốc-ngữ được thạo; quốc-ngữ là cách biên lấy tiếng nói tổ-quốc. Kẻ nhà-quê thật-thà hơn hết, học vài tháng có thể biết chữ và đọc được các báo quốc-văn. Hiện nay hạng ngu-dốt lại là nhiều lắm.

NAM-PHƯƠNG
L'Echo Annamite, 9-7-25

23 — Muốn bảo-tồn quốc-túy, ta phải mong rèn-tập quốc-văn, vun-trồng cây quốc-văn cho càng ngày càng thịnh-mậu. Nước tuy nguy, hồn nước vẫn còn, ắt có ngày cũng hồi-sinh được.

Ông GANDHI, ông TAGORE cũng ở vào một nước như nước ta, nhưng người vẫn lo bồi-bổ tiếng nước nhà cũng vì lẽ ấy. Ta há chẳng nên học đòi mà lo học quốc-văn cho được toàn-thiện toàn-mĩ hay sao?

THANH-PHONG
Kỷ-lân-báo, 26-8-28

24 — Tôi chuyên-trị Tây-học hơn nửa đời người, tôi đã nghiệm xét kỹ-lưỡng, như văn Pháp, văn Hồng-mao, thấy có nhiều sự khó-khăn, không có thể một chốc mà dùng làm thứ văn phổ-thông cho dân được; phương-chi chính ngay những thứ văn ấy cũng còn có chỗ khuyết-điểm của nó, chớ có phải là không đâu. Ta đã có thứ văn, thứ tiếng của ta sẵn-sàng, sao không sửa-sang bồi-bổ cho thành nền văn-tự mà dùng, can chi phải lo đi mượn của ai làm gì?

PHAN VĂN-TRƯỜNG
Phụ-nữ Tân-văn 31-7-1930

25 — Việc học quốc-ngữ của hạng bình-dân ta ngày nay giống như nó đứng về bên cần-thiết ích-lợi thì phải. Thế mà trừ chỗ thành-thị đô-hội không nói, trong chốn thôn-quê vẫn còn ít kẻ biết đọc biết viết chữ quốc-ngữ lắm.

HỒ HỮU-THÀNH
Tiếng Dân, 10-12-1930

26 — Chữ là tinh-thần của tiếng nói diễn trên tờ giấy, lại như là linh-hồn của một dân-tộc, cho nên các nước văn-minh họ trọng chữ như trọng tánh-mạng.

PHAN MINH-THƯỜNG
P. N. T. V. 11-12-30

27 — Tôi nhận mở báo *Nam-Phong*,.. tôi cũng muốn lợi-dụng làm một cơ-quan để bồi-bổ quốc-văn cho thêm nhiều tiếng, cho đủ tài-liệu, để phiên-dịch và truyền-bá các tư-tưởng Âu-Tây. Tiếng Việt-Nam tuy kể là giàu, song chỉ là giàu tiếng dùng vào văn-chương thi-phú, chớ dùng để nói tâm-lý, triết-học, cách-trí thì thiếu-thốn nhiều. Muốn thêm nhiều tiếng, tất

phải mượn chữ Tàu, cũng như người Pháp mượn tiếng La-tinh.

Ông Đào Hùng thuật lời ông Phạm Quỳnh

P. N. T. V. 18-6-31

28 — Đến ngày nay, chúng ta lại muốn dùng tiếng nhà cho khéo hơn một chút, cho rộng hơn một chút. Muốn đem nó mà đạt lại cho người mình biết những điều mới mà tri khôn ta đã nạp được, để khiến cho những đồng-bào không được cái hạnh-phúc đọc sách Tây sách Tàu như ta mà cũng nghe thủng được những điều ta xem thấy ở sách Tây sách Tàu, hoặc ở trong cái thế-giới rộng hơn lớn hơn cho tai mắt những kẻ được nạp các văn-hóa khác vậy.

Nguyễn Văn-Vĩnh.

P. N. T. V. 17-12-31

29 — Bên *Pologne*, chính-phủ Nga (*Russie*) cấm việc dạy học bằng tiếng *Pologne*. Năm 1905, có cuộc tinh-nguyện phế-học rất lớn và năm 1906 được phép dạy.

(Trích báo Tây).

30 — Tiếng nước mình, chữ nước mình nó vẫn hòa theo với cái tinh-thần của người mình. Dùng nó mà thâu-nạp cái tư-tưởng của người ngoài, vẫn không thế nào mà thâu-nạp được hẳn, mà vẫn có chỗ khác của nó nhập vô. Cái chỗ khác đó chính đã tiềm-tàng giúp cho bước nhân-đồng của mình có chỗ cách-dị với người. Dùng nó mà tư-tưởng, mà diễn-thuật, thì cái công-dụng của chỗ cách-dị lại thêm lên nhiều lắm, quốc-học khả-dĩ nhờ ở đấy mà phôi-thai, rồi sẽ cùng ở đấy mà tấn-hóa nữa.

Càng bàn đến quốc-học, ta càng rõ cái giá-trị của quốc-văn, mà càng nghĩ đến quốc-học ta càng thấy nó có quan-hệ đến sự tồn-vong của tổ-quốc.

Thiếu-Sơn.

Trung-lập, 13-2-32

31 — Bởi chúng tôi cốt muốn phổ-thông các môn học nên chúng tôi không muốn can-thiệp với mấy vấn-đề sôi-nổi ở mặt chánh-trị, không phải rằng chúng tôi không chịu nhúng tay vào chính-trị, nhưng chúng tôi muốn để riêng tờ *Đồng-nai* làm cơ-quan phổ-thông những điều đã học và thấy.

Đồng-nai, số 1, 15-2-32

32 — Tờ tạp-chí có thể dùng làm giấy đoàn-thể cho chị em ta.

N. T. L.

Đồng-nai, 15-2-32

3e Ý-kiến các bạn Nam-Phong

33 — Mấy năm nay, những người có chí lục-tục làm sách giáo-khoa quốc-ngữ, chắc sau này dùng làm sách Âu-học giáo-khoa cũng được.

Thân Trọng-Huề

N.-P. 8

34 — Chữ quốc-ngữ ngày nay đã thông-dụng, sách quốc-ngữ ngày nay đã sẵn, văn quốc-ngữ ngày nay cũng đã nhiều ; ta vui ta xem, ta suy-nghĩ, ta lựa-chọn thì thường cũng có thể sinh được tư-tưởng.

Trinh Thu-Tân

N.-P. 11

35 — Tiếng An-Nam ta chẳng nghèo hơn tiếng nước nào đâu ! Không nghèo sao còn thiếu tiếng mà xài ? Nào ai có học tiếng An-Nam đâu mà dám chê rằng thiếu ! Vả tiếng nói nước nào ban đầu cũng vậy, cũng thiếu đầu thiếu đuôi ; các nhà văn-học, các nhà khoa-học phải đặt tiếng mới ra, phải mượn tiếng nước khác mà dùng.

N. H. V.

N.-P. 16

36— Văn-chương quốc-âm ta phôi-thai tự đời Trần, phát-đạt tự đời Lê, mà đến triều Nguyễn ta mới thực là

toàn-thịnh. Nhưng kể về đường vận-văn, biền-ngẫu-văn thì hay thực, toàn-thịnh thực, còn như tản-văn thì chưa thấy có mấy bài. Vì khi trước chỉ chuyên học Hán-văn nên lối tản-văn quốc-ngữ không mấy khi dùng đến. Nhưng đến bây giờ chính là thời phải nên luyện-tập quốc-văn, phải nên trắc-trọng quốc-văn, phải làm thế nào cho lối tản-văn càng ngày càng phát-đạt lên mới thực là thiết-yếu, chớ không phải chỉ ngâm-nga câu cựu-sáo, lưu-loát giọng tân-thanh, hết giở ngón lẳng-lơ ghẹo khách, lại pha câu ai-oán trêu ngươi, không những là làm cho người ta gợn sóng tình trong bể thảm, mà lại làm cho người ta thêm nỗi thảm về khối tình, sợ rồi thành ra một thói lưu-đãng trong văn-giới, thành ra một thói khinh-bạc trong văn-giới. Than ôi, thương thay ! Than ôi, thương thay ! Câu ca câu lý giọng Chiêm-thành thì khác gì khúc *Hậu-đình-hoa* của Trần Hậu-chúa, câu hát trống quân trống quỳt trong trại lính Tây-sơn khi ở Bắc-hà, thì khác gì thơ Trịnh-Vệ. Thế mà còn dắt nhau lên rừng mà xướng-họa, xuống bể mà ngâm-nga, thế mà còn góp truyện mua vui ở trong đám ca-lâu tửu-quán, lên câu văn-chương mãi như thế, sợ rằng làm cho xã-hội chỉ say-mê về câu tình giọng lẳng, khác gì một cái tệ chỉ mê xem những truyện Đại-thánh, Phong-thần.

Than ôi ! Mầm quốc-văn đã nẩy-nở từ bao giờ, mà đến giờ lại suy đi ư ? Nguồn quốc-văn đã lai-láng tự bao giờ, mà đến giờ lại cạn đi ư ? Nhưng có lẽ nào lại suy lại cạn đi được, chỉ vì những thói văn lưu-đãng, chưa có người kiều-chính đó mà thôi, thế-tất cũng có người ra đứng làm chỉ-trụ cho quốc-văn, ở trong buổi đổi-ba này, gia-công mà vun trồng cho cỗi rễ quốc-văn, hết sức mà mở-mang cho nguồn biền quốc-văn, phàm những câu văn bã-mía, giọng hát hoa-tình, đều đem cái ngọn bút phẩm-bình mà gia-công phủ-chính, trước là chính lại những lối từ-phú thi-ca, cho khỏi lưu về đường dâm-dãng, rồi lại cổ-lệ cho lối tản-văn, như lối minh-ký luận-thuyết, làm sao cho mở-mang phát-đạt thêm ra. Hoặc theo lấy Tây-văn, thì phải luyện lấy tinh-chất Tây-văn, hoặc theo lối Hán-văn thì phải in lấy chế-độ Hán-văn, làm sao cho khởi-suy tế-nịch được như văn ông Hàn, hành-vân lưu-thủy được như văn ông Tô, thì mới khỏi thẹn với các nhà Hán-văn đại-bút. Lại làm sao cho biểu-dương được sự-nghiệp anh-hùng như văn ông Hà-mã (HOMÈRE) lịch-tự được tình-trạng nông-công như văn ông Hi-tiết-đức (HÉSIODE), thì mới không thẹn với các nhà Tây-học văn-hào.

NGUYỄN HỮU-TIẾN

N.-P. 18

37 — Cái bổn-phận của nữ-lưu đối với quốc-văn tưởng không kém gì cái bổn-phận của bọn tu-mi ; nào là mẫu-nghi, mẫu-giáo, không lẽ lấy vài câu thơ sầu thơ tình mà dạy con còn khi trong bọc, khuyên con đến lúc vào đời.

HOÀNG NGỌC-PHÁCH

N.-P. 41

38 — Không bao giờ tôi quên tiếng bản-quốc; lúc vô-sự cứ lảm-nhảm một mình cho nhớ và dạy đứa con gái nói, để những lúc canh khuya người vắng, mẹ con thỏ-thẻ cho đỡ buồn. Từ 20 năm về trước, tôi ở Nam-ninh, có gặp một người cùng bạn đàn-bà An-Nam bị quân Thanh-biền bắt. Mà người kia từ li khỏi nước thì quên hết cả tiếng xứ mình, cũng không muốn cho ai gọi mình là người An-Nam nữa. Ôi ! người mà quên cả ông cha, gọi là người «vong-tổ», có kể là người được chăng?. . .

Bà già nói tiếng An-Nam còn lanh mà hay lắm, cũng vì đã lâu không cùng

người ta nói chuyện, sao cho khỏi lầm được : như gọi cái *bàn* ra cái *ghế*, gọi cái *chiếu* ra cái *giường*, v. v..

NGUYỄN BÁ-TRÁC
N.-P. 42

39 — Trẻ nhà quê nên học cả quốc-ngữ cùng chữ Pháp một lúc, quốc-ngữ thời vẫn lấy làm gốc bậc sơ-học để dạy các môn phổ-thông tầm-thường.

... Việc dịch và làm các thứ sách giáo-khoa cho học-trò học, thời xin Nhà-nước đặt lại tòa Tu-thư năm trước, chọn lấy những quí-quan đã am-hiểu tình dân, cùng những tay văn-học ta họp nhau lại để mà biên-tập dịch-thuật các sách phổ-thông có ích cho học-trò các trường sơ-đẳng

HOÀNG HỮU-ĐÔN
N.-P. 43

40 — Bàn về quốc-văn ta, thời không biết sao là tuyệt hay, mà sao lại quá dở, vì từ xưa nay chưa từng có qui-tắc nhất-định. Có kẻ bảo rằng có học Hán-tự, văn quốc-ngữ mới hay, vì một lẽ là tiếng ta dùng nhiều chữ Tàu. Nhưng các tiếng ấy đã cho như thành tiếng mình rồi, còn ngoài tưởng cũng không phải sen vào nhiều Hán-tự, văn mới là hay ; mà nhiều Hán-tự quá thì ít kẻ hiểu, ít kẻ hiểu thời ít kẻ biết hay, thời cái giá-trị câu văn có phần giảm bớt. Vả lại nhiều người không học Hán-tự mà văn xuông cũng hay, thời Hán-tự quả không phải một điều thiết-yếu cho lắm. Xét cho kỹ quốc-văn sở dĩ ít kẻ hay, chỉ vì một cớ, là ít kẻ biết dụng-tâm học-tập.

HÀ HUY-SẢN
N.-P. 47

41 — Đến như cái sự tiện-lợi của chữ quốc-ngữ, thời ở về trong học-giới tiên-dụng đã đành rồi, cho đến về giao-thông, thời lại có thể miệng đọc tay viết, ý-tứ rõ-ràng, không ai không phải chịu cái chữ quốc-ngữ là tiện-lợi. Này tôi thường có khi đứng ở bên dưới chỗ diễn-thuyết, có bài diễn-thuyết dài đến mấy nghìn vạn câu, thế mà cái khi diễn đọc đó, tôi dẫu không có thể nhớ hết được lời nói trong bài, nhưng tôi có thể hiểu suốt qua được cái ý trong bài, thế mới biết rằng chữ quốc-ngữ tiện-lợi, là ở vào cái chỗ học-giới và cái chỗ giao-thông đó vậy.

NGUYỄN KHẮC-BÍNH
N.-P. 47

42 — Quốc-dân giáo-dục là gì ? Là cái học có thể phổ-cập được khắp mọi nơi, khiến cho mọi người trong nước đều có cái trí-thức phổ-thông để sinh-hoạt ở đời. Muốn thế, và muốn phổ-cập một cách nhanh-chóng, mà vẫn bảo-tồn được cái hồn của nòi giống thì phải học thế nào ? Quyết là không thể lấy ngôn-ngữ, văn-tự của nước ngoài mà truyền-bá được ; vì học chữ nước ngoài thì trừ-phí tiêu-tán mất cái thanh-âm văn-tự là cái hồn của nòi giống mình, lại phải cái khổ học cho thuộc chữ, nhớ tiếng, rồi lại phải diễn ra tiếng mình thì mới hiểu rõ, khác nào cũng một con đường mà phải trở đi lộn lại hai ba lần, rõ rành công toi vứt đi vô-ích ! Vì để cái công ấy mà học trực-tiếp ngay bằng chữ mình thì chẳng là tấn-tốc lắm ru ?

... Cái lợi-ích học chữ bản-quốc (quốc-ngữ) đối với thiếu-niên học-giả nước mình có cái trợ-lực rất mạnh rất to ! Bởi tiếng mình thì ai cũng biết sẵn từ lúc bập-bẹ mà ra, nghe đã quen, nói đã thạo, vì đã qua một cái trường học tiếng rồi, — trường học tiếng là trường gia-đình giáo-dục vậy, — đến lúc đi học thì chỉ phải học cái hình chữ, để mà bày tỏ những tư-tưởng ý-kiến của mình ra, và để ghi nhớ giúp cái óc về những điều mình đã học đã biết cho khỏi quên nhẵng đi. Chớ nếu lại bắt học luôn ngay một thứ tiếng nào nữa,

thì khác nào lại phải «tái-sinh» làm một giống người ấy, nghĩa là bập-bẹ bằng cái tiếng ấy một lần nữa. Cứ cái lý tất-nhiên như thế thì ai ai cũng biết rằng phi học bằng tiếng của mình thì không chóng phổ-thông được.

Ấy là cái học mình đối với mình, kẻ đi học đối với chính kẻ đi học, mà cái lợi-ích đã to-tát như vậy, lại còn cái lợi-ích gấp mấy muôn phần là cái lợi-ích kẻ học-giả đối với chúng-nhân trong quốc-dân xã hội nữa; nhất là một xã-hội như xã-hội của ta ngày nay, con đường sinh-hoạt còn đương eo-hẹp, sự giáo-dục còn mười phần khiếm-khuyết, thì nghĩa-vụ kẻ học-giả — nhờ được vận-hạnh có lực theo-đòi học-tập được — lại phải nghĩ đến phần nhiều người khác mà chia-bôi san-sẻ cái quả giáo-dục vừa ngọt vừa bùi cho nhau; nghĩa là nên học thế nào cho đã hay vào mình, lại phải ảnh-hưởng lưu-truyền đến mọi người khác mới phải. Sự đó tưởng chẳng khó-khăn gì, miễn là chỉ học bằng Quốc-văn là đủ. Quốc-văn tức là tiếng của mình, tiếng của người mình, thì người mình ai nghe cũng hiểu; vậy mình học ở nhà tức là học giúp cho cả nhà, cả xóm cho chí cả làng; mà đi đến đâu tức là đem cái hạt giống sự học tốt-tươi mà gieo vung ra đến đấy, rồi mình lại thâu-nhập lấy những điều khôn lẽ khéo mà thiên-hạ đã thả ra. «Đi khúc đàng, học sàng khôn», phần nghe người bảo, phần bảo người hay, trí-khôn san-sẻ cho nhau, lợi-ích cùng hưởng với nhau. Nếu ai ai cũng mang một cái tư-tưởng như thế, cũng sẵn một cái hi-vọng như vậy, thì tưởng chẳng bao-lâu mà quốc-dân sẽ thành một quốc-dân có giáo-dục thông-thường vậy. Đây là mới kể sự học sơ-đẳng tầm-thường, cách truyền-bá vô-hình giản-dị, làm ra chẳng phải công-phu gì mà sự lợi-ích đã bao-quát dường vậy. Chớ như cao hơn nữa là diễn-thuyết với báo-trương là hai cái động-cơ truyền-bá văn-minh rất mãnh-liệt, rất tài-tình mà cũng dùng bằng quốc-văn thì cái lợi-ích lại là vô-cùng vô-cực. Thế nhưng muốn cho đồng-bào ta hồi-cố đến cái tổ-mộ quốc-văn, thì trước hết học quốc-văn cũng phải có cái lợi hữu-hình, nhất là ở vào thời-đại «duy lợi thị cầu» này, thì lại cần phải thi-hành cái chủ-nghĩa ấy lắm. Vậy ai ơi, có phải là giống người Nam, thì phải yêu lấy tiếng Nam, dùng lấy tiếng Nam; chớ đừng có như ai chỉ những tham thanh chuộng lạ, động thấy của người là tối mắt lại, mà của mình thì khinh-thị, cho là mọi-rợ nôm-na, không thèm nói, không thèm nghe. Nghĩ đến thảm-thê khôn xiết! ...

Trở lên là nói chung cả người nước nào mà học ngay bằng chữ quốc-ngữ của nước ấy — tiếng quốc-ngữ là tiếng chung của người các nước xưng-hô cái chữ của mình, như người Pháp thì gọi chữ Pháp là quốc-ngữ, ta gọi chữ ta là quốc-ngữ, vân-vân, — thì đều tiện-lợi như thế cả, chớ không những người mình học chữ mình mới tiện-lợi thế đâu. Duy chữ của người ta, thì người ta trọng-vọng tin-dùng từ đời kiếp nào đến nay, người ta chịu phát-minh suy-nghĩ, nghiên-cứu sưu-tầm, hết đời ấy sang đời khác, cho nên đến giờ mới dư-dật phong-đăng như vậy. Chứ như tiếng mình thì người mình coi khinh coi bỉ, tình-phụ hàng mấy mươi thế-kỷ nay; mãi đến sáu bảy năm rầy mới có ít người — vạn ức người mới có một người yêu-dấu — thế mà đã sinh-sản ra không biết cơ-man nào là con cái Nam-âm; giá ta mà chịu học, chịu dùng, chịu tài-phùng nghiên-cứu mà cử-quốc đồng-nhân cũng nghĩ như thế cả, thì chưa biết chừng bây giờ đã giàu có đến thế nào rồi; chứ còn đâu ở cái cảnh-huống bần-hàn trong lúc này, là cái lúc người

ta đương thi nhau bay-bổng tận mấy từng mây, tò-mò tận đâu đáy biển, mà người mình thì lắm người còn ngu-si dốt-nát, mơ-hồ không biết gì đến thiên-hạ-sự cả!

TRẦN DUY-NHẤT

N.-P. 47

43 — Ta lại thử nghĩ mà coi, chữ Pháp mà ở vào trong học-giới ta, thời khác gì chữ nho mà ở vào trong học-giới ta, cũng là chữ nước khác cả; quốc-dân ta học chữ nho hai nghìn năm nay, còn chưa thành được hoàn-toàn phổ-thông, huống-chi bây giờ lại đem cả quốc-dân mà đổ xô nhau vào học chữ Pháp, để cầu lấy phổ-thông cho mau, thời có lẽ lại phải chờ độ hai nghìn năm nữa, mới phổ-thông được chăng?

Thế cho nên một đàng chữ Pháp, một đàng chữ ta, đàng nào là cái lợi-khí cho sự phổ-thông, có lẽ chỉ ở trong cái ánh sáng con mắt của quốc dân ta, có thể phân-biệt rành được.

. . . Nếu đem cả quốc-dân mà theo vào học chữ nho để cầu lấy phổ-thông, khác gì bây giờ xô cả quốc-dân vào mặt chữ Pháp để cầu lấy phổ-thông, sự phổ-thông không mau được, tức là sự tiến-hóa không mau được; muốn phổ-thông cho mau để tiến-hóa cho mau, tất là xô cả quốc-dân vào mặt chữ quốc-ngữ, ấy là cái lẽ nên thế, mà lại là thế khả-tất đó vậy. Bảo chữ nho làm cái trợ-lực cho sự tiến-hóa của quốc-dân ta bây giờ, nghĩa là sự học chữ nho đã là một cái nguyên-lực của điều đạo-đức của ta, lại là một cái phụ-lực của tiếng nói ta nữa, cho nên sự học chữ nho là cái cấp-vụ thứ nhì ở trong học-giới bây giờ, dẫu bảo cho là cái cấp-vụ thứ nhất, cũng không phải là không đáng vậy.

. . . Giá-phỏng một mai cái trình-độ dân ta tấn-tới lên lắm, mà tiếng nói của ta cũng tấn-tới lên lắm, bao nhiêu những sách nho có thể dịch sang sách ta hết, mà quốc-văn của ta phát-đạt, đã đủ cái thể-cách quốc-văn, đã thừa cái tài-liệu quốc-văn, cho đến một chữ một tiếng đều có thể ghi-chép được cả, để làm cho thành một bộ quốc-văn tự-điển, thật là hoàn-toàn, đến lúc bấy giờ rồi thời là sách nho không phải mở đến nữa, chữ nho không phải viết đến nữa, mà cái âm-hưởng chữ nho lúc nào cũng còn văng-vẳng ở trong học-giới ta, cái tinh-thần học nho lúc nào cũng nhơn-nhơn ở trong não-chất ta, thiên-vạn-cổ cái cách đại-giáo-dục phương-pháp của ông đại-thánh-nhân ở phương Á-Đông này, không có dứt cái tăm-tích ở xứ Viêm-bang ta, rồi đây ta làm con cháu chữ nho chớ ta không làm nô-lệ chữ nho nữa, nghĩa là quốc-dân ta bấy giờ không còn lại phải đem cái thân làm con cuốc kêu mùa hè ở trong đám học chữ nho nữa vậy.

Thế cho nên một cái câu nói bảo rằng bỏ chữ nho, ấy là một cái câu độ mấy trăm năm nữa, mới nên mở miệng nói, chớ quốc-dân ta bây giờ không nên mở miệng nói ra thế, ấy là cái sự-thế nước ta ra thế đó vậy.

NGUYỄN KHẮC-BÌNH

N.-P. 47

44 — Ai đọc qua lịch-sử nước Ba-lan (*Pologne*) cũng phải ngậm-ngùi, và một điều đáng nhận biết rằng nước Ba-lan đã gần 200 năm nay, từ năm 1772, 1793, 1791, ba lần qua-phân, bao phen lưu-huyết, chung-cục phải Đức, Nga, Hung-gia-lợi thôn-tính, mất cả quốc-hiệu, nhiều người Ba-lan phải đến nỗi lưu-tán ra nước ngoài, thế mà quốc-văn Ba-lan còn, thì ngày nay nước Ba-lan cũng hưng-phục lại được.

HOÀNG HỮU-ĐỒN

N.-P. 48

45 — Chữ nho mà quốc-dân ta phải học có hai lẽ : một là phải để cho vững-chặt cái nguyên-lực đạo-đức..., hai là ta phải học để dưỡng-thành cái phụ-lực tiếng nói....

Chữ Pháp mà quốc-dân ta phải học cũng có hai lẽ : một là phải học để làm cái cách giao-thiệp ở trên chỗ giao-tế...., hai là phải học để làm cách nghiên-cứu văn-minh....

Đến chữ quốc-ngữ của ta, so với chữ nho là sự cần cho ta về phần thứ nhì, chữ Pháp cần cho ta về phần thứ ba, chữ quốc-ngữ hẳn là cần cho ta về phần thứ nhất vậy.

Tại làm sao thế ? Nghĩa là chữ quốc-ngữ làm cái sự tiện-lợi cho ta về sự học ấy nhiều lắm, ta học chữ quốc-ngữ, chữ là tiếng nói, tiếng nói là chữ, một người đọc, các người hiểu được hết cả, sự tiện-lợi là một. Ta học chữ quốc-ngữ, ta chỉ phải nhớ cái thể-cách văn-minh, không phải nhớ cái thể-cách chữ nữa, sự tiện-lợi là hai. Ta học chữ quốc-ngữ, sự phổ-thông dễ và mau, không như học chữ nước khác, sự phổ-thông khó và lâu, sự tiện-lợi là ba.

NGUYỄN KHẮC-HÍNH
N.-P. 48

46 — Gặp buổi đang tiến-hóa này, ta là người An-Nam mà ta không tinh-tưởng tiếng An-Nam thì chả nên tiếc cho ta lắm ru ?

NGUYỄN NHƯ-NGỌC
N.-P. 57

47 — Tiếng một nước nhiều hay ít là theo trình-độ dân-trí nước ấy và phát-khởi ra sau khi sự-vật đã hiện hình. Người Pha-lăng-sa trước chưa biết những chữ kia (*Alcali*, *alcoot* của Đông-phương ; *affront*, *alerte* của *Italie* ; *abricot*, *alcôve* của *Espagne* ; *balle*, *bière* của *Allemagne*) là vì mắt chưa trông thấy những vật ấy. Người An-Nam trước khi nhà nước Pha-lăng-sa sang bảo-hộ thì chưa có tiếng sà-phòng (*savon*), nhà ga (*gare*), rượu bia (*bière*), cậu bồi (*boy*), v. v.. Thế thì rõ không tiếng nước nào nghèo cả, trình-độ dân-trí trong nước cao đến đâu thì tiếng trong nước nhiều đến đấy. Nói nghèo là so-sánh tiếng nước mình với tiếng nước khác mà nói đấy thôi. Trình-độ dân-trí ta về khoa-học, kỹ-nghệ kém người Pha-lăng-sa, nên tiếng An-Nam về những khoa ấy không có.

VŨ CÔNG-NGHI
N.-P. 59

48 — Đặt phần thưởng cho quốc-văn ấy là đặt phần thưởng cho Hán-văn. Vì sao ? Vì rằng người nào đã thông chữ nho chắc là làm được quốc-văn. Văn-chương nước mình mà người mình không chịu luyện-tập, còn mơ-màng tập viết những văn nước nào, như thế thì thiết-tưởng Hội ta (hội K. T. T. Đ.) không cần đặt phần thưởng chữ nho cũng được.

NGUYỄN QUÍ-TOẢN
N.-P. 59, *trang* 416

49 — Phàm những tiếng quốc-văn nước ta đều ở Hán-văn ra cả, mà mục-đích Hội ta (hội K. T. T. Đ.) cốt để chấn-hưng học-thuật mới, thời cần phải tưởng-khuyến quốc-văn đã đành, nhưng cũng cần phải duy-trì đạo-đức cũ, thế thì nên đặt phần thưởng Hán-văn là phải.

TRẦN TRỌNG-KIM
N.-P., *trang* 416

50 — Nếu trong một nước Nam này mà mỗi làng mỗi xứ nói-năng một giọng khác nhau như thế, thì đời nào ngôn-ngữ thông-đồng, ngôn-ngữ đã không thông-đồng, thì văn-chương bao giờ cho thống-nhất, văn-chương mà không thống-nhất thì trật-tự tiến-bộ sao được điều-hòa.

TRẦN THUYẾT-MINH
N.-P., 61

51 — Tuy quốc-văn ta, đang thời ấu-trĩ, chưa có thể lột hết được tinh-thần những áng văn kiệt-tác của các nước văn-minh, nhưng so-sánh văn Tàu dịch văn Tây ra còn hơn nhiều vậy. Như thế thì anh em ta lại chả nên thắp hương cầu-nguyện cho nền văn tổ-quốc chóng được hoàn-toàn ư?

VŨ CÔNG-NGHI

N.-P., 61

52 — Hiện-thời ở Nam-kỳ, nhân cuộc diễn-thuyết mới rồi ở nhà hội Khuyến-học Sài-gòn, câu chuyện «thương tiếng An-Nam» còn nồng-nàn trên các báo-chương, tôi lấy làm vui-vẻ mà hưởng-ứng với bạn đồng-nghiệp Hà-thành ta.

C.

N.-P., 61

53 — Nếu văn-chương không đủ ngữ-ngôn mà giải, sách-vở không đủ tài-liệu mà làm, thì chắc là trí-thức dân-tộc ấy một ngày một thấp-lui, não-chất dân-tộc ấy một ngày một xốp-nồi, linh hồn dân-tộc ấy một ngày một ngần-ngơ, nòi-giống dân-tộc ấy một ngày một hao-mòn, lẽ ấy thật là xác-nhiên, không phải còn nói ức-đạc gì nữa; cho nên người nào đã đem tâm yêu nước, không lo gì bằng lo ngữ-ngôn nước mình còn hiếm-hoi nghèo-ngặt, không mừng gì bằng mừng ngữ-ngôn nước mình đã có cơ giàu đủ, có thể dồi-dào.

... Do-lai ngữ-ngôn nước ta, phải pha chữ Nho vào mà làm tài-liệu; không những để làm tài-liệu, lại để làm tinh-thần; chữ Nho mất thì tài-liệu ngữ-ngôn, tinh-thần ngữ-nôn nước Nam ta mất; chữ Nho còn thì tài-liệu ngữ-ngôn, tinh-thần ngữ-ngôn nước Nam ta còn; cái nguyên-nhân ấy nên xét.

NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

N.-P., 61

54 — Cứ theo cái chương-trình dạy ở trường học bây giờ, thì quốc-văn gần hầu như không dạy không học gì tới; những tay chực hòng để bồi nền cơi móng cho cái lâu-đài quốc-văn sau này đây mà đối với quốc-văn không từng luyện-tập chút nào cả, thử nghĩ cái tiền-đồ quốc-văn có nguy-ngập không?

NAM-GIANG

N.-P., 85

55 — Ước gì khoa học quốc-ngữ có cái địa-vị xứng đáng hẳn-hoi, khiến cho con trẻ ở các chốn hương-thôn được học quốc-ngữ, tri-thức cũng dễ phổ-thông, tinh-thần cũng dễ linh-hoạt, đứa nào thông-minh thì kén lên cho học chữ Pháp để giúp cho quốc-gia về đường tiến-hóa, đứa nào trung-thường thì mai kia nó sẽ đủ cái tư-cách làm được người thư-ký, người thủ-quĩ, người chánh tổng, lý-trưởng, người hội-đồng.

NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

N.-P., 87

56 — Bao nhiêu các trường sơ-học tiểu-học, hoặc trường nam hoặc trường nữ, nhất-định đều dạy bằng quốc-văn; mà dạy bằng quốc-văn không phải dạy một cách cẩu-thả sơ-lược như ngày nay, phải định hẳn ra qui-tắc như những qui-thức dạy trẻ con Tây học chữ Tây; phải làm ra nhiều sách đủ các lớp các môn học bằng quốc-văn, cũng như sách chữ tây mà trẻ con Tây học ở các trường bên Pháp.

DƯƠNG BÁ-TRẠC

N. P. 167

. .

4 — Ý-kiến ông Phạm Quỳnh chủ báo Nam-Phong

57 — Đương buổi quốc-văn mới phôi thai này, trông thấy xuất-hiện

một người nào có biệt-tài về nghề nôm, quốc-dân tất ai ai cũng vui lòng mà đón rước.

N.-P., 7

58 — Bản-báo có lời chúc mừng hai bạn đồng nghiệp mới (*Đại-Việt tập-chí*; *Nữ-giới chung*) và hi-vọng cho đạt tới mục-đích. Mục-đích ấy là gì? Là gây-dựng lấy một nền quốc-văn hoàn-toàn, có thể diễn được hết những tư-tưởng học-thuật mới, rồi dùng cái quốc-văn ấy mà giúp cho sự khai-hóa dân Việt-Nam ta. Mục-đích ấy rất là to-tát và rất là khó-khăn, phải hết sức mới mong đạt tới được. Xin các bạn trong Nam ngoài Bắc cố gắng lên!

N.-P., 8

59 — Người (Viên-thành thượng-nhân) nói chuyện với tôi rằng hiện đã soạn được một bộ « Thích-ca lược-sử » bằng quốc-ngữ mà bằng văn xuôi...

Quốc-dân ta ngày nay đã ai chịu công-nhận rằng chữ quốc-ngữ có văn mà đã mấy người chịu hạ-cố viết văn xuôi; nay nghe thượng-nhân nói làm sách bằng quốc-ngữ mà bằng văn xuôi, tôi có ý lấy làm lạ... Tôi mừng rằng đã có một bậc tri-thức biết cho văn quốc-ngữ có ích-lợi. Thực đáng mừng mà đáng vui thay, vì cái vấn-đề văn quốc-ngữ ấy vẫn là một sự khổ-tâm cho tôi đã lâu nay vậy.

Mười ngày ở Huế

N.-P., 10

60 — Chữ Pháp là một thứ chữ rất hay, rất đẹp, rất cao-thượng, vì như cái máy cực huyền-diệu để truyền-bá tư-tưởng trong khắp thế-giới. Nhưng phàm những văn-tự cao-thượng như thế phải học cho thâm mới thấu được hết cái tinh-thần. Nếu học nửa chừng thời không những không biết được cái hay mà lại sợ hiểu lầm dùng lầm nữa. Cho nên cứ như ý riêng người bàn đây thời sự dạy học bằng tiếng Pháp trong suốt các trường tiểu-học hiện nay e còn chưa được tiện lợi lắm, dù xét về phương-diện Chính-phủ hay xét về phương-diện quốc-dân cũng vậy. Vả Đại-học là bậc học cao nhất trong nước, chắc chỉ có một bọn thiếu-niên anh-tuấn mới lên được đến đấy, không phải là cả học-trò trong nước đều có cái hi-vọng tới được. Vậy thời những kẻ bị đào-thải từ trung-học, tiểu-học — mà cái số ấy là vô-số, tất mỗi ngày một nhiều lên, — trong mình chỉ mới có một cái túi pháp-tự cỏn-con, tất thành một bọn người vô-dụng, tức cũng như một bọn thầy-đồ tân-học, cái tệ chẳng kém gì các thầy đồ cựu-học khi xưa. Gương cựu-học hãy còn đấy chưa xa...

N.-P., 12

61 — Nay cứ trong chương-trình mới thời hán-văn cùng quốc-văn đều có dành một phần riêng, không hậu mà cũng không bạc, nếu biết khéo dùng cũng có thể ích-lợi được nhiều.

N.-P., 12

62 — Ngày nay ta phải học chữ Hán như người Âu-châu học chữ Hi-lạp La-mã vậy. Chính-phủ cũng thâm hiểu lẽ đó nên trong chương-trình học mới có đặt một khoa « Cổ-văn-tự Á-đông » (*Humanités extrême-orientales*) ở bậc cao-đẳng trung-học và ở đại-học, tức là để dạy văn-chương cũ của nước Tàu nước ta theo phương-pháp mới, như các trường Cao-đẳng bên Tây dạy cổ-văn Hi-lạp La-mã vậy. Sự cải-cách đó thực là một cái đặc-sắc trong bộ « Học-qui » mới này. Nếu ông giáo nào Nhà-nước cử vào dạy khoa « cổ-văn-tự Á-đông » ấy mà biết khéo dạy thời lớp ấy thành một lớp rất hay, rất có ích không những cho bọn tân-học-sinh ta mà cho cả cái tiền-đồ sự giáo-dục ở nước Nam ta vậy.

N.-P., 12

63 — Không những ở bậc Cao-đẳng, các bậc dưới cũng có dạy hán-tự. Đó cũng là một sự tất-nhiên, vì ở bậc Cao-đẳng đã lấy hán-văn làm một khoa chuyên-môn thời các trường dưới tất phải dạy dự-bị sẵn cho học trò lên đến Cao-đẳng đủ sức mà học chuyên-môn. Nhưng không những thế mà thôi, hán-tự lại là một món yếu-cần cho học-trò An-Nam về một phương-diện khác nữa, vì có biết hán-tự mới thông được quốc-văn, hán-tự quốc-văn có cái mật-thiết quan-hệ cùng nhau vậy. Nhưng phép dạy hán-tự ở các trường trung-học tiểu-học cũng phải dùng cách mới mới được. Hán-tự ở các trường đó cốt vị quốc-văn mà phải dạy, thời phải dạy thế nào cho có ích-lợi cho quốc-văn, nghĩa là cốt nhất dạy lấy những chữ, những câu, những điển cần dùng trong khi làm văn quốc-ngữ; rồi dạy dịch hán-văn ra quốc-văn, quốc-văn ra hán-văn, dạy học những sách thường thường, v.v.. Còn học rộng hơn nữa, cao hơn nữa thời để lên bậc trên.

Đến sự học quốc-văn thời mới thực là đệ-nhất quan-trọng, nhưng cái vấn-đề này muốn nói cho hết ý phải cả bài luận-thuyết cũng chưa đủ. Sau này ta sẽ có dịp bàn kỹ hơn. Chỉ xin khuyên các ông giáo dạy văn quốc-ngữ ở các trường nên cho là một món yếu-cần, phải hết sức dạy cho được ích-lợi, chớ nên coi là sự thường. Thứ nhất là phải làm cho học-trò yêu-mến tiếng nước mình, gắng sức mà học-tập như học chữ Pháp vậy.

N.-P., 12

64 — Ông (ông N. H. V.) không ưa văn *Nam-Phong* mà ông lại muốn cho *Nam-Phong* chủ-trương việc gây-dựng quốc-văn trong buổi bây giờ.

N.-P., 16

65 — Ngày nay cái tư-tưởng quốc-dân mỗi ngày một rộng ra, biết rằng mỗi nước phải có một lối văn riêng bằng quốc-âm thì sự giáo-hóa trong nước mới mau và khắp được.

N.-P., 18

66 — Quốc-văn ta tuy phải tổ-thuật văn Tàu văn Tây làm mẫu, mà không thể mất được cái tinh-thần riêng của tiếng An-Nam. Hóa-học dạy rằng phàm hai chất đem hòa-hợp với nhau thì thành ra một chất thứ ba, tính-cách khác hẳn hai chất kia. Văn quốc-ngữ ta rồi cũng vậy. Tuy bởi văn Tây văn Tàu điều-hòa mà thành, mà rồi tự biệt-lập ra một lối văn riêng, không giống hẳn văn Tây mà cũng không giống hẳn văn Tàu. Các nhà làm văn ta phải chú-ý lắm mới được. Theo người là theo cái thể-thức hay, cái phương-pháp khéo của người, không phải là bỏ cái hồn của mình đi mà chuốc lấy cái hồn của người đâu.

N.-P. 18

67 — Người làm tự-điển là một người «giữ sổ», tiếng nào đã thành rồi thì biên vào sổ, không phải là người đặt ra chữ được. Người đặt chữ phải là các nhà văn-sĩ, trong khi làm văn nghĩ ra những cách dùng chữ khéo, những cách đặt câu diệu, rồi dần dần lưu-truyền đi thành ra thông-dụng, bấy giờ nhà làm tự-điển mới đem mà ghi vào sổ.

N.-P. 18

68 — Nay dịch được một bộ tự-điển Pháp ra tiếng An-Nam, dịch cho kỹ-lưỡng, cho hoàn-toàn, đặt những chữ cho gọn-ghẽ xinh-xắn, dễ đọc dễ nghe, cho có thể dùng làm văn quốc-ngữ được, chớ không những thích nghĩa tiếng Tây mà thôi (như tự-vị Trương Vĩnh-Ký trong Nam-kỳ) thì giúp cho những nhà Pháp-học biết bao nhiêu. Mà giúp cho những người Pháp-học được rộng tiếng quốc-âm mà dùng, tức là giúp cho quốc-văn chóng phát-đạt, vì những tay Pháp-học đó tức là những

tay thợ giỏi sắp ra xây cái nền quốc-văn sau này vậy.

N.-P. 18

69 — Như bây giờ những người tri-thức trong nước ta ai cũng hiểu rằng phàm giáo-dục muốn cho có ích-lợi cho dân-tộc, muốn cho được phổ-thông khắp mọi nơi, muốn cho gây nên cái mối đồng-tâm trong các hạng người trong xã-hội, cái giây liên-lạc trong các địa-phương của nước nhà, muốn cho thành một cái động-lực biến-hóa được giống nòi ta, thời phải lấy quốc-văn làm gốc, mà chỉ học Pháp-văn như một thứ tiếng giao-thiệp mà thôi.

N.-P. 32

70 — Khi ghé *Tourane*, khi ghé Hải-phòng, quanh mình toàn những người bản-quốc, cùng ăn-bận như mình, cùng nói-năng như mình, nhận ra mới biết người với mình, mình với người, tuy ăn-ở xa nhau mà cũng là người một nòi, một giống chớ đâu.

Thuật lời ông NGUYỄN TỬ-TRỰC

N.-P. 32

71 — Thuộc về quốc-văn thời cuộc diễn-kịch vừa rồi (diễn tuồng Bệnh tưởng, *Le malade imaginaire*) đủ chứng rằng quốc-văn ta đã thành-lập rồi đó. Vàng hay thau phải đem ra thử lửa mới hay ; văn-chương phải đem đọc ra diễn ra ở giữa nơi công-chúng mới biết là văn-chương hữu-dụng hay là văn-chương vô-dụng. Nếu văn-chương chỉ là một món để ngâm-nga rung đùi riêng một mình, thời là văn-chương vô-dụng mà không thể sống được ở đời này. Nếu văn-chương đem ra tuyên-diễn ở giữa đám đông người mà cảm-kích được người ta, chuyển-di được lòng chúng, thời là văn-chương hữu-dụng mà có thể sinh-tồn được trong thế-giới hoạt-động cạnh-tranh này. Văn quốc-ngữ ta bữa trước đem ra « thử lửa » như thế đã là được rồi, người mình cùng người ngoài đã công-nhận là ta có quốc-văn rồi đó, còn hay hay là dở là bởi cái công tập-luyện về sau. Nhưng muốn tập-luyện cho nên công thời phải đem tiếng ta ra mà nói mà diễn ở chỗ đông người cho quen đi, cho nên nghề diễn-thuyết là một nghề người mình rất phải tập vậy.

N.-P. 34

72 — Vậy muốn tập diễn-thuyết, phải tập nói chuyện trước. Hiện nay trong bọn các ông tây-học ở nước ta có một cái thói quen rất là phương-hại cho tiếng nói nước nhà : là trừ những câu nhật-dụng thường-đàm, động nói đến sự gì cao-kiến một chút, thời các ông dùng tiếng tây ; cũng có khi đương nói chuyện tiếng ta, đâm pha ít nhiều câu tiếng tây vào, thành ra một thứ tiếng bác-tạp, rất là khó nghe. Như vậy thời tiếng An-Nam ta bao giờ cho thành văn được, bao giờ dùng để diễn-thuyết được? Thiết-tưởng trừ khi giao-thiệp với người qui-quốc, còn người mình nói với nhau, chỉ nên dùng tiếng nước mình, không những dùng để nói những câu chuyện thường, phải dùng để nói những chuyện cao-xa nữa, dẫu lúc đầu có không đủ tiếng dùng, hơi khó một chút, mà tập mãi thành quen, rồi có ngày thành dung-dị. Tạo-vật sinh ra mỗi giống có một thứ tiếng riêng, mình nói tiếng nước mình dẫu vụng-dại cũng còn hơn là nói tiếng nước người. Nói thế không phải là khuyên người nước ta không nên dùng tiếng Pháp đâu. Đại-Pháp về đường chính-trị là nước bảo-hộ cho ta, về đường tinh-thần là thầy dạy học của ta ; như vậy thời tiếng Pháp không những có ích cho ta về việc giao-thiệp mà lại có ích cho ta về việc khai-hóa nữa, người nước ta rất cần học tiếng Pháp lắm. Nên ước-ao rằng trong nước có nhiều những tay pháp-học rất thâm, để mà đem

những tư-tưởng học-thuật của qui-quốc ban-bố trong quốc-dân chẳng là giúp cho sự văn-minh tiến-hóa được nhiều dư? Nhưng muốn truyền-bá văn-minh học-thuật của qui-quốc không thể dùng tiếng tây mà truyền-bá được, tất phải dùng đến tiếng ta, như vậy mà tiếng ta không chịu tập-luyện thời dùng sao cho được việc? Đông nói đến vấn-đề tiếng An-Nam, là các nhà tây-học ta phàn-nàn rằng tiếng An-Nam nghèo lắm không đủ dùng, dường như cái tư-tưởng học-thức của các bậc ấy cao-xa siêu-việt quá, nói ra tiếng mình không được. Nhưng giả-thiết tiếng An-Nam nghèo thật, thời lỗi ấy tại ai? Há chẳng phải tại bọn tân-học ta đã túy-tâm về tiếng tây quá, đến nỗi những bỏ hẳn tiếng nước mình, không biết bắt-chước như người Nhật người Tàu ra công dịch-thuật những tân-thư ra quốc-âm, để giúp cho tiếng nước nhà mỗi ngày một phong-phú thêm lên ư? Người Nhật-bản hồi mới duy-tân cũng phải cái khổ thiếu tiếng như mình, nhưng bọn tân-học Nhật-bản là những người có chí, trong hai ba mươi năm trời ra công cùng sức dịch hết những tân-danh-từ của Thái-tây ra tiếng mình, lúc đầu cũng hơi lạ tai khó nghe một chút, không khỏi các nhà cựu-học bĩu miệng chê-bai, không khỏi những kẻ không biết làm thinh không thiết, nhưng dùng mãi thành quen, dần-dần thành một thứ tiếng mới, thông-dụng suốt trong nước, không những thông-dụng trong một nước Nhật-bản, mà vì lẽ đồng-văn người Tàu đến sau cũng bắt-chước để dịch-thuật các sách mới.

N.-P. 45

73 — Hồi bấy giờ giữa là lúc ông Nguyễn Văn-Vĩnh mới ra khai-trương nghề làm báo và trước-thuật bằng quốc-văn ở Bắc-kỳ . . . Ông Nguyễn mới xướng ra cái chủ-nghĩa « vận-mệnh nước Nam ta sau này hay dở thế nào là ở chữ quốc-ngữ », chủ-nghĩa ấy bấy giờ chắc còn chưa được mấy người hiểu rõ. Nhưng ông Phan (ông Phan Kế-Bính) là người trầm-mặc, hay biết nghĩ xa, chắc trong bụng đã dự-liệu mà hiểu rằng cái phương-châm thời-thế mới là ở đó, không phải tìm đâu xa.

N.-P. 47

74 — Lời nghị-định (nghị-định ngày 18-9-24) rõ-ràng như thế, từ nay trở đi suốt con trẻ trong nước Nam sẽ được học bằng tiếng An-Nam ít ra là ba bốn năm, tiếng An-Nam sẽ được một cái địa-vị hẳn-hoi trong quốc-dân giáo-dục, không đến nỗi phải cái thân-phận âu ghé nằm nhờ như trước nữa, thật tự cổ chí kim, không những từ khi mới có Tây-học đến giờ, mà kể trong mấy nghìn năm Hán-học chưa bao giờ được như thế.

N.-P. 87

75 — Ông SENART là hội-trưởng hội Đông-phương đứng lên đọc một bài diễn-văn thuật về lịch-sử Hội và tán-dương cái công-nghiệp lớn-lao của ông CHAMPOLLION đối với môn khảo-cổ-học Ai-cập.

. . . Đoạn đến ông Học-bộ Tổng-trưởng LÉON BÉRARD đứng lên diễn-thuyết.

. . . Ông Thượng-thư nói rồi, đến đại-biểu các ngoại-quốc. Người Anh và người Mĩ toàn nói bằng tiếng Anh cả.

N.-P. 91

76 — Trước hết, xin nói rõ rằng vấn-đề này (nền Sơ-học của dân Việt-Nam) là thuộc về phương-diện sư-phạm. Đây là bàn về nguyên-tắc, bàn về thực-hành, bàn về phương-pháp, về chương trình. Đôi khi có kẻ xét về phương-diện chính-trị, thật là sai lầm. Không phải chú-ý muốn nói về các điều lợi-ích trong sự tuyên-truyền cổ-động của

nước Pháp, cũng không phải dùng cách sâu-hiểm để ngăn-cản sự truyền-bá tiếng nói nước Pháp, thế-lực nước Pháp trong dân-chúng Việt-Nam đâu.

Nguyên Pháp-văn của ông Phạm Quỳnh ở báo *L'Echo Annamite*, ngày 23-11-1922 (1)

77 — Khi qua khỏi bậc Sơ-học, đứa con trẻ Việt-Nam hình như thông-hiểu được nhiều điều lắm, mà kỳ thật không biết chi là chi hết, đã không hiểu các môn đã học bằng tiếng Pháp, vì nó chỉ học các câu tiếng Pháp mà thôi, các câu ấy nó không thể hiểu nghĩa được rõ, lại không thể hiểu tiếng Pháp vì tiếng này dùng làm tiếng cơ-quan cho cả thảy môn học khác, thật giống hệt như trong các trường dạy con trẻ Pháp, chẳng hề dạy tiếng Pháp vì tiếng Pháp, lại dạy theo phương-diện tiếng ngoại-quốc . . .

Thế thì bậc Sơ-học gần như trống-không, sự biết tiếng Pháp hầu như không được gì, và khối óc rối-bời vì đã nhiều năm chăm học các điều khiến nên đần-độn.

Nguyên Pháp-văn ở *L'Echo Annamite*, 25-11-1922

78 — Những con két (con yểu) biết nói, đó là các môn ở Sơ-học của Chính-phủ chế-tạo ra cho ta. . . Hãy xét xem về phương-diện tinh-thần, xã-hội, thì được những gì. Cái sự hiển nhiên trong nước ta ai ai cũng công-nhận, là ở các trường Sơ-học của Chính-phủ không có khoa đức-dục. Đã không dạy con trẻ biết điều tri-thức, lại cũng không dạy về đạo-đức, sự trái-ngược hẳn lại, mới khiến ta lấy làm lạ. Vì làm thế nào dạy đạo-đức cho con trẻ, khi cả cái học là tập cho nó ngâm-nga những câu những chữ nó không thể được rõ nghĩa ?

. . . Có lẽ là cái gương có một không có hai trong lịch-sử các dân-tộc, mà cái kết-quả thứ nhất trong Sơ-học là làm cho con trẻ trong một nước phải quên hết tiếng nói tổ-quốc.

Chính thực thì kẻ cầm quyền nói rằng không hề muốn việc đồng-hóa ; nhưng, nếu không coi chừng đến, có phải là họ đang làm việc ấy ở các trường chúng ta vừa nói đó không ?

... Cả cái Sơ-học hiện-thời lẽ nên bỏ hết, và đem thay vào một cái Sơ-học Việt-Nam, lấy cái văn-bằng Sơ-học Việt-Nam để chứng cái học ấy, tiếng cơ-quan sẽ phải toàn là tiếng Việt-Nam mà thôi, còn tiếng Pháp sẽ là một môn học riêng.

Nguyên Pháp-văn ở *E. A.* 28-11-22.

79 — Tiếng Việt-Nam đã sẵn tư-cách làm cơ-quan cho cái sơ-học xứng-đáng không ? Có lẽ người ta sẽ đề-khởi ra câu hỏi ấy, và chúng tôi kết bài hôm qua cũng bằng câu hỏi ấy. Chúng tôi xin trả lời lớn lên rằng : được.

Và chúng tôi lại thách kẻ nào chứng-minh được điều trái-ngược lại, mà không dùng lý-lẽ mập-mờ, không đúng lẽ phải, không đúng sự thật ; vì nhiều người hoặc sánh hoặc không sánh lắm, đã buông nhiều lời phê-bình tiếng chúng tôi, làm cho chúng tôi thật tức giận, nên chúng tôi gia-công mười năm khảo-cứu, luyện-tập, và chúng tôi quyết rằng cũng thông-hiểu tiếng nước nhà ít ra cũng ngang bằng kẻ khác, bất-kỳ là ai . . .

Theo chế-độ hiện-thời, đứa trẻ Việt-Nam phải học không dưới số bảy năm .. Theo cái chế-độ chúng tôi đã phác-họa, các môn học sẽ dạy bằng tiếng Việt-Nam, thì kể cả các việc, muốn thi văn-bằng Sơ-học Việt-Nam, không hơn năm năm ; vì phải nhận rằng đứa con trẻ học điều chi dạy bằng

(1) Từ đây trở xuống là trích dịch trong mấy bài của ông Phạm Quỳnh viết bằng Pháp-văn ở báo *Avenir du Tonkin* từ năm 1922, báo *Echo Annamite* lục-đăng lại. — Ng. V.-K.

tiếng nó thì dễ hơn và mau hơn là dạy bằng tiếng ngoại-quốc. Trọn năm năm ấy, nó không chỉ học tiếng Việt-Nam mà thôi đâu ; nó cũng học tiếng Pháp nữa, một tuần học nhiều giờ, nhưng học theo phương-diện tiếng ngoại-quốc và theo một phương-pháp trực-tiếp ; đứa trẻ ấy sẽ học các tiếng nói thường dùng, cách đặt câu, cách nói chuyện thông-thường và cần nhất là học dịch tiếng ra, vì chúng tôi không thể nói được hết cái giá-trị việc dịch tiếng làm phương-tiện để học một thứ tiếng ngoại-quốc cho được hay ; nhờ tập dịch tiếng, đứa trẻ mới thấy rõ tiếng tổ-quốc và thứ tiếng ngoại-quốc nó đang học khác nhau như thế nào, đó là cách học tiếng ấy được dễ hiểu hơn nhất.

Nguyên Pháp-văn, *E. A. 30-11-22*

80 — Theo cách học mới chúng tôi vừa đề-xướng, đứa con trẻ Việt-Nam không học hơn năm năm thì đã được văn-bằng sơ-học Việt-Nam. Nó sẽ lời được hai năm. Hai năm ấy, sẽ học tại trường chúng tôi gọi là « trường dự-bị Pháp-học » sẽ lập tại các tỉnh-lị hay là các phủ huyện lớn. Vào đó, đứa trẻ chỉ học ròng tiếng Pháp ; nó chỉ học tiếng Pháp mà thôi, và học với các ông giáo người Pháp có tài, lại cũng ôn-nhuần các môn học Việt-Nam nó đã học ngày trước.

. . . Bây giờ, đối với cha mẹ học-sinh trách chúng tôi muốn hạn-chế sự học tiếng Pháp cho con em họ, chúng tôi sẽ trả lời rằng thấy chúng tôi hạn-chế là khi mới xét sơ-qua mà thôi ; còn theo cách học mới, nghĩa là đã có các điều tri-thức chắc chắn đã học ở Sơ-học phụ với hai năm học tiếng thật kỹ-càng, thì các trẻ học-sinh ấy sẽ thông-hiểu tiếng Pháp được vững-vàng hơn là theo cách học hiện bây giờ. Những kẻ nào nhất-quyết cho con mình học theo bậc Sơ-học tiếng Pháp, cho nó giống hệt trẻ con Pháp về các phương-diện, thì đã có sẵn trường Trung-học Pháp ở Hà-nội, nhưng chúng tôi tưởng rằng bọn đó sẽ là số ít.

. . . Chúng tôi không thể không nhớ rằng cái thuyết chúng tôi không thể làm cho mọi người vừa ý được, và chúng tôi dự-định rằng muốn dứt cho mau sự cãi-lẽ, thì trong đảng phản-đối sẽ có kẻ sáu-hiểm nói rằng cái thuyết chúng tôi là do nơi lòng bài-Pháp. Đó là cái lý cuối cùng của những kẻ không viện được cái lý nào khác hơn.

Có một điều không ai là không biết, là người Nhật-bản nào có học-vấn thì nói và viết tiếng Anh rất hay, cái số người Nhật có học-vấn hiện nay nhiều lắm, có thể tính từng mấy triệu. Có điều hiển-nhiên là cái năm 1922 rất may-mắn này, số người Nhật thông-hiểu tiếng Anh hơi khá thì thật nhiều hơn số người Nam thông-hiểu tiếng Pháp đến trình-độ ấy. Vậy chúng tôi xin hỏi : muốn được cái kết-quả như thế, Chính-phủ Nhật-bản có cần phải lấy tiếng Anh làm tiếng cơ-quan ở Sơ-học không ?

Chúng tôi xin các nhà giáo-dục ở đây hãy xem lại mấy chương đầu sách « Nước Nhật chưa ai biết, *Le Japon inconnu* » của LAFCADIO HEARN.

Rốt lại, chúng tôi viện câu này để chứng cái thuyết chúng tôi, thì người ta sẽ cho là lẽ đương-nhiên, không lạ-lùng gì ; ban thường-trực Hội-nghị quốc-gia thuộc-địa nước *Belgique* (Bỉ), các báo ở đây có đăng tờ biên-bản hội-nghị ấy, có kết-luận một câu như sau :

« Cái học của một dân-tộc mà không dùng tiếng nói riêng của cha mẹ đứa con trẻ làm phương-tiện, thì có tính-cách nhân-tạo ; cái học ấy phải thất-bại ».

E. A., 2-12-22

NGUYỄN VĂN-KIỆM *sao và dịch*
(Tân-an, Nam-kỳ)

LUẬN-NGỮ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

論語國文解釋

IV

XXIII

以 也。如 也。始 其 師 子
成。釋 也。從 作。可 樂。語
如 皦 之。翕 知 曰。魯
也。如 繹 如 也。樂 太

Dịch-âm.—*Tử ngữ Lỗ Thái-sư nhạc, viết : «Nhạc kỳ khả tri dã, thủy tác, hấp như dã ; tùng chi, thuần như dã ; kiền như dã, dịch như dã, dĩ thành »*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng bảo quan Thái-sư nước Lỗ về việc nhạc rằng : « Âm-nhạc phải nên biết, khi mới cất tiếng, đều tâu lên như thế này ; phóng tiếng ra, thuần-hòa như thế này ; rõ-ràng từng-tiếng mà vẫn liên-lạc như thế này ; như thế là thành một khúc nhạc ».

Chú-giải. — *Thái-sư* = Quan giữ việc nhạc. *Tác* = Khởi lên, cất tiếng lên. *Hấp* = Hợp, hợp cả các tiếng bát-âm mà đều khởi lên. *Tùng* = Phóng, cất cao tiếng lên. *Thuần* = Thuần-hòa êm-ái. *Kiền* = Rõ-ràng, chẳng lẫn-lộn. *Dịch* = Nối liền, tiếng nhạc liền nhau chẳng dứt. *Thành* = Xong một khúc nhạc, kể tự nhất-thành cho đến cửu-thành.

Đây là đức Khổng vì cớ âm-nhạc nước Lỗ khiếm-khuyết, ngài sắp-sửa về sửa-sang lại kinh *Nhạc*, nên dạy cho quan Thái-sư những điều-lý thủy-chung troug âm-nhạc.

XXIV

木 天 之 患 出 見 也。君 儀
鐸。將 無 於 曰。也。吾 子 封
以 道 喪 二 從 未 之 人
夫 也 乎。三 者 嘗 至 請
子 久 天 子 見 不 於 見。
爲 矣。下 何 之。得 斯 曰。

Dịch-âm. — *Nghi Phong-nhân thỉnh kiến, viết : «Quân-tử chi chí ư tư dã, ngô vị thường bất đắc kiến dã ». Tụng-giả kiến chi. Xuất viết : « Nhị tam tử hà hoạn ư táng hồ ? Thiên-hạ chi vô đạo dã cửu hĩ, thiên tương dĩ phu-tử vi mộc-đạc ».*

Dịch-nghĩa. — Quan Phong-nhân đất Nghi xin vào yết-kiến đức Khổng nói rằng : « Phàm người quân-tử đến đất này, tự trước đến nay, tôi chưa từng chẳng được yết-kiến vậy ». Kẻ tụng-giả của đức Khổng dẫn Phong-nhân vào yết-kiến. Khi Phong-nhân trở ra, nói với kẻ tụng-giả rằng : « Hai ba gã lo gì phu-tử mất ngôi quan. Thiên-hạ vô-đạo đã lâu rồi, chắc trời kia sắp-sửa cho phu-tử được ngôi hành-đạo làm cái mõ gỗ để thi-hành chính-giáo ».

Chú-giải. — *Nghi* = Tên ấp nước Vệ. *Phong-nhân* = Chức coi giữ bờ cõi. Người này chừng là người hiền mà ẩn ở chức-vị thấp. Khi ấy đức Khổng mất ngôi quan ở nước Lỗ đi sang nước Vệ, qua đất Nghi, mà Phong-nhân cầu vào yết-kiến. *Quân-tử* = Trỏ về các người hiền-giả đời ấy. *Tụng-giả* = Những bọn học-trò theo hầu đức Khổng. *Táng* = Mất, ý là mất ngôi hành-chính bỏ nước mà đi. *Mộc-đạc* = Mõ gỗ, cổ-giả chế cái hình nó miệng bằng đồng mà lưỡi bằng gỗ ; khi thi-hành việc chính việc giáo thì khua hay gõ lên, để răn bảo cho chúng biết.

Đây là quan Phong-nhân có ý hâm-mộ người hiền mà cầu vào yết-kiến ; đến khi đã yết-kiến rồi lại có ý quan-cảm về thịnh-đức của Khổng-tử, mà đoán

chắc về bụng trời tất cho phu-tử được thi-hành chính-giáo để cảnh-giác cho dân chúng.

XXV

也。未盡也。又盡子
盡美謂盡美謂
善矣。武善矣。韶。

Dịch-âm. — *Tử vị Thiều, tận mĩ hĩ, hựu tận thiện dã ; vị Vũ tận mĩ hĩ, vị tận thiện dã.*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng bàn nhạc Thiều thì bảo rằng hết thảy là mĩ cả, lại hết thảy là thiện cả ; bàn về Nhạc Vũ thì bảo rằng hết thảy là mĩ cả, nhưng chưa hết thảy là thiện vậy ».

Chú-giải. — *Thiều* = Tên một bộ nhạc, diễn ra công-nghiệp vua Thuấn nhà Ngu. *Vũ* = Tên một bộ nhạc, diễn ra công-nghiệp của Vũ-vương nhà Châu. *Mĩ* = Tốt đẹp thịnh-mĩ, trỏ về thanh-âm đàng-bộ âm-nhạc thịnh tốt. Vì vua Thuấn nối nghiệp thịnh-trị của vua Nghiêu, vua Vũ thì đánh chúa Trụ để cứu dân, công-nghiệp như nhau, cho nên khi diễn ra nhạc đều là thịnh-mĩ. *Thiện* = Những điều hay thuần-túy. Vì đức vua Thuấn vốn tính tự-nhiên bẩm sinh ở trời, lại gặp cái cảnh-ngộ lấy nhún-nhường truyền ngôi mà được thiên-hạ ; đức vua Vũ thì còn phải tu-tỉnh mới nên, lại gặp cái cảnh-ngộ phải dùng đến đánh giết mà được thiên-hạ ; sự thực khác nhau, cho nên diễn ra nhạc thì một đàng thanh-dung thuần-túy là tận-thiện, mà một đàng thì chưa được tận thiện.

Đây là đức Khổng nhân khi khảo-cổ, nghe nhạc đế vương mà cảm-thán về thời-đại thăng-giáng và đức-tính khác nhau, nên nó phát-hiện ra thanh-dung nhạc cũng có khác nhau vậy.

XXVI

之何不敬。爲上子
哉。以哀。臨禮不曰。
觀吾爽不寬。居

Dịch-âm. — *Tử viết : « Cư thượng bất khoan, vi lễ bất kính, lâm tang bất ai, ngô hà dĩ quan chi tai ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Ở ngôi trên mà chẳng khoan-dung, làm việc lễ mà chẳng cung-kính, làm việc tang mà chẳng thương, ta còn biết lấy điều gì để xét xem người ấy sở-hành phải hay trái thế nào được nữa ».

Chú-giải. — *Lễ* = Những việc lễ-nghi giao-tiếp thù-tạc. *Tang* = Việc tang cha mẹ.

Đây là nói người ta cốt nhất là phải chuộng điều gốc, làm người trên thì cốt ở lòng nhân-ái khoan-dung, việc lễ thì cốt ở lòng kính, việc tang thì cốt ở lòng thương, nếu đã mất những điều gốc ấy đi rồi, thì không còn biết lấy gì mà xét xem những điều sở-hành đắc-thất của người ấy nữa.

THIÊN LÝ-NHÂN THỨ TƯ

里仁第四

(凡二十六章)

(Gồm 26 chương)

I

知。焉擇爲里子
得仁。不美。仁曰。

Dịch-âm. — *Tử viết : « Lý nhân vi mĩ, trạch bất sử nhân, yên đắc tri ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Làng có tục nhân-hậu là làng tốt. Nếu chọn chỗ ở mà chẳng ở về làng nhân-hậu, thì sao được là tri ».

Chú-giải. — *Tri* = Tri khôn, biết phân-biệt điều phải điều trái.

Đây là nói cái đạo cư-xử phải chọn làng diềng, sẽ có giúp đỡ về sự làm nhân cho mình.

II

仁。知者處可處可仁子
者安樂。以約。以者。曰。
利仁。仁長不久不不

Dịch-âm. — *Tử viết : « Bất nhân giả, bất khả dĩ cửu xử ước, bất khả dĩ trường xử lạc. Nhân giả an nhân, tri giả lợi nhân ».*

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Kẻ bất-nhân kia, chẳng thể xử về cảnh khốn-cùng lâu được, chẳng thể xử về cảnh vui-sướng mãi được. Người nhân yên về điều nhân, người trí ham về sự nhân, mới có thể xử cảnh nào cũng được »

Chú-giải. — *Ước* = Khốn-cùng. *Lợi* = Ham-thích, ý là đã hiểu thấu mà muốn cho được. *Nhân-giả* = Trỏ về bậc người thuần-túy, trong tâm toàn là thiên-lý, tuyệt không nhân-dục. *Trí-giả* = Trỏ về bậc người sáng-khôn, đã có định-kiến, lại có định-thủ.

Đây là nói người nhân thì yên vui về điều nhân, người trí thì ham muốn về sự nhân, vẫn giữ được cái bản-tâm chẳng bị vật ngoài nó cám dỗ, cho nên dẫu xử về cảnh bần-tiện cũng không sinh lạm, xử về cảnh phú quí cũng không sinh dâm. Chứ như kẻ bất-nhân kia đã mất bản-tâm đi rồi, nếu xử cảnh nghèo khốn lâu thì tất sinh lạm, xử cảnh vui-sướng mãi thì tất sinh kiêu-dâm. Người ta phải nên giữ lấy bản-tâm mới hay tùy ngộ nhi an.

III

人。能 好 者 惟 子
惡 人。能 仁 曰。

Dịch-âm. — *Tử viết* : « *Duy nhân giả năng hiếu nhân, năng ố nhân* ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Chỉ người nhân trong tâm không thiên-tư, mới hay biết yêu người, hay ghét người được đáng lẽ ».

Chú-giải. — Đây là nói yêu người thiện ghét người ác, vốn là đồng-tình người ta, nhưng chỉ người không có tư-tâm mới hay dụng tình được xứng-đáng.

IV

惡 矣。於 苟 子
也。無 仁 志 曰。

Dịch-âm. — *Tử viết* : « *Cẩu chí ư nhân hĩ, vô ác dã* ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Người ta đã thành-thực dốc lòng về điều nhân, thì không có sự làm ác nữa ».

Chú-giải. — *Cẩu* = Thực, đã. *Chí* = Để tâm chuyên-chú vào.

Đây là khuyên người nên để tâm chuyên-chú về điều nhân.

V

必 仁。君 君 道 人 之。所 子
於 遭 子 子 得 之 不 欲 曰。
是。次 無 去 之。所 處 也。富
必 終 仁。不 惡 也。不 與
於 貧 惡 去 也。貧 以 貴。
是。之 乎 也。不 與 其 是
顛 間 成 以 賤。道 人
沛 違 名。其 是 得 之

Dịch-âm. — *Tử viết* : « *Phú dữ quí, thị nhân chi sở dục dã, bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất xử dã. Bần dữ tiện, thị nhân chi sở ố dã, bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất khử dã.*

« *Quân tử khử nhân, ô hồ thành danh*

« *Quân tử vô chung thực chi gian vi nhân, tháo-thứ tất ư thị, điên-bái tất ư thị* ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Sự phú quí là sự người ta ai cũng muốn, nhưng nếu chẳng phải đạo nên được mà được, thì quân-tử cũng thẫm về nghĩa-lý mà chẳng hưởng cái phú quí ấy vậy. Sự bần tiện là sự người ta ai cũng ghét, nhưng nếu chẳng phải đạo nên được mà được, thì quân-tử cũng yên về mệnh trời mà chẳng bỏ cái bần tiện ấy vậy.

« Nếu quân-tử tham phú quí chán bần tiện, mà bỏ điều nhân, thì sao được thành danh là quân-tử.

« Người quân-tử không trong khoảng trọn bữa ăn nào mà trái mất điều nhân, lúc tháo-thứ tất giữ lấy điều nhân, lúc điên-bái tất giữ lấy điều nhân ».

Chú-giải. — *Bất-dĩ kỳ-đạo* = Không phải cái đạo chính-đáng, cái sự chẳng nên được mà ngẫu-nhiên được. *Chung-thực* = Trọn bữa ăn, là nói cái thời-gian ngắn. *Tháo-thứ* = Lúc vội-vàng cấp-bách. *Điên bái* = Nghiêng đổ, lưu-ly, là trỏ lúc ngộ-biến.

Đây là nói người quân-tử hoặc xử lúc phú-quí, hoặc gặp lúc bần-tiện, cho đến lúc thảo-thứ điên-bái, không lúc nào bỏ điều nhân, sở-dĩ thành-danh là quân-tử.

VI

子曰。我未見好仁者。惡不仁者。其爲仁矣。不使不仁者加乎其身。有能一日用其力於仁矣乎。我未見力不足者。蓋有之矣。吾未見之也。

Dịch-âm.— *Tử viết : « Ngã vị kiến hiếu nhân giả, ố bất nhân giả. Hiếu nhân giả vô dĩ thượng chi. Ố bất nhân giả, kỳ vi nhân hĩ ; bất sử bất-nhân giả, gia hồ kỳ thân.*

« Hữu năng nhất nhật dụng kỳ lực ư nhân hĩ hồ. Ngã vị kiến lực bất túc giả.

« Cái hữu chi hĩ, ngã vị chi kiến dã ».

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Ta chửa được thấy kẻ yêu điều nhân và kẻ ghét điều bất-nhân. Kẻ hay thực yêu điều nhân thì cho rằng không vật gì hơn điều nhân. Kẻ ghét bất-nhân thì thực biết sự bất-nhân là đáng ghét, mà chăm làm lấy điều nhân ; chẳng để cho sự bất-nhân nó gia vào thân mình.

« Nếu có kẻ nào thực hay một ngày dụng-lực mình cố làm lấy điều nhân, ta chửa thấy sức mình chẳng đủ bao giờ.

« Hay cũng có kẻ tư-chất kém quá, mà sức chẳng đủ chăng. Nhưng ta cũng chửa thấy thế bao giờ »

Chú-giải. — *Hiếu-nhân giả* = Kẻ thực biết điều nhân đáng yêu, mà chân-tâm ham muốn. *Ố bất-nhân giả* = Kẻ thực biết điều bất-nhân đáng ghét mà tuyệt hẳn đi. *Thượng* = Hơn. *Cái* = Hay là, là ý còn nghi.

Đây là nói bậc thành-đức trong cõi nhân tuy rằng khó thấy, song hay cố sức làm lấy điều nhân thì tất được nhân, chứ chửa khi nào chẳng đủ sức, để khuyên người cố gắng mà làm nhân.

VII

子曰。人之過也。各於其黨。觀過斯知仁矣。

Dịch-âm — *Tử viết : « Nhân chi quá dã, các ư kỳ đảng. Quan quá, tư tri nhân hĩ ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Cái lỗi của người ta đều theo về từng loài. Xét xem cái lỗi cũng khá biết được lòng nhân kia vậy.

Chú-giải. — *Đảng* = Loài, trỏ về loài quân-tử và loài tiểu-nhân, quân-tử có lỗi thường quá về hậu và nhân-ái quá. Tiểu-nhân có lỗi thường quá về bạc và tàn-nhẫn quá. Loài tiểu-nhân thì chắc là lỗi về bất-nhân dã đành ; chứ như xét cái lỗi loài người quân-tử thì khá biết cái tâm còn nhân-hậu.

Đây là nói xét xem cái lỗi người quân-tử phải nên nguyên cái tâm.

VIII

子曰。朝聞道。夕死可矣。

Dịch-âm.— *Tử viết : « Chiêu văn đạo, tịch tử, khả hĩ ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng: « Người ta buổi sớm được hiểu-thấu đạo-lý, buổi chiều chết chăng nữa, cũng đáng vậy ».

Chú-giải. — *Đạo* = Cái nghĩa-lý đương-nhiên trong sự-vật. *Chiêu* = Sớm. *Tịch* = Chiều tối. Sớm tối là nói cái thời-kỳ rất ngắn. *Khả* = Đáng đời, sống được thuận, chết được yên, không ân-hận điều gì cả.

Đây là nói người ta phải nên hiểu biết đạo-lý, nếu ngày thường hay dụng-công học-hành tích-lũy, mà nhất-đán giác-ngộ thì sướng biết chừng nào !

IX

子曰。士志於道。而恥惡衣惡食者。未足與議也。

Dịch-âm. - *Tử viết : « Sĩ chí ư đạo, nhi sỉ ác y ác thực giả, vị túc dữ nghị dã ».*

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: «Làm người học-trò chí hướng về đạo-học, mà lại còn lấy sự ăn mặc xấu làm hổ thẹn, thì kẻ ấy chưa thể cùng đủ bàn đạo lý vậy ».

Chú-giải. — *Ác-y ác-thực* = Áo xấu, thức ăn xấu, không phải là đồ hoa-mĩ cao-lương.

Đây là răn kẻ theo về đạo-học mà chẳng hay dốc lòng cầu đạo, cái tâm lại còn lụy về ngoại-vật, thì sao đủ cùng giảng bàn đạo-lý.

X

比。義 無 無 天 子 子
之 莫 適 下 之 曰。
與 也。 也。 也。 於 君

Dịch-âm. — *Tử viết : « Quân-tử chi ư thiên-hạ dã, vô đích dã, vô mịch dã, nghĩa chi dữ tỉ ».*

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Người quân-tử đối-phó với việc trong thiên-hạ, không nhất-khái là làm cả, không nhất-khái là chẳng làm, chỉ theo về điều nghĩa phải mà thôi ».

Chú-giải. - *Đích* = Chuyên-chủ quyết hẳn. *Mịch* = Chẳng chịu làm, nghĩa là từ-chối chẳng làm. *Tỉ* = Theo. *Nghĩa chi dữ tỉ* = Là nói nghĩa nên làm thì làm, nghĩa chẳng nên làm thì chẳng làm, cứ theo về nghĩa phải mà thôi.

Đây là nói người quân-tử ứng-phó với việc thiên-hạ, trong tâm không thiên-tư, mà chỉ thích-nghi theo về nghĩa-lý, sở-dĩ hay thành được việc thiên-hạ.

XI

懷 小 懷 君 懷 小 懷 君 子
惠。人 刑。子 土。人 德。子 曰。

Dịch-âm.— *Tử viết : « Quân-tử hoài đức, tiểu-nhân hoài thổ ; quân-tử hoài hình, tiểu-nhân hoài huệ ».*

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Quân-tử nghĩ giữ lấy điều đức thiện, tiểu-nhân nghĩ say về chốn yên vui ; quân-tử nghĩ sợ về hình-pháp, tiểu-nhân nghĩ ham về lợi-lộc. »

Chú-giải. - *Hoài* = Bụng nghĩ, áy-náy lo-toan. *Đức* = Những điều đức-tính nhân nghĩa cố-hữu của mình. *Thổ* — Cái chỗ yên vui. *Hình* = Phép nước, luật-pháp. *Huệ* = Ơn huệ, lợi-lộc.

Đây là nói quân-tử tiểu-nhân lâm-thuật khác nhau, một đằng công một đằng tư, cho nên trong bụng hoài-bão lo toan mỗi đằng một khác. Vậy nên tâm-hoài người ta phải nên cẩn-thận mới được.

XII

怨。行。利 放 子
多 而 於 曰。

Dịch-âm. — *Tử viết : « Phỏng ư lợi nhi hành, đa oán ».*

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Cứ theo về điều lợi cho mình mà làm thì nhiều người oán ».

Chú-giải. - *Phỏng* = Y theo.

Đây là răn người ta không nên chuyên lợi một mình mà dễ hại cho người.

XIII

如 讓 能 何 爲 以 子
禮 爲 以 有。國 禮 曰。
何。 讓。 禮 不 乎 讓。 能

Dịch-âm.— *Tử viết : « Năng dĩ lễ nhượng, vi quốc hồ hà hữu. Bất năng dĩ lễ nhượng vi quốc, như lễ hà ».*

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Kẻ trên biết đem điều khiêm-nhượng thực-hành sự lễ, thì trị nước có khó gì. Nếu chẳng biết thực-hành khiêm-nhượng để trị nước, như những lễ-văn trang-sức kia có làm gì ! »

Chú-giải. - *Nhượng* = Khiêm-nhượng từ-tốn chẳng cạnh-tranh, đó mới là điều chính-thực của Lễ. *Vi* = Trị.

Đây là nói trị nước phải cốt ở điều lễ, mà hành lễ phải cốt ở lòng khiêm-nhượng.

tự khắc là hay hóa dân thành-tục, việc trị nước cũng chẳng khó gì.

XIV

知 求 莫 立。患 患 子
也。爲 已 不 所 無 曰。
可 知。患 以 位。不

Dịch-âm. — *Tử viết : « Bất hoạn vô vị, hoạn sở dĩ lập. Bất hoạn mạc kỷ tri, cầu vi khả tri dã ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : «Chẳng lo không có chức vị, chỉ lo mình có tài-đức gì để đứng về chức vị ấy. Chẳng lo chẳng ai biết mình, chỉ cốt xét mình xem có cái gì đáng cho người biết vậy ».

Chú-giải. – Đây là bảo người ta đừng vội cầu danh-vị, chỉ cốt chăm về điều thực-học của mình trước.

XV

恕 子 曾 曰。出。曰。貫 吾 子
而 之 子 何 門 唯。之。道 曰。
已 道。曰。謂 人 曾 一 參
矣。忠 夫 也。問 子 子 以 乎。

Dịch-âm. — *Tử viết : « Sâm hồ ! ngô đạo nhất dĩ quán chi ». Tăng-tử viết : « Duy ».—Tử xuất, môn-nhân vấn viết : « Hà vị dã ». Tăng-tử viết : « Phu-tử chi đạo, trung thứ nhi dĩ hĩ ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng dạy rằng : « Sâm kia ! Đạo ta chỉ có một lẽ quán-thông cả đấy. » Thầy Tăng-tử thưa rằng : « dạ ».

Đức Khổng ra khỏi, các bạn môn-nhân hỏi Tăng-tử rằng : « Thầy vừa dạy đó, là nghĩa gì vậy ? » Thầy Tăng-tử đáp rằng : « Cái đạo của thầy ta, chỉ điều *trung* điều *thứ* mà thôi vậy ».

Chú-giải. – *Nhất-quán* = Một lẽ chính-đáng cai-quát cả muôn sự muôn vật, nghĩa là sự-vật tuy đến hàng vạn, mà chung-qui chỉ nhất lý. *Duy* = Dạ, ý đã hiểu rồi nên ứng lại mau không còn phải ngờ hỏi lại nữa. *Môn-nhân* = Học-trò đức Khổng, cùng đồng-môn với thầy Tăng. *Trung* = Hết lòng mình. *Thứ* = Suy lòng mình ra lòng người.

Chương này là vì thầy Tăng học-vấn đã tinh-thâm, nên Khổng-tử mới gọi bảo cho lẽ nhất-quán, để cho biết rằng đạo-thể chỉ là nhất-lý ở trong tâm mà ứng-phó được cả muôn việc. Kẻ môn-nhân chưa thể hiểu được lẽ ấy, nên thầy Tăng mới mượn điều trung thứ là điều thiết-cận trong sự học-vấn, để đáp bảo cho kẻ môn-nhân, bảo rằng chỉ cốt là ở cái tâm mà thôi ; tâm ông thánh-nhân hồn-nhiên nhất-lý mà hay ứng muôn việc là nhất-quán ; cái tâm mà còn phải miễn-cưỡng giữ gìn cho hết lòng là bụng trung, suy bụng ta ra bụng người là điều thứ ; giữ được lòng trung thứ thì cũng đã gần hợp đạo vậy.

(Còn-nữa)

Đông-Châu và Tùng-Vân *dịch*

GƯƠNG ĐẸP ĐÀN-BÀ

(Đoản-thiên tiểu-thuyết)

TẬP THỨ NHÌ

(Kể về hòn bích-ngọc nhà tiền-gia)

I

Trăm nết hiếu là đầu

Đất Hàng-châu có một người thiếu-nữ là Trang-Uẩn-Trinh. Người cha là một nhà nho, học khá mà chẳng đỗ, văn-chương học-thuật chỉ đủ dai-dẳng với đời, mà chẳng được vẻ-vang với đời, cho nên chỉ lấy nghề gõ đầu trẻ làm nghề chung-thân.

Uẩn-Trinh từ thuở nhỏ đã là người yêu-thích văn-học; khoảng lên ba lên năm, nghe cha đọc sách đã biết bắt-chước mà đọc lên soang-soảng trên miệng. Người cha rất lấy làm yêu qui. Uẩn-Trinh lớn lên một chút, liền dạy cho Uẩn-Trinh đọc sách. Uẩn-Trinh đua nhau với lũ học trò nhỏ đọc sách, có tính thông-tuệ hơn người Uẩn-Trinh lại có cái đặc-tính yêu cây yêu hoa; nào là trước sân, nào là dưới thềm, hết thảy đem trồng các giống danh hoa, mẫu thu-cúc, vẻ xuân-lan la-liệt ở cả quanh chỗ án đọc ghế ngồi, đầy nhà hương thơm ngào-ngạt, thỉnh-thoảng tiếng đọc sách lại véo-von.

Người cha từng có một hôm đắc-ý đọc lên câu rằng:

Cửa không khách tục âu là phúc;

còn dương ngâm-nga sắp-sửa nghĩ câu đề đối, Uẩn-Trinh ứng-khẩu đối ngay rằng:

Nhà có hoa thơm chẳng chán nghèo.

Cái tài phong-nhã của Uẩn-Trinh đại-khái như vậy.

Sau người cha nhiễm bệnh thời-dịch mà tạ thế, học-trò tan-tác, bốn vách vắng không, một nhà chỉ có hai mẹ con, kế gì là kế sinh-nhai thì không có. Uẩn-Trinh phấn-chấn tinh-thần mà nói rằng:

— Người ta qui về cách tự-lập, lọ phải cứ ỷ-lại người ngoài mới được hay sao? Ta vốn sẵn yêu hoa, từ nay ta gia công gắng sức trồng hoa, lấy ngay nghề bán hoa làm nghề sinh-nhai, nghề ấy cũng chẳng tổn-hại gì đến sự phong-nhã.

Người mẹ cũng lấy làm phải.

Uẩn-Trinh từ đấy, hàng ngày cứ sáng sớm, tay mang rổ trúc, mình mặc đồ trắng, đi hết phố ấy sang phố khác, réo-rắt tiếng oanh rao hàng chào khách. Phàm những bọn kiều-nữ, chốn hương-khuê, ai cũng vui lòng giao-thiệp mua hoa của Uẩn-Trinh. Cho nên mọi thức trân-cam để hàng ngày phụng-dưỡng mẹ, cũng không lo thiếu-thốn. Hàng ngày ngoài những việc trồng hoa tưới cây, lại pha bình trà, đốt lò hương, đến chỗ dưới hoa, đem thơ Đường ra ngâm đọc, nhờ đó để làm vui cho mẹ già.

Một hôm người mẹ mắc bệnh, thuốc-thang nào cũng không thấy hiệu, Uẩn-Trinh nghe tiếng vị phật Đại-sĩ ở núi Phổ-đà rất là linh-ứng, muốn thân-hành đến nơi cầu-đảo, nhưng ở nhà việc coi sóc bệnh mẹ không có người thay, nên Uẩn-Trinh mới lập lên một cái đàn nho-nhỏ ở giữa nhà, trên đàn treo một bức tranh vị Đại-sĩ. Ngày ngày dậy sớm, tay bưng rổ hoa, miệng tụng kinh Phật, nghe tiếng mẹ gọi tức-thì chạy lại hầu-hạ. Như thế đã đến năm ngày, Uẩn-Trinh mới đốt hương kính-thành cầu-đảo về sự tật-bệnh mẹ, rồi lấy bát nước thanh-thủy ở trước tòa Phật đem đun sôi lên dâng cho mẹ uống. Thói thường hay dùng nước lã hòa với tàn hương,

mà Uần-Trinh lại chỉ dùng nước đun sôi, há không phải là không có đặc-kiến). Quả-nhiên người mẹ uống xong, thiu-thiu yên ngủ, khắp mình ra mồ-hôi, bệnh thương-hàn khái-thấu khỏi hẳn.

Người mẹ đã khỏi bệnh, Uần-Trinh lại kinh-lý nghề-nghiệp bán hoa như cũ. Một hôm qua ngõ Đại-tỉnh, chỗ nhà họ Dương, thích-ngộ Dương-ông vừa ở núi Phổ đà về, thấy Uần-Trinh liền hỏi rằng :

— Tôi nghe vi hòa-thượng ở núi Phổ-đà có nói rằng đức Bồ-tát có báo mộng cho hòa-thượng biết rằng Bồ-tát thương cô là kẻ chân-thành hiếu-thảo, đã cứu cho cô qua khỏi mọi đường nguy-khổ rồi.

Người ấy lại nhân hỏi cô người ở đâu.. Uần-Trinh thong-dong đặt rổ hoa xuống, đọc rằng :

Đầu ghềnh thanh-thủy bãi tang-ma,
Ruộng lúa xanh-xanh một lối tà ;
Đi khỏi bản-kiều năm bảy bước,
Mái tranh phên trúc ấy hàn-gia.

Dương-ông lấy làm kinh-dị mà rằng:

— Cô thật là tài-đức gồm cả hai, sao lại luân-lạc đến thế !

Dương-ông cũng vốn là nhà danh-giá, lại có người con đương đi học còn thiếu-niên chưa lấy vợ, mới về nhờ người làm mối kén Uần-Trinh về làm dâu.

Sau khi đã thành-lễ cưới rồi, lại đón cả mẹ Uần-Trinh về nhà họ Dương để đồng-cư. Uần-Trinh về nhà họ Dương quả tỏ ra cái đạo làm dâu, không ai chê vào đâu được hết thảy.

Dương-ông cả lấy làm hạnh-phúc mà than rằng :

Cho hay gia-khánh lâu dài,
Bậu nào lại bậu hơn người dâu ngoan.

Lời ấy thật thế.

II

Chữ hiếu đánh đá tạc vàng ghi

Người hiếu-nữ họ Tăng tên là Đinh-Đinh, nguyên là người đất Hán-dương thuộc tỉnh Hồ-bắc. Người cha mất sớm, có người chú ruột thường ngụ ở đất Ngô-chung. Đinh-Đinh cùng với mẹ đều nương-tựa với chú, vì thế cũng đến ở Ngô-chung. Đinh-Đinh tự thuở còn bé, tính-hạnh đã nghiêm-trang, ngồi đứng đã kính-cẩn như người lớn. Kịp khi lớn lên, dung-mạo đẹp-xinh, thêu-thùa tinh-khéo, và lại thông-tuệ khác thường. Phàm người chú có sự gì hoài-nghi, Đinh-Đinh thường vì chú giải-quyết được nên việc. Người chú vì thế cả lấy làm kỳ-dị mà yêu-quí Đinh-Đinh coi như con đẻ. Nhưng Đinh-Đinh trước sau vẫn không dám nhân cớ chú yêu mà sinh lòng kiêu-mạn. Phàm người chú khi nào có tật-bệnh, Đinh-Đinh ngày đêm chầu chực ở trước màn dưới gối, coi sóc bữa ăn giấc ngủ và thuốc-thang, thường có khi hàng tháng không lúc nào trễ biếng. Người chú thường lấy làm cảm-động mà than rằng : « Đẻ con ra nên như cái Đinh-Đinh nhà ta. Không biết anh ta ngày xưa tu về điều gì mà đẻ ra được con hiếu-hạnh như vậy ! »

Chợt năm ấy người mẹ Đinh-Đinh mắc bệnh rất nguy, Đinh-Đinh hết lòng coi-sóc phụng-dưỡng, hàng bốn tháng trời mà thuốc nào uống cũng không khỏi. Đinh-Đinh thâu đêm than trời khóc đất, giọt lệ đầm-đìa đã cơ-hồ thành giọt máu, mà bệnh mẹ vẫn trầm-trọng như xưa. Người chú đã lấy làm cả lo cho tính-mệnh cả hai mẹ con, từng đem lời nói khuyên giải mà Đinh-Đinh vẫn không chuyển-ý. Người chú mới giả-cách bảo Đinh-Đinh rằng lấy giọt huyết-lệ hòa vào thuốc mà đem cho mẹ uống, thì bệnh mẹ may ra khỏi được chăng, là ý người chú định bảo rằng huyết-lệ không thể khỏi được bệnh mẹ

đâu, khiến cho Đinh-Đinh bớt sự thương-xót quá lắm mà thôi. Hay đâu Đinh-Đinh lại tin lời chú nói làm thật, nhất-nhất theo như lời chú dạy, bệnh mẹ quả-nhiên khỏi dần. Ôi! Cũng là mặt trời soi thấu đến tim gan người hiếu-nữ mà xui nên thế đấy ru! Chứ việc người lẽ đâu như vậy.

Người chủ hồi đó từng đại-lý cho người, làm một chức nhỏ trong thương-giới, sau giải chức về Hán-dương là chốn quê-hương cũ, gia-quyến đều về. Thuyền đi qua bến Phố-khẩu gặp gió to sóng lớn, chiếc thuyền đương chông-chành nghiêng ngửa, thì người mẹ Đinh-Đinh chợt ra chỗ mạn thuyền ngó trông, bất-hạnh bị ngã xuống nước. Làn sóng rẫy trời, bọn lái thuyền trông nhau, ai nấy đều kinh-hãi biến-sắc. Đinh-Đinh khi ấy đương có bệnh sốt rét nằm ở trong thuyền, nghe tin mẹ ngã xuống sông, kinh-ngạc choáng dậy, nhảy xuống nước đuổi theo mẹ, chìm nổi ở mặt nước ước chừng được hơn một dặm, gặp một chiếc thuyền chài, Đinh-Đinh ở trong nước kêu lên cầu-cứu. Người thuyền chài vội-vàng bơi lại vớt ngay được người mẹ lên, còn Đinh-Đinh thì vì nước sóng xoáy quanh chảy xiết, nên bị cuốn theo làn sóng bạc mà trôi đi mất. Người thuyền chài hết sức đuổi theo mãi mới vớt được lên. Người mẹ may không việc gì, nhưng Đinh-Đinh thì tuy hãy còn sống, song cái bệnh sốt rét từ đấy lại càng kịch. Đến nửa đêm hôm ấy, thì cái anh hồn người hiếu-nữ kia đã cưỡi hạc mà lên chầu trời vậy. Khi ấy Đinh-Đinh tuổi mới có mười-lăm. Thể-xác Đinh-Đinh chở về đất Hán-dương tống-táng. Quan địa-phương nghe được sự ấy muốn tiêu-biểu lấy nhân-vật kẻ hiếu-nữ mới cùng với dân địa-phương ấy, đóng-đả lập đền khắc bia để thờ, gọi là « Hán-dương hiếu-nữ từ.»

Ôi! Há chẳng phải là trời kia đem cái tiếng thơm thiên-cổ lại cho Đinh-Đinh đấy ru! Đinh-Đinh thật là một người hiếu-nữ thay!

III

Chữ đức làm nên chữ phúc

Dịch Thiềm-Cô là ai? Là con gái một người cư-dân Dịch Bang-Trấn ở Thiên-nga-lĩnh đất Tràng-sa. Thiềm-cô dung-nhan mĩ-lệ, tư-chất thông-minh, từ thuở bé đã sớm nhận đồ sinh lễ hứa gả cho nhà họ Phùng, chỉ còn đợi được tuổi là cưới mà thôi. Kịp lớn lên, đến học ở một trường nữ-học. Vì cử-chỉ khác người, nên rất được lòng người nữ-hiệu-trưởng yêu-trọng.

Người vị-hôn-phu của Thiềm Cô là gã họ Phùng, tuổi đã sắp sửa đôi mươi là bậc thành-nhân rồi, mà hình-dáng chẳng khác gì đứa trẻ còn ấu-trĩ. Chẳng những xấu-xí khó coi mà thôi, lại chẳng biết sự hưởng-thụ khoái-lạc ở đời là cái gì nữa, cho đến tên họ mình là gì, người ngoài có hỏi, đáp lại cũng lầm-lẫn, xuẩn-xuẩn như con vật, cho nên cha mẹ Thiềm-Cô e rằng người rể như thế thì lầm-lỡ cho sự chung-thân của Thiềm-Cô, mới nhờ một người thay lời nguyệt-lão, yêu-cầu với họ Phùng để thoái-hôn. Họ Phùng cũng một lòng thể-tất, biết rằng phượng với quạ kết-cục không phải là lứa đôi với nhau, nên chỉ họ Phùng cũng bằng lòng nghe ngay. Khi ấy Thiềm-Cô đương ở nhà trường học-tập, chưa biết có sự thoái-hôn ấy. Kịp đến khi cha mẹ đem Thiềm-Cô về gả cho một người khác là người họ Chung đất Ninh-hương, đến ngày hôm cưới Thiềm-Cô mới được biết có sự cải-hôn ấy. Nàng không nghe khóc mà nói rằng:

— Con nay gặp-gỡ như thế, tuy là cái phúc của con mỏng, nhưng cũng là có mệnh trời ở trong, hà-tất cưỡng nhau với trời để cầu cái phúc dầy làm gì. Con thiết-nghĩ, phúc dầy phúc mỏng, phó mặc ông trời, người ta chỉ nên tu lấy cái đức mà thôi. Con xin thề sống

chết chẳng bỏ nhà họ Phùng. Nếu giở-giáo thế này thì nhân-tâm quả-nhiên là đơn-bạc, phong-tục còn gì là thuần-hậu nữa, điều ấy nhà ta không nên làm.

Cha mẹ hết lời khuyên can, Thiềm-cô vẫn kháng-kháng một mực chẳng nghe. Cha mẹ biết rằng Thiềm-Cô đã gan vàng dạ sắt, không sao chuyển-di được nữa, không biết làm thế nào, chỉ hàng ngày khóc-lóc mà thôi. Thiềm-cô hễ khi nào thấy cha mẹ khóc thì Thiềm-Cô cũng khóc, thành ra trong một nhà, trên thì cây thung cỗi, khóm huyên già, dưới cành hoa lê tươi-tốt, hàng ngày không lúc nào dứt hạt mưa. Họ-hàng thân-thích lại thăm, ai nấy đều vì than thở. Cuối cùng Thiềm-Cô cũng hơi có ý chiều lòng cha mẹ, bất-đắc-dĩ phải ước-nguyện với cha mẹ rằng : « Con xin giữ cái chủ-nghĩa bất-giá, nghĩa là chung-thân ở nhà phụng-thờ cha mẹ như con trai. » Cha mẹ thấy Thiềm-Cô như thế cũng hơi bớt lòng phiền-não, dần dần trong nhà lại tỏ ra cái quang-cảnh hòa vui.

Được ít lâu gã họ Phùng tự-nhiên mắc bệnh chết. Mà nhà họ Chung thì thương-nghiệp lại cả phát-đạt, chẳng bao lâu thành nhà hào-phú trong một thời. Chàng họ Chung cũng có văn-học tốt-nghiệp ở nhà quốc-học. Khi ấy họ Chung lại đến xin nghị-hôn. Thiềm-Cô vẫn còn kháng-kháng tỏ ý rằng : « Tôi vì cớ trên chiều cha mẹ, cho nên cái lời thề thứ nhất của tôi, tôi không thực-hiện ra được, còn lời thề thứ hai của tôi, tôi xin giữ. »

Họ-hàng thân-thích ai nấy đều vì Thiềm-Cô hết lòng khuyên-giải, Thiềm-cô mới nghe lời.

Đến kỳ nghênh-hôn, kiệu loan xe phượng, náo-nhiệt một trường. Kẻ xem ai nấy đều bảo nhau rằng Thiềm-Cô là người biết tu, cho nên trời báo cho cái phúc dầy như vậy.

IV

Vì ân nên phải trả thù

Bởi hàm-phong nhà Thanh, quân Hồng-dương khi đánh lấy được Kim-lăng (tức là chỗ Nam-kinh), có tìm bắt những người phụ nữ biết chữ ở chốn dân-gian, đem về trong cung-phủ để sung vào chức nữ-ba-thư, thay mình phê-phán các giấy công-văn. Khi ấy trong phủ Hồng-vương Dương Tú-Thanh dùng người đàn bà là Phó Thiện Tường làm chức ba-thư gọi là nữ-trạng-nguyên. Thiện-Tường là người khéo chiều ý Đông-vương, được Đông-vương thân yêu lắm. Sau Thiện-Tường vì có tội nhỏ, bị đem ra phơi nắng ở lữ-quán, Thiện-Tường lấy làm sỉ-nhục thừa cơ trốn đi mất. Từ đấy chức nữ-chủ-ba vẫn còn huyền-khuyết, vì không người nào hợp-cách cả. Mãi về sau mới có một người con gái là Chu Cửu-Muội xuất-hiện mà thừa-đương chức ấy

Cửu-Muội nguyên là người đất Hồ-bắc, con gái một ông bàn-sĩ. Tuổi mười chín, có tài ngâm-vịnh, có phong-thái ả Tạ nàng Ban ; mắt phượng da ngà, xinh đẹp như tiên. Cửu-Muội từ khi bị bắt về sau, vẫn nương-tựa với một người nữ-quan-chức là Bách-Tường, ở trong một cái nữ-quán đất Quảng-tây. Khi ấy Bách-Tường làm việc coi-sóc trong quán, tính-chất rất hợp với Cửu-Muội, và thương Cửu-Muội là chất yếu-ớt, cho nên mấy thứ vẫn không đem Cửu-Muội ứng vào số tuyển làm nữ-ba-thư, là vì Bách-tường có lòng làm ơn cho Cửu-Muội, giữ-gìn cho Cửu-Muội được trinh-khiết vậy. Chẳng bao lâu bị Đông-vương sai người trinh-thám, biết hết cả sự-tình Cửu-Muội biết chữ mà Bách-Tường ẩn nặc, Đông-vương mới giả-thác là ý đức Thượng-đế sai Cửu-Muội làm chức nữ-ba-thư, để thần-kỳ cho việc dùng Cửu-Muội vào cung-phủ. Tức-khắc truyền cho các

người phụ-nữ trong nữ-quân, hết thảy đều phải vào trong vương-phủ lạy qui. Đông-vương mới ra lệnh cưỡng-bách Cửu-Muội sung vào làm chức ba-thư. Cửu-Muội tỏ lời chẳng ưng-thuận. Đông-vương hỏi rằng :

— Mày biết chữ không ?

Cửu Muội đáp

— Con gái quê-kệch trong chốn hương-thôn, còn ai là người biết chữ, thiếp tôi không biết chữ.

Đông-vương lại hỏi rằng :

— Tên quân-trưởng là Bách-Tường cớ sao ăn-nặc mày ?

Cửu-Muội đáp :

— Trong quân còn có nhiều người, Bách-Tường đều coi sóc cả, sao lại bảo rằng Bách-Tường ăn-nặc một mình tôi.

Đông-vương lấy làm cả giận, liền đem Bách-Tường ra hỏi, thì Bách Tường ứng đối cũng như lời Cửu-Muội. Đông-vương lại càng ngờ rằng hai người tất có đồng-ý với nhau, mới phát-nộ đùng-đùng, liền sai đem Bách-Tường ra khoét mắt cắt vú, lại mổ quả tim rồi mới đem bêu đầu. Đông-vương bảo cho chúng hay rằng ấy là đức Thượng để trách phạt đấy, chẳng như thế chẳng đủ răn kẻ khác. Chao ôi ! Bọn Hồng-Dương hành-vi như vậy, sau này quân tan nước mất, tưởng cũng chẳng phải là ngẫu-nhiên.

Từ đấy Cửu-Muội phải lưu lại ở trong cung Đông-vương làm chức nữ-ba-thư thay chân Phó Thiện-Tường ngày trước được hơn một tháng. Cửu-Muội sợ rằng mình có một thân, không ai là người che-chở, ở lâu tất có ngày bị ô-nhục, đã toan tính đường tự-tận, song lại nói rằng :

— Trong buổi phong-trần, kẻ che chở cho ta tức là kẻ ân-nhân của ta. Kẻ giết ân-nhân của ta, tức là kẻ cừu-thù của ta. Vậy thời thù ta phải trả, ân ta phải đền. Thương ôi ! Chị Bách-Tường ! Thực là vì ta mà chết, lại chết một cách thảm vô-nhân-lý như vậy. Nay ta chỉ chết không mà thôi cũng vô-ích, chi bằng ta báo thù cho ân-nhân ta đã, rồi ta sẽ đi tìm ân-nhân ở dưới suối vàng cũng chửa muộn gì.

Cửu-Muội mới giả-cách tỏ lòng chiều chuộng Đông-vương, rất được Đông-vương tin yêu, thường khen Cửu Muội là người nữ-hiệu-thư rất đắc-lực, chẳng kém gì Phó Thiện-Tường ngày trước, hứa rằng cũng sẽ ra cho cái huy-hiệu nữ-trạng-nguyên, không ngờ Cửu-Muội có ý gì hết thảy. Nhưng Đông-vương đã mấy phen tỏ ý phong-tình với Cửu-Muội, đều bị Cửu-Muội lấy lời nghiêm-chỉnh cự-tuyệt, nhưng Đông-vương vẫn không đổi lòng yêu.

Một phen Cửu-Muội âm-kết với một đứa nữ-tì ở trong cung, toan bỏ thuốc độc để sát-hại Đông-vương, nhưng sự ấy chửa thực-hiện, mà cái mưu kia đã phát-lộ. Người nữ-tì bị giết, Cửu-Muội bị bỏ ngục. Sau Đông-vương lại tiếc Cửu-Muội là kẻ có tài và có sắc hơn người, lại tha ra cho làm nữ-ba thư như cũ. Nhưng từ đấy về sau Đông-vương để ý quan phòng nghiêm-nhặt lắm. Cửu-Muội biết rằng cái chí của mình chẳng thành, mới uống thuốc độc mà chết, không cầu-thả mà sống dơ. Đàn bà như Cửu Muội thực cũng là ít có. Than ôi ! Liệt-nữ thay !

V

Bản án công bằng

Người đàn ở ít Kinh-khẩu là Dương Đình Vũ có người con gái tên là Lan-Khuê, đã nhận lời gả cho một người ở đất Cô-tô là Tống Bá-Nhân, sắp-sửa cưới thì Tống Bá-Nhân chợt có bạo-bệnh mà chết. Lan-Khuê nghe tin ấy, rất lấy làm đau-đớn, thương cho cái thân-phận đã lỡ-làng, ngày đêm ủ-dột, hàng lệ hằng tuôn. Người cha tuổi đã già, có bệnh kịch mới khỏi, trông thấy cái thảm-trạng của con gái như vậy, bệnh cũ lại phát, chẳng bao

lâu mà chết. Lan-Khuê từ đấy vò-võ ở một mình, lênh-đênh không biết nương-tựa vào đâu, cái xuống trông lên, đủ đường đau xót, sớm chiều dòng huyết-lệ, khăn trắng nhuộm mầu hồng.

Bên láng-diềng có một bà lão sang khuyên Lan Khuê rằng :

— Cô cứ để tang-tóc cụ cho xong, rồi cô đi lấy người khác. Chàng Tống ấy chết đã có chàng Tống khác, thiên-hạ chẳng thiếu chi người. « Ông chết thì thiệt thân ông, chị em sắp sửa lấy chồng nay mai », cô ạ

Lan-Khuê gạt đi mắng ngay rằng :

— Bà là người điên đấy ư ? Sao nói ra những lời tệ-bạc như vậy. Tôi với bà còn có nghĩa lân-lý ra vào, thân-thế tôi sau này cũng chưa biết ra sao, bà đối với tôi cũng không thiến gì lời khuyên giải. Từ rầy bà đừng thở ra những lời ấy nữa, vì những lời ấy không thể lọt vào tai tôi được.

Bà lão lấy làm hờn giận đi về, liền mưu với một đứa vô-lại là Trương Tam, bảo nó rằng :

— Chàng góa vợ mà nhà nghèo, muốn tính sự nối đường gia-thất chẳng cũng khó lắm ru ! Nay có một người vợ thật là tuyệt-diễm, có thể chẳng tốn-phí một đồng mà được, chàng có muốn không ?

Trương Tam lấy làm mừng-rỡ nói rằng :

— Vậy ư ? Người ấy ở đâu ? Tôi muốn được lắm.

Bà lão kia nguyên đã không có lòng tốt gì với Lan-Khuê, mà cũng chẳng có lòng tốt gì với Trương Tam, chẳng qua muốn diễn ra một tấn thảm-kịch để hả cho cái lòng độc của mình đấy thôi. Cho nên mới nói dối Trương Tam rằng :

— Người con gái họ Dương ở bên láng-diềng tôi, nó thường bảo với tôi rằng : « Chàng Trương Tam là người thực-thà mộc-mạc, tôi có thể đem thân gửi về chàng ấy được. »

Bà lão nói chưa dứt lời, Trương Tam đã nhảy lên mà rằng :

— Có thật thế không ? À ! Thế ra người con gái ấy đã từng đem lòng sóng thu liếc ta từ bao giờ, mà ta xuýt nữa phụ bạc cái thâm-tình của người ấy.

Trương Tam vốn là đồ ngu-ngốc, nghe sự tức-hành Ngay đêm hôm ấy, thình-lình đi thẳng vào nhà Lan-Khuê ở. Lan-Khuê thấy Trương Tam, kinh-hãi khôn xiết, thét lên hỏi rằng :

— Đêm khuya vô-cố vào nhà người ta, ý muốn làm sự gì ?

Trương Tam tỏ ra ý hiền-lành, cười dịu mà rằng :

— Cô đừng giả-cách ngủ mê làm gì thế. Tối nay tôi sẽ làm hả được tấm lòng khao-khát bấy lâu của cô.

Trương Tam nói xong liền nắm lấy Lan-Khuê, kéo vào lòng mà giữ chặt lấy. Lan-Khuê sợ-hãi lên tiếng cả kêu. Trương Tam lấy tay bưng miệng Lan-Khuê, và toan thi-hành cái thủ-đoạn cường-bạo. Lan-Khuê bấy giờ đã nguy-hiểm đến cực, cái trí khôn-ngoan bỗng sinh ra. Nàng liền nín đi không kêu nữa, mà hỏi Trương Tam rằng :

— Chàng đến đây là ai, nói cho tôi biết họ biết tên kẻo nữa đêm hôm tôi chưa rõ mặt người.

Trương Tam đáp rằng :

— Tôi là Trương Tam đây.

Lan-Khuê giả-cách nói rằng :

— Khốn nỗi ! Anh Trương Tam đấy ư ? Tưởng là ai, chứ anh Trương Tam thì tôi khao-khát anh đã lâu. Anh cứ thung-dung ngồi đây, để tôi đi thắp lửa đốt đèn, rồi trên có trời dưới có đất, giữa có bóng đèn đôi ta sẽ thệ-nguyện về sự trăm năm, chứ việc gì phải làm sự cưỡng-bách như vậy.

Trương Tam cả mừng, buông Lan-Khuê ra và lấy tay vỗ-về yên-ủi, rồi ngồi yên ở góc giường, Lan-Khuê trở ra lấy một con dao, thừa lúc vô-ý chém Trương Tam một nhát, Trương Tam ngã gục xuống đất. Nhưng cũng còn may cho

Trương Tam, người thì không chết, chỉ một cánh tay là đời hẳn thân-thể ra mà thôi. Kịp khi xung-quanh hàng xóm nghe nhà Lan-Khuê có những tiếng dị-thường, ai nấy đều chạy lại, hỏi Lan biết sự đầu đuôi, mới đem sự ấy báo lên quan địa-phương. Quan địa-phương về tận nơi xét-nghiệm, quan than khen Lan-Khuê là người trinh-nữ và thương là cô-độc vô-y, mới đem về nuôi nhận làm nghĩa-nữ. Còn tên Trương Tam thì cái vạ do mình gây nên, không còn bắt điều gì nữa, đuổi cho về, mà tự mình phải đem cánh tay của mình mai-táng đi, cũng đủ trừng giới, rồi trọng-trị bà lão láng-diềng về tội dụng-tâm gây nên sự độc-ác. Án ấy truyền-bố ra, nhân-dân ai nấy đều xưng-tụng là công-bằng và ngợi khen Lan-Khuê là người trinh-tiết.

TÙNG-VÂN *biên-dịch*

VĂN-UYỂN

Đêm ba mươi tết mong sáng

Đông qua xuân tới về giao-thừa,
Thần-thức mong trời đồi sáng chưa ;
Rới-rở hương đèn giong đã khắp,
Dềnh-dàng chuông-trống điểm còn thưa;
Chim vui cảnh chúa đêm đêm tết,
Hoa tẩm ơn trời giọt giọt mưa ;
Hăm-sáu tuổi đầu thân-thế đó,
Mùi đời quen nếm lại thêm ưa.

Ngày xuân xem hoa

Lêu-lổng ngày xuân cái tính ngông,
Yêu hoa hoa có thấu tình không ?
Thiều-quang chín chục thoi đưa én,
Cảnh-tượng nghìn muôn tia lẫn hồng ;
Vị tầm nguồn đào cơn thụy-khí,
Hương đưa thềm quế ngọn đông-phong;
Còn nhiều kết-quả khi đầy-đủ,
Lọ phải trò chơi thưởng-thức chung.

Tiết thượng-nguyên ở Phương-thành

Ngày 15 tháng giêng gọi là tiết thượng-nguyên, xã Quần-phương theo cổ-tục các họ lễ các tiên-tổ, người đi xe kẻ đi thuyền, xô nhau đến cửa từ-đường, cái phong-trào hiếu-hữu xem còn bành-trướng ở chốn hải-tẫn. Vì vậy cảm-hứng nên thơ, gọi chút tiêu-khiển.

Xuân qua đôi bảy bóng trăng tròn,
Thần-thức Phương-thành tiết thượng-nguyên ;
Hương lửa thơm-tho nên tổ-miếu,
Xe thuyền tới-tấp về cô-thôn ;
Thói nhà văn-vật nay thêm rạng,
Tục nước hoa-nghi cũ vẫn còn ;
Xum-họp anh em người một họ,
Hiếu-từ chung đúc mảnh lòng son.

Vịnh Ngô Tam-quế

Ngô Tam-Quế 吳三桂 tên là Trường-Bạch 長白, cha là Ngô Tương 吳相 làm vũ-tướng triều Minh. Gặp lúc Lý Sấm 李闖 nổi loạn, chạy sang Mãn-châu 滿洲 mượn quân khôi-phục, chúa Mãn bắt phải gióc tóc theo Mãn-tục làm tin. Kịp lúc quân Lý đã tan, quân Mãn lại đóng, thiên-hạ chê Tam-Quế là « rước voi về giày mồ ». Sự-tích này chép rõ trong cuốn tiểu-thuyết « Nhất nộ vị hồng-nhan », bản-báo đã dịch đăng từ số 131.

Cũng muốn như ai tiếng để đời,
Nào ngờ « cay » quá Quế-lang ơi !
Khua lần gió-bụi con gươm nhẹ,
Rước lũ cầy-beo chiếc gỗ vơi ;
Non-nước triều Minh đem cuốc tủi,
Cỏ-hoa vườn Lý sớm ong cười ;
Nhiệt-thành muốn giải gì cho tỏ,
Ngất-ngưởng đầu xưa gióc cái đuôi !

Chơi chùa Phúc-lâm

(Ở xã Quãn-phương-Thượng)

Miễu

Hỏi từ Hồng-Thuận khi xưa,
Phúc-lâm mở cảnh bây giờ là đây.
Có tháp đá, có am mây,
Trúc beo mõ sớm, mai gầy chuông khuya.

Hát nói

Không-không sắc-sắc, cảnh tư-bi náo-nức khắp nơi nơi; dầy song hồ thư-thả rốn lên chơi, nào hồ sâu giếng thẳm, nào tháp dựng am phơi, bầu thế-giới đầy vơi trong nửa túi. Miền Nam-hải chùa Phúc-lâm đây có phải? Nước non nhà ở mơi-mải nước non ai! Chén thiền-trà nhấp vị lão-mai, việc vũ-trụ một hai chi có khẩn. Nhớ câu rằng:

Nhập-định hữu tăng giai Phật ấn (1);
入定有僧皆佛印。
Tham-thiền vô khách bất Đông-Pha.
參禪無客不東坡。

Mười hai nguyền phúc đẳng hà sa, đường phương-tiện dần-dà theo cõi Phật. Hồi đầu lại niềm trần còn chứa-chất, giấc nam-kha phảng-phất lại hoàng-lương. Chuông ai trong lúc canh trường!

NHÂN VÂN-ĐÌNH

Gửi bạn phương Nam

Xuân thu khéo dệt mối tơ sầu,
Nam Bắc sầu vương gặp-gỡ nhau;
Viện sách buồng thêu hai giọt lệ,
Đoạn-trường dan-díu khách qua cầu...

Qua cầu chẳng biết đoạn-trường nhau,
Mỗi độ thương-tâm mỗi độ đau;
Chăn gối ba sinh dầu đổi mới,
Khôn đem tình trước nối duyên sau.

Nối được duyên sau chẳng nối lòng,
Tơ thừa chỉ lỗi chắp cho xong;
Chỉ tơ tơ chỉ trăm vòng rối,
Chắp nối giây loan kết giải đồng.

Giải đồng hờ hững tủi ba sinh,
Lỏng buộc đời nhau chẳng buộc tình;
Đôi dẫu đủ đôi lòng vẫn lẻ,
Trăm năm mình nghĩ cảm thương mình.

Thương mình xấu số hạt mưa rào,
Châu-lệ phôi-pha tủi mà đào;
Mòn mỏi ngày xanh hao nước mắt,
Khóc duyên thôi lại khóc chiêm-bao!

Chiêm bao tỉnh giấc não canh tàn,
Bừng mắt tay không lệ chứa-chan;
Mộng-sự chân-thân ngao-ngán nhẽ,
Bất-bình còn để hận muôn vàn!...

Muôn vàn hận-mộng chín sai mười!
Tình cuộc trăm năm dở khóc cười;
Cay đắng còn duyên hai giọt lệ,
Mực hòa nước mắt dãi nên lời.

Lời nhắn nhe ai khách đoạn-trường,
Thương-tâm một lứa bạn văn-chương;
Yêu nhau trao đổi vần cùng lệ,
Duyên buổi tà-huân đuổi bóng dương.

Đuổi bóng dương tà gặp-gỡ đây,
Mối duyên tao-tế khách đông tây;
Cánh hồng tin nhạn trời nam bắc,
Nghìn dặm mơ-màng bạn nước mây.

Mây nước bâng-khuâng xiết nỗi sầu,
Tình riêng vơ-vẩn vẩn-vơ đâu;
Song sa ngắm cảnh phương trời thẳm,
Nhạn hỡi về Nam nhắn mấy câu...

HÀN-THANH

---

(1) Nguyên câu đối cũ nhà chùa, sách *Tốn-tề nhàn-lãm* 遜齊閒覽 chép: Sư cụ Phật-Ấn tu ở chùa Kim-sơn, ông Đông-Pha tới chơi, sư cụ hỏi: «Chúng tôi là kẻ vô-trụ, quan Hàn ở đâu chiếu-cố lại chơi». Ông Đông-Pha tiếng hay chữ mà mộ Phật, trả lời bỡn rằng: «Kẻ tiểu-nhân đây muốn mượn cảnh «tứ-đại» 四大 của Hòa-thượng để làm thiền-giới».

DỊCH CỔ-VĂN

Tử-Tự, Tử-Dư, Tử-Lê, và Tử-Lai làm bạn với nhau

(Nguyên-văn của Trang-Chu đời Chiến-quốc)

Thầy Tử-Tự, Tử-Dư, Tử-Lê, và Tử-Lai, bốn người cùng nói với nhau rằng :

— Ai có thể cho cái « không » làm đầu, cho sự « sống » làm xương sống, cho sự « chết » làm xương cụt ? (1) Ai biết được cái lẽ sự « chết » sự « sống » sự « còn » sự « mất » là một thể với nhau, ta sẽ cùng người ấy làm bạn vậy.

Bốn người trông nhau mà cười, chẳng trái tâm-ý nhau, mới cùng nhau làm bạn.

Chợt Tử-Dư có bệnh, Tử-Tự đến thăm, Tử-Dư nói rằng :

— Kỳ thay ! Ôi ông Tạo-vật kia toan đem ta làm trò câu-thúc thế này vậy ! Tôi mới phát bệnh còng lưng, trên lưng gồ lên năm chỗ như năm cái ống quản, mép ẩn xuống rốn vai cao hơn trán, tóc gáy trỏ ngược lên trời. Tôi xét ra, không phải tôi làm ra cái bệnh ấy, mà vì cái khí âm-dương của tạo-hóa trái-ngược chẳng hòa. Song-le tâm tôi vẫn nhàn, coi như vô-sự, tuyệt-nhiên chẳng để ý gì. Một hôm tôi thủng-thỉnh ra soi cái hình tôi ở bờ giếng, tôi thấy cái hình tôi nó khác với người thường, tôi có than rằng : « Ôi ông Tạo-vật kia ! lại toan đem ta làm trò câu-thúc thế này vậy ! »

Tử-Tự lấy làm hơi trái tai, trách rằng :

— Thế thì bác ghét cái bệnh của bác đấy a ?

Tử-Dư đáp :

— Không ! Tôi có ghét gì cái bệnh tôi. Vì khiến ông Tạo-vật biến-hóa cánh tay tả tôi làm loài gà, tôi sẽ nhân sự biến hóa đó mà gáy lên để cầu lấy thời-khắc ban đêm. Vì khiến ông Tạo-vật biến-hóa cánh tay hữu tôi làm hòn đạn, tôi sẽ nhân sự biến-hóa đó mà bắn ra để cầu lấy vị chả ngon ở chim hào. Vì khiến ông Tạo-vật biến-hóa xương cụt tôi làm bánh xe, tinh-thần tôi làm con ngựa, tôi sẽ nhân sự biến-hóa đó cưỡi ngay cái xe ấy, lọ là phải đổi xe khác thay ! Vả chăng, này người ta ở đời, sự được hưởng đó, là có thời-kỳ mà thôi, sự thiệt mất đó, là thuận lẽ vậy. Yên về thời-kỳ mà xử về lẽ thuận, thì cái buồn cái vui nó chẳng vào được trong tâm ; ấy đời xưa gọi là phép giáng-buộc mà gỡ-cởi. Nếu gặp cái cảnh ngoài nó giáng-buộc mà tự mình chẳng biết tìm chân-lý để gỡ-cởi thì vật ngoài nó kết chặt lấy mình. Vả lại, này muôn vật chẳng chiến-thắng nổi ông trời đã lâu, tôi lại ghét gì cái bệnh tôi vậy.

Chợt Tử-Lai có bệnh, thở hồn-hển sắp-sửa chết, vợ con xúm chung-quanh mà khóc, Tử-Lê đến thăm, thét rằng :

— Tránh ra ! Chớ làm đau-đớn kẻ sắp-sửa hóa !

Rồi Tử-Lê dựa vào Tử-Lai mà nói rằng :

— Kỳ thay ! Ông Tạo-hóa kia lại toan biến hóa bác ra làm cái vật gì ? Toan biến-hóa bác đi vào chốn nào ? Toan đem bác làm buồng gan con chuột đấy chăng ? Đem bác làm cánh tay con trùng đấy chăng ? (2)

Tử-Lai nói :

— Phàm con đối với cha mẹ, đông tây nam bắc chẳng cứ phương nào, chỉ theo mệnh-lệnh cha mẹ mà thôi. Khí âm khí dương đối với loài người, khác nào như cha mẹ. Ông Tạo-hóa kia

---

(1) Xương cụt = Khúc xương sống cuối cùng.

(2) Tay chuột, gan trùng = Chuột vốn không gan, trùng vốn không tay, là trỏ về chốn *không*.

cho ta gần về cõi chết, mà ta lại chẳng nghe mệnh-lệnh thì là ta càn-dỡ, chứ ông Tạo-hóa kia có tội-lỗi gì. Ôi! Khối Vũ-trụ lớn-lao kia, che-chở cho ta bằng cái hình, làm nhọc ta bằng cái sống, cho ta nhàn bằng cái già, cho ta nghỉ bằng cái chết, cho nên thuận-lợi cho ta về đường sống đó, ấy là thuận-lợi cho ta về đường chết vậy. Nay vì như người thợ cả đúc vàng, cục vàng nhảy-nhót lên cãi nhau với thợ mà rằng: « Ta tất làm thanh gươm Mạc-gia! (1) », người thợ cả tất cho là cục vàng quái-gở. Nay đã phạm vào cái hình-thể làm người, mà nói rằng: « Ta cứ làm người mãi mãi! Làm người mãi mãi! » thì tất ông Tạo hóa kia cũng cho là con người quái-gở. Nay nhất-thiết cho bầu trời đất là cái lò lớn, cho ông Tạo-hóa là người thợ cả thì đi đâu mà chẳng nên thay!

Người ta sống là giấc ngủ, chết là thức dậy, đều thuận về lẽ tự-nhiên; giấc ngủ không hề chiêm-bao, thức dậy không hề tri-giác.

.˙.

Lời bình của Lâm Tây-Trọng — *bảy là thầy Trang-Chu kết-liễu cái chân-lý sự sống sự chết cho người đời hay, mà đem chuyện bốn người để chứng-giải. Trong văn cốt ở về câu: « Sống chết còn mất là một thể. » Song-le sự sống sự chết sự còn sự mất đều gốc ở sự không, cho nên bắt đầu nói rằng: « Lấy cái « không » làm đầu. » Nghĩa là cái không đã là cái đầu, thì sự sống sự còn chẳng qua là xương sống thừa-tiếp cái đầu mà thành có; sự chết sự mất cũng chẳng qua là cái xương cụt thừa-tiếp cái xương sống mà lại chuyển về chốn không.*

Tử-Dư sống mà có bệnh, tự người thường xem ra, thì cái bệnh ấy bằng dường khá ghét, mà cái sống ấy bằng dường khá buồn, duy Tử-Dư đã lấy cái không làm tôn-chỉ, thì không kể cái bệnh, mà cũng không kể cả cái sống nữa.

Tử-Lai có bệnh mà gần chết, tự người thường xem ra, thì cái bệnh ấy bằng dường khá lo, mà cái chết ấy bằng dường khá thương, duy Tử-Lai đã lấy cái không làm tôn-chỉ, thì không kể cái bệnh, mà cũng không kể cả cái chết nữa. Nhất-thiết giao-phó cho ông Tạo-hóa. Nghĩ cho kỹ ra Tạo-hóa là gì? Chẳng qua là cái chân-lý đấy mà thôi.

Thật là tuyệt-phẩm nghị-luận, mà đoạn văn lại kỳ-ảo tinh-diệu, thật là tuyệt-phẩm văn-chương.

TÙNG-VĂN *dịch*

(1) Mạc-gia = Tên thanh gươm báu ngày xưa.

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự-ký

(Từ mồng 1 đến 29 tháng 2 năm 1932)

Ngày mồng 1 tháng 2 năm 1932.— *Ở Thượng-hải vì có tuyên-bố đình chiến nên tình-hình không thay đổi, nhưng quân Nhật vẫn ném trái phá vào Nam-kinh. Còn ở Hội Vạn-quốc thời đại-sứ Mĩ ở* Suisse *báo cho Hội biết rằng nước Mĩ không tham-dự vào ban ủy-viên điều-tra lập ra ở Thượng-hải, nhưng sẽ sẵn lòng giúp cho ban ấy trong việc sưu-tập các tin tức. Ở* Washington *thời đại-lý tòa sứ Pháp là* Jules Henry *đến thăm quan Ngoại-vụ Mĩ* Stimson *để phản-đối cái tin đồn rằng nước Pháp có mật-ước với Nhật để cho nước ấy được tự-do hành-động ở tô-giới công-cộng tại Thượng-hải.*

Ngày mồng 2.— *Ở* Genève *khai hội-nghị tài-binh, nguyên ngoại-tướng Anh* Henderson *làm chủ-tịch, đọc bài diễn-thuyết khai hội.*

—*Hội-đồng Hội Vạn-quốc xét về việc Trung-Nhật xung-đột, định yêu cầu với hai Chính-phủ Nam-kinh và Bông-kinh nên đình-chỉ việc đánh nhau, và bắt đầu điều-đình thương thuyết với nhau theo như tôn chỉ hiệp-ước* Paris *cùng lời quyết-định của Hội-đồng ngày 9* Décembre *mới rồi.*

— *Ban ủy-viên các lãnh-sự ở Thượng-hải họp hội-đồng. Các quan-viên Nhật không bằng lòng đặt một miền trung lập.*

Ngày mồng 3.—*Ban Tài-chính Nghị-viện Pháp xét xong sổ dự-toán năm nay, quân-bình là bên chi 41.090 triệu, bên thu 41.104 triệu phật-lăng.*

— *Quân Nhật chiếm các pháo-đài của Tàu ở Ngô-tùng* (Woosung). *Các đại-sứ Pháp, Anh, Mĩ ở* Tokyo *cùng nhau đến thăm quan ngoại-vụ* Yoshizawa *để bày tỏ ý-kiến của các chính-phủ mình. Ông* Yoshizawa *tuyên-bố cho người thông-tin của báo* Times *rằng người Nhật trong vấn-đề Mãn-châu là có một cái mục-đích nhất-định, chứ còn ở Thượng-hải thì không chủ mưu gì cả, chỉ vì người Tàu khởi-hấn nên phải đối-phó lại mà thôi.*

Ngày mồng 4.— *Ở Hạp-bắc* (Chapei) *quân Nhật và quân Tàu lại đánh nhau. Liệt-cường bàn năm điều để giải-quyết việc chiến-tranh, chính-phủ Nhật không chịu ba điều.*

— *Ở Nghị-viện Anh, quan Tài-chính* Neville Chamberlain *trình bày cái chương-trình bảo-hộ mậu-dịch* (programme protectionniste) *cùng các giá-biểu thuế thương-chánh để bắt đầu thi-hành từ mồng 1 tháng 3 này.*

— *Ông* Mellon *nhận chức đại-sứ Mĩ ở* Londres.

Ngày mồng 5.— *Ở Hội-nghị tài-binh, ông* Tardieu *là chánh đại-biểu nước Pháp, trình bày một bản dự-án của nước Pháp về cách thực-hành việc tài-binh và việc bảo-an. Nước Pháp bàn với liệt-cường nên đem cả các đội tầu bay, và mấy thứ quân-bị về lục-quân cùng hải-quân, để lập thành một quân quốc-tế của Hội Vạn-quốc, lâm-thời có thể dùng làm một quân-lực để đàn-áp hay để chính-phạt.*

— *Tàu với Nhật vẫn đánh nhau ở Hạp-bắc. Nhật định đem thêm một vạn quân cứu-viện nữa. Ở Mãn-châu thì*

quân Nhật tiến vào Kharbine (*Cáp-nhĩ-tân*).

Ngày mồng 6. — *Đảng « Cộng-hòa liên-đảng »* (Fédération républicaine) *họp hội-nghị. Ông* LOUIS MARIN *được bầu làm chủ-tịch.*

— *Chính-phủ Nhật tuyên-bố rằng việc Mãn-châu với việc Thượng-hải khác nhau, không có liên-can gì cả.*

— *Ở* Calcutta, *một người nữ-học-sinh Ấn-độ tên là* BINADAS *bắn vào* SIR STANLEY JACKSON *là thống-đốc hạt* Bengale, *nhưng không trúng.*

— *Chính-phủ* Lithuanie *tống bắt viên chủ-tịch hạt* Memel *là* BŒTTCHER *bị cáo tư-thông với nước Đức.*

Ngày mồng 7. — *Quan năm* VUILLEMIN *và nhà phi-hành* POULAIN, *tìm được đội phi hành* REGINENSI *bị lạc ở giữa sa-mạc* Sahara.

— *Chính-phủ Đức kháng nghị với Hội Vạn-quốc về việc nước* Lithuanie *bắt ông* BŒTTCHER

— *Chính phủ Nhật đệ tờ thông-điệp cho Hội Vạn-quốc nói rõ vì cớ sao phải đem thêm quân cứu-viện sang Thượng-hải.*

Ngày mồng 8. — *Ông* DIAGNE *thứ-trưởng bộ Thuộc-địa Pháp, sắp đi sang thuộc-địa Tây Phi-châu (A. O. F.) để xét về việc chấn-chỉnh chính-trị cùng thương-nghiệp của thuộc-địa đó.*

— *Ở Hội-nghị tài-binh,* SIR JOHN SIMON *trình bày cái thuyết của Chính-phủ Anh nói việc tài-binh là phải định một cái suất-số tối cao, không quân-bị nước nào được quá số đó. Ông* TARDIEU *lại thuyết-minh thêm về cái dự-án của nước Pháp, nói muốn tài-binh thì phải có phương-cách ép các nước phải giảm quân-bị, muốn ép như vậy thì Hội Vạn-quốc phải có đủ sức mạnh mới làm được, sức mạnh đó chính là một đội quân quốc-tế để lâm-thời đàn-áp và trừng-phạt những nước nào hành-động sai phép quốc-tế.*

— *Ở Thượng-hải xem ra việc chiến-tranh hơi có ngớt. Ban điều-tra của các lãnh-sự họp ở Thượng-hải, đã làm xong tờ báo-cáo thứ nhất trình cho Hội Vạn-quốc. Nghe đâu Chính-phủ Nhật muốn bàn với liệt-cường yêu-cầu chính-phủ Tàu triệt quân-bị ở trong một giới-tuyến quanh các phụ-đầu thông-thương với ngoại-quốc*

Ngày mồng 9. — *Nghị-viên Pháp* MOUTET *muốn chất-vấn Chính-phủ về việc Trung-Nhật. Nghị-viện bác lời xin chất-vấn đó bằng 300 phiếu đối với 267 phiếu.*

— *Ở Hội-nghị tài-binh ông* GIBSON *bày cái thuyết của nước Mĩ, đại-khái xin khuếch trương các hiệp-ước* Washington *và* Londres, *bỏ hẳn tàu ngầm và các khí độc. Thủ-tướng Đức* BRÜNING *cũng trình bày cái thuyết của nước Đức, yêu-cầu phải « tuyệt-đối bãi binh và hoàn-toàn bình-đẳng »* (un désarmement radical sur la base d'une parfaite égalité).

— *Bộ Hải-quân Ý đặt hai chiếc tuần-dương-hạm mới theo kiểu chiếc* Condottieri.

Ngày mồng 10. — *Ở Hội-nghị tài-binh, ông* GRANDI *bày cái thuyết của nước Ý, xin quyền lợi của các nước phải cho bình-đẳng với nhau, và số quân-bị hạ xuống rất thấp. Ông* MATSUDEIRA *bày cái thuyết của nước Nhật, nói việc Nhật-bản lời-thôi với Tàu là một việc vạn bất-đắc-dĩ, chứ nước Nhật thủy-chung vẫn ưng cái chủ nghĩa tài-binh cho vấn-đề tài-binh với vấn-đề bảo-an* (sécurité) *là có mật-thiết với nhau, và chính-sách bảo-an của mỗi nước là phải tùy cái tình-thế riêng của nước ấy. Ông* ZALESKI, *thay mặt nước Ba-lan* (Pologne), *biểu-đồng-tình với cái thuyết của nước Pháp.*

Ngày 11. — *Hai chính-phủ Pháp và Anh thương-lượng với nhau về vấn-đề bồi-thường* (réparations) *để đến tháng 6 họp hội-nghị* Lausanne.

— *Ở Hội-nghị tài-binh, ông* Hymans *tuyên-bố ý-kiến của nước Tỉ* (Belgique), *nói phải nên bằng-cứ ở điều thứ 8 hiệp-ước Hội Vạn-quốc, còn về phần riêng nước Tỉ thì cần phải có cách đảm-bảo cho chắc-chắn. Ông* Litvinof *thay mặt nước Tô-Nga, bác cái thuyết của nước Pháp và yêu-cầu hoàn-toàn bãi-binh.*

— *Thủ-tướng Ý* Mussolini *yết-kiến Giáo-hoàng tại cung* Vatican, *thế là liễu-kết việc xung-đột chính-phủ Ý với chính-phủ Giáo-hoàng. Yết Giáo-hoàng rồi, thủ-tướng thăm giáo-chủ* (cardinal) Pacelli, *là quốc-vụ-khanh của Giáo-hoàng. Giáo-chủ lại đến thăm thủ-tướng để đáp lễ lại.*

Ngày 12.— *Nghị-viện Pháp quyết-nghị về luật sửa đổi lại phép bầu-cử. Buổi họp lâu đến 22 giờ đồng-hồ, do các đảng phản-đối chính-phủ hết sức công-kích mà bị thua cả. Sau, dự-án của chính-phủ định bỏ kỳ đầu-phiếu thứ nhì, cưỡng-bách việc đầu phiếu, cho đàn bà được quyền bầu-cử và ứng-cử, được 322 phiếu đối với 4 phiếu (đảng phản-đối không bỏ phiếu). Xướng lên quyền bầu-cử của đàn bà là nghị-viên* De Monzie. *Nghị-viện Pháp sau này sẽ có 613 nghị-viên. Hai ông* Malvy *là chủ-tịch và* Lamoureux *là tổng-ủy-viên ban tài-chính xin từ-chức.*

— *Ở Hội tài-binh, ba ông* Zalueta, Benès *và* Munch *trình bày ý-kiến của ba nước* Espagne, Tchécoslovaquie *và* Danemark, *đại-khái cũng giống với cái thuyết nước Pháp.*

— *Chính-phủ Tàu tố-cáo trước Hội Vạn-quốc về việc xung-đột với nước Nhật, chiếu theo điều thứ 15 trong hiệp-ước Hội Vạn-quốc.*

— *Theo lời thỉnh cầu của ông cố đạo* Jacquinot, *quân Nhật và quân Tàu định đình-chiến mấy giờ để cho các nạn-dân ở Hạp-bắc chạy trốn ra ngoài.*

Ngày 13.— *Ông* Von Bülow *đại-biểu nước Đức và* Zaunius *đại-biểu nước* Lithuanie, *trình bày trước Hội Vạn-quốc về việc* Memel. *Đại-biểu nước* Norvège *được cử làm ủy-viên để làm tờ báo-cáo về việc đó.*

— *Ở Hội tài-binh, ông* Perley *thay mặt nước* Canada, Zanina *thay mặt nước* Lettonie, *bá-tước* Apponyi *thay mặt nước* Hongrie, *và Nhan Huệ Khanh* (Yen) *thay mặt nước Tàu, bày tỏ ý-kiến của các Chính-phủ mình.*

Ngày 14.— *Có tin Thượng-nghị-viện Pháp phản-đối cái dự-án của chính-phủ về việc sửa đổi phép bầu-cử đã được phần đa-số Hạ-nghị-viện quyết-nghị bữa trước.*

— *Ở Hội Vạn-quốc xét về việc* Memel. *Ban điều-tra ở Thượng-hải đệ bản báo-cáo thứ nhì về Hội Vạn-quốc.*

Ngày 15.— *Ban trị-sự Hội Tài-binh, định đến cuối tuần lễ thì bế cuộc thảo-luận chung.*

— *Thống-chế* Hindenburg *tuyên-bố sẽ ra ứng-cử Giám-quốc Đức kỳ nữa. Lĩnh-tụ đảng quốc-gia là* Hugenberg *tỏ ý các đảng hữu sẽ hết sức công-kích sự ứng cử đó.*

Ngày 16.— *Thượng-nghị-viện* Peyronnet *muốn chất-vấn chính-phủ Pháp, chính-phủ xin hoãn đến ngày 26, Thượng-nghị-viện bác bằng 155 phiếu đối với 134; chính-phủ lại xin hoãn đến ngày 19, và đề-khởi vấn đề tín-nhiệm, Thượng-nghị-viện lại bác bằng 157 phiếu đối với 134. Nội-các* Laval *phải từ chức.*

— *Ở Hội Tài-binh, ông* Marinkovitch, *ngoại-vụ tổng-trưởng nước* Yougoslavie *cực-lực tán-trợ cái thuyết của chính-phủ Pháp. Nhân Nội-các* Laval *đổ, ba ông* Tardieu, Reynaud *và* Fabry *là đại-biểu Pháp ở Hội-nghị, đều phải gấp về* Paris.

— *Hội-nghị Hội Vạn-quốc gửi giấy «thân-thiện cảnh-cáo»* (avertissement

amical) cho chính-phủ Nhật can đừng làm trái hiệp-ước Hội về khoản tôn-trọng lãnh-thổ hoàn-toàn của các nước ký ước.

Ngày 17. — Giám-quốc DOUMER hỏi ý-kiến các chính-đảng để lập Nội-các mới. Xem ý các đảng đều muốn nghĩ cách châm-chước thế nào cho khỏi thành ra sự xung-đột Thượng Hạ-nghị-viện với nhau. Ông nghị FRANKLIN-BOUILLON thì xướng lên nên liên-hiệp cả các đảng, chỉ trừ đảng cộng-sản, để thi-hành một cái đại-chính-sách duy-quốc-gia.

— Ở Hội tái-binh, đại-biểu các nước Finlande, Esthonie, Uruguay và Roumanie tỏ bày ý-kiến cũng tương-tự như cái thuyết của nước Pháp. Đại-biểu nước Áo (Autriche) thì chủ-trương một cái thuyết giống như thuyết nước Đức.

— Nhân nước Tàu xin họp một kỳ đại-hội-đồng bất-thường Hội Vạn-quốc để xét về việc Trung-Nhật, Hội-nghị Hội Vạn-quốc đệ trình cho chủ-tịch là ông PAUL BONCOUR một bản công-văn nói rõ các lẽ về pháp-luật ngăn-trở việc triệu-tập hội-đồng đó.

Ngày 18. — Giám-quốc DOUMER cử ông PAUL PAINLEVÉ lập Nội-các mới. Trước đã định tổ-chức một Nội-các có cả hai ông LAVAL và TARDIEU, nhưng vì không đồng-ý nhau về bộ Nội-vụ nên để cho ai, nên không thành. Ông PAINLEVÉ lại định châm-chước cách khác.

— Ở Hội-nghị tái-binh, đại-biểu nước Đức NADOLNY đệ-trình một bản phản-dự-án (contre-projet) để đối lại bản dự-án của Pháp.

— Tướng Nhật UYEDA ở Thượng-hải thông-cáo cho các tướng thập-cửu lộ-quân của Tàu hạn cho từ nay đến chiều ngày 20 nếu không rút quân ra ngoài 20 cây số thì quân Nhật sẽ khởi tổng-công-kích.

Ngày 19. — Ông PAINLEVÉ định tổ-chức một Nội-các thiên về bên tả, nhưng xem ra không thành, ông phải từ nan, để quan Giám-quốc cử người khác.

— Hội-nghị Hội Vạn-quốc nghe đại-biểu nước Nhật và nước Tàu thảo-luận về cái tình-hình do tối-hậu-thư của Nhật đã gây ra ở Thượng-hải. Chủ-tịch PAUL BONCOUR diễn-thuyết rất cảm-động để cầu cho hai nước giảng-hòa với nhau. Rồi hội-nghị xét về lời thỉnh-cầu phân-minh của nước Tàu, quyết-nghị triệu-tập đại hội-đồng vào ngày mồng 3 tháng 3 sau này.

— Quân-quan Tàu không chịu nhận lời tối-hậu-thư của tướng Nhật UYEDA, hai bên lại đánh nhau.

— Phổ-Nghi (PU-YI) là vua Tuyên-thống cũ, được cử làm Tổng thống nước độc-lập Mãn-châu mới.

Ngày 20. — Quan Giám-quốc cử ông TARDIEU lập Nội-các mới, ông tổ-chức xong ngay. Nội-các này là Nội-các cầu-hòa (ministère de détente), gồm các đảng « Dân-chủ cấp-tiến liên-đảng » (Union démocratique et radicale) và « Dân-chủ Tả-đảng » (Gauche démocratique) ở Thượng-nghị-viện, các đảng « Cấp-tiến Tả-đảng » (Gauche radicale), và « Xã-hội Cấp-tiến Tả-đảng » (Gauche sociale et radicale) ở Hạ-nghị viện. Ông TARDIEU lĩnh bộ Ngoại-vụ, ông Thượng-nghị-viện ALBERT MAHIEU, lĩnh bộ Nội-vụ ; ba bộ Lục-quân, Hải-quân và Không-quân, gồm làm một gọi là « Bộ quốc-phòng » (Ministère de la Défense nationale), ông PIÉTRI kiêm-lĩnh tổng-trưởng, có hai chức thứ-trưởng giúp việc. Bộ Bưu-chính hiệp với bộ Thương-vụ, bộ Trợ-cấp (Pensions) hiệp với bộ « Các miền khôi phục » (Régions libérées). Ông PAUL REYNAUD, nguyên tổng trưởng Bộ Thuộc-địa, nay lĩnh bộ Tư Pháp, kiêm chức phó-thủ-tướng và kiêm kiểm-sát các công-cuộc hành-

chính (contrôle des administrations publiques). *Bộ Thuộc-địa thì ông* De Chappedelaine *lĩnh. Nguyên thủ-tướng* Laval *thì lĩnh bộ Lao-động kiêm-quản bộ coi việc hai châu* Alsace *và* Lorraine.

— *Ở Hội Tài-binh, nhân phái-bộ Pháp vắng, không có hoạt-động lắm. Hội-nghị nghe các đại-biểu Nam Phi-châu,* Chili *và* Lithuanie.

— *Ở Thượng-hải lại đánh nhau dữ; quân Tàu chống-cự lại giỏi lắm.*

— *Ở Nhật mở cuộc bầu-cử Nghị-viện.*

Ngày 21. — *Hội-nghị Hội Vạn-quốc tiếp được giấy trả lời của nước Nhật về việc tiếp-tục chiến-tranh ở Thượng-hải.*

— *Ông* Lebroux *là lãnh-tụ đảng Cấp-tiến ở* Espagne *đọc một bài diễn-thuyết rất quan-trọng, xét qua về khắp các vấn-đề chính-trị nước ấy.*

— *Ở* Irlande *(Ái nhĩ-lan) bầu-cử Nghị-viện, đảng phản-đối là đảng ông* De Valera *thắng, được 65 ghế đối với 49 ghế của đảng Chính-phủ.*

— *Cuộc tuyển-cử Nghị-viện ở Nhật thì đảng Chính-phủ là đảng* Seiyukai *(Chính-hữu hội) đại-thắng đảng phản-đối là đảng* Minseito *(Dân-chính-đảng).*

Ngày 22. — *Ở Hội Tài-binh, phái-bộ Nhật đệ-trình một bản dự-án.*

— *Ở Đức, lãnh-tụ đảng quốc-gia xã-hội* (Nazi) *là* Hitler *công-nhiên ra ứng-cử Giám-quốc, phản-đối với Thống-chế* Hindenburg. *Đảng quốc-gia của* Hugenberg *và đảng « Mũ sắt »* (Casque d'acier) *cũng định đề cử một người ra ứng-cử là trung-tá* Duesterberg.

— *Ở Thượng-hải vẫn đánh nhau. Phùng Ngọc-Tường* (Maréchal Feng) *xin từ chức trong Chính-phủ Nam-kinh.*

Ngày 23. — *Nội-các mới nước Pháp đọc lời tuyên-bố chính-sách ở hai viện. Ở Hạ-Nghị-viện thì liền mở cuộc chất-vấn và thảo-luận về cách tổ-chức Nội-các. Thủ-tướng* Tardieu *trả lời, rồi đầu-phiếu tín-nhiệm. Nội-các được 309 phiếu đối với 247 phiếu. Xong ông* Tardieu *liền đi dự hội Tài-binh ở* Genève.

— *Dân thất-nghiệp biểu-tình ở* Londres *và ở* Bristol; *ở tỉnh sau đó có xung-đột dữ với cảnh-binh.*

— *Đảng lao-động Anh phát tờ tuyên-ngôn về việc Trung Nhật, cực-lực phản-đối cái chính-sách võ-đoán của Chính-phủ* Tokyo.

— *Nghị-viện Đức tiếp-tục khai hội. Chính-phủ tuyên-bố cuộc tuyển-cử Giám-quốc định vào ngày 13 tháng 3 (đầu-phiếu thứ nhất) và mồng 10 tháng 4 (đầu-phiếu thứ nhì).* Hitler *vốn là người Áo, mới được nhập-tịch dân Đức, tuyên-bố ra ứng-cử.*

Ngày 24. — *Ở Hội Tài-binh, tổng-ủy-ban bắt đầu thảo-luận. Ông* Benès *được cử làm chức tổng ủy-viên* (rapporteur général). *Ông* Tardieu *trả lời cho đại-biểu Nga* Litvinof *và đại-biểu Đức* Nadolny; *ông lại xin đặt một phiên hội-đồng riêng để xét về bản dự-án của nước Nga.*

— *Ở Nghị-viện Đức đảng « chủng-tộc »* (racistes) *cùng đảng cộng-sản đều cực-lực công-kích tổng-trưởng bộ Lục-quân là tướng* Groener.

— *Ban ủy-viên về hải-quân của Thượng Nghị-viện Mỉ đồng-thanh quyết-nghị một bản dự-án luật định tăng hải-quân, cho bằng số tối-cao có thể thích-hợp với các hiệp-ước quốc-tế.*

Ngày 25. — *Các giáo chủ* (cardinaux) *và đại-tư-giáo* (archevêques) *Pháp họp hội-nghị để định lời tuyên-bố chỉ bảo nghĩa-vụ cho các giáo-đồ Gia-tô về vấn-đề hòa-bình cũng việc tuyển-cử sau này.*

— *Ở Hội Tài-binh, có cuộc thảo-luận to. Ông* Tardieu *xin được hội-nghị*

ưng-nhận lấy bản dự-thảo của ban dự-bị làm căn-cứ để quyết-định. Lại xin ngoài các ban chuyên-môn, đặt một ban chính-trị nữa. Dự-án của nước Nga thời trước đã bị bác hết.

Ngày 26. — *Ông* TARDIEU *trở về* Paris, *định nay mai lại đi* Genève *để dự cuộc quyết-nghị về các dự án tài-binh.*

— *Thượng-Nghị-viện Pháp, chiếu lời báo-cáo của ủy-viên là* HENRY CHÉRON *về việc sửa-đổi luật bầu cử, bác lệ đầu-phiếu một lần, lệ cho đàn-bà quyền bầu-cử, lệ cưỡng-bách bầu-cử, chuẩn-y biểu kê các hạt bầu-cử và thêm vào mấy hạt nữa.*

— *Ở Nghị-viện Đức, Nội-các* BRÜNING *bị công-kích dữ; khi đầu-phiếu được có 25 phiếu hơn.*

— *Tầu bay Nhật ném trái phá vào Hàng-châu.*

Ngày 27. — *Hội-nghị tài-binh đã bầu chủ-tịch các ủy-ban: ban chính-trị* (commission politique) *và tổng-ban* (commission générale), *đều do đại-biểu Anh* HENDERSON *làm chủ-tịch, và đại-biểu Hi-lạp* (Grèce) POLITIS *làm phó-chủ-tịch, còn ông* BENÈS *đại-biểu* Tchécoslovaquie *thì làm tổng-ủy-viên.*

Ngày 28. — *Thủ-tướng Pháp* TARDIEU *thương-thuyết với đại-sứ Đức* VON HŒSCH *và đại-sứ Anh* LORD TYRRELL *ở* Paris, *rồi lại đi* Genève.

— *Ông* PAUL-BONCOUR *chủ-tịch Hội Vạn-quốc bàn với đại-biểu nước Tàu và nước Nhật thôi việc chiến-tranh và đặt một giới tuyến trung-lập* (zone neutralisée) *ở giữa quân hai nước. Đại-biểu Anh* SIR JOHN SIMON *tán-trợ lời bàn đó, là lời bàn chính nước Nhật cũng đã khởi ra từ trước.*

Ngày 29. — *Nghị-viện Pháp tỏ ý ngần-ngại về việc hiệp ba bộ Lục-quân, Hải-quân và Không-quân lại làm một, và chất vấn Chính-phủ. Ông* PIÉTRI *phản-trần các lẽ, nghị-viện xem ra cũng ưng-thuận.*

— *Nhà thiên-văn-học trứ-danh* BIGOURDAN *tạ-thế.*

— *Ở Hội Vạn-quốc, đại-biểu Anh* SIR JOHN SIMON *trình rằng nhân hải-quân đô-đốc Anh* KELLY *khởi-xướng ra, các đại-biểu vừa văn-quan vừa võ-quan của Tàu, Nhật và liệt-cường đã họp ở Thượng-hải, ưng-thuận xin cho quân hai nước Trung-Nhật đều rút lui về để cách xa nhau ra. Còn Hội-nghị Hội Vạn-quốc thời chuẩn-y cái chương-trình của chủ-tịch* PAUL BONCOUR *dự-thảo để cầu cho hai nước thôi chiến-tranh. Nước Mĩ cũng biểu đồng-tình về cái phương-pháp giảng-hòa đó.*

Thời-cục nước Tàu. — Ngọn lửa Trung Nhật chiến-tranh bùng lên ở Thượng-hải càng ngày càng lan rộng mãi ra, đến nay đã hơn hai tháng trời, tuy rằng quân Tàu chống cự hăng-hái, có phần thắng-lợi, nhưng thiệt-hại cũng nhiều. Quân Nhật thì bị thua luôn không thể đánh phá vào Ngô-tùng Hạp-bắc được. Vậy đến đầu tháng ba này quân Nhật đã bốn lần thêm quân, năm lần đổi tướng. Ban đầu viên tướng cầm quân Nhật là Diêm-Trạch, kế đến Dã-Thôn, kế đến Thực-Điền, lại đến Lăng-Nghệ-Long, rồi đến Bạch-Xuyên.

Diêm-Trạch là chân Thiếu-tướng, Dã-Thôn là Trung-tướng, Thực-Điền là bậc Thượng-tướng, Lăng-Nghệ-Long là quan Tham-mưu, Bạch-Xuyên cũng là bậc đại-tướng, lấy bề bậc mà nói, thế là từ quan binh bậc thứ tư thay đổi dần lên đến quan binh bậc nhất rồi đó.

Bên quân Tàu thì trước sau chỉ có đạo quân 19, mà Sái Đình-Khải làm đầu, các đạo viện-binh tuy thường có đem đến, nhưng lớn nhỏ hơn năm

mươi trận đánh, chưa hề thay tướng lần nào; trên Sái Đình-Khải còn có Trần Minh-Khu, trên Trần Minh-Khu còn có quân-sự ủy-hội, mà thủy-chung chỉ có Sái Đình-Khải cầm quân mà thôi.

Quân Nhật vì không đánh vào được chính mặt Ngô-tùng, nên mới phải thêm binh sang, quay về mặt Lưu-hà (phía bắc Ngô-tùng) lên bộ, để đánh lén vào mặt sau quân Tàu. Lại có các toán quân Nhật khác nữa cũng lên bộ tại Phố-đông, để đánh Hàng-châu. Quân Tàu sau khi mất ga Chân-như rồi, liền hạ lệnh cho các toán quân đóng ở Hạp-bắc, Ngô-tùng, Giang-loan, Đại-trường, Hiếu-thành đều phải lui xuống phòng-tuyến thứ hai. Còn một phần quân Tàu thì do Nam-tường đến Côn-sơn chuyển lên mặt Lưu-hà phòng-ngữ. Tướng Quang-Nại đóng ở Côn-sơn thu-thập tàn-bộ, để đỡ khôi-phục. Trung-ương cũng phái sư-đoàn Thượng-quan Vân-tường đến cứu-viện.

Trong khoảng thượng-tuần tháng này thì không có trận nào kịch-liệt. Quân Nhật họp-tập cả ở Bạch-mao-khẩu và Hữu-hà-khẩu đánh úp trận-địa quân Tàu ở Lâu-đường-trấn (giữa khoảng Giang-định đến Thái-xương). Song vì có trọng-binh quân Tàu đến chống giữ, quân Nhật ba lần đánh trấn này đều bị thua. Sư-đoàn Nhật lại vòng đường lẻn đến đánh úp quân Tàu ở sông Bạch-hạc gần An-đình, quân Nhật bị giết hơn nghìn người.

Quân Tàu biết trước quân Nhật sẽ tiến đến Nam-tường, nên có mai-phục rất nhiều địa-lôi và hạ-lệnh cho binh-lính kéo lui để phòng giữ đàng xa.

Quân Nhật không dè, cứ kéo binh xông tới đánh, bỗng bị địa-lôi nổ bung lên, tiếng nghe vang trời; binh-lính lớp thì bị địa-lôi mà chết, lớp thì bị quân Tàu túa ra đánh úp vào bốn phía, giết quân Nhật chết nhiều.

Hiện trận-tuyến quân Tàu đóng giữ tự Côn-sơn đến Tô-châu, Nhật-bản thì đem quân đến đóng các đồn Ngô-tùng ở cửa sông Dương-tử, và trên đường hỏa-xa. Thượng-hải đến Nam-kinh. Tổng-lĩnh-sự Nhật lại thông-cáo rằng nay quân Nhật đã đạt được mục-đích, nghĩa là đã bảo-hộ được sinh-mệnh và tài-sản của kiều-dân Nhật và bảo-an được cho tô-giới quốc-tế thì đình việc chiến-tranh.

Có tin Thượng-hải nói rằng tổng-tư-lệnh quân Nhật là Bạch-Xuyên vẫn dự-bị việc tiến đánh, lại điện về Đông-kinh xin thêm viện-binh, lời tuyên-bố đình-chiến chỉ là cách đánh lừa.

Theo các tờ thông-cáo Tàu thì tuy đôi bên đã ước-định đình-chiến từ 28 tháng 2 mà quân Nhật mới tải đến vẫn cứ do Liêu-hà lên bộ. Tờ thông-cáo Tàu lại nói nhiều đội quân Nhật do Phố-đông lên bộ để hòng đánh Hàng-châu.

Tàu binh Nhật đậu ở Trường giang có hơn 30 chiếc, một chiếc hàng-không mẫu-hạm, 47 chiếc máy bay. Ba pháo-đài Nam Ngô-tùng, Bắc Ngô-tùng và Sư-tử-lâm đều đã dồi dùng súng trái-phá Nhật. Hơn mười cỗ súng trái-phá lớn của Trung-quốc ở đó, hiện quân Nhật đã lấy mang về nước Nhật.

Bộ tham-mưu của đạo quân 19 tuyên-bố rằng: Lâu nay quân Nhật yêu-cầu quân Tàu thoái lui ra khỏi ngoài 20 dặm, thế mà quân Nhật vẫn cứ tiến lên chiếm-cứ những nơi ở ngoài 20 dặm, vì vậy mà đạo quân 19 phải tập-trung quân-đội ở các nơi Hoàng-độ, Gia-định, Đại-trường và Lưu-hà, dự-bị để đuổi quân Nhật.

Tướng Giới-Thạch sau khi được cử làm chủ-tịch hội quân-sự ủy-viên, thân đến Côn-sơn đốc-quân để cổ-lệ lòng quân-lính.

Uông Tinh-Vệ cùng bọn Lý Tế-Thâm, Trần Minh-Khu đi đến Côn-sơn, do Sái Đình-Khải cùng hai viên sư-trưởng đưa đến trận-tuyến xem xét. Đại-biểu Trương Học-Lương là bọn Vương Liệt cùng đi chuyến xe với Uông, đến Tổng-bộ ở Côn-sơn yên-ủi quân-lính và mang hơn 10 chiếc thuẫn bằng bạc tặng Sái quân-trưởng và các sư-trưởng, lữ-trưởng, trên mỗi chiếc thuẫn có viết những câu : « Vì quốc can thành » và « Chấn phấn vệ quốc ».

Cứ như nhà quân-sự ngoại-quốc xem xét, nói quân Tàu đã lục-tục có viện-binh đến, cuộc đại-chiến e khó tránh được. Hai sư-đoàn quân Tàu đã từ Tô-châu đến Lưu-hà, sư-đoàn 14 quân Nhật cũng ở Lưu-hà lên bộ rồi. Lại có tin rằng hai bên đánh nhau dữ-dội ở Lưu-hà.

Mấy sư-đoàn quân Giang-tây đến Thượng-hải dự-chiến đã đến nơi, vì thế nên đạo quân 19 lại càng hăng-hái lắm.

Lời tuyên-cáo quốc-dân của đạo quân 19. — Bộ tham-mưu của đạo quân 19 ở Thượng-hải có phát-biểu bức thư tuyên-cáo dân-chúng cả nước Tàu như sau này :

« Từ khi xảy ra việc xung-đột ở Thượng-hải đến nay đã hơn một tháng rồi, quân ta đem cái thân máu thịt chống lại với mọi thứ khí-giới tàn-ác của địch quân, kết-quả cũng thắng được địch-quân mà giữ vững được trận-địa. Quốc-dân sau lúc bị đau-đớn thấy thế đều ra ý phấn-khởi vui mừng, cho rằng từ nay nước ta sẽ có thể chống-chọi với kẻ cường-địch, trèo lên cái địa-vị cao, cùng các cường-quốc trong thế-giới chen vai thích cánh vậy. Song một phần đông sĩ-phu trong nước lại có tâm-lý trái hẳn với toàn-thể quốc-dân, họ lại nơm-nớp sợ rằng cái vạ chiến-tranh sẽ nhân đó mà kéo dài mãi ra và hãm nước nhà vào cái cảnh muôn đời không khôi-phục được. Ôi! người hà-hiếp mà mình chịu nhịn, ủ-rũ lần-lữa mà không tự-cường, đó vẫn là cái bệnh chung của một phần đông người nước ta; song cái tâm-lý tự-phụ, cái hi-vọng quá cao, cũng là sự chúng ta không nên có; cái công-việc cứu cho dân-tộc quốc-gia khỏi bước nguy-vong, tỏ được công-lý chính-nghĩa ra với thế-giới, không phải là chỉ bước một cái mà đến được ngay, nhất là không phải việc có thể nhân thấy khó mà lùi lại vậy. Anh em chúng tôi bấy lâu chịu ơn nước nhà hậu-dưỡng, đem tính-mệnh mà hi-sinh về việc nước, cũng là phận-sự nên làm, đến nay xin đem cái thân chưa chết này bày tỏ mấy lời để quốc-dân cùng rõ.

« Chúng ta biết rõ cái nguyên-nhân việc xung-đột ở Thượng-hải và cái kết-quả của nó sau này, thì trước hết phải biết cái nội-tình của nước Nhật và cái đại-thế của thế giới ra sao đã.

« Nước Nhật-bản, từ Nội-các Sơn-huyện-Hữu-bằng, Nội-các Điền-trung Nghĩa-nhất cho đến Nội-các Khuyển-dưỡng-Nghị bây giờ, thủy-chung họ vẫn giữ riết cái chính-sách « đại-lục » chưa hề thay đổi. Trận giáp-ngọ tức là trận Trung-Đông đại-chiến, họ cướp được nước Triều-tiên; cái kế tiến lên miền bắc của họ mới bắt đầu từ đấy; kế đến trận Nhật-Nga đại-chiến, cái nền móng của chính-sách « đại-lục » lại càng vững thêm. Sau nữa đến việc yêu-cầu 21 khoản và việc Quách Tùng-Linh, Trương Tác-Lâm bị giết, cái thế-lực của Nhật ở miền Đông-bắc càng thêm to-tát và vững-vàng. Thế là cái bước đường thứ nhất trong chính-sách xâm-lược của Nhật-bản đã hoàn-toàn thành-công rồi vậy. Từ đó cái chí thừa-cơ chiếm-cứ ba tỉnh Mãn-châu và dần-dần ăn lấn vào nội-bộ Trung-quốc, họ càng nhớ không quên.

«Sau cuộc Âu-chiến, hầu hết các nước mạnh trong thế-giới đều bị cái nạn tài-chính quẫn-bách, thực-nghiệp suy-đồi, cái sự đánh nhau về quan-thuế, cái tình-hình tê-liệt của vấn-đề bồi-thường, cái hiện-tượng khủng-hoảng về kinh-tế của các nước, càng ngày càng thêm dữ-dội; gia-dĩ, cái mầm cộng-sản đang chực thừa-cơ nẩy nở, mà tình-hình quốc-tế lại thường nghi-kỵ lẫn nhau, nên bất-luận nước nào, cả hai phương-diện « đối trong, đối ngoài » đều có sự đau-đớn ở trong lòng khó nói ra được. Đến như sự hỗn-loạn suy-tàn ở Trung quốc thì lại càng quá lắm nữa. Nước Nhật-bản như con cắt dữ, con hùm đói đang đình mồi, khi nào lại chịu bỏ qua cái cơ-hội tốt ấy; nên tháng 9 năm ngoái một tiếng sét thình-lình nổ rầy, nó liền chiếm lấy Thẩm-dương, vơ-vét Đông-tam-tỉnh mà đem về.

« Sau khi người Nhật đã chiếm-cứ Mãn-châu, chính-phủ nước ta vẫn hết sức nín nhịn và yên chí tin cậy vào hội Quốc-tế liên-minh, hòng giải-quyết bằng cách hòa-bình và chính-đáng. Song không biết rằng hội Quốc-tế đối với các nước chẳng phải như cánh tay có thể sai khiến được ngón tay; vì hội Quốc-tế như bộ óc mà các nước mạnh là tế-bào ở trong óc ấy, nếu các tế-bào đã không khỏe mạnh mà muốn cho bộ óc ấy có năng-lực thì thực khó lắm. Ấy vì thế, nên khi việc Thẩm-dương mới xảy ra, trong hội Quốc-liên cũng chẳng thiếu chi những người vì nghĩa mà nói thẳng, song kết-cục rồi cũng do mập-mờ mà mềm nhũn, do mềm nhũn mà vào bè với Nhật vậy.

« Trở lại xem xã-hội ta, thì vẫn cứ đánh lộn hoài, cứ ỷ-lại hoài; gia-dĩ, dân-chúng thì vì phẫn-khích mà làm lắm sự quá đáng, dư-luận thì nói nhăng nói nhít chẳng ra làm sao, khiến cho chính-phủ thêm rối mà không biết xử-trí thế nào nữa, thành-thử đánh đã không dám đánh, mà hòa cũng không dám hòa. Người Nhật hiểu thấu nội-tình của mình như vậy, thì sợ gì mà chẳng duỗi cái cánh tay sắt vào nội-bộ Trung-quốc: cuộc xung-đột ở Thượng-hải ngày 18 tháng 1 nhân đó mà nổ tung ra.

« Đạo quân chúng tôi đóng giữ đường Kinh-Hỗ, phải đương đầu chịu địch, thề chết chống cự quân thù, giữ-gìn đất nước, lại là cái thiên-chức của quân-nhân. Vả Thượng-hải là nơi trung-tâm của nền kinh-tế nước nhà mà Nam-kinh là nơi căn-cứ của chính-phủ Quốc-dân. Kinh Hỗ mà mất thì quốc-thế rất nguy; nên chúng tôi mới quả-quyết noi theo cái mục-đích tự-vệ mà ra sức chống lại với quân Nhật. Trong khoảng một tháng trời nay, sự hành-vi tàn-bạo của địch-quân càng ngày càng quá, số đồng-bào ta bị hại có đến hàng vạn người, mà cái số thiệt-hại về vật-chất cũng không biết bao nhiêu mà kể, thế mà quốc-dân không hề vì sự thiệt-hại lớn ấy mà nản lòng, lại càng hăng-hái thêm và ôm một hi-vọng lớn-lao vô-hạn; cả đến thế giới, cũng vì mục-kích sự tàn-bạo của quân Nhật và không muốn cho cái vạ chiến-tranh lan rộng mãi ra, mới đứng ra kháng-nghị nước Nhật: các nước Anh, Mĩ đã tỏ hẳn ra cái thái-độ nhất-quyết can-thiệp vào. Thế mới biết ở đời chỉ có sự phấn-đấu là có thể biểu-lộ được cái tinh-thần của một dân-tộc, bảo-tồn được cái sinh-mệnh của một dân-tộc; mà cũng chỉ có tinh-thần tự-trợ là có thể cầu được cái sinh-tồn chắc-chắn và mua chuộc được lòng đồng-tình của thế-giới mà thôi, bạo-lực dẫu mạnh, cũng không đè trấn được chính-nghĩa vậy.

« Tuy vậy, song cái tiền đồ nước ta đã có thể lạc-quan được chưa? Liệt-cường có quả sẵn lòng lấy chính-nghĩa mà ngăn-cản sự tàn-bạo của nước Nhật thật chăng? Nước Nhật có chịu

đổi bỏ cái chính-sách « đại-lục » của họ không? Đó đều là những chỗ chúng ta đáng nên ngờ cả. Vật-chất và võ-khí của nước ta không thấm vào đâu với nước Nhật, đó là một điều không thể giấu ai được rồi, vậy muốn lấy võ-lực mà áp-phục quân thù, thì bất-luận về phương-diện nào cũng không có thể được cả. Nước Anh thì từ xưa đến nay vẫn nổi tiếng là một nước giữ chính-sách ngoại-giao cực-kỳ chắc-chắn, nước Mĩ thì vì lẽ ở xa quá, ứng-phó không kịp mà chịu khoanh tay đứng nhìn; vả hai nước hiện nay cũng còn đang lúng-túng về vấn-đề kinh-tế và chú-ý về cái trận-tuyến đối với nước Nga; tình-hình họ như thế mà mong rằng họ sẽ hết sức ngăn Nhật để bênh vực mình, thật là một sự khó tin vậy. Còn như nước Nhật thì cái chủ-nghĩa vũ-lực của bọn quân-phiệt đang như mặt trời mới mọc, chúng ta có nghe người Nhật là Xuất-Nguyên ở Mĩ có nói: «Quân Mĩ với quân Nhật nên đem nhau ra Thượng-hải mà đá bóng chơi», và những câu người Nhật nói: « Đạo quân thứ 19 dám chống với quân Nhật thì thật họ chưa biết cái uy-lực của đế-quốc thế nào ». Nghe đó đủ biết là họ hung-hăng tự-đắc không coi ai ra gì; vả không những bọn quân-phiệt mà thôi, cả đến quốc-dân Nhật cũng còn có phần đông là tín-ngưỡng về võ-lực, ta ngẫm ngay cuộc tổng-tuyển-cử vừa rồi mà hội Chính-hữu được nhiều phiếu thì đủ rõ; như vậy mà bảo rằng họ sẽ bỏ hẳn cái chính-sách quan-hệ đến sự sống chết của họ là chính-sách « đại-lục » đi lại càng khó lắm.

«Nhưng lại theo về mặt khác mà xem, thì hai nước Anh, Mĩ chính vì muốn vãn-cứu nạn kinh-tế khủng-hoảng, phải cần nhờ có thị-trường lớn ở Trung-quốc, mà không muốn cho cái chiến-họa của Trung Nhật cứ kéo dài mãi, nhất là không muốn cho Thượng-hải là nơi căn-cứ thương-nghiệp ở Đông-phương phải hãm vào nguy-cảnh, lại không muốn cho Nhật-bản xưng-bá ở Đông-phương, phá-hoại cái cục-thế « mở toang cửa ngõ, cơ-hội bằng nhau », cho nên dẫu có nhiều nỗi khó-khăn, thế nào tất cũng có ngày vì lo đến phần lợi hại của chính mình mà đứng ra can-thiệp.

« Lại nói đến bước khó-khăn sau này của nước Nhật. Nước ấy từ sau khi xảy ra việc ở Thẩm-dương, việc mậu-dịch ở bên ngoài bị kém sút quá, tài-chính của nước nhà đã hãm vào vòng rất khó-khăn; gia-dĩ số quân-phí đánh Thượng-hải do hội tổng-tuyển-cử lâm-thời chi ra, các nhân-sĩ nước Mĩ lại xướng lên việc tuyệt-giao kinh-tế với Nhật, đủ làm cho xã-hội khủng-khoảng, kim-dung rối loạn. Vả người ghét ngày nhiều, việc ngoại-giao phải có-thế, lòng người trong nước đã dần dần chán ghét chiến-tranh, nhọc quân hại của, giữ lâu đánh mãi, cũng quá hỏa gãy, cũng là lẽ tất-nhiên, không sao tránh khỏi.

« Chúng ta từ đây có thể biết cái phương-châm đối với nước Nhật rồi. Bên người Nhật lợi ở việc đánh ngay, mang lợi-khí trọng-binh, muốn chỉ một chuyến mà bắt nước ta phải khuất-phục, để được muốn làm sao thì làm; bên Trung-quốc ta thì nên tính sự chống cự một thời-kỳ lâu, để chờ tình-hình quốc-tế biến-hóa, và chính thân địch-quốc phải tan vỡ, chớ nên lấy sự thắng-lợi bây giờ mà mong sự thành-công một cách kiêu-hãnh; chớ sợ chiến-họa kéo dài mà sinh lòng cầu yên một cách tạm-bợ; không hăng-hái hão, không lười biếng quá; nước Nhật một ngày không bãi binh, việc ngoại-giao một ngày không thắng lợi, thì nước ta một ngày không thôi việc đề-kháng bằng võ-lực; đến cái ngày mà bạo-lực phải khuất-phục với công-lý, thì là cái ngày dân-tộc nước ta lại được mở mặt mở mày. Nước Pháp mưu cuộc

độc-lập phải phấn-đấu đến trăm năm; Câu Tiễn lo sự phục-thù, phải chịu khổ nhục hai mươi năm; nay bốn vạn-vạn đồng-bào Trung-quốc, nếu có thể cùng quyết một lòng thề chết chống Nhật, thì may ra công-hiệu hoặc còn được chông hơn thế chăng...» (1)

Bài điện khẳng-khái của các tướng-lĩnh Thập-cửu lộ-quân và Đệ-ngũ-quân. — Ngày mồng 3 vừa rồi, các tướng đạo quân thứ 19 và thứ 5 là hai quân-đoàn đánh trận ở Thượng-hải lại có bài thông-điện rất khẳng-khái như sau này:

«Quân Nhật đánh Tùng Hồ (Thượng hải), nhóm đông-nam, thập-cửu lộ-quân vâng lệnh giữ đất, làm việc giữ mình cần kíp, đánh nhau với địch đã hơn một tháng rồi. Ban đầu đánh cùng với đội lục-chiến trong hải-quân Nhật và lục-quân của Nhật mới đem đến giao-chiến hơn 20 ngày, giết hại quá nhiều, quân địch không được sinh-chí. Toán lục-quân thứ hai của Nhật đem đến, hai sư-đoàn thuộc Đệ-ngũ-quân của Trung-ương đóng ở Tô Chiết cũng phải đem đến đánh trận, giữ nhau lại một tuần lễ nữa, giết giặc lại sáu bảy lần, quân địch vẫn không được sinh chí. Sau cùng Nhật lại sai Bạch-xuyên đại-tướng đem hai sư-đoàn sang nữa, mà quân ta (Tàu) ở nơi chiến-trường chỉ có 7 sư-đoàn, tổng-số không đầy 4 vạn, quân địch thật là gấp hai. Một mặt chúng lấy hình-thức giảng-hòa, cùng ta bàn chuyện đình-chiến, dối lừa hội Quốc-liên, một mặt chúng đem một sư-đoàn đánh chính-diện, một sư-đoàn lẻn đến Lưu-hà đổ bộ, toan đánh úp mặt sau ta, khiến ta bị đánh hai mặt. Vậy mà quân ta vì vận-tải khó-khăn, viện-binh không kịp, bất-đắc-dĩ đêm mồng 1 vâng lệnh bỏ đường trận trước rút lui theo chiến-lược, tình cuộc phản-công. Đó là cái tình-hình trải qua trong một tháng nay, Thập-cửu lộ-quân và Đệ-ngũ-quân ta khổ-chiến với giặc vậy.

«Nay quân Nhật đem hẳn một cái chương-trình định sẵn làm mất nước ta, nếu ta không động-viên toàn-quốc, đem cái lòng quả-quyết rất lớn, làm cuộc phấn-đấu phổ-biến, thì không thể chiếm được cuộc thắng-lợi sau cùng. Thập-cửu lộ-quân và Đệ-ngũ-quân chúng ta chống cự quân Nhật không phải cầu được thua trong một xó, tranh hơn kém với họ trong một ngày đâu; chẳng qua chúng tôi đem chút máu thịt còn sống sót đây, hi-sinh vào việc cứu-quốc, làm tên quân hướng-đạo trước ngựa đồng-bào mà thôi.

«Từ khi Chính-phủ thiên-đô lên Lạc-dương đã quyết định cái chính-sách chống-cự lâu dài, vậy quân-dân toàn-quốc ta phải nên vâng theo ý ấy, nhất-luật nổi dậy, chớp đánh vang theo, người này đổ, người kia nối, đừng để tâm đến sự tiến lui một xó này, và cũng đừng mắc mưu chia rẽ của người Nhật; lại rất mong anh em đông-bắc ta kíp kíp nổi dậy, sai quân thu-phục đất mất, khiến cho quân địch phải chia sức chống cự nhiều nơi. Thập-cửu lộ-quân và Đệ-ngũ-quân chúng tôi sẽ đem hết sức thừa, theo đuổi với quân cường-địch một trận tối-hậu, may ra thu được cái công-hiệu giáp-kích chăng.

«Nước Thổ-nhĩ-kỳ khổ-chiến ba năm, rồi phá được quân Hi-lạp. Chỉ có 15 vạn quân Thổ ba năm huyết-chiến, không chịu khuất-phục, mà hay hóa thua làm được; phương-chi nước ta đất rộng ba trăm triệu dặm vuông, dân đông 4 trăm triệu người, nếu hay cả nước một lòng một dạ, mà lại không giết hết được quân địch, là ta không tin.

(1) Bản dịch của báo *Trung-Bắc*.

« Nước Triều-tiên lúc mất, còn có mấy vạn lục-quân, sau bị người Nhật giải-tán đến hết. Nay nước ta, số quân hiện-ngạch, cộng tính đến hơn trăm vạn không kém, vì phỏng đợi khi nước mất để cho người ta xẻo cắt, sao bằng ngay khi chưa mất này, làm một cuộc hi-sinh vẻ-vang? Lần này quân Nhật giầy-vò Thượng-hải đã nhiều ngày, quả bom đến đâu, nhà cửa hóa thành gò đống, người chết ngổn-ngang như rạ, mà những dân sống sót, ai cũng đồng lòng căm giận, không nghe có tiếng oán-thán phàn-nàn, cái tấn kịch bi-thảm đó thật là đáng khóc đáng hát. Đất nước vẫn đó, nhân-dân vẫn đó, nếu một mai chủ-quyền đã mất, tính-mệnh cầm trong tay kẻ thù, thì cái tình-trạng bi-thảm lại còn đến thế nào nữa !

« Chỉ mong rằng các phụ-lão, các anh em khắp nước ta, đừng quên Hạp-bắc, Giang-loan ; các lãnh-tụ nhà binh trong nước, đừng quên Triều-tiên và Đông-tam-tỉnh ! Người Nhật tuyên-truyền ở các nước, không gièm ta là một nước không có tổ-chức, thì bảo người nước ta không biết bênh nhau, đánh đầu thì đuôi không cứu, nên họ có thể chia ra mà đánh vỡ từng mảnh một. Thế mà quân-dân trong khắp nước ta vẫn còn như chim làm ổ trên đỉnh màn, như cá bơi ngoi trong đáy chõ, lấy làm yên thân, không biết cái nghĩa huỳch-tường ngữ-vũ, quên sự thất giải mũ chữa người trong nhà, mà lại coi là hàng xóm đánh nhau, đóng cửa không cứu, cái thói đó thật làm cho kẻ thù mình lấy làm sướng, mà người yêu mình lấy làm đau vậy.

« Thập-cửu-lộ-quân và Đệ-ngũ-quân chúng tôi chỉ có thu-thập quân tàn, tựa thành liều một trận. Việc mà không nên, thì bỏ mạng chốn sa-trường, để tạ vong-linh tổ-tiên Viêm (Viêm-đế), Hoàng (Hoàng-đế) ta ở trên trời, chứ không chịu làm người dân vong-quốc. Khóc mếu thương yêu, hết lệ đến máu, xin đồng-bào ta soi xét cho. » (1)

— Đạo quân 19 (Thập-cửu-lộ-quân) là đạo quân phải đương cả cuộc chiến-tranh với Nhật ngày nay, và chiến-đấu một cách rất anh-hùng. Nhân nói qua về cái lịch-sử của đạo quân 19 như sau này.

Đạo quân thứ 19 nguyên là đoàn thứ 4 của quân cách-mệnh Quảng-đông, trước hết do Trương Phát-Khuê chỉ-huy, rồi sau đến Trần Minh-Khu làm đoàn-trưởng (từ năm 1918). Sau lại đổi làm lữ thứ 1 của sư thứ 1 do Thầm Thăng làm lữ-trưởng; sau nữa lại cải làm sư thứ 10 của quân thứ 4, cũng do Trần Minh-Khu làm sư-trưởng, Tưởng Quang-Nại, Sái Đình-Khải và Đái Kích đều làm đoàn-trưởng.

Lúc bấy giờ Trần Minh-Khu đem đi phạt Bắc, rồi đổi làm quân thứ 11, sau lại đổi làm sư thứ 3 do Tưởng Quảng-Nại làm sư-trưởng, chia làm 3 lữ thứ 7,8 và 2, mà lữ-trưởng là Đái Kích, Trần Duy-Viễn và Trương Thế-Đức. Còn bộ của Sái Đình-Khải thì cải ra độc-lập-lữ, Sái làm lữ-trưởng thuộc về đoàn binh của Trần Quang-Hán và Lưu Chiếm-Hùng.

Yên như thế được hơn 1 năm, rồi sư thứ 3 lại đổi làm sư thứ 61, mà lữ binh của Sái Đình-Khải cũng cải ra sư thứ 60. Hai sư này lúc bấy giờ đã lên bắc đánh với quân của Diêm Tích-Sơn và Phùng Ngọc-Tường đương phản vào khoảng giữa năm 1930, rồi từ đó mới nhập lại mà đổi ra quân thứ 19, do Tưởng Quang-Nại làm tổng-chỉ-huy, quân-trưởng là Sái Đình-Khải, kéo đi đánh quân cộng-sản, rồi đem về Cát-an huấn-luyện giao cho Hoàng Cố làm chức lữ-trưởng trông coi. Lúc bấy giờ

(1) Bản dịch của báo *Thực-nghiệp*.

đi thảo cộng, ngoài 2 sư 60 và 61 lại còn một sư thứ 78 nữa do Khu-Thăng làm sư-trưởng, cả 3 sư hiệp lập làm một, bộ tổng-tham-mưu do Đái Kích làm tổng-tham-mưu-trưởng, rồi sau dời về Nam-kinh và Thượng-hải làm bộ tư-lệnh cảnh-bị. Tổng chỉ-huy Tưởng Quang-Nại đứng đầu bộ vệ-thủ tư-lệnh Nam-kinh và Thượng-hải, nhưng vì bấy giờ Tưởng còn bệnh chưa tựu chức, nên đã có Đặng Thế-Tăng làm tham-mưu-trưởng lên thế (1931) (Đặng trước kia — 1929 — là Công-an cục-trưởng Quảng-châu).

Đến đây đạo quân thứ 19 đã thành hình: tổng chỉ huy là Tưởng Quang-Nại, quân-trưởng là Sái Đình-Khải; quân-bộ thì lập ở Nam-kinh. Sư thứ 60 vẫn còn do Thẩm Quang-Hán làm sư-trưởng, chia làm 2 lữ do Lưu Chiếm-Hùng và Đặng Chí-Tài làm lữ-trưởng; sư-bộ đóng ở Tô-châu. Sư thứ 61 Mao Duy-Thọ làm sư-trưởng và Trương Phàn làm phó, cũng có 2 lữ, lữ-trưởng là Trương Lệ và Trương Phàn vừa làm sư-trưởng kiêm lữ trưởng: lữ của Trương Phàn phải theo sư-bộ đóng ở Nam-kinh, còn lữ của Trương Lệ đóng ở Trấn-giang. Sư thứ 78 của Khu-Thăng cũng chia làm 2 lữ do Hoàng Cố và Ông Chiếu-Viên làm lữ-trưởng; lữ của Ông thì đóng gần Thượng-hải.

Lần này ra đánh với quân Nhật trước hết là lữ-binh của Ông Chiếu-Viên, rồi các sư kia, ở Nam-kinh, Trấn-giang và các nơi mới lần lượt kéo về ứng viện. Quân đạo 19 này binh số được hơn 25.000, chia làm 3 sư, về chiến-lược đã thao-luyện kỹ lắm, công việc phòng giữ rất khéo. Hiện nay do Trần Minh-Khu, Tưởng Quang-Nại, Sái Đình-Khải, Đái Kích và Khu Thăng đang chỉ-huy đánh Nhật.

Xét quân-đội của Trung-quốc, trừ khi nào có tập-đoàn không kể, còn binh thường thì chia quân, sư, đoàn, lữ, dinh, liên, đội, rồi đến bang. Số binh lính thì tùy theo thời-cuộc thay đổi không chừng.

—Hiện nay trong nước Tàu từ Phố-giang đến Từ-châu, lại từ Từ-châu đến Lạc-dương, đều đã đào sẵn chiến-hào rất nhiều. Xem thế biết các nhà quân-sự lĩnh-tụ Trung-hoa đều đồng-tâm hiệp-lực, không những kháng-cự quân Nhật ở Thượng-hải mà thôi, lại có ý dự-bị việc chiến-tranh cả toàn-quốc nữa.

Người Nhật vẫn giữ các khoản ghi trong tối-hậu-thư trước bắt quân Tàu phải rút khỏi 20 cây số, lấy chỗ đặt một miền trung-lập. Nhật có ý làm rộng tô-giới công-cộng và sau tất đặt một tô-giới Nhật chặn giữ dòng sông Dương-tử.

Tin Thượng-hải nói rằng người Nhật là Tùng-Cương đến Thượng-hải lần này nhiệm-vụ là theo như cái kế-hoạch của Chính-phủ Nhật định mở năm cửa thông-thương lớn làm «quốc-tế tự-do-cảng». Kế-hoạch ấy định thực-hành trước ở Thượng-hải. Tùng-Cương sau khi đến Thượng-hải từng có đem việc ấy thương-nghị nhiều lần với các lĩnh-sự và đại-biểu kiều-dân ngoại-quốc ở Thượng-hải. Cuộc hội-nghị bàn-tròn nghe đâu vì việc ấy mà khởi ra, ý họ muốn xướng-nghị do kiều-dân 10 nước ở Thượng-hải công-cử 20 ủy-viên, 7 ủy-viên chuyên-môn, chuyên tiến-hành việc ấy; nghe đâu gần đây đã quyết-định do hai người Nhật và một người của một nước có quan-hệ rất to về việc buôn ở Thượng-hải làm xúc-tiến ủy-viên. Đại-cương kế-hoạch ấy như sau này:

1° — Lấy Thượng-hải làm trung-tâm, lấy một nơi cách 20 cây số làm tự-do-cảng;

2° — Viên thị-trưởng cử người Trung-hoa có danh-vọng sung vào;

3o — Tự-do-cảng không chịu quyền chi-phối của quân-phiệt Trung-quốc, không cho quân Trung-quốc đóng giữ;

4o — Đặt ra cơ-quan hành-chính, thuộc về công-bộ-cục quản-trị;

5o — Tự-do-cảng định là khu không đánh thuế.

Nếu hội-nghị bàn tròn thông-quá cái kế-hoạch ấy, thì dần dần thi-hành ở các bờ sông khác, cốt khiến cho cái kế-hoạch mở năm thương phụ lớn ở Trung-quốc làm năm tự-do-cảng do quốc-tế cùng quản-trị được thực-hiện mới thôi.

— Hai quân Trung Nhật từ sang tháng ba này, hiện đã tạm đình-chiến, các nước muốn điều-đình hai bên giảng hòa, muốn đem cái cuộc tạm đình-chiến đổi thành cuộc đình-chiến vĩnh-viễn. Nhưng mới đây, theo tin Nam-kinh, ở Thượng-hải trong một ngày hội-nghị đến hai lần, thái-độ người Nhật rất là cứng-cỏi, mà đại-biểu Tàu cũng đối-phó lại một cách rất cương-nghị, làm cho cuộc điều-đình đến cơ không thành.

Trong cuộc hội-nghị ấy có cả các lãnh-tụ quân-sự của hai nước Trung Nhật, lại có cả công-sứ bốn nước Anh, Pháp, Mĩ và Ý nữa, thế mà họ chỉ đánh nhau bằng miệng, làm sao mong cho kết cuộc hòa-bình được.

Biểu thống-kê về các số tổn-hại ở Thượng hải. — Ngô Đại-Quân chủ-nhiệm ban trung-ương thống-kế, sau một cuộc điều-tra kỹ-càng, đã biên thành một bản thống-kế về các số tổn-hại ở Thượng-hải như sau này:

Số thiệt-hại chung cả thành-phố Thượng-hải là: 1.560.049.871 $

Số đất bị chiếm mất ước 474 dặm vuông;

Nhân-dân bị tổn-hại trực-tiếp là: 180.816 nhà, 814.084 người, chiếm đến 45 phần trăm số nhân-khẩu cả thành-phố. Trong số đó có 6080 người chết, 2.000 người bị thương.

Số thu-nhập của thị-chính-phủ kém đi 4 phần mười.

Cối-kê công-hội tuyên-bố số thiệt-hại ở Hạp-bắc về mấy trận đánh nhau vừa rồi chừng hai vạn vạn đồng. Còn các hàng buôn to chưa kể.

Cuộc hoan-nghênh đoàn điều-tra khi đến Thượng hải. — Ngày 14 tháng 3, đoàn điều-tra của hội Vạn-quốc đến Thượng-hải. Khắp thành-phố Thượng-hải đều treo cờ và dán khắp nơi những câu tiêu-ngữ bằng hai thứ chữ Trung Anh để tỏ ý hoan-nghênh. Các báo Thượng-hải đều đăng bài hoan-nghênh, mong-mỏi đoàn điều-tra chú-ý cái chân-tướng sự thực từ sau khi xảy ra việc đánh nhau ở Thượng-hải.

Thị-trưởng Thượng-hải là Ngô Thiết-Thành có đặt tiệc khoản-đãi đoàn điều-tra của hội Vạn-quốc. Ngô có đọc bài hoan-nghênh như sau này:

« Thưa các ngài, các vị ủy-viên trong ban điều-tra của hội Quốc-tế liên-minh phái đi điều-tra cái án Mãn-châu, ghé qua Thượng-hải, đêm nay tôi nhờ được dịp này đặt tiệc chiêu-đãi và bày tỏ cái ý thực hoan-nghênh, lấy làm vinh-hạnh quá. Các ngài trong đoàn điều-tra đều là những vị lãnh-tụ vĩ-đại trong thế-giới, cho nên hội Quốc-liên ủy các ngài sang đây điều-tra, nhân-dân trong thành-phố này đều mừng được người xứng-đáng. Điều mong-mỏi của Trung-quốc ngày nay, chỉ cầu sự-thực cái án ấy được tỏ ra một cách rõ-ràng và xác-thực, những lời tuyên-ngôn giả-dối và những sự-thực bịa đặt phải bộc-lộ hẳn ra mà thôi. Hiện nay các ngài đem một cái thái-độ chí-công tiến-hành việc điều-tra, hơn một tháng vừa qua đây, cái thảm trạng mà thành Thượng-hải này

phải trải qua, ngay các ngài khi đi ở giữa đường cũng đã thấu rõ rồi. Cả nhân-dân Thượng-hải bấy lâu đều khát mong các ngài đến nơi, và nhất là hơn trăm vạn nhân-dân ở Hạp-bắc và Giang-loan lại nóng chờ các ngài đến ngay vào lúc này, rất mong ở chỗ ra sức và việc làm của các ngài có thể ngăn-ngừa được cách hành-vi tàn bạo của hải-lục-quân nước Nhật. Bọn chúng tôi vốn mong cái ngày các ngài đến đất Trung-hoa này có thể thấy được cái thị khu phồn-thịnh và những thôn-trấn sắp mở-mang; nhưng lúc này không may các nơi để các ngài quan-sát chỉ là các nơi tai-hại đã bị Nhật-bản tồi-tàn. Mai kia khi các ngài đi đến Hạp-bắc và Giang-loan, tự sẽ thấy rõ cái tang-chứng về những võ-khí của Nhật đã mặc sức phá-hủy. Nhật-bản chưa hề có tuyên-chiến với Trung-hoa, nhưng các nơi mà các ngài sẽ xem xét nay mai, tất có thể khiến cho các ngài lại sực nhớ đến những nỗi ghê sợ về cuộc Âu-chiến trước kia, có hàng nghìn vạn gian nhà-cửa bị phá-hủy thành bãi đất bằng; cơ-quan văn hóa như Thương-vụ ấn-thư-quán, Đông-phương đồ-thư-quán và nhiều trường Đại-học đều bị máy bay và trái phá của quân-đội Nhật-bản phá tan-tành; không kể đàn-bà trẻ con, người khỏe người yếu đều không thoát khỏi Quân-đội Nhật dùng máy bay ném tạc-đạn xuống nơi thành-thị người ở đông-đúc và tuyệt không có phòng-bị gì so với ném tạc-đạn xuống chỗ nạn-dân trú-ngụ và những bình-dân vô-tội lại còn tàn-nhẫn hơn. Cái nguyên-tắc mà người đời nhận là cơ-sở của văn-hóa phá hoại không còn gì, mà những điều-ước nước Nhật tự mình có ký chữ, cũng xé nát đi rồi. Lại còn quá hơn nữa, đang lúc chúng tôi ở đây hoan-nghênh các vị «sứ-giả hòa-bình», cũng chính là lúc nước Nhật kế-tục chiếm-cứ những thành-thị cách ngoài Thượng-hải 20 cây số. Những sự ghê sợ mà nước Nhật đã gây ra ở Thượng-hải và các nơi phụ-cận đã trong bảy tuần lễ nay, còn chưa lấy làm vừa lòng; dẫu đội quân Trung-quốc đã vâng lệnh đình-chỉ các việc hành-động về quân-sự ở mặt trận rồi, mà nước Nhật lại còn cứ một ngày đem thêm viện-binh vào quá đất của Trung-quốc. Cái hi-vọng hòa-bình của Trung-quốc đã vì những lời yêu-cầu vô-lý của Nhật-bản mà thành chuyện hư-không, mà sự ra sức điều-đình do tình bầu-bạn của nhân-sĩ các nước trung-lập, cũng không thể nào giảm được cái dã-tâm của Nhật lấy chút nào. Các đại-biểu ngoại-quốc ở Thượng-hải tính cách khiến cho Thượng-hải được tạm-thời hòa-bình, cũng vì những lời yêu-cầu mỗi lúc mỗi khác mà cũng thành ra vô-hiệu. Vì nước Nhật từ ngày 18 tháng chín năm ngoái đến giờ, cái dã-tâm xâm-lược Trung-quốc chưa hề có bớt đi mảy may. Từ khi xảy ra việc Trung Nhật, chính-phủ và nhân-dân Trung-quốc đều tin nhờ hội Quốc-liên, chắc rằng công-lý và hòa-bình tất được sự thắng-lợi cuối cùng; trước đây hội Quốc-liên về mặt kỹ-thuật đối với Trung-quốc, rất nên cảm-kích, lần này sau lúc cảm chịu sự thống-khổ, vẫn mong ở hội Quốc-liên có thể được chịu cái công-lý do điều-ước ban cho. Chúng tôi rất không tin võ-lực có thể chiến-thắng được công-lý Nhật-bản chiếm-cứ Mãn-châu và Thượng-hải, có thể nói là Nhật-bản khiêu-chiến với sự thiêng-liêng của điều-ước hội Quốc-liên, chúng ta đối với cách khiêu-chiến ấy quả có thể không nghe không hỏi đến được chăng? Cái điều tôi dám ngỏ cùng các ngài, tức là cái điều Trung-quốc tất phải hết sức cùng liệt-cường hợp-tác để mưu cho nền công-lý và phúc hòa-bình của thế-giới được thực-hiện vậy.» (1)

(1) Bản dịch của báo *Trung-bắc*.

Chánh-phủ mới ở Mãn-châu. — Chính-phủ Nam-kinh, có bài tuyên-bố rằng việc lập chính-phủ mới ở Mãn-châu là một việc trái luật-pháp, mà có người Nhật tán-thành cho, người Nhật phải chịu trách-nhiệm. Phổ-Nghi nhận chức chủ tịch ban hành-chính là phạm tội phản-quốc. Nhật-bản lại trái hiệp-ước, và bản giao-ước của chín nước.

Từ khi Phổ-Nghi nhận chức chấp-chính, tuyên-bố Mãn-châu độc-lập, thì quân nghĩa-dũng ở các nơi nổi lên tứ-tung; khi thì có tin quân tự-vệ Cát-lâm đánh lấy Tân-huyện, quân nghĩa-dũng Hắc-long đánh giữ được chín huyện, lúc thì có tin lấy lại được Cẩm-châu, hoặc vây quân Nhật ở núi Đả-bổ; quân Tô Bình-Văn cũng dựng cờ phản Nhật, quân Trương Hải-Bằng cũng quay lại đánh Nhật; lại có tin rằng mười vạn quân nghĩa-dũng tiến đánh Thẩm-dương, quân cứu-quốc Hắc-hà lấy lại được Kỳ-kiều, quân tự-vệ đại chiến ở Tuy-trung, quân đông ở Mãn-châu-lý cũng nổi lên phản-đối Mã Chiếm-Sơn là tướng giỏi mà đầu-hàng Nhật,

Còn các nghĩa-quân miền Liêu-tây cũng nổi lên tứ phía. Ngựa nhiều súng đả, thanh-thế lẫy-lừng, thường khai-chiến theo đuổi với quân Nhật, toán này đổ, toán khác lên, hơn một tháng trời không nghỉ. Quân Nhật muốn chiếm cả tỉnh Nhiệt-hà, toan đánh một trận quét sạch nghĩa-quân, đem mấy vạn đại-binh, mặc sức làm tràn đi, dè đâu hơn hai tháng nay, chẳng những không được toại-chí, đến đường xe hỏa cũng không giữ được yên mà chạy xe. Đường Phùng-sơn và đường Đả-thông thường mắc nghẽn luôn, đường Doanh câu và đường Cẩm-triều cũng thế, cả đường gốc (Bắc kinh), trước chỉ chạy được từ Thẩm-dương đến Cẩm-châu thôi, còn từ Cẩm-châu đến Du-quan mãi vừa rồi mới chạy được xe.

Gần đây, nghĩa quân lại càng hoạt-động riết. Các nhà ga xe hỏa đều có quân Nhật đóng, ga nhỏ thì 50 người, ga lớn hơn trăm người; Cẩm-châu là nơi trung-tâm thì sư-đoàn của tướng Thất lan vẫn phải đóng giữ, Câu-bang-tử và Đả-hồ-sơn là hai chỗ ngã-ba đường sắt cũng vẫn có trọng-binh của Nhật canh-phòng không lúc nào dời.

Một hôm nghĩa-quân từ một giải Cẩm-tây kéo lên mặt Tuy-trung. Quân Nhật được tin liền phái ba toa xe bọc sắt chở hơn 500 quân và 3 chiếc máy bay lên Tuy-trung. Đánh nhau ở Tân-đài-môn luôn ba ngày, không phân thắng phụ. Quân Nhật chết hơn trăm, lại bị bắn rơi một chiếc máy bay, thế núng phải lui về Cẩm-châu. Nghĩa-quân cũng không đuổi. Hình-thế Tuy-trung đã trở nên nghiêm-trọng rồi.

Về mặt Cáp-nhĩ-tân, quân tự-vệ và quân cứu-quốc chia năm lối tiến đánh: Lý Đỗ thì từ Phương-chính đánh vào Tân-châu và Cáp-nhĩ-tân; Lưu Vân-Khôi thì từ Hải-lâm đánh Nhất-diện-pha; Vương Đức-Lâm thì từ Hoàng-nê-bảo đánh Đôn-hóa; Lý Thanh-Sơn từ Phủ-dư đánh Trường-xuân, Thành Trường-xuân đã bị bao vây, thành phố Cáp-nhĩ-tân cũng núng.

Tại Hải luân, quân cứu-quốc thuộc tướng Vương Đức-Lâm đại-chiến với quân Nhật, quân Nhật bị thua chạy về Nhất-diện-pha. May có bảy chiếc xe bọc sắt chở đầy quân Nhật lên cứu.

Hiện ở mặt này, quân cứu-quốc và quân tự-vệ số người rất nhiều, tại Hạ-thành cũng có hơn nghìn quân tự-vệ, quân-khí rất vượng, quân nhu khí-giới cũng đầy đủ, định sửa-soạn đánh với quân Nhật một trận thủ-tử.

Nói tóm lại, quân tự-vệ hay quân cứu-quốc là những toán lính Tàu không chịu theo Nhật, quay ra chống với chủ-tướng, như ở Cát-lâm thì phản Hy-Hợp;

ở Hắc-long-giang thì phần Mã Chiếm-Sơn ; những toán lính ấy đều gọi là quân cứu-quốc tự-vệ. Còn quân Nghĩa-dũng thì là dân-đoàn, trong đó có cả quân cướp. Tất cả mấy thứ quân đó nghe như đều do Trương Học-Lương trợ-cấp.

Hội Quân-sự Ủy-viên Trung-ương phái Lý Tế-Thâm đem chương trình việc bí-mật lên Bắc-bình truyền cho Trương Học-Lương. Trương đã đồng-ý với nguyên-tắc trong chương-trình ấy. Việc đem quân vào Nhiệt-hà đã thành ra vấn-đề sự-thực rồi, chỉ chờ Bàng Bỉnh-Huân, Tống Triết-Nguyên, Cao Quế-Tư, Tôn Điền-Ảnh đến thương nghị rồi sẽ quyết-định.

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 31 Mars 1932)

Đem lính sang Thượng-hải. — Vì nước Tàu và nước Nhật đánh nhau dữ-dội ở Thượng-hải, nên hạ-tuần tháng *Février* nhà binh Đông-dương đã cho một toán lính 20 người trong đạo binh thứ 9 do trung-úy DE FAYSSEL quản-đốc đáp tầu sang Thượng-hải để phòng-ngữ tô-giới Pháp. Ngày mồng một này lại cho một đạo binh thứ 101 do một quan đại-tá chỉ-huy và 12 viên sĩ-quan, 3 viên chánh quản đáp tầu *Gouverneur Général Long* sang Thượng-hải.

Thuế đinh và thuế điền ở Nam-kỳ được hoãn. — Quan EUTROPE Thống-đốc Nam-kỳ, ngày 22 *Février* có trả lời cho hội Canh-nông Nam-kỳ về các lời thỉnh-cầu của hội, cho kỳ-hạn đóng thuế sẽ được hoãn một ít, ai không đủ tiền đóng một lần, có thể đóng làm hai ba lần cũng được. Nhưng số thuế thiếu về năm 1931 thì sau vụ gặt đầu phải nộp cho xong ngay.

Cuộc thưởng khoa-học của hội Khai-trí. — Hội Khai-trí muốn khuyến-khích cho khoa-học trong nước, nên định mở cuộc thưởng cho những người ở bản-xứ mới phát-minh ra được một khoa-học gì, có làm ra sách bằng chữ quốc-ngữ, hoặc sáng-chế ra thứ máy-móc gì có ích cho việc nông, công, thương, và sáng-tạo ra hóa-vật gì bằng nội-hóa. Ngày mồng 6 *Mars* khai hội-đồng xét định các phần thưởng và bày ra các đồ được thưởng cho công-chúng đến xem trong tám ngày, có quan Thống-sứ THOLANCE, quan Đốc-lý GUILLEMAIN và đông các quan-chức Tây Nam đến chứng-kiến. Các thứ được giải thưởng và giấy khen như sau này : Sách « Giao dịch tâm-lý định-lệ » của ông Đặng Hữu-Nghĩa. Máy tán thuốc và viên thuốc của ông Nguyễn Văn-Giáp ; máy dệt sa và nhiễu của hội S. C. I S. A. Các đồ sứ ở lò Thanh-trì của ông Nguyễn Bá-Chính ; đồ bạc của ông Trần Văn-Thiện ; thuốc để giặt các đồ tơ lụa của ông Phạm Tá ; cổ đèn của hiệu Nam-thái ; xà-phòng hiệu Quảng-hưng-long ; mũ, khăn, giầy bằng sơ mướp của hiệu Toàn-Thành ; chè Việt-Nam của bà Cung Thị-Ba ; phiếm đàn bằng thủy-tinh của ông Trần Đình-Thu ; da nhân-tạo, áo đi mưa của ông Trần Xuân-Lan ; xà phòng Rồng-nam của ông Nguyễn Ngọc-Phái ; lò nấu bếp của ông Nguyễn Như-Ngọc. Còn nhiều đồ được giấy khen nữa, như : cái tầu thủy nhỏ đốt một ngọn đèn làm cho tầu chạy được ở trong chậu nước ; con voi giả có máy làm cho cái vòi thò ra cuốn vào được, hai tai và đuôi lúc nào cũng ve-vẩy ; máy sinh-điện để chữa bệnh tê của ông Đỗ Trọng-Khắc ; hộp điếu hút thuốc lào, vân-vân.

Cuộc thưởng khoa-học này là lần khởi-thủy ở nước Nam ta. Do ông Nguyễn Công-Tiễu, chủ-nhiệm *Khoa-học tạp-chí*, thay mặt hội Khai-trí đứng tổ-chức.

Hoàng-tử nước Tỉ đi du-lịch Viễn-đông đã tới Hà-nội. — Hoàng-tử nước Tỉ-lợi-thời là Công-tước DE BRABANT cùng phu-nhân qua chơi Đông-dương, ngày mồng 6 đã do đường Ai-lao sang tới Hà-nội, trú tại phủ Toàn-quyền. Mồng 8 đi thăm trường Mĩ-thuật, viện Ung-thư, trường Cao-đẳng, trường Trung-học *Albert Sarraut*, trường Nữ-lưu học-sinh Việt-Nam. Mồng 9 thăm viện *Pasteur*, và các nơi danh-thắng ở Hà-thành. Mồng 10 và 11 đi thăm Hải-phòng, ngoạn-cảnh vịnh Hạ-long, thăm các mỏ ở Cẩm-phả, cửa bể Cẩm-phả, thăm nhà máy Xi-măng ở Hải-phòng. Ngày 12 vào thăm Huế, trưa ngày 14 tới Huế trú ở tòa Khâm, buổi chiều đi thăm Kinh-tế-bảo-tàng-viện và Khải-định-tàng-cổ-viện, buổi tối đi thuyền chơi trên sông Hương. Ngày 15 đi thăm lăng Gia-long và lăng Minh-mệnh, buổi chiều vào điện Cần-chính thăm quan Phụ-chính và các quan Cơ-mật, có tặng quan Phụ-chính bội-tinh *Léopold*, rồi về tòa Khâm. Quan Phụ-chính và các quan Cơ-mật sang đáp lễ tại tòa Khâm, có tặng lại nhiều bội-tinh. Hoàng-tử lại đi thăm lăng Khải-định và lăng Tự-đức; sáng hôm sau đi Đa-lạt, chiều 18 tới Sài-gòn ; ngày 19 thăm viện *Pasteur*, vườn Bách-thú, thành-phố Sài-gòn và Chợ-lớn. Ngày 20 sang Nam-vang rồi đi xem cảnh Đế-thiên Đế-thích. Ngày 24 trở lại Sài-gòn, ngày 25 đáp tầu sang chơi Nhật-bản.

Quan Toàn-quyền Đông-Pháp gửi điện-tín viếng quan Thủ-tướng BRIAND *tạ-thế ở Pháp.* — Quan Nguyên Thủ-tướng Pháp là ARISTIDE BRIAND tạ-thế hồi một giờ rưỡi chiều mồng 7 *Mars* tại biệt-thự ngài ở *Paris*. Khi quan Toàn-quyền PASQUIER được tin, ngài gửi bức điện-tín chia buồn về bộ Thuộc-địa như sau này : « Được tin ông BRIAND là một nhà chính-trị đại-trứ-danh của nước Pháp và là ngôi sao sáng chúa-tể sự hòa-bình của toàn-cầu vừa tạ-thế, xứ Đông-Pháp động lòng cảm-khái gửi lời chia buồn cùng mẫu-quốc mà kính viếng ông BRIAND. »

Ở Trung-kỳ đặt chức Cố-vấn pháp-luật. — Quan Toàn-quyền đã duyệt-y nghị-định quan Khâm-sứ Trung-kỳ đặt chức cố-vấn pháp-luật ở Trung-kỳ như sau này :

Quan Khâm-sứ Trung-kỳ sẽ được bổ-dụng một quan thẩm-phán ngoại-ngạch làm chức Cố-vấn pháp-luật *conseiller-juriste*) cho Chính-phủ Trung-kỳ.

Quan Cố-vấn pháp-luật giữ việc biên tập những điều-lệ của Chính-phủ Nam-triều thành luật để thi-hành tại Trung-kỳ và nhất là trông nom việc soạn lại các bộ luật và các tục-lệ.

Lại coi việc dạy học và diễn-thuyết tại trường Sĩ-hoạn sắp mở tại Huế, Lại trông nom riêng về việc đào-luyện các quan ngạch tư-pháp.

Soạn luật mới ở Trung-kỳ. — Quan Chưởng-lý COLLET ở tòa Thượng thẩm Sài-gòn mới đổi sang chức Pháp-luật cố-vấn tại Nam-triều để soạn các bộ luật mới dùng cho các tòa Nam-án Trung-kỳ, hiện đã bắt đầu soạn bộ Hình-luật.

Khách du-lịch thăm Sài-gòn. — Sáng Ngày 12, tầu *Franconia* tới Ô-cấp, chở 200 người khách du-lịch Mĩ đến thăm Sài-gòn. Đồng-thời lại có 68 người khách du-lịch từ *Pénang* qua thăm *Angkor* rồi tới Sài-gòn. Buổi chiều tất cả khách du-lịch đều xuống tầu thủy đi Ô-cấp.

Một nữ-sĩ Thụy-điển qua Đông-dương. — Nữ-sĩ ANNIE QUENSEL người nước Thụy-điển, biết được tiếng của sáu nước, làm phóng-viên cho năm tờ báo bên Âu-châu, mới đây qua thăm Nam-kỳ, Trung-kỳ và Bắc-kỳ, rồi sang Hương-cảng, mục-đích là đi nghiên-cứu các vấn-đề kinh-tế, xã-hội và chính-trị ở các xứ Viễn-đông.

Phái-bộ thám-hiểm Á-châu tới Hà-nội — Ngày 12 ông AUDOUIN DUBREUIL là phó đoàn thám-hiểm Á-châu đã từ Hương-cảng đi tầu đến bến Hải-phòng rồi lên ngay Hà-nội. Còn cả toàn-thể phái-bộ ngày 17 mới tới Hà-nội. Ngày 20 phái-bộ chia làm ba toán : một toán đi thám Lạng-sơn, Cao-bằng và Bắc-kạn ; một toán đi Nam-định ; một toán đi Vinh vào Huế. Ngày 22 đi xem các lăng-miếu, xem viện Khải-định-tàng-cổ. Ngày 23 vào Phan-thiết, lên miền thượng-du *Djiring*, đi săn bắn, đến 29 vào Nam-kỳ. Đến tháng *Avril* thì phái-bộ đáp tầu về Pháp cả.

Chánh đoàn thám-hiểm là ông GEORGES-MARIE HAARDT từ khi đến Hương-cảng mắc bệnh chết.

Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ. — Hồi 4 giờ chiều ngày 15, hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ đã họp hội-đồng do ông MATHIEU chủ tọa. Quan Thống-đốc EUTROPE đến dự hội có đọc bài diễn-văn, ông MATHIEU đọc một bài đáp lại, rồi Hội-đồng bỏ phiếu bầu một vị phó-hội-trưởng hội-đồng Quản-hạt thế cho ông QUINTRIE-LAMOTHE đã tạ-thế. Ông DE TASTES được nhiều phiếu bầu, được làm phó hội-trưởng. Hội-đồng chia ra các tiểu-ban để làm việc, rồi giải-tán hồi hơn 6 giờ.

Đức Bảo-đại đi du-lịch. — Đức Bảo-đại vẫn du-học ở bên Pháp mấy năm nay, ngày 15 *Mars* này ngài từ *Paris* xuống *Toulon*, có quan Phó-đô-đốc ROBERT PIROT, quan quận-trưởng JEAN MATIVAT và quan xã-trưởng PAUL COMTE đón tiếp đưa Ngài đi xem xưởng đóng tầu, rồi ra bến tầu *Horloge*, xuống chiếc tầu nhỏ của quan Phó-đô-đốc rồi đáp chiến-hạm *Lorraine* ra xem các chiến-hạm ở ngoài khơi, cùng xem cuộc tập bắn ở các chiến-hạm ấy. Lại xem cuộc thao-luyện của các chiến-hạm trong mấy ngày rồi mới trở về *Toulon*. Ngày 20 ngài lại đáp tầu *Président Dal Piaz* sang chơi Bắc Phi-châu, rồi sang xứ *Algérie*, *Tunisie* và *Maroc* là những xứ thuộc-địa của Pháp. Cuộc du-lịch này có quan hàm Toàn-quyền CHARLES cùng đi với ngài, chừng độ một tháng rồi do *Tanger* và Tây-ban-nha về Pháp.

Nam-triều tặng quan Khâm-sứ Long-bội-tinh. — Mới rồi, quan Phụ-chánh thân-thần Tôn-thất Hân cùng các quan Thượng-thư viện Cơ-mật thay mặt Nam-triều đem tặng quan Khâm-sứ CHATEL một tấm Long-bội-tinh đệ-nhất hạng. Quan Khâm đáp lễ cảm ơn rất khiêm-nhường, rồi mở tiệc mời các quan Tây Nam ăn mừng.

Ba chức Thanh-tra chính-trị và hành-chính ở Trung-kỳ. — Xứ Trung-kỳ nay đặt ba chức Thanh-tra chính-trị và hành-chính (*Inspecteurs des Affaires politiques et administratives*) như sau này :

1° — Ông DUPUY, công-sứ tỉnh Thanh-hóa, kiêm Thanh-tra miền bắc Trung-kỳ (Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh), trú tại tỉnh-lỵ Thanh-hóa.

2° — Ông BRÉDA, Thanh tra miền trung-ương Trung-kỳ, trú tại Huế.

3° — Ông THIBAUDEAU, công-sứ tỉnh Bình-định, kiêm Thanh-tra miền nam xứ Trung-kỳ (Bình-định, Phú-yên, Khánh-hòa, Ninh-thuận và Bình-thuận) trú ở Qui-nhơn.

Khánh-thành Tàng-cổ-viện của trường Bác-cổ Viễn-đông ở Hà-nội. — Viện Tàng-cổ này do quan Toàn-quyền MARTIAL MERLIN chuẩn-y bản dự-án của ông ERNEST HÉBRARD chánh kiến-trúc Đông-Pháp và của ông CHARLES BATTEUR kiến-trúc kỹ-sư có chân trường Viễn-đông Bác-cổ trông khoảng tháng 2 năm 1925, và do quan Toàn-quyền MAURICE MONGUILLOT chuẩn-định cho thi-hành tháng 11 năm 1925. Y theo kiểu vẽ và thuộc quyền quản-đốc của ông CHARLES BATTEUR khởi-công tự tháng giêng năm 1926, đến năm 1931 mới hoàn-công.

Hồi 3 giờ chiều thứ năm 17 *Mars* này trường Bác-cổ mới làm lễ khánh-thành, do quan Toàn-quyền PASQUIER, chủ-tọa, có các quan chức Tây Nam đến dự đông lắm.

Ông CORDÈS là Đốc-học trường Bác-cổ đọc một bài diễn-văn kể lịch-sử trường Bác-cổ từ khi mới dựng và kể công-trạng những bậc tiền-bối ở viện Bác-cổ. Quan Toàn-quyền cũng đọc một bài đáp lại, rồi lấy tên một vị Đốc-học cũ của trường mà đặt cho viện Tàng-cổ này là « *Musée Louis Finot* ».

Hội đồng bảo-hộ. — Hồi 9 giờ sáng ngày 18, Hội-đồng Bảo hộ đã họp tại phủ Thống-sứ Bắc-kỳ, do quan Thống-sứ THOLANCE chủ-tọa.

Nước Pháp cho Đông-dương vay tiền.—Ngày 17 *Mars* có tin ở *Paris* rằng ban Hội-đồng thuộc-địa tại Hạ-nghị-viện đã chuẩn-y bản dự-thảo của ông FLANDIN Tổng-trưởng bộ Tài-chính thỉnh-cầu cho quan Toàn-quyền Đông-dương được ba điều sau này :

1°) Được vay 250 triệu phật-lăng của Chính-phủ Pháp để thêm vào quĩ Đông-dương ;

2°) Cho các điền-chủ được vay tiền dài hạn phải lấy ruộng đất làm đảm-bảo;

3°) Cho các chủ đồn-điền trồng cao-su và cà-phê được vay tiền tới 170 triệu phật-lăng.

Đặt thêm một đồn lính nữa ở Nam-kỳ. — Có nghị-định quan Toàn-quyền cho lập thêm một đồn lính nữa tại Cát-lái là chỗ trại tầu bay ở Nam-kỳ.

Mở chợ phiên lấy tiền giúp những người không có việc làm và hội trừ bệnh lao. — Từ ngày 19 đến 22 *Mars*, Hội trừ bệnh lao mở một cuộc chợ phiên tại vườn phủ Toàn-quyền Sài-gòn để lấy tiền giúp cho những người không có việc làm và giúp cho hội trừ bệnh lao. Kết-quả số tiền thâu vào được 12.094 $ 72. Trừ tiền phí-tổn rồi còn 9.149 $ 84 thì đã giao vào quĩ cứu người thất-nghiệp và người có bệnh lao.

Khánh-thành con đê mới thuộc huyện Lang-tài và Gia-bình tỉnh Bắc-ninh. — Ngày 25 tháng 3, quan Toàn-quyền PASQUIER cùng quan Phó-toàn-quyền PAGÈS, quan Thống-sứ THOLANCE sang tỉnh Bắc-ninh để khánh thành con đê mới đắp xong thuộc huyện Lang-tài và Gia-bình. Con đê ấy dài 9 cây-lô-mét, đắp hết 280.000 thước khối đất, mà đắp có trong 40 ngày là xong. Quan công-sứ Bắc-ninh GRANDJEAN đưa các quan đi khám đê ấy, đi tới đình Cấp-điền thuộc huyện Gia-bình, thì quan Toàn-quyền dừng lại để ban thưởng bội-tinh, tưởng-lục và phẩm-hàm cho các chức-dịch đã có công-lao trong việc đắp đê ấy. Các quan lại đi khám đoạn đê thuộc hạt Lang-tài, đi tới đình Long-nguyên thì dừng lại để ban thưởng cho những người đã có công-lao về việc đắp đê ấy. Quan Toàn-quyền hứa chẳng lâu sẽ cho đào mảng dẫn nước ở miền này nữa.

Hai chiếc chiến-hạm của Nhật tới Sài-gòn. — Hồi 3 giờ chiều ngày 25, có hai chiếc chiến-hạm của Nhật-bản tới bến Sài-gòn. Hai chiến-hạm ấy tên là « *Iwate* » và « *Azama* » chở 104 thủy-sĩ-quan, 171 học-trò làm thủy quan, 36 thầy thuốc và 1.193 lính thủy, do viên đề-đốc thủy-sư NOBUJIRO làm đầu. Các thủy-quan Nhật lên yết-kiến quan Thống-đốc Nam-kỳ, quan Nguyên-soái sư-trưởng sư-đoàn Nam-kỳ Cao-miên và quan-thủy-quân đại-tá. Ngày 26, các thủy-quan Nhật đi thăm viện *Pasteur* và nhà thương *Grall*. Ngày 27 đi thăm Biên-hòa, Thủ-dầu-một và thăm trường Kỹ-nghệ ở Thủ-dầu-một. Ngày 28, các thủy-thủ chiến-hạm Nhật đi xem thác nước ở *Trian*. Ngày 29, hai chiến-hạm Nhật đã biệt Sài-gòn.

Thuế thương-chính muốn giảm. — Nha Thương-chính có làm bản dự-thảo giảm bớt các thuế thương-chính, cốt là để buôn-bán với các nước láng-diềng cho tiện, hiện đã tư giấy hỏi ý-kiến các phòng Thương-mại về các thứ thuế thương-chính hiện-thời.

Bắt được mấy dư-đảng hội kín. — Ở Nghệ-an hồi cuối tháng hai tây, các nhà chuyên-trách khám-phá được một dư-đảng hội kín ở tổng Đại-điền phủ Anh-sơn, lúc đến bắt chúng chạy thoát cả, chỉ bắt được một tên là Nguyễn Như-Hội quê ở làng Đại-định, huyện Thanh-chương.

Lại ở miền Sở (Thượng-du huyện Thanh-chương và phủ Anh-sơn) bắt được một đảng-viên hội-kín xưng tên là Đào,quê ở làng Chi-nê Nhân bắt tên Đào này mà viên huyện Thanh-chương đem lính đi nã miền Sở lại bắt được 5 tên nữa đều quán ở làng Phúc-yên phủ Anh-sơn, ngày 11 *Mars* đã giải cả về Thanh-chương để xét hỏi.

Lại ngày 13, ở Hà-tĩnh bắt được 5 đảng-viên hội kín ở Mộ-gia, trong 5 người này có một người tên là Mai,quán ở Lai-thạch, trước đã can về vụ ám-sát cố đạo PIERRE ở Trảng-đình, đã đều giải về tỉnh-lỵ Hà-tĩnh để xét hỏi.

Số tù tại nhà pha Hỏa-lò. — Cuối tháng *Mars* này,số tù tại nhà pha Hỏa-lò Hà-nội hiện có 1274 người. Trong số ấy có 4 người bị án xử-tử, 64 người bị án khổ-sai chung-thân, 94 người bị án khổ-sai có hạn, 25 người bị tội đồ và 95 người bị cấm-cố.

Sách mới xuất-bản

— Việt-Nam tự-điển.— *Việt-Nam tự-điển của Hội Khai-trí-tiến-đức đã xuất-bản tập* I, II, III, IV. *Giá bán mỗi tập 0$20, mua một năm 12 tập 2$00. Hội-viên Hội Khai-trí mua một năm được trừ 0$50. Ai mua thì hỏi tại và trả tiền hoặc* mandat *thì cứ gửi đến ông Lê Văn-Phúc, số 82, phố hàng Gai Hà-nội, thu nhận.*

— Nông-lâm Hóa-học kỹ-nghệ.— *Của Phi Công-Tuất soạn ra, nói về các nghề lấy nguyên-liệu bằng nông-sản và lâm-sản dùng hóa-học chế-tạo ra. Khổ sách 14×20 phân tây, 87 trang, in tại Đông-tây ấn-quán, số 193, phố hàng Bông, Hà-nội, cuốn thứ nhất giá 0$35.*

— Việt-văn dẫn-giải.— *Á-nam Trần Tuấn-Khải sao-lục những thơ hay của danh-nho nước ta,có chú-thích rõ-ràng, khổ sách 14×21 phân tây, 60 trang, bán tại Nam-kỳ thư-quán, số 17, phố Bờ-hồ Hoàn-kiếm Hà-nội, giá 25 xu.*

— Đại-báo phụ-mẫu ân trọng kinh: — *Sư cụ Trần Ngọc Kỳ dịch, Nguyễn Mạnh-Bồng phụng-ấn, tại nhà in Long-quang, số 85 phố hàng Bông Hà-nội, khổ sách 16×24 phân tây, không đề giá.*

— Cours de langue annamite, *par* G. CORDIER, *Année préparatoire : Grammaire et exercices. Sách dạy tiếng An-Nam, cho người Tây học. Năm đầu, có mẹo và bài tập. Xuất-bản ở nhà in Ngô Tử-Hạ, 24-26 Rue Lamblot, Hà-nội, giá 1$25.*

—Grammaire de la langue annamite, *par Nicolas* TRƯƠNG VĨNH-TÔNG. *Sách mẹo tiếng An-nam. Nguyên của cụ Trương Vĩnh-Ký làm khi xưa, nay con cụ là ông Trương Vĩnh-Tông hiệu-đính và bổ thêm vào nhiều. Xuất-bản ở nhà in Đức-lưu-phương, 158, Rue d'Espagne, Sài-gòn.*

— Histoire de France, *par le Capitaine* P. PASQUIER, *à l'usage des élèves du Cours supérieur des écoles franco-annamites et des candidats au certificat d'études primaires franco-indigène.— Sử*

nước Pháp. Sách giáo khoa làm riêng để dạy học-trò lớp nhất các trường Pháp Việt, cùng những thí-sinh đi thi bằng Tiểu-học Pháp-Việt.— Editions Tân-dân (nhà in Tân-dân, 93 phố hàng Bông, Hà-nội, xuất-bản . 150 trang, giá 8 hào.

Báo mới

— Bản-chí mới nhận được mấy số đầu báo Long-tiên, *xuất-bản ở Huế. Báo ra mỗi tuần-lễ một kỳ, quản-lý là ông Nguyễn Ngọc-Tần, báo-quán ở đường Thiệu-trị, Huế, số 19.*

— Lại nhận được số đầu báo « Chớp-bóng » (La revue du cinéma), *mỗi tuần-lễ xuất-bản một số ngày thứ bảy, chủ-nhiệm là ông Đặng Trọng-Duyệt, báo-quán ở số 30 phố Citadelle Hà-nội.*

Bản-chí có lời mừng hai bạn đồng-nghiệp mới.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Đã xuất-bản :

1. — Văn-minh-luận 4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp : 4 hào.
4. — L'idéal du Sage 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp,
   Quyển thứ I 4 hào.
   Quyển thứ II 5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan.
    (In lần thứ hai). 5 hào.

Mới xuất-bản :

11. — La Poésie annamite. 4 hào.

Sắp xuất-bản :

12. — Tục-ngữ ca-dao.